

làng văn

139

Tháng 3.96



Nha-sĩ **NGUYỄN VĂN CHÂU**
Nha-sĩ **NGUYỄN LÊ HOÀNG HÙNG**
1427 Pie-IX, Montréal H1V 2C2
Tel: (514) 523-0858

Nha-sĩ **NGUYỄN TRẦN YÊN PHONG**
Nha-sĩ **GERALD RUDICK**
Thẩm-mỹ, trám, giải-phẫu,
răng giả, rút gân, v.v.
ĐẶC-BIỆT:
Trồng răng trong xương (Implant)
Khẩn-cấp: 7 ngày & đêm: 5 nha-sĩ trực
ĐT: 342-4444 (24 giờ)
3546 Van Horne (góc Côtes des Neiges)

Nha-sĩ **NGUYỄN CHÍNH CƯỜNG**
Nha-sĩ **VÕ THỊ LAN-ĐÀI**
Chirurgien Dentiste
Clinique Médicale RACHEL
4298 Rue St-Denis, Montréal
lầu hai, phòng 04
(Métro Mont-Royal hoặc Bus 30)
ĐT: (514) 849-1038

Nha-sĩ **ĐÌNH THÁI NHÂN**
Nha-sĩ **TRẦN THÙY TRANG**
Chirurgien Dentiste
Clinique Dentaire Đình & Trần
6075 chemin Chambly
St-Hubert, Qué. J3Y 3K6
ĐT: (514) 445-6466



BROSSARD
NHA-SĨ

Dr. **HOA T. NGO, D.M.D.**
CHIRURGIENNE DENTISTE
7505 Boul. Taschereau, Suite 111
(đối-diện RENO DÉPÔT)
Tél: (514) 926-8000

Quý bạn yêu nhạc Việt, xin đón mua:
MÂY SÓNG
Tuyển tập 30 ca-khúc và thơ phổ nhạc của
LINH-PHƯƠNG
(từ thơ Trần Quốc Bảo, Mai Đăng, Cung Vũ,
Vũ Hối, Hà Huyền Chi, Hà Bình Trung,
Thanh Hiền, Hồng Lan, Linh Quân)
Giá 10 mỹ-kim (15 gia-kim)
PHÁT-HÀNH THÁNG 2.1996

ALCO

INFORMATIQUE INC.
67 Ste-Catherine Ouest, Suite 200
Montréal, Québec H2X 1Z7
(514) 843-3155
Giá tốt - Phục vụ hữu hiệu - Uy tín

Luật-sư / Avocat
LƯƠNG VĂN TUẤN
1114 Beaubien Est, Suite 206, Montréal
Tél: (514) 272-0503 - Fax: (514) 270-1143

Chưởng-khế / Notaire
NGUYỄN THANH TUYỀN
511 Place d'Armes, Suite 300, Montréal
Tél: (514) 287-1149 - Fax: (514) 288-8697

Văn-phòng Bảo-hiểm và Dịch-vụ
NGUYỄN BÁ DĨNH
4860 Circle Rd., Montréal, H3W 1Z4
Tel: 482-9153

CHUÔNG-KHẾ / NOTAIRE
NGUYỄN LAN HƯƠNG
1021 Clark, Montréal, H2Z 1K1
ĐT: (514) 398-0855

CÔNG TY ĐIA ỐC
ĐINH VŨ
(Victor)
(514) 862-2683
REALTIES (514) 253-4694

CHUYÊN-VIÊN TÀI-CHÁNH &
BẢO-HIỂM NHÂN-MẠNG
Châu Võ Thành Tường, B.Sc., A.A.C.
279 Place de la Poudrière
Verdun. Qc. H4G 3K5
(Métro Lasalle)
Tel: (514) 767-2874

Bạn đã đọc thi-tập đầu tay của Trương Chi
trữ tình, lãng-mạn, 3 phụ-bản màu tuyệt c'ệp



Liên-lạc:
TRƯƠNG CHI
1750 Cr. Rousseau
Brossard, J4X 1S7
CANADA
Ấn-bản 1995
Canada: 10\$
Nơi khác: 10\$US

Tin vui cho quý vị phụ-huynh:
Làng Văn đang in

**EM HỌC
CHỮ VIỆT**

theo phương-pháp mới nhất,
dành cho trẻ Việt ở hải-ngoại
và người ngoại-quốc

Biên-soạn: **BÚT CHÌ**
Minh-họa: **NGUYỄN NHẬT TÂN**
Giá bán: 12 mỹ-kim (18 gia-kim)
HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH GẦN NHẤT

Phát-hành cuối tháng 3.1996
hai băng thiển đầu-tiên của **NGUYỄN PHONG**
tạp-chí Làng Văn Canada thực-hiện và phát-hành

**BÊN KIA
CỬA TỬ**

Nguyễn Phong

**TỬ-THƯ
TÂY-TẠNG**

Nguyễn Phong

BÊN KIA CỬA TỬ

và
TỬ THƯ TÂY-TẠNG

qua giọng đọc **NGUYỄN HƯƠNG & NGUYỄN HỮU NGHĨA**

giá mỗi cuốn 6 mỹ-kim (mua hai cuốn cùng lúc: 10 mỹ-kim)
Liên-lạc: Làng Văn, P.O. Box 218 Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO TRONG TRANG NÀY: 1 ô \$120 trọn năm (12 kỳ); 2 ô \$200 trọn năm
Muốn đăng xin gọi: Nguyễn Bá Đình (514) 482-9153 - hoặc Võ Bá Thiện (514) 256-5233

làng văn

Địa-chỉ E-Mail:
langvan@ilap.com

P.O. Box 218, Station "U" Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada Published 12 times a year
(Publications Class Mail Reg. No: 8040)
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011 ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume XIII - No 139 - March 1996
Bộ XIII - số 139 - tháng 3, 1996

TRONG SỐ NÀY:

Tin văn.....	2
Trong làng.....	5
Tin tị-nạn.....	7
Tin Việt-nam.....	9
Ngoài ngõ.....	11
Câu chuyện trời Âu, Phan Nguyễn Minh Minh.....	12
Phù-tang tạp-lục, Vi-An.....	15
Tin văn xứ người, Nguyễn Nhạn Sơn.....	17
Tổng-tích họ Lý, Thái Văn Kiêm.....	24
Ông Huyện Sĩ, người giàu số một Nam-kỳ, Hứa Hoàn.....	29
Độc, chọn và sửa bài: một công việc phức-tạp, Nguyễn Hương.....	33
Cảm xúc cuối năm, thơ Việt Phong.....	36
Tôn-nữ Hoài-Niệm, Hoàng Nga.....	37
Giữa biển xanh, thơ Tuệ Nga.....	39
Chung một niềm đau, thơ Đỗ Đăng Bắc.....	40
Thế đất, Lập Phương.....	43
Trà của, Phùng Nhân.....	46
Thơ Nguyễn Duy Tâm: Sương, Thông, Đá, Nước.....	49
Thơ Nguyễn Khánh-Hòa: Bên sông cũ; Hồi lòng; Khai-khẩu.....	50
Cái ngu thứ năm, Phạm Thắng.....	51
Bước thời-gian, thơ Lê Nguyên Hạo.....	55
Ranh giới, Duy Lam.....	57
Chiều bên hiên, thơ Nguyễn Đức Thanh;	
Người công quá-khứ, thơ Nguyễn Quốc Chánh.....	58
Bố con, Hương Kiều-Loan.....	59
Hỏi em, thơ E.P.....	61
Con Rồng kinh-tế Đài-loan, Phạm Chương Khang.....	62
Mười tám tháng 10, thơ Hoàng Nga; Rồi có bốn mùa, thơ Nguyễn Văn Cường; Gãy đổ, thơ Phạm Quang Ngọc.....	64
Xóm cũ: Bún ốc Cẩm-phả, Thanh An.....	65
Tết Đống-đa, Nguyễn Mạnh An Dân.....	67
Dáng ngọc, thơ Phạm Tâm Phố; Cảm tác Hoàng hạc lâu, N.H.Q.....	66
Chiêng trống, thơ Hà Huyền Chi.....	69
Lời cho ngày tháng cũ, thơ Vạn Giả; Từ già, Nguyễn Hải Hà.....	70
Tiếng kêu của máu, Hoàng Hải Thủy.....	71
Cuộc đời vô-định, Tống Minh Long Quân.....	77
Hoang mang, thơ Văn Nương.....	81
Mùa xuân gọi, thơ Lê Văn Thịnh.....	82
Hoa trôi trên sóng nước, Nguyễn Phong.....	85
Xuân buồn, thơ Hoàng Kim Dũng.....	89
Độc-giã thắc mắc, Bút Chì.....	90
Hai mươi năm, khi dừng lại bên đời, thơ Phan Các Chiêu Hằng.....	92
Chuyện lạ xứ người, Nguyễn Nhạn Sơn.....	93
Thơ Trần Văn Lệ: Khai bút, Tìm xuân trên lịch mới	
Nhớ làm gì người đứng, thơ Thủy Trang.....	94
Xuân ơi có phải, thơ Nguyễn Tân Phương.....	96
Vọng nguyệt tư cổ hương, thơ Trần Ngân Tiêu; Ôn em, thơ B.H.T	
Tặng người, thơ Hà Trung Yên.....	104
Lời tỏ bày cùng quê nhà, thơ Phan Xuân Sinh; Khờ dại, Lâm Thúy.....	107
Nghèo, thơ Ông Thế Hùng.....	109
Xuân chưa sang, thơ Nguyễn Khanh.....	111
Hồ-sơ Văn Bút:	
Tâm thư của các Trung-tâm Văn Bút gửi giới cầm bút.....	102
Vì sự lớn mạnh của Văn Bút VNHN, Sơn Tùng.....	105
Thư gửi bạn Viên Linh, Hà Huyền Chi.....	108
Thư nhà văn Phạm Quang Trình gửi ông Viên Linh.....	110
Nhận được giới-thiệu.....	112
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	114

Ảnh bìa: Hoa trên sóng nước của Cung Vũ

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa & Nguyễn Hương

Ban biên-tập:

Bút Chì - Cao Tiêu - Diên Khánh - Đan Quế
Đào Trường Phúc - Hoàng Chính - Hoàng Hải Thủy
Hoàng Nga - Hồ Trường An - Hồng Huy
Kiên Trung - Kha Huyền - Lãng Nhân
Lâm Hảo Dũng - Lê Văn Lân - Ngô Nguyễn Dũng
Nguyễn Hương - Nguyễn Phong - Nguyễn Bá Đình
Nguyễn Huy Phước - Nguyễn Mạnh An Dân
Nguyễn Nhạn Sơn - Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Văn Thông - Phạm Quang Ngọc
Phan Nguyễn Minh Minh - Tự Tình - Thái Văn Kiêm
Tống Minh Long Quân - Tuệ Nga - Trần Văn Tích
Văn Nương - Vi An - Việt Chi
Việt Thao Đào Đức Chương

Cộng-tác:

Bạch Thái Hà - Cao Hoàng Nhân - Cao Xuân Lý
Diệu Tân - Dương Kim - Đan Hà
Đặng Thị Quế Phượng - Đoàn Tam
Đỗ Khánh Hoan - Đông Nghi - Hà Huyền Chi
Hoàng Du Thụy - Hồ Công Tâm - Huỳnh Liễu Ngân
Hứa Hoàn - Lâm Thúy - Lê Hữu Mục - Lê Thụy Vi
Lê Xuân Nhị - Nam Chi Thượng Nhân
Ngô Du Trung - Nguyễn Hương (Dallas)
Nguyễn Nghĩa - Nguyễn Duy Tâm - Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng - Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Hải Hà - Nguyễn Hữu Nhật
Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư - Nguyễn Việt
Ông Thế Hùng - Phạm Hoàng Hộ - Phạm Thắng
Phan Các Chiêu Hằng - Phan Thịnh
Phùng Nhân - Quỳnh Hương - Sơn Tùng
Thanh Hữu Huyền - Thủy Trang - Thúy Sơn
Trần Ngân Tiêu - Trần Mộng Lâm - Trần Quang Hải
Trần Thiện Hiệp - Trần Văn Lệ - Trịnh Gia Mỹ
Trương Mỹ Văn - TT Máy Trên Ngàn - Vạn Giả
Vi Vi - Việt Phong - Việt Phương
Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Vũ Tiến Dũng - Xuân Tước

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh: Babui - Hiếu Đệ - Hồ Đắc Vũ
Nguyễn Khai - Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp
Thái Tuấn - Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Góp ảnh: Lê Quang Xuân - Cung Vũ

Dại-diện địa-phương:

Pháp: Bạch Thái Hà Úc: Phạm Quang Ngọc
Đức: Ngô Việt Dũng Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Na-uy: Dương Kim Québec: Nguyễn Bá Đình
Hoa-kỳ: Trương Sĩ Lương
Vô Thắng Tiết (California) Linh Phương (Florida)
Nguyễn Huy Phước (New Jersey & Philadelphia)

Tri-ân các công-tác-viên quá-cổ: Thanh Nam, Trần Cao
Lĩnh, Tử-Vi Lang, Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Tất Nhiên,
Kính Tân, Phạm Văn Cương, Lê Thao Chuyên, An Khê, Ngọc
Khôi, Trương Ái Minh.

GIÁ BÁO BÁN LẺ:

Gia-nã-dại: 5 gia-kim; Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim;
Pháp: 50F; Úc: 8\$; Bắc Âu: 45 krone;
Nhật: 1.000 yen; các nước khác: 7 mỹ-kim
Thế-lệ mua báo dài hạn: trang 113
Giá quảng-cáo: trang 120

tin văn

Kiên Trung phụ-trách



Pháp hô hào cấm thí nghiệm nguyên tử

Chiến-thuật “lì” của Pháp đã chấm dứt cùng với cuộc nổ bom nguyên tử thí nghiệm lần thứ sáu cuối tháng Giêng vừa qua. Tổng thống Jacques Chirac tuyên bố đủ kiện thu thập được từ sáu vụ thí nghiệm đã đủ cho Pháp hoàn chỉnh kỹ thuật mô phỏng các vụ nổ hạt nhân bằng máy điện toán, và Pháp đã sẵn sàng để ký Hiệp ước Cấm Thí Nghiệm Vũ Khí Nguyên Tử Toàn Diện.

Chính phủ Pháp đã tính toán khá đúng khi chơi trò cố đấm ăn xôi. Sự phản đối của các nhóm bảo vệ môi sinh, vài cuộc biểu tình tẩy chay ồn ào chẳng nhằm nhò gì, chỉ như đám phủi bụi. Ngay khi Pháp tuyên bố nghỉ thử bom, dư luận xẹp xuống. Tổng thống Chirac đã đi thăm Hoa Kỳ và đã được Tổng thống Clinton niềm nở chào đón, không nhắc nhở gì đến các cuộc thí nghiệm cả. Huê cả làng.

Trở ngại trong việc tái lập hoà bình ở Bosnia

Việc thực hiện hoà ước Dayton tại Bosnia diễn ra khá xuôi chèo mát mái. Một phần của lực lượng 60 ngàn quân Ilfor đã được bố trí tại các vị trí không trở ngại, ba phe tham chiến đã rút quân xa đường ranh giới và đầu tháng Hai, các phe đã trao đổi những phần đất theo thỏa thuận. Cho đến nay, chỉ có 9 binh sĩ NATO bị thiệt mạng vì tai nạn và mìn. Công cuộc tái lập hoà bình tại Bosnia đang diễn ra tương đối tốt đẹp, trơn tru thì

lại khựng lại vì một nước cờ hấp tấp của chính phủ Bosnia (phe Hồi giáo). Ngày 6 tháng Hai, phe Bosnia đã thộp 8 người Serb, trong số đó có hai người bị coi là tội phạm chiến tranh trong lúc những người này lạc vào khu vực quân Bosnia kiểm soát tại Serajevo. Trong số bị giữ có tướng Dorje Djukic, phụ tá của Mladic, chỉ huy trưởng lực lượng Serb tại Bosnia. Phe Serb Bosnia lập tức ngưng mọi liên lạc với chính quyền Bosnia.

Trên nguyên tắc, phe chính phủ có quyền làm việc này vì điều 9 của thỏa ước Dayton qui định “các phe phải quản thúc các người bị tình nghi là tội nhân chiến tranh trong một thời gian đủ để tham khảo các giới chức thẩm quyền của toà án”, do đó họ công bố sẽ giữ các người này để toà án quốc tế ở The Hague điều tra. Thế nhưng phát ngôn viên của Ilfor nhận định chính phủ Bosnia đã quá hấp tấp. Toà án The Hague chưa truy tố người nào, hành động của phe Bosnia trở thành “khiêu khích”, vi phạm quyền tự do đi lại mà các phe đã cùng thỏa thuận. Hành động này của phe Bosnia sẽ làm những người Serb trong vùng ngoại ô Serajevo (khu vực được trao lại cho Bosnia quản lý) vốn đã không muốn sống dưới quyền kiểm soát của người Hồi giáo càng có thêm lý do để bỏ chạy khỏi khu vực này (15 ngàn người đã bỏ nhà di cư).

Tướng Mladic (tội phạm chiến tranh số 1, đã bị truy tố) nổi cơn thịnh nộ, ra lệnh ngưng các cuộc đàm phán về thả tù nhân chiến tranh, cấm thường dân di chuyển ra khỏi khu vực quân Serb kiểm soát, đòi hỏi phải

thả tướng Djukic. Chuyện rắc rối đến nỗi sứ giả Hoa Kỳ, trung gian môi giới thỏa hiệp Dayton, Richard Holbrooke lại phải bay sang vùng Banja để dàn xếp.

Bom nổ ở Luân đôn, hòa bình ở Bắc Ái Nhĩ Lan tan vỡ?

Cuộc đình chiến tại Bắc Ái Nhĩ Lan chỉ kéo dài được 17 tháng. Ngày 9 tháng Hai, một quả bom đã nổ tại khu vực phía đông thành phố Luân đôn, 40 người bị thương nặng. Một tiếng đồng hồ trước khi bom nổ, tổ chức IRA (Quân đội Cộng hòa Ái Nhĩ Lan) đã gửi một thông điệp đến đài truyền hình quốc gia Ái Nhĩ Lan lên án chính phủ Anh đã cấu kết với các phần tử ủng hộ thống nhất để gây trở ngại cho việc giải quyết các tranh chấp, vì thế IRA sẽ chấm dứt việc ngưng các hoạt động vũ trang vào đúng 6 giờ chiều cùng ngày.

Hành động của IRA bất ngờ, với ngay chính lãnh tụ Gerry Adams của Sinn Fein. Gerry Adams lập tức lên tiếng xác định chủ trương mưu cầu hoà bình của Sinn Fein, không ủng hộ các hoạt động vũ trang. Ông nghi ngờ rằng thông điệp của IRA là đồ giả và kêu gọi các phe phái hãy bình tĩnh.

Cuộc thương lượng giữa các phe phái nhằm kết thúc cuộc nội chiến ở Bắc Ái Nhĩ Lan bị kẹt ở một điểm: chính phủ Anh đòi IRA nộp vũ khí trước rồi mới nói chuyện với Sinn Fein, ngược lại, Sinn Fein quyết liệt không chấp nhận điều kiện này.

Hồi cuối tháng Giêng, Thủ tướng John Major đã bác bỏ đề xuất “vừa nói chuyện, vừa giải giới IRA”. Đề nghị này do ủy ban quốc tế do Thượng nghị sĩ Mỹ George Mitchell cầm đầu đưa ra. Major đề nghị tổ chức tuyển cử ở Bắc Ái Nhĩ Lan, các phe bầu các đại biểu đi dự hoà đàm. Dĩ nhiên phe quốc gia không chịu. Gần đây nhất, Ngoại trưởng Ái Nhĩ Lan Dick Spring đề nghị các phe thương thuyết với nhau theo kiểu Bosnia, nghĩa là mỗi phe (chính phủ Anh, chính phủ Bắc Ái Nhĩ Lan, phe

Công giáo Bắc Ái Nhĩ Lan, phe Tin Lành Bắc Ái Nhĩ Lan) ngồi ở một phòng, các thương thuyết gia của hai chính phủ đi từng phòng lấy ý kiến để thỏa mãn yêu cầu chẳng ai phải ngồi đối diện với ai của các phe.

Nga còn nhúc nhủ lâu với Chechnya

Quyết định dùng biện pháp mạnh để giải quyết vụ khủng bố Chechnya bắt con tin hồi tháng Giêng của Nga đã có kết quả bất lợi đối với người Nga và với Tổng thống Yeltsin. Quân Nga đã giết được khoảng 150 kháng chiến quân, giải phóng được 82 con tin. Đổi lại, họ thiệt mất khoảng 30 binh sĩ và ... không biết bao nhiêu con tin đã bị giết hay bị tên bay đạn lạc. Các con số này cho những người Nga ủng hộ giải pháp thẳng tay thấy rằng cư xử với Chechnya như thế sẽ không có lợi. Muốn dẹp bẹp Chechnya, họ sẽ phải vất vả thanh toán du kích ở hàng trăm ngôi làng Chechnya xa xôi hiểm trở. Thủ lĩnh Dudaev của Chechnya còn hăm dọa sẽ làm cho Nga vất vả và mang tiếng bằng những vụ khủng bố thực hiện ở nước ngoài như vụ bắt tàu Thổ Nhĩ Kỳ vừa qua.

Từ đầu tháng Hai, dân Chechnya đã xuống đường biểu tình ở thủ đô Grozny, đòi quân Nga rút về nước. Cuộc biểu tình kéo dài cả tuần lễ, bất chấp việc có người thiệt mạng vì một vụ nổ không rõ nguyên nhân.

Nga quả thật đang kẹt với Chechnya. Với cá nhân Tổng thống Boris Yeltsin, vụ kẹt này làm khổ ông thêm, nhất là trong lúc ngày bầu cử tổng thống Nga đã cận kề (báo chí phương Tây - có thói quen rất vô duyên mệnh danh những vụ "vương chân, kẹt giò" của các nước lớn vào các nước nhỏ là "Việt Nam" - đã gọi Chechnya là Việt Nam của Yeltsin). Một giải pháp đúng đắn cho Chechnya có thể sẽ giúp uy tín Yeltsin tăng lên. Giải pháp quân sự, như trên đã thấy, chắc là không ăn. Yeltsin đang xem xét giải pháp hoà bình. Một giải pháp hoà bình khả thi

sẽ phải thỏa mãn các đòi hỏi của cả Chechnya lẫn của Nga. Yeltsin chỉ có thể, trong lúc này đưa ra những điểm sau: một thỏa hiệp mới cho Chechnya thêm một số quyền hạn (thuế khoá và luật lệ), tổ chức bầu viện lập pháp mới của Chechnya và tăng thêm viện trợ tái thiết cho Chechnya. Thế nhưng dân Chechnya không chỉ đòi có thể. Họ muốn độc lập và muốn quân Nga rút hết khỏi lãnh thổ Chechnya. Chuyện này thì Yeltsin chưa muốn và như thế, vẫn kẹt.

Hoa kỳ: ai sẽ được đảng Cộng Hoà đưa ra chạy đua với Clinton?

Hoa Kỳ đang bước vào giai đoạn tiền bầu cử tổng thống. Trong lúc đảng Dân Chủ chắc chắn sẽ đưa đương kim tổng thống Clinton ra tái tranh cử, đảng Cộng Hoà đang loay hoay với việc đề cử: Pat Buchanan, Bob Dole hay Stephen Forbes. Các cuộc thăm dò gần đây cho thấy nhân vật trước nay vẫn chắc ăn sẽ được đề cử là Thượng nghị sĩ Bob Dole hiện đang vất vả. Pat Buchanan đã thắng trong hội nghị đảng ở Louisiana. Stephen Forbes, tỷ phú ngành báo chí, đã vận động ráo riết và ngày một sáng giá thêm. Chủ trương cách mạng thuế khoá của Forbes lúc đầu coi có vẻ giỡn chơi đã được khá nhiều dân Mỹ thích, cùng một lúc, bộ mặt của Forbes được ti vi đánh bóng đã trở thành dễ coi hơn.

Đức Giáo hoàng thăm châu Mỹ La Tinh

Đức Giáo Hoàng John Paul II đã thực hiện cuộc công du châu Mỹ La tinh (Trung Mỹ) đầu tháng Hai 96. Lịch thăm viếng của ngài gồm Guatemala, Nicaragua, El Salvador và Venezuela.

Tại Guatemala, lời kêu gọi hoà bình của đức Giáo Hoàng nhằm vào cả chính phủ của tân Tổng thống Arzu và quân đội (hiện đang có bất đồng). Ở Nicaragua, cuộc tiếp đón

Giáo Hoàng năm nay khác xa cuộc đón rước hồi năm 83, khi xứ sở này đang nằm dưới ách cộng sản (đảng Sandinista) và lúc không ít giáo sĩ Công giáo mê cộng sản. Tổng thống mới được bầu của Nicaragua, ông Violeta Chamorro đã gọi cuộc viếng thăm của ngài là "một ân sủng của Thượng Đế".

Tại El Salvador, hơn 250 ngàn người đã tụ tập ở thủ đô để đón vị giáo chủ. Cuộc hành trình có vẻ khá mệt mỏi đối với vị cha già của giáo hội La mã.

Chuyến viếng thăm Trung Mỹ của Giáo Hoàng John Paul II lần này còn nhằm nâng đỡ các giáo hội tại các quốc gia ở đây. Tuy Châu Mỹ La tinh có truyền thống Thiên Chúa giáo nhưng vùng đất nghèo, nhiều biến động chính trị và xã hội hiện đang là đất phát triển của các giáo phái Tin lành. Ở Nam và Trung Mỹ mặc dù chủ nghĩa cộng sản đã lui dần, cách mạng vẫn còn hấp dẫn lắm. Những lý thuyết của đạo Tin Lành phóng khoáng hơn, tân tiến hơn và thực tế hơn so với Thiên Chúa giáo đã là một hình thức phản kháng, là lý do khiến đạo Công Giáo mất tín đồ. Trong vòng hai mươi năm gần đây, 27% dân số Guatemala đã chọn Tin lành, con số này ít hơn ở các nước Trung Mỹ khác nhưng số cải giáo ngày một tăng.

Trung cộng đe dọa Đài loan

Tháng Ba sắp tới, dân Đài loan sẽ đi bầu tổng thống. Đây sẽ là cuộc bầu cử tổng thống trực tiếp đầu tiên, một bước tiến dân chủ của Đài loan, cho một nền dân chủ... không biết sẽ tồn tại thêm được bao lâu.

Tổng thống đương nhiệm Lý Đăng Huy, mặc dầu đang bị tai tiếng, có nhiều hy vọng sẽ đắc cử không mấy khó khăn; tuy thế, ngay từ bây giờ, ông đã gặp những trở ngại ngày một tăng từ phía Hoa Lục. Trung Cộng không thích họ Lý. Thời còn ở trong cuộc chiến tranh lạnh, chính phủ Đài Loan đã chấp nhận rằng đảo

này là một phần của Trung Hoa. Nay Lý Đăng Huy, dân Đài loan chính gốc, muốn Đài Loan thành một nước độc lập, hay ít nhất ở ngoài vòng kiểm soát của Tàu Cộng càng lâu càng tốt.

Mao Trạch Đông đã nói sẵn sàng chờ 100 năm để giành lại Đài Loan. Nhưng những lãnh tụ Tàu Đỏ hiện tại không có được đức tánh kiên nhẫn của Mao, nhất là khi Đài Loan càng ngày càng giàu, càng mạnh và càng tách xa chính quốc. Trong lịch của Trung cộng, sang năm họ sẽ tiếp quản Hương Cảng, 1999 sẽ lấy lại Macau, và đến lượt Đài Loan năm...? Lý Bằng cảnh cáo dân Đài Loan rằng dù ai có được chọn làm Tổng thống, "chân lý" Đài loan là một phần của Trung quốc sẽ không thay đổi. "Bắc kinh muốn thống nhất đất nước bằng biện pháp hoà bình, nhưng không loại trừ việc sử dụng võ lực." Nói không đủ, Trung Cộng đã nhe nanh múa vuốt. Những tin tức về cuộc tập trận khổng lồ của quân đội Nhân dân Trung Hoa trong vùng biển giữa Trung Hoa đỏ và Đài loan đã làm dân Đài loan dao động. Cuộc tập trận huy động tới gần nửa triệu quân, 300 máy bay chiến đấu, tàu ngầm, thuyền tấn công tốc độ nhanh và phi đạn vô tuyến điều khiển. Thị trường tài chính của Đài loan rung động, nhất là cùng một lúc với tin tập trận, có tin đồn Trung cộng đã đưa ra lịch trình thống nhất Trung Hoa.

Trường hợp bị Trung cộng hành hung, may ra chỉ có Mỹ bên Đài loan. Hồi năm 79, Hoa Kỳ đã ban hành luật quan hệ với Đài Loan, coi một cuộc tấn công vào đảo này là "một sự đe dọa đối với hoà bình và an ninh trong khu vực." Đài loan cũng đã dùng sự giàu có của mình để kiếm thêm bạn bè quốc tế từ sau khi bị mất ghế tại Liên Hiệp Quốc, tuy nhiên những quan hệ này sẽ chẳng giúp gì được họ khi có biến.

Vụ nổ bom tại Tích Lan

Cuối tháng Giêng, tổ chức du kích Hổ Tamil đã đánh bom tự sát tại

thủ đô Colombo. Lượng chất nổ lớn hàng trăm ký đã phá sập trụ sở của Ngân Hàng Trung ương, giết chết 40 nhân viên ngân hàng. Những kiến trúc chung quanh ngân hàng cũng bị ảnh hưởng, phát cháy hay đổ sập. Tổng số người chết lên đến gần 100, người bị thương gần 1.500.

Tổ chức Hổ tướng Giải Phóng Tamil Ealam (L.T.T.E) đã hoạt động du kích tại Tích Lan (Sri Lanka) từ năm 83, đấu tranh đòi thành lập một lãnh thổ tự trị cho người thiểu số Tamil (khoảng 2 triệu, chiếm 12% dân số Sri Lanka). L.T.T.E. muốn được coi là những người đòi quyền lợi cho một sắc dân thiểu số bị áp bức. Thế nhưng những biện pháp tranh đấu của họ không tạo được cảm tình của quốc tế và quốc nội vì toàn là tấn công tự sát, ám sát chính trị và tàn sát tập thể.

L.T.T.E. chưa lên tiếng gì về cuộc tấn công, tuy thế người ta đã đưa ra nhiều nhiều giả thuyết. Một là các Hổ tướng muốn trả hận vụ bị quân chánh phủ đánh chiếm căn cứ Jaffna (12.95). Hai là họ muốn dọa dẫm các nhà đầu tư và du khách ngoại quốc để phá hoại kinh tế. Giả thuyết được coi là hợp lý nhất là L.T.T.E muốn phá hoại kế hoạch liên hiệp các vùng lãnh thổ Tích Lan, vừa được Tổng thống Chandrika Kuramatunga đề xuất với Quốc hội.

Cứu đói Bắc Hàn

Hồng Thập Tự Quốc tế và Chương trình Lương thực Thế giới hồi cuối tháng Giêng đã cùng một lúc lên tiếng báo động về nguy cơ nạn đói tại Bắc Hàn. Số liệu của hai cơ quan này đưa ra khác nhau, theo cơ quan Lương thực Thế giới, có khoảng 130 ngàn người Bắc Hàn sẽ chết đói nếu không được cứu trợ kịp thời. Con số của Hồng Thập Tự đưa ra là nửa triệu người. Các viên chức quốc tế nhận xét việc thiếu hụt lương thực dẫn đến nạn đói tại Bắc Hàn năm nay có nguyên nhân trực tiếp là vụ lụt hồi mùa hè năm 95. Nam Hàn tuyên bố không nể nang rằng trách nhiệm để

dân đói là của đảng Cộng sản Bắc Hàn, do chế độ kinh tế chỉ huy và chủ trương tập trung mọi nỗ lực, tài nguyên cho guồng máy chiến tranh. Tuy thế, Nam Hàn cũng đã sẵn sàng hợp tác với Nhật và Hoa Kỳ chuẩn bị cứu đói cho dân phía Bắc.

Liên Hiệp Quốc phá sản

Không chỉ có các quốc gia mới bị lâm vào cảnh nợ nần, đã đến lượt tổ chức quốc tế tượng trưng cho sự đoàn kết của các nước trên địa cầu là Liên Hiệp Quốc chuẩn bị phá sản. Liên Hiệp sẽ phải sa thải trên một ngàn nhân viên để giải quyết gánh nặng thủng trên 2 tỷ Mỹ kim.

Việc thiếu hụt ngân sách hoạt động của LHQ đã được báo động từ lâu, và nguyên nhân của thiếu hụt là do các quốc gia hội viên trảy nợ không đóng góp phần trách nhiệm tài chánh.

Đứng đầu số những quốc gia này là Hoa Kỳ. Trong tổng số tiền các quốc gia thành viên nợ LHQ là 2.3 tỷ Mỹ kim, phần của Hoa Kỳ nợ đã hết 1.2 tỷ! (Phần đóng góp của các quốc gia vào ngân sách LHQ được tính trên phần chia giá trị tổng sản lượng thế giới, điều chỉnh theo dân số và mức độ phát triển kinh tế của từng nước. Theo đó, Mỹ trách nhiệm 25% ngân sách thường xuyên LHQ và 25% chi phí các hoạt động bảo vệ hoà bình.) Điểm khởi đầu là mặc dù quít nợ, ai cũng thấy rằng Hoa Kỳ thường sử dụng LHQ như là một công cụ của Mỹ.

Cũng phải công bằng mà nói, việc ăn xài của LHQ trước nay vẫn nổi tiếng là quá trớn. Chính tổ chức này cũng nhận ra rằng cần tái tổ chức và chấn chỉnh lại. LHQ đã thuê một chuyên viên kế toán thượng thặng, ông Joseph Connor, về làm quản lý. Đề nghị cắt giảm 10% viên chức là của Connor đưa ra. LHQ cũng quyết định từ nay trở đi sẽ không phát...bút chì và tập vở cho các đại biểu đến dự họp nữa. Nhờ quyết định này, LHQ sẽ tiết kiệm 200 triệu Mỹ kim chi phí văn phòng phẩm.



trong làng

Đại-hội Văn Bút kỳ V khóa 2 khai mạc tại Houston

Sau ba tháng chuẩn-bị, Đại-hội Văn Bút Việt-nam hải-ngoại kỳ V khóa 2 long-trọng khai-mạc tại thành-phố Houston, Texas hôm 24 và 25.2.1996. Đại-hội này qui-tụ 6 trong số 8 Trung-tâm chính-thức của Văn Bút VNHN. Còn lại 2 Trung-tâm Québec và Sydney không đi dự khóa 1 nên cũng không dự khóa 2.

Đại Hội-đồng, tức Hội-đồng đại-biểu với thành-phần gồm mỗi Trung-tâm cử 5 đại-biểu sẽ họp trọn ngày 24.2.1996 để:

- Tu-chính Điều-lệ.
- Lập Hội-đồng Văn Bút.
- Biểu-quyết về các Trung-tâm tân-lập.
- Hoạch-định chương-trình hoạt-động cho các năm 1996, 1997 và 1998.

- Bầu Ban Chấp-hành trung-ương để thực-hiện chương-trình hoạt-động.

Sang ngày Chủ-nhật 25.2, Đại-hội Văn Bút làm lễ ra mắt Ban Chấp-hành 1995-1998 vào lúc 9 giờ sáng tại cơ-sở Fukim, 2615 Fannin St., Houston, Texas (điện-thoại: 713-655-9903).

Trong buổi này có phần nói chuyện của hai diễn-giả Doãn Quốc Sỹ (nhóm Sáng Tạo), Duy Lam (Tự-

lực văn-đoàn) và ba tham-luận-viên Tiến-sĩ Hoài Việt (từ Pháp), Tiến-sĩ Lê Kim Ngân (Gia-nã-đại) và nhà thơ Cao My Nhân (Nam California) về các đề-tài Văn Bút và tù đầy.

Sau phần nghi lễ và thuyết-trình là chương-trình văn-nghe do anh em Văn Bút Nam Hoa-kỳ và các Trung-tâm cùng thân-hữu đảm-trách.

Ấn phẩm Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại

Ban Tổ-chức Đại-hội Văn Bút VNHN kỳ V khóa 2 đã in xong tập Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại, kỷ-yếu Đại-hội kỳ V khóa 1 và 2.

Ấn-bản I dày 208 trang, bìa bốn màu tuyệt đẹp, nội-dung gồm có:

- Hiến-chương Văn Bút quốc-tế.
- Lịch-sử Văn Bút (quốc-tế, Việt-nam và Việt-nam hải-ngoại).
- Lược sử và hoạt-động của 8 Trung-tâm Âu-châu, Bắc California, Miền Đông Hoa-kỳ, Nam California,

Nam Hoa-kỳ, Ontario (Gia-nã-đại), Québec (Gia-nã-đại) và Sydney (Úc).

- Tường-trình và toàn bộ các tài-liệu, hình-ảnh liên-quan đến Đại-hội Văn Bút kỳ V khóa 1 tại California (25, 26.11.1995) dẫn đến vụ khủng-hoảng nội-bộ Văn Bút.

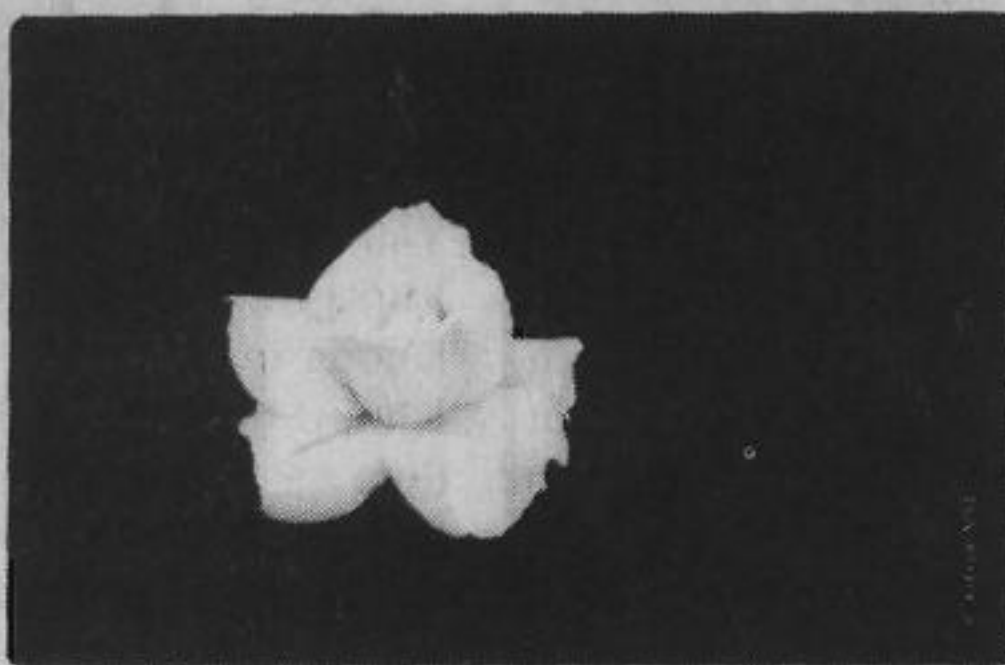
- Tài-liệu, văn thư trao-đổi giữa Ban Chấp-hành lâm-thời (các Trung-tâm) và Văn Bút quốc-tế.

- Danh-sách các phái-đoàn đại-biểu Văn Bút các Trung-tâm tại Đại-hội khóa 2 (Texas).

Đặc-biệt là phần nghị-luận và sáng-tác, với bài vở của Doãn Quốc Sỹ, Duy Lam, Hà Huyền Chi, Cao My Nhân, Sơn Tùng, Nguyễn Hữu Nghĩa, Nguyễn Văn Diễn, Phạm Quang Trình, Nghiêu Minh, Lê Kim Ngân, Việt Chi, Nguyễn Hương, Phan Ni Tấn, Cung Vũ, Linh Phương và Mạnh Bích.

Ngoài ra, còn có các ý-kiến đóng góp cho Đại-hội của Hoà-thượng Thích Tâm Châu, các thi-sĩ Nguyễn

VĂN BÚT VIỆT-NAM HẢI-NGOẠI



KỶ-YẾU ĐẠI-HỘI KỶ V KHÓA 1 (CALIFORNIA) VÀ KHÓA 2 (TEXAS) . CÁC TRUNG-TÂM ÂU-CHÂU . BẮC CALIFORNIA (HOA-KỲ) . MIỀN ĐÔNG (HOA-KỲ) . MIỀN NAM (HOA-KỲ) . NAM CALIFORNIA (HOA-KỲ) . ONTARIO (GIA-NÃ-ĐẠI) . QUÉBEC (GIA-NÃ-ĐẠI) . SYDNEY (ÚC-ĐẠI-LỢI)

Chí Thiện, Văn Nương...

Sau ấn-bản I là ấn-bản II, phát hành vào đầu tháng 3.1996, dày khoảng 300 trang, bổ-sung nhiều tài-liệu, hình-ảnh, bài vở Đại-hội khóa 2.

Đây là một tập tài-liệu cần đọc cho bất cứ ai quan-tâm vấn-đề Văn Bút và nhân-quyền cho người cầm bút. Giá mỗi tập 10 mỹ-kim tức 15 gia-kim (kể cả cước-phí). Hội-viên Văn Bút tại Hoa-kỳ và Gia-nã-đại được bớt 30% (chỉ còn 7 mỹ-kim hay 10 gia-kim) kể cả cước-phí.

Xin xem tại thư-viện công-cộng trong vùng quý vị cư-ngụ, hỏi tại tất cả các nhà sách hoặc gửi chi-phiếu về (để trả cho):

Văn Bút Ontario
P.O. Box 151, Station "A"
Mississauga, Ontario L5A 2Z7
Canada

Viên Linh phỉ-báng các hội-viên Văn Bút

Vì không được tuyệt đại đa-số hội-viên Văn Bút ủng-hộ, ông Viên Linh đã tìm cách lừa-đảo một số các nhà văn trong và ngoài Hội, bằng cách mời ký vào một cái thư đòi sửa đổi Điều-lệ mà không cần qua Đại-Hội-đồng.

Sau khi thu-thập được một số chữ ký (với nhiều người không hề là nhà văn), ông Viên Linh khai-thác dưới tiêu-đề "60 nhà văn đồng ý với Viên Linh trả lại Văn Bút cho các nhà văn."

Cùng đăng trong bản danh-sách này, ông Viên Linh viết thêm một đoạn rất dài, dùng tên tuổi của 60 người (sau tăng lên 72) để bảo-chứng cho sự phỉ-báng trên.

Sự lợi-dụng tên tuổi này đã khiến nhiều người có liêm-sĩ bị đứng tên trong bản danh-sách trên, lấy làm áy-náy với các bạn văn của họ trong Văn Bút.

Học-giả Lê Hữu Mục, người bị Viên Linh nhắc tên hai lần trong bản tin, đã có thư cải-chính rằng ông không hề ký tên ủng-hộ Viên Linh.

Một số nhà văn, nhà thơ, nhà báo khác như Hồ Ông (Úc), Trần Thiện

Hiệp (Hoa-kỳ), Trọng Minh (Hoa-kỳ), Phan Ni Tấn (Gia-nã-đại), v.v. xác-định không hề ký tên đồng ý với Viên Linh, nhất là vụ phỉ-báng các nhà văn khác trong các Trung-tâm Văn Bút.

Cũng nên nói thêm, Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại hiện có 8 trung-tâm chính-thức, với nhiều nhà văn, nhà thơ đã có đóng góp rất lớn cho văn-học Việt-nam và thế-giới, như Nguyễn Thị Vinh và Duy Lam (trong Tự Lực văn-đoàn), Tuệ Nga, Cao My Nhân (trong thi-đàn Quỳnh Dao), các học-giả Việt Chi, Lê Hữu Mục (viện Viễn-đông bác cổ), Thái Văn Kiểm (viện Hàn-lâm Văn-chương, Pháp), Phạm Việt Tuyền (giáo-sư Đại-học), Lê Kim Ngân (viện-trưởng Đại-học), các nhà văn Trương Bảo Sơn (nhà văn từ thời tiền chiến), Sơn Tùng (luật-sư), Trà Lũ (giáo-sư Đại-học), Khải Chính (giáo-sư Đại-học), Hoàng Chính (tiến-sĩ Y-khoa), Hoàng Xuân Thảo (tiến-sĩ Y-khoa), Trần Long Hồ (tiến-sĩ Y khoa), Trang Châu (tiến-sĩ Y khoa), Bùi Hạnh Nghi (tiến-sĩ Văn-chương Đức), Diệu Tân, Huyền Châu, Hoàng Bảo Việt (Văn Bút Thụy-sĩ), Cao Xuân Huy, Nguyễn Ngọc Ngân, Lê Xuân Nhị, Hồng Huy, Phạm Thăng, Nguyễn Văn Ba, các nhà thơ Vi Khuê, Nguyễn Hữu Nhật, Hoài Việt (tiến-sĩ, Hàn-lâm Khoa-học Pháp), Lâm Hào Dũng, Dương Huệ Anh, Nguyễn Mạnh Bích (giáo-sư Văn-chương Pháp tại Đại-học Versailles) Nghiêu Minh, Phạm Cao Dương (giáo-sư Đại-học), Hồ Trọng Khôi,... (còn rất nhiều tên tuổi, trí-thức và khoa-bảng, LV xin tạ lỗi vì không thể kể hết trong một cột báo).

Trong khi đó, điều trớ-trêu là trong danh-sách 72 người mà ông Viên Linh gọi là những tên tuổi lớn, có rất nhiều người không hề có tác phẩm hay hoạt động thường xuyên trong văn giới! Ông Viên Linh mang nặng mặc cảm tự ti nên luôn luôn chỉ-trích "bọn ly-khai" là "không nổi tiếng", "không khoa-bảng", và ông luôn luôn phải đứng sau lưng ông Nguyễn Kim Long (tiến sĩ...giả!)

Thêm một điều nữa, Ban Chấp-

hành cũ (1993-1995) của ông Viên Linh có 5 người kể cả Viên Linh, thì đã có 3 người không ký tên ủng-hộ ông, là Nguyễn Văn Sâm (PCT), Phạm Cao Dương (PCT) và Vũ Bội Tú (Thủ-quỹ). Người duy-nhất ủng-hộ Viên Linh là Nguyễn Hiền, nhạc-sĩ, thuộc loại "mua danh không bằng tác-phẩm" theo sự phân loại của Viên Linh.

Tập nhạc "Mây sóng" của Linh Phương

Nữ nhạc-sĩ Linh Phương trình làng tập nhạc *Mây sóng* vào chiều Thứ Sáu, 23.2 tại cơ-sở Fukim trong buổi sinh-hoạt văn-nghệ thân-hữu chào mừng các đại-biểu văn Bút về Houston họp Đại-hội.

Mây sóng là tuyển-tập ca-khúc, phần lớn là thơ phổ nhạc, do Linh Phương soạn từ thơ Hà Huyền Chi, Hà Bình Trung, Vũ Hối, Cung Vũ... Nữ nhạc sĩ Linh Phương tốt-nghiệp Quốc-gia Âm-nhạc Sài-gòn năm 1967, và Đại-học Deland (Florida) về chuyên-khoa Dương-cầm.



Linh Phương hiện là giảng-viên âm-nhạc tại 3 trường Trung-học ở Florida, từng 5 lần được thưởng là giáo-sư xuất-sắc nhất trong năm.

Về tác-phẩm, Linh Phương có 5 tác-phẩm âm-nhạc, gồm sách dạy nhạc (2 cuốn), tuyển tập ca-khúc (1 cuốn) và băng nhạc (2 cuốn).

tin tị-nạn

. Kiên Trung phụ-trách



Hương cảng đưa hàng loạt thuyền nhân về Việt nam

Từ cuối tháng Giêng 96, Hương Cảng đã liên tục thực hiện những chuyến đưa thuyền nhân Việt Nam về Hà Nội.

Ngày 23 tháng 1, 229 người đã được đưa lên máy bay chở về Việt Nam. Theo thông báo của Cao ủy Tị nạn, máy bay do Cao ủy Tị nạn LHQ thuê và thành phần được đưa về là những người tự nguyện hồi hương sau khi được giải thích họ không có cơ hội đi định cư. Tin của các hãng thông tấn quốc tế cũng ghi nhận số thuyền nhân hồi hương là những người ở trại High Island, nơi trước nay xảy ra nhiều cuộc biểu tình chống cưỡng bức hồi hương.

Ngày 1 tháng Hai, thêm một chuyến bay đưa thuyền nhân về VN từ Hương Cảng. Lần này, 109 người bị đưa về là những người sinh trưởng tại miền Nam và miền Trung VN. Phối trí viên về người tị nạn của chính quyền Hương Cảng Brian Besnihan tuyên bố với báo chí rằng những người này "tự nguyện" trở về sau khi được các nhân viên cải huấn cục Hương Cảng giải thích và hướng dẫn. Cho đến nay, không có tin tức gì về những rắc rối, phản ứng của thuyền nhân khi bị đưa lên máy bay như trong những vụ hồi hương trước đây.

Trước đó, ngày 26 tháng Giêng, 83 thuyền nhân đã được chuyển từ trại Nam High Island sang nhà tù Victoria để chuẩn bị cho chuyến hồi hương. Số người này nằm trong danh sách 213 thuyền nhân bị lên danh sách đưa về VN theo chương trình

"Hồi Hương Trong Trật Tự". Bộ Cải Huấn Hương Cảng vui vẻ nhận xét "đây là chuyến chuyển trại ít sóng gió nhất trong năm".

Hương Cảng đang chịu áp lực nặng nề của Trung Cộng trong vấn đề người tị nạn VN. Trung Cộng cương quyết đòi chính quyền Hương Cảng phải giải quyết cho xong thuyền nhân VN trước ngày họ tiếp quản hòn đảo này.

Người ta chưa biết Hương Cảng sẽ dùng phi cơ của công ty hàng không nào để chở người hồi hương. Năm ngoái, công ty Continental Micronesia đã hủy giao kèo, không chở thuyền nhân hồi hương vì lý do nhân quyền. Công ty Far East Air Charters, thay thế Continental Micronesia sau đó cũng không thực hiện được hợp đồng vì hãng này gian lận, xài máy bay chở hàng hoá để chở người (một máy bay Hercules kiểu này đã đâm xuống biển).

Cảnh sát Mã tấn công trại Sungei Besi, một thuyền nhân chết

Ngày 18 tháng Giêng 96, cảnh sát Mã Lai đã bắt thần tiến vào trại Sungei Besi với mục đích lục soát và tịch thu các vũ khí mà theo họ, thuyền nhân trại đã cất giấu. Vì không được thông báo, thuyền nhân trại lầm tưởng cảnh sát vào trại để cưỡng bức họ hồi hương nên phản ứng chống trả bằng những hành động tuyệt vọng với những phương tiện có trong tay. Phía

cảnh sát có lựu đạn cay và súng ống; người tị nạn chỉ có gạch đá. Cuộc đụng chạm không cân sức đã khiến hàng chục người tị nạn bị thương, một người chết. Hai dãy nhà trong trại bị cháy. Người chết là ông Lê Trung Hiền, 34 tuổi. Phía cảnh sát có 7 người bị thương. Phát ngôn viên của Cao ủy LHQ tại Geneva đã bênh vực chính quyền Mã, họp báo nói rằng chính quyền đã báo trước cho thuyền nhân về cuộc lục soát "thường xuyên" này. Chính quyền Mã sau đó đã bắt giam và đánh đập tàn nhẫn khoảng 150 thuyền nhân để trả thù.

Thủ tướng Mã Lai Á Mahathir Mohamad sau đó tuyên bố cương quyết hồi hương tất cả thuyền nhân VN tại Mã Lai. Ông lên án thuyền nhân Sungei Besi là những người đến nương nhờ Mã Lai mà còn gây rối loạn, chế tạo và tàng trữ vũ khí. Thủ tướng Mã cũng trách móc các nước vẫn thường nhận định cư người tị nạn đã bỏ rơi thuyền nhân.

Tin thêm Palawan sau vụ hoả hoạn

Trong một bức thư gửi từ Phi luật tân cho Làng Văn, Dì phước Pascale Lê Thị Triu đã trình bày tình hình trại Palawan từ sau ngày hoả hoạn thiêu rụi trại (3.10.95).

Soeur Pascale Lê Thị Triu đã thay mặt người tị nạn VN tại đây, cảm ơn sự giúp đỡ của cộng đồng Việt hải ngoại. Trại Palawan nay được coi như đã tạm hồi sinh. Cơ quan Centre for Assistance to Displaced Person (CAPD) tại chỗ và giáo hội Công giáo Phi cũng đã đóng góp giúp đỡ thuyền nhân Palawan. Bên cạnh đó, người tị nạn còn nhận được sự chia sẻ của những người dân nghèo ở địa phương.

Hiện nay, người tị nạn Palawan đã dựng lại được trường học cho các em và những lều tạm trú với một số lá và cây do chính quyền cung cấp.

Theo Soeur Triu, đời sống ở trại có vẻ dễ thở hơn sau vụ hoả hoạn. Người tị nạn được thông thả hơn trong sinh hoạt, Giáo hội Phi hồi đầu

năm đã kiến nghị chính phủ hủy bỏ dự định cưỡng bức hồi hương ở Phi. Tuy thế, chính quyền Phi vẫn tuyên bố sẽ đóng cửa trại vào giữa tháng Hai.

Ngoài những người tị nạn ở trại Palawan, hiện ở Phi còn có 30 người VN bị giam tại Sở Di trú Phi ở Manila. Đây là những người đến sau tháng Ba 93. Nhóm người này đương nhiên không được định cư, bị giam về tội nhập cảnh bất hợp pháp và chờ quyết định trục xuất.

Thuyền nhân tại Palawan hiện thiếu người chăm sóc về mặt tinh thần, Linh mục Nguyễn Trọng Tước đã rời trại hơn một năm, nay chỉ còn một linh mục truyền giáo không rành tiếng Việt ở trại. Dân tị nạn, Công giáo lẫn không Công giáo, mong có được một linh mục Việt Nam về chia sẻ trong giai đoạn cam go này.

Cuối thư, Soeur Pascale Lê Thị Trù đặc biệt gửi lời cảm ơn từ các thuyền nhân Palawan đến cộng đồng VN tại Pháp, Đức, Úc, Hoa Kỳ đã sốt sắng giúp đỡ cho Palawan trong cơn khốn khó.

UB cứu người vượt biển nhận định về tình hình tị nạn năm 1996

Ủy ban Cứu Người Vượt Biển và tổ chức LAVAS đã phổ biến hai thư gửi đồng bào hải ngoại và thuyền nhân cuối tháng Giêng năm 96. Cả hai lá thư đều nhận định về tình hình

tị nạn năm 96 và nhằm động viên tinh thần người tị nạn cũng như đồng bào hải ngoại trong giai đoạn Cao ủy LHQ và các quốc gia Đông Nam Á đang cố gắng giải quyết dọn dẹp các trại tị nạn càng nhanh càng tốt.

Thư ngày 17 tháng 1 phổ biến ngay sau hội nghị không chính thức của các nước liên quan tại Bangkok do Cao ủy TN triệu tập, trình bày kết quả hội nghị, trong đó các thành viên đã đồng ý:

- Gia hạn Chương Trình Hành Động Toàn Diện đến cuối tháng 6, 96.

- Tiếp tục thúc đẩy chương trình Hồi Hương trong Trật Tự.

- Việt Nam hứa sẽ hợp tác trong việc nhận người hồi hương.

Ủy ban Cứu người Vượt biển đã kêu gọi người tị nạn bình tĩnh trước những tin đồn về các quyết định xấu của hội nghị này. Ủy ban nhận định Cao ủy sẽ còn phải ở lại đến cuối tháng 6 và phải tiếp tục giải quyết các trường hợp tái xét thanh lọc đang dang dở, như lời hứa của bà Cao ủy trưởng. Hiện phòng Kiểm soát Tài chánh của Hoa kỳ đang điều tra cách chi tiêu các khoản tiền nhận từ Mỹ của Cao ủy Tị nạn.

Hồi hương trong Trật tự (ORP) không phải là cưỡng bức hồi hương. Văn bản chương trình ORP có sự ký kết của Cao ủy Tị nạn, do đó không thể có việc cưỡng bức hay đe dọa. Theo ORP, thuyền nhân không phải ghi tên hồi hương, Cao ủy và quốc gia

tạm dung lên danh sách sẵn, đến ngày lên máy bay, ai đồng ý thì tự động ra trình diện, ai không đồng ý cứ nằm lại trại.

Lời hứa hẹn của VN: Cho đến nay, VC chưa chính thức đồng ý chấp nhận cưỡng bức hồi hương, chỉ mới hứa hợp tác với các chương trình tự nguyện và ORP.

Ủy ban kêu gọi tị nạn VN giữ bình tĩnh, tránh bạo động. Với cộng đồng Việt hải ngoại, Ủy ban đề nghị tiếp tục vận động cho một giải pháp công bằng nhân đạo. Cuộc vận động nhằm vào chính phủ các nước Hoa Kỳ, Gia nã đại, Úc, Pháp... để họ chấp nhận giải pháp của Hoa Kỳ là (1) cấm dùng ngân sách Cao ủy vào việc cưỡng bức hồi hương và (2) tái xét cho toàn bộ thuyền nhân để định cư những người thực sự là tị nạn. Theo Ủy ban Cứu người Vượt biển, nếu hội nghị quốc tế (tháng Ba) ở Geneve không đồng ý một giải pháp chung, thì vấn đề thuyền nhân sẽ trở thành thuần túy của từng quốc gia khi chương trình CPA chấm dứt. Lúc đó, có thể điều kiện để có được những giải pháp song phương giữa quốc gia đó và Hoa Kỳ sẽ dễ dàng hơn.

Song song với công tác này, cần ngăn chặn cưỡng bức hồi hương, nhất là ngăn chặn và trì hoãn những chuyển hồi hương cưỡng bức từ Hương Cảng. Mặt khác, cũng cần tiếp tục buộc Cao ủy cứu xét các trường hợp cách ly gia đình, nạn nhân bạo hành và nạn nhân thanh lọc bất công, tham nhũng.

Danh-sách độc-giả và thân-hữu góp tem gửi báo tị-nạn năm 1996:

Nguyễn Văn Thông (MA): 2 tờ mỗi kỳ; Nguyễn Văn (MN): 1 năm báo; Nguyễn Thu Không (CA): 1 năm báo; Thi-sĩ Trương Chi (Montréal): 1 năm báo, 2 tờ mỗi kỳ; Vũ Nghi (BC): 1 năm báo, 2 tờ mỗi kỳ; Ngọc Hân (Texas): 1 năm báo, 3 tờ mỗi kỳ; Nha-sĩ Lương Bá Lê (Montréal): 1 năm báo, 5 tờ mỗi kỳ; Lâm Hưng và hai bé An Như (California): 1 năm báo; Nguyễn Minh Khánh (Toronto), 2 tờ mỗi kỳ trong một năm; Phạm Xuân Thảo, 1 năm báo.



Cảnh cháy trại tị-nạn ở Phi-luật-tân



tin việt-nam

Dương Thượng Ngã phụ-trách

Miên và VC lại tranh-chấp lãnh-thổ

CSVN và Cao-miên tiếp-tục tranh-chấp lãnh-thổ tại vùng biên-giới tỉnh Tây-ninh.

Chính-phủ Nam-vang tố-cáo Hà-nội đã nhổ hàng ngàn cột mốc biên-giới, cắm sâu vào lãnh-thổ Miên từ 300 mét, có nơi hàng cây số. Nam-vang đồng-thời tố-cáo Hà-nội bắt giam 15 cảnh-sát-viên người Miên đang tuần-sự tại vùng biên-giới tỉnh Soài-riêng, đồng-thời xua quân chiếm-đóng 6 làng của Miên. Đệ nhất Thủ-tướng Miên, hoàng-thân Norodom Ranariddh xác-nhận tin này và yêu-cầu Hà-nội phải rút quân, nhổ cọc và xin lỗi.

Ngược lại, chính-phủ Hà-nội tố-cáo Miên cho dàn quân tại nhiều điểm tiếp-cận biên-giới với "ý-đồ" đe dọa. Phát-ngôn-viên Bộ Ngoại-giao VC chối "không hề bắt giữ cảnh-sát Miên, không chiếm làng nào" và đồng-thời ca-ngợi chính-sách của Nhà nước CSVN là "duy-trì hòa-bình lâu dài và thân-thiện với các nước láng-diềng."

Dĩ-nhiên là chính-phủ và dân-chúng Miên khác với các nước Tây-phương. Họ hiểu rất rõ ý-nghĩa của những lời đường mật, thon-thót này!

Hà-nội cho mời hai vị Bộ-trưởng Nội-vụ Miên là các ông Sar Kheng và You Hockry sang Hà-nội vào tháng 3.96 để thảo-luận. Nam-vang chưa chính-thức trả lời.

Tự-thieu trước Ủy-ban Nhân-dân Hà-nội

Ông Nguyễn Văn Huân, 36 tuổi, người Gia-lâm, đã tự-thieu chết trước trụ-sở Ủy-ban nhân-dân thành-phố Hà-nội hôm 30.1 vừa qua.

Bộ Ngoại-giao CSVN xác-nhận tin này, nhưng bảo đó là do tranh-chấp đất-đai riêng-tư, không liên-quan gì tới chế-độ.

Cựu chiến-binh Mỹ du-lịch VN: 5 năm tù ở

Tòa-án "nhân-dân" Hải-phòng hôm 27.1 đã kêu án 5 năm tù ở và 12.700 mỹ-kim tiền phạt trong vụ xử một cựu chiến-binh Mỹ sang VN du-lịch.

Bị cáo là ông Everett Sennholz, 45 tuổi, giám-đốc một văn-phòng kế-toán ở tiểu-bang Washington. Ông bị bắt hồi tháng 8.1995 về tội mang vào Việt-nam 2 súng trường, 2 súng ngắn, 300 viên đạn, 23 băng video, 24 cuốn sách (trong đó có cuốn *Vietnam: A History* của Stanley Karnov, phim *Behind the Green Door* và phim *Heaven and Earth*).

Bị cáo đã xuất-hiện trước tòa trong bộ quần áo tù sọc xanh trắng, mang số T-306. Ông tự cãi lấy bằng tiếng Anh, do hai thông-dịch-viên của "tòa."

Có 3 viên chức ngoại-giao được sứ-quán cử đến theo dõi phiên tòa. Ngoài ra, tòa đại-sứ chưa đưa ra lời bình-luận nào về vụ xử án này.

Chống tệ-nạn xã-hội hay chống nhân-dân?

Nhà nước CSVN đã núp sau bình-phong "chiến-dịch chống tệ-nạn xã-hội" để khủng-bố, trấn-áp dân-chúng trước khi triệu-tập Đại-hội Đảng.

Trong đợt I, chiến-dịch này tảo-thanh các nhà tắm hơi, sòng bài, tiệm hút.

Đợt II, chiến-dịch tấn-công các tiệm karaoke và cho thuê băng hình.

Đợt III, chiến-dịch bôi bô tất cả bảng hiệu, quảng-cáo và cả bảng xe hơi viết bằng ngoại-văn.

Các nhãn-hiệu bia *Tiger*, nước ngọt *Coca-Cola*, *Kodak*, *Fuji*, v.v. bị bôi sạch hoặc dùng vải bìa, giấy cứng che đi.

Bảng hiệu của Samsung, Daewoo, xăng Esso cũng bị bôi bô. Tất cả xe cộ mang nhãn *Honda*, *Suzuki*, *Volkswagen*, *Mercedes*, v.v. cũng phải tháo ra, cạo bỏ hay quét sơn che đi.

Ngoại-văn, dù là nhãn hiệu của sản-phẩm, bị xếp ngang với ma-túy, đi-điểm. Nhà nước chỉ chống cái nhãn, còn sản-phẩm ngoại-quốc vẫn "chiếm lĩnh" thị-trường Việt-nam.

Các nhà kinh-doanh ngoại-quốc tại Việt-nam không ngạc-nhiên trước cuộc "cách-mạng văn-hóa" này. Họ nhận-xét: CSVN đang đóng cửa, sau văn-hóa sẽ tới kinh-tế. Nhiều doanh-gia đã bán đồ bán tháo cơ-sở thương-nghiệp của họ tại Việt-nam, kịp vớt được đồng nào hay đồng nấy. Viễn-ảnh một vụ quốc-hữu-hóa toàn bộ tài sản tư-doanh đã hiện rõ.

Gạo tăng giá

Năm hết Tết đến, giá gạo đã tăng

cao tại miền Bắc. Giá chính-thức, gạo CR-203, mọc tuyền từ 3.500 đồng 1 kí tăng lên 4.500 đồng và còn tiếp tục tăng nữa.

Bộ Nông-nghiệp giải-thích: do mất mùa chiêm. Thực-tế, là do xuất cảng quá nhiều. Nhà nước cần thu góp ngoại-tệ. Dân thiếu gạo thì ăn bo bo, khoai sắn bù vào. Tổng công-ty lương-thực gô cửa Cục Dự-trữ quốc-gia, xin mua 20.000 tấn gạo để bán cho dân ăn Tết. Cục này hẹn hai tuần sẽ trả lời. Hai tuần thành bốn tuần. Câu trả lời cuối-cùng của Cục này là: chỉ có ...15 tấn, không mua thì thôi!

chuyển lửa về quê-hương

Để giúp quảng-bá tin-tức từ hải-ngoại về nước, xin quý độc-giả và thân-hữu tiếp sức bằng cách mỗi người gửi thêm một phần, qua lối bưu điện. Có thể gửi trọn tờ báo hoặc bản chụp (photocopy) các bài quan-trọng. Mỗi phong bì thư thường có thể gửi được 3 tờ giấy. Xin theo các địa-chỉ sau đây:

Lãnh-sự-quán Cambodge
43 Phùng Khắc Khoan, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Cuba
43 Phùng Khắc Khoan, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Pháp-quốc
27 Ng. Thị Minh Khai, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Trung-hoa
35 Nguyễn Trung Trực, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Germany
126 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3
TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Hungary
22 Phùng Khắc Khoan, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán India
49 Trần Quốc Thảo, Q.3
TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Laos
181 Hai Bà Trưng, Q.3
TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Malaysia
53 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3
TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Poland
2 Trần Cao Vân, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Russia
40 Bà Huyện Thanh Quan,
Q.3
TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Thailand
141 Nguyễn Huệ, Q.1
TP/HCM, Vietnam

United Nations Development
Plant Phùng Khắc Khoan, Q.1
TP/HCM, Vietnam

UNICEF
1 Đồng Khởi, Q.1
TP/HCM, Vietnam

UNHCR
257 Hoàng Văn Thụ, Tân-bình
TP/HCM, Vietnam

International Red Cross
Society
79 Bà Huyện Thanh Quan,
Q.3
TP/HCM, Vietnam

Air France
112 Đồng Khởi, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Aeroflot
4B Lê Lợi, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Air Laos
Sân bay Tân Sơn Nhất
Phòng 6-7
TP/HCM, Vietnam

Cathay Pacific
49 Lê Thánh Tôn, Q.1
TP/HCM, Vietnam

China Airline
116 Nguyễn Huệ, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Eva Airline
191 Nam-kỳ khởi-nghĩa, Q.3
TP/HCM, Vietnam

Garuda
104 Nguyễn Huệ, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Korea Airlines
Phòng 376, K/S Rex
141 Nguyễn Huệ, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Kampuchia Airlines
343 Lê Văn Sĩ, Q. Tân-bình
TP/HCM, Vietnam

Lufthansa
132 Đồng-khởi, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Malaysia Airlines
65 Lê Thánh Tôn, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Qantas
120 Cách-mạng tháng 8, Q.3
TP/HCM, Vietnam

Singapore Airlines
6 Lê Lợi, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Southern Airlines
52B Phạm Hồng Thái, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Thai Airways
116 Nguyễn Huệ, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Võ Trần Chí
86 Lê Thánh Tôn, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Sở Ngoại-vụ
6 Thái Văn Lung, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Sở Kinh-tế Đối-ngoại
1 Nam-kỳ khởi-nghĩa
TP/HCM, Vietnam

Sở Công-an
286 Trần Hưng Đạo, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Sở Văn-hóa Thông-tin
164 Đồng-khởi, Q.1
TP/HCM, Vietnam

Cửa hàng mua bán sách cũ
181 Calmette
TP/HCM, Vietnam

Cửa hàng sách cũ
142B Võ Thị Sáu, Q.3
TP/HCM, Vietnam

Sách Tổng-hợp
40 Ngô Đức Kế
TP/HCM, Vietnam

Quầy sách báo
231 Nguyễn Văn Cừ
Q.5, TP/HCM, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Algeria
13 Phan Chu Trinh
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự Afghanistan
11 khu Vạn Phúc
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Australia
66 Lý Thường Kiệt
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Bulgatia
2F khu Vạn-phúc
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Belgium
Đ1 khu Vạn phúc
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Cambodia
71A Trần Hưng Đạo
Hà-nội, Vietnam

ngoài ngõ



Kiên Trung phụ-trách

Cộng đồng người Việt quốc gia Hải ngoại khu vực Âu châu vận động cho tị nạn

Chiến dịch vận động cho người tị nạn của Cộng đồng Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại Khu Vực Âu Châu (NVQG/AC) thực hiện từ 1 đến 24 tháng 12 năm 95.

Trong thời gian kể trên, đại diện của NVQG/AC đã:

- Tiếp xúc với chính giới Âu châu tại Quốc hội Liên hiệp Âu châu, Nghị viện 38 nước Âu châu

- Tiếp xúc với giới truyền thông quốc tế

- Tập họp và biểu tình trước trụ sở Quốc hội Âu châu ngày 12 và 13 tháng 12.95 (có sự tham dự của đại diện Hội đồng Điều Hành Trung Ương Cộng Đồng NGQGHN từ Hoa Kỳ đến)

- Hội thảo với các cộng đồng Việt tị nạn tại Anh, Pháp, Đức.

Các hoạt động kể trên đã gây sự chú ý của chính giới Âu-châu và tạo được sự quan tâm đến thảm trạng của thuyền nhân Việt Nam cũng như hiện trạng nhân quyền ở Việt Nam.

Cộng đồng NVQCHN/AC là danh xưng mới của Cộng Đồng Người Việt Ty Nạn Âu Châu sau khi tổ chức này tham gia vào Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại. Chủ tịch Hội đồng Điều Hành CDNVQGHN khu

vực Âu châu là ông Lại Thế Hùng.

Nhà báo Vũ Ngọc Long tử nạn tại Đức

Nhà báo Vũ Ngọc Long, nhà báo, đã tử nạn trên đường tham dự cuộc biểu tình tuyệt thực tại Strasbourg, Pháp-quốc.

Ông là phụ tá chủ tịch Hội đồng Điều Hành Cộng đồng Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại khu vực Âu châu về chính trị và báo chí, Ủy viên Thông tin Báo chí Hội Đồng Chấp Hành CD Trung Ương

Vũ Ngọc Long là sĩ quan quân-lực VNCH, ký giả nhiều nhật báo và tuần báo chống Cộng, chống độc tài tham nhũng trước năm 75. Ông tiếp tục hoạt động chống Cộng trong lãnh vực văn chương báo chí tại hải ngoại. Tác phẩm của ông đã xuất bản tại hải ngoại gồm những tập thơ, tham luận, nhận định đấu tranh.

Hội thảo chính trị

Một Thư Ngỏ ký tên bác sĩ

Nguyễn Hữu Đức, ông Nguyễn Văn Lợi và họa sĩ Nguyễn Hiếu Đệ (Michigan, Hoa Kỳ) đã kêu gọi tổ chức một cuộc vận động chính trị mang tên đại hội Hội thảo chính trị Cộng Đồng Người Việt Tự Do Hải Ngoại năm 1996.

Thư Ngỏ nhận định năm 96 là năm có cuộc bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ cho nên sẽ là "thời điểm rất quan trọng ảnh hưởng lớn đến bộ mặt chính trị VN và toàn thế giới" và "tiếng nói của hai triệu người VN tự do ở Hoa Kỳ và khắp thế giới sẽ có một ảnh hưởng rất lớn trong thế chính trị hiện nay" cũng như "ảnh hưởng quan trọng đối với thực trạng chính trị VN".

Nhóm khởi xướng cuộc hội thảo dự trù tổ chức đại hội tại Washington DC vào tháng 7, 1996 hay ở Grand Rapids Michigan vào tháng 8, 1996.

Liên lạc:

BS Nguyễn Hữu Trí
Ông Nguyễn Văn Lợi
Box 8811
Kentwood, MI 49512
USA

TẠP-CHÍ làng văn

HÂN-HẠNH CHÀO MỪNG ĐẠI-HỘI VĂN BÚT VIỆT-NAM HẢI-NGỌAI KỶ V KHÓA 2

là Đại-hội duy-nhất hợp-lệ
do toàn-thế 6 Trung-tâm (đã tham-gia Đại-Hội-dồng kỷ V
khóa 1 tại California ngày 25 và 26.11.1995)
cùng Ban Chấp-hành lâm-thời

TỔ-CHỨC
VÀO HAI NGÀY 24 VÀ 25.2.1996
TẠI THÀNH-PHỐ HOUSTON, TEXAS (HOA-KỶ)

câu chuyện trời âu

Phan Nguyễn
Minh Minh

Yêu cho roi cho vọt

Dưới cái nhìn của trẻ con, tát tai, đánh đít hay nhốt để trừng phạt là hành động bạo lực điển hình của người lớn bất kể dưới phải phục tùng. Về lâu về dài, nhận thức như vậy về quyền lực của sức mạnh sẽ dẫn tới những hậu quả vô cùng tai hại. Những hình phạt thể xác như thế làm cho nạn nhân mang tâm trạng nhục nhã và chống đối, sau này có thể gây nên tính khí hung hăng không thể kiểm soát.

Hiệp Hội Gulbenkian của Anh quốc quả quyết rằng tát tai, đánh đít là những nguyên nhân dẫn tới phạm pháp và chống đối; cho nên cần phải nhanh chóng cấm đoán các biện pháp trừng trị trẻ thơ. Hãy coi chừng! Biết đâu một cái phát đít sẽ biến một đứa bé nghịch ngợm thành một tên đâm thuê chém mướn!

Ngay sau khi hai đứa bé vừa lên 10 ám sát bé James Bulger ở Anh, Ủy ban Điều tra của Hiệp Hội nói trên đã rất quan tâm đến những tác hại của hành động hung bạo mang danh nghĩa "trừng trị". Ủy ban Điều tra nhất tề kết luận rằng phải loại bỏ những phương cách trừng phạt trẻ con như tát tai, đét đít, bắt đội mũ tai lừa (hình phạt cho học trò lười). Theo ông William Utting, người cầm đầu Ủy ban này, thì: "Đánh một con người là điều không tốt. Đánh một đứa trẻ là làm cho nó thấy rằng hành động hung bạo là phương thức tốt



nhất để thủ thắng".

Thế nhưng quan điểm trên đây không được tất cả mọi người tán thành, nhất là đối với những ai quan niệm "thương cho roi cho vọt; ghét cho ngọt cho bùi". Giới này chủ trương cần phải phân biệt hành động tàn nhẫn với những lần roi năm thì mười họa. Nói thì nói vậy chứ từ xưa đến nay, vấn đề "đánh hay không đánh trẻ con" vẫn là một đề tài tranh cãi chưa ngã ngũ. Thậm chí bà Elisabeth Peacock, dân biểu thuộc đảng Bảo Thủ, tuy không tán thành việc dùng roi vọt để giáo dục, nhưng lại đề nghị đưa các tội phạm lên tivi đánh đòn vào buổi chiều thứ bảy, trước giờ xổ lotto!

Thời buổi nào, quan niệm đó. Mỗi giới quan niệm tùy theo lập trường thiết thân. Ngạn ngữ xứ Ecosse thế kỷ XVI cho rằng: "Đánh kẻ dữ, nó dữ thêm; đánh người hiền, nó cải tiến". Thi sĩ Gautier-Garguille thì ca ngợi cái hay của những cát đét đít: "Đét đi, đét đi, mẹ hiền đã bảo, da dít rồi sẽ mọc trở ra." Còn nhà văn nổi tiếng của Pháp, Anatole France, viết rằng: "Nếu các tay thợ và các bà nội trợ trung thực, biết tôn trọng tài sản

người khác đó là nhờ cha mẹ họ dạy dỗ như vậy từ tấm bé qua những lần đét đít và đưa các đức tính đó vào người họ bằng lỗ tròn".

Cộng sản đời mò sống dậy?

Mấy lúc gần đây ở một vài quốc gia Đông Âu - và cả tại nước Nga - người ta thấy có hiện tượng hình như cộng sản đang đời mò sống dậy. Thế nhưng coi vậy mà không phải vậy! Để hiểu được thực chất của cái gọi là "hồi sinh" kia, chúng ta hãy nghe chính những người trong cuộc phát biểu.

Ông Jeliou Jeleu - một triết gia chuyên nghiệp, một chính trị gia ly khai dũng cảm thời cộng sản của Todor Jivkov - là quốc trưởng dân cử đầu tiên của Bảo-Gia-Lợi qua cuộc bầu cử hồi 1992, sau khi chế độ cộng sản sụp đổ. Năm 1994, khi những người cộng sản cũ thắng lợi trong cuộc bầu cử quốc hội, ông phải chung sống với Thủ tướng Jean Videnov một cách khá chật vật. Thế nhưng ông không tin chuyện cộng sản trở lại: "Không thể có chuyện chủ nghĩa cộng sản tái sinh. Chủ nghĩa này đã thất bại từ lâu, trước khi các chế độ áp dụng kiểu mẫu cộng sản sụp đổ. Ngày nay, những người cộng sản cũ có trở lại với quyền lực thì cũng chỉ là để dứt khoát chôn vùi cái thầy ma chủ nghĩa cộng sản mà thôi. Trong khi đang chờ được đem chôn thì cái thầy ma ấy bị những kẻ than vay khóc mướn kiểm chác, giành giật. Nói một cách khác, những tai to mặt lớn trong đảng đang vụng trộm chia chác nhau các xí nghiệp tư hữu hoá. Tôi không dám xác quyết tính chân thật của việc những người cộng sản cũ lột xác để theo chế độ dân chủ. Nhưng đó không phải là vấn đề. Tiến trình hiện tại bất buộc người ta phải vận hành theo một nguyên lý khác: nguyên lý kinh tế thị trường. Tôi cũng không tin tưởng gì ở sự hồi sinh của Marx. Tất cả những gì ông ta tiên đoán về chính trị đều sai bét. Thế thì không thể qui cho chủ nghĩa tư bản cái tội đã làm cho đông đảo quần chúng đói nghèo mà phải

lên án nhà nước cộng sản, nơi mà quyền lực chính trị và tài sản quốc gia đã bị một thiểu số đảng viên tóm thu. Còn chuyên chính vô sản cũng vậy. Lẽ ra nó phải đem lại hạnh phúc cho mọi người, nhưng vì các kẻ ăn trên ngồi trốc trong đảng thao túng nên chung cuộc là một nhà nước mang tính công an. Lối phân tích của Marx chỉ hữu ích trong việc nghiên cứu lịch sử, nhưng sự không tương của ông ta là một thất bại vô phương cứu chữa”.

Ông Gyula Horn là ngoại trưởng trong chính phủ cộng sản cuối cùng của Hung-Gia-Lợi, người đã gián tiếp góp phần làm cho bức tường Bá-Linh sụp đổ bằng cách mở cửa biên giới Áo-Hung để những người Đông Đức đào thoát hồi mùa hè năm 1989. Đảng Xã Hội (cộng sản cũ) của ông chiếm đa số trong cuộc bầu cử quốc hội hồi tháng 5.1994. Từ đó đến nay ông làm thủ tướng nước này. Theo ông thì “Tuyệt đối không có chuyện người cộng sản trở lại (...) Đúng, cùng với một số người khác, trước kia tôi là đảng viên cộng sản. Nhưng tôi công nhận là chế độ cũ không vững. Vả lại, chính đảng cộng sản đã tiếp tay làm chế độ cũ tan rã (...) Tôi không nghĩ rằng Marx còn tính thời sự nữa. Ông ta là một nhà tư tưởng lớn. Ông ta có lý trên một vài điểm. Vấn đề là có một số người đã lấy các ý kiến của Marx làm giáo điều. Trong vòng một

thế kỷ, thế giới đã biến đổi nhiều. Điều gì đúng ở thời đại Marx nay chẳng còn giá trị gì nữa. Dù sao đi nữa cũng là điều đáng tiếc (45 năm cộng sản ở Hung Gia Lợi). Dù cho trong những thập niên đó đất nước đã phát triển, dù cho chúng tôi có thể tự hào về một đôi việc thì chủ nghĩa cộng sản cũng đã gây nhiều thiệt hại. Đúng ra thì dĩ vãng đó thực sự không làm cho tôi phải bận tâm. Không phải vì tôi xấu hổ với quá khứ. Tôi chịu trách nhiệm về những việc tôi đã làm. Nhưng tôi nghĩ rằng khi người ta nói nhiều về quá khứ có nghĩa là họ chẳng có gì để nói về hiện tại”.

Theo ông Gregor Gysi, lãnh tụ đảng PDS (cộng sản cũ) tại quốc hội Đức thì: “(Tên tuổi của Karl Marx) hoàn toàn không phải là điều cấm kỵ. Marx là một nhà phân tích tuyệt vời về xã hội ở thời đại của ông. Điều sai lầm là nghĩ rằng có thể tìm thấy ở ông ta những giải đáp cho các vấn đề thuộc thời đại chúng ta. Chỉ có thể tìm thấy ở Marx một phương pháp nghiên cứu mà thôi. Chúng ta phải tìm lấy những lời giải đáp. Không có vấn đề ‘chuyên chính vô sản’ nữa, mà cũng không còn ‘vai trò lãnh đạo’ của đảng. Từ tháng 12 năm 1989, đảng PDS của Đức không còn tự cho mình là tiên phong của giai cấp vô sản. Chúng tôi đã từ bỏ học thuyết Leninist, theo đó đảng lãnh đạo của một giai cấp xã hội phải nắm quyền sau khi giai cấp này đánh bại các giai cấp khác. Trong vòng 40 năm (dưới chế độ cộng sản), chúng tôi đã sống trong cảnh chế độ dân chủ bị xóa bỏ. Chủ nghĩa Lê-nin dẫn đến chế độ độc tài”.

Chân tướng của Green Peace

Qua loạt thử bom hạt nhân của Pháp mới đây, tiếng tăm của phong trào Hòa Bình Xanh nổi hơn bao giờ hết. Thế nhưng càng nổi bao nhiêu thì nhược điểm của phong trào lại càng lộ ra bấy nhiêu và càng kích thích tính hiếu kỳ của thiên hạ chừng ấy. Từ đó người ta cố công tìm hiểu và mới đây, quyển *Greenpeace*,

l'écologie à l'an vert của J.P. Picaper và T. Dornier ra đời, kết quả của một công trình điều tra nhúc nhối.

Trên nguyên tắc, Hoà Bình Xanh quan tâm đến cây cối và những con hải cẩu. Phong trào này có tham vọng tô lên thế giới một màu lục. Khi nào nổi giận, phong trào tẩy chay các hiệp hội, công ty và cả những quốc gia làm nó phật lòng. Nó vạch mặt chỉ tên những nhà cầm quyền thử bom nguyên tử. Thường xuyên thì phong trào Green Peace trình tấu khúc nhạc kịch xưa cũ mang tên “Hoà bình và tình yêu”. Nếu chỉ như thế thì chẳng có gì để nói. Đảng này, phía sau tấm bình phong Hoà Bình Xanh kia là cả một trời chẳng giống ai!

Trước hết, không có cái gọi là phong trào Green Peace. Chỉ là một cái hộp thư. Trên mặt pháp lý, guồng máy điều hành của nó là một con số không. Đằng sau bảng hiệu kia là vô số những hiệp hội, những công ty chào hàng, những chi nhánh ở từng quốc gia, hợp thành một con bạch tuộc khổng lồ. Một bộ máy hữu ích nhằm chạy tội khi những người cầm đầu gây sai quấy.

Kế đó, Hoà Bình Xanh thực sự là một tổ chức đa quốc gia. Nó vận dụng phương thức của những công ty kích xù để chiếm độc quyền “chủ nghĩa sinh thái”, một ý thức hệ chẳng ăn thua gì với sinh thái học truyền thống cả. Bị cánh cực tả Đức lèo lái, Hoà Bình Xanh là một tổ chức chính trị có khuynh hướng chống tư bản chủ nghĩa. Mục tiêu của Hoà Bình Xanh là bắt buộc các quốc gia, các tổ chức quốc tế, các công ty phải cầu cạnh các dịch vụ của nó, trong khi chờ đợi ngày nó có thể đóng một vai trò chính trị thực sự.

Sau cùng, tổ chức Hoà Bình Xanh làm người ta liên tưởng đến cung cách điều hành của một vài hiệp hội Pháp thường bị vạch mặt chỉ tên hồi gần đây, chẳng hạn Hiệp hội nghiên cứu bệnh ung thư ARC. Một tổ chức chỉ có vài ba nhân vật chỉ huy, mười người am hiểu vấn đề và đông đảo ân nhân chịu khó chi tiền nhưng lại kém hiểu biết về tổ chức. Các tác giả



Thương cho roi cho vọt

Picaper và Dornier cho rằng Hoà Bình giống như Quốc tế Cộng sản (Kominern) vào những năm 30 và các chi nhánh của Hoà Bình Xanh thì giống như những đảng cộng sản ở các nước chư hầu của Mạc Tư Khoa.

Chung quy, chỉ có một phần nhỏ số tiền do thiên hạ đóng góp cho phong trào Hoà Bình Xanh là được sử dụng vào việc xây dựng "chính nghĩa", nhưng chính nghĩa ấy cũng còn khuya mới hợp pháp, giống như cộng sản chủ nghĩa, vì chính nghĩa mà không chính danh.

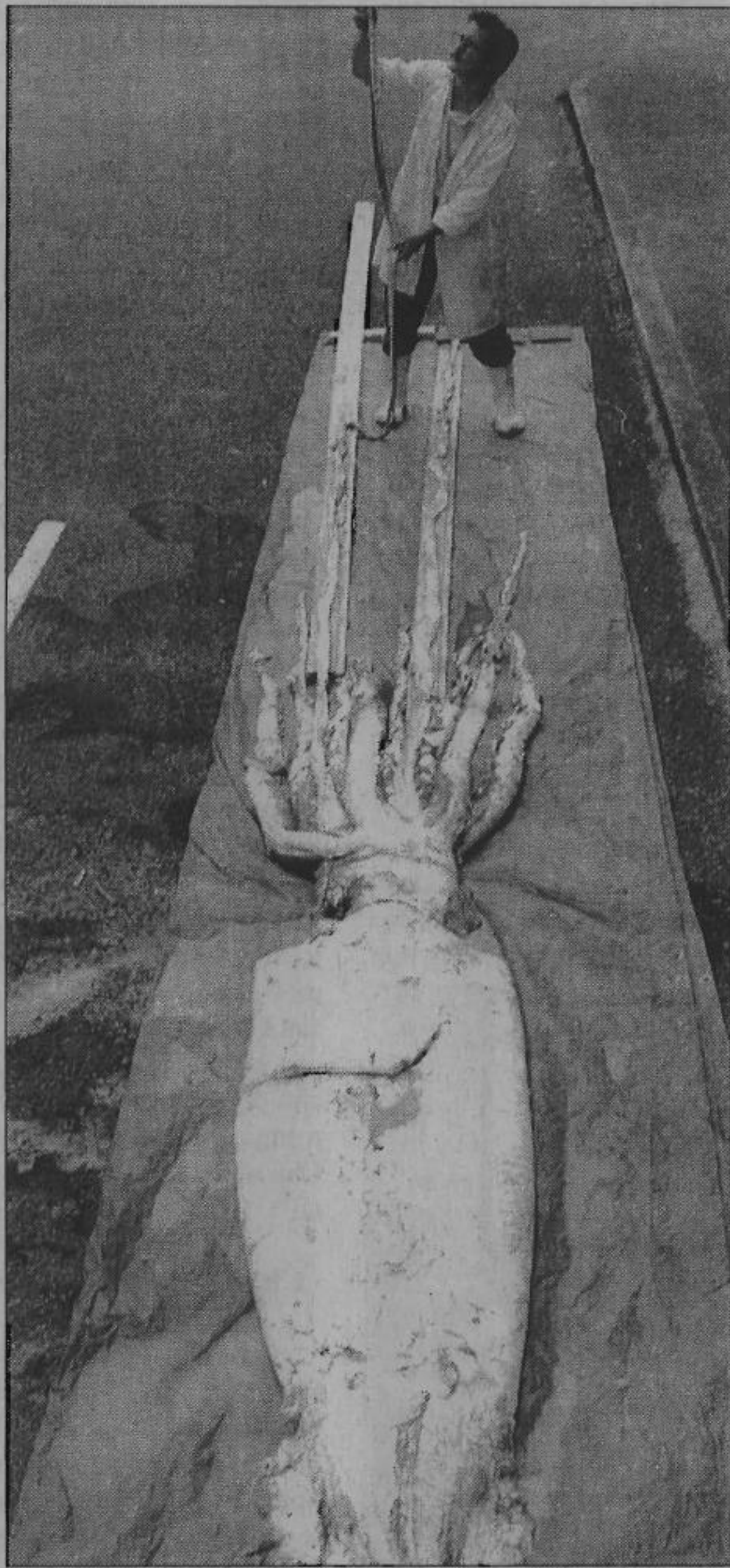
Lạt-ma Tây Tạng đầu thai ở Tây-Ban-Nha

Năm 1986, bé Osel ra đời, bình thường như bao trẻ thơ khác ở một vùng thuộc miền nam Tây-Ban-Nha. Cho đến một ngày, bé Osel được xem như là hóa thân của một Lạt ma Tây Tạng.

Câu chuyện bắt nguồn từ năm 1977, lúc bà Maria, mẹ bé Osel, sinh sống tại miền nam Tây-Ban-Nha. Ở đây, lần đầu tiên bà gặp đức lạt-ma Yeshe đi thuyết pháp tại nhà các người bạn. Lúc bấy giờ Maria theo Ky-Tô giáo, nhưng cuộc gặp gỡ đó đã làm thay đổi lòng tin nơi bà. Vợ chồng bà bắt đầu quan tâm đến Phật giáo. Sau đó, để tạo điều kiện cho giáo lý Phật giáo được truyền bá rộng rãi ở Tây Ban Nha, vợ chồng nhà này quyết tâm lập một nhà tĩnh tâm. Nhờ đó họ có dịp tiếp đón nhiều hàng giáo phẩm cao cấp của Phật giáo. Đức Đạt lai Lạt ma có đến đây một lần và đức Lạt ma Yeshe thì đến thăm họ nhiều lần. Năm 1984, đức Lạt ma Yeshe viên tịch. Thế là các môn đệ của Lạt ma Yeshe tủa ra đi tìm hoá thân của ông. Vì Lạt ma Yeshe thường tiếp xúc với bà Maria nên Zopa, một trong những môn đệ của Lạt ma Yeshe cũng đến đó trên hành trình đi tìm hoá thân của sư phụ. Trong giấc mơ, Zopa thấy một đứa bé đang bò trong một ngôi nhà bằng đá. Thoạt nhìn thấy bé Osel, Zopa cho đó là một sự mặc khải vì Osel giống đứa bé trong mộng của Osel như đức.

Thế là người ta đưa bé Osel đi Ấn-Độ để qua một loạt trắc nghiệm, cùng với mười đứa trẻ khác. Lúc đó, Osel mới ăn thôi nôi được 2 tháng. Trước mặt mỗi đứa bé là 4 cái chuông nhỏ. Bé Osel tự động tiến đến cái chuông của Lạt-ma Yeshe. Kể đó, người ta

đưa ra cho các cậu bé một lô chuỗi tràng hạt. Bé Osel nhận ra ngay xâu chuỗi của Lạt ma Yeshe. Năm 1986, sau khi trải qua tất cả các loại trắc nghiệm để xác định, bé Osel đã trở thành lạt ma Tây phương trẻ nhất thế giới. ●



Quý ông bọm nhậu dùng ham, con mực dài 8 mét, nặng một tấn này không ăn được. Người nó toàn "nước đá quý" (ammoniaque).

Mùa Xuân Dã Thảo

Vi An

Tháng chạp đến, rước mời nàng
Xuân đến

Tháng một đi, tống tiễn lão Đông
đi.

Trời Phù Tang mừng đón mùa xuân mới, một mùa xuân đẹp rạo rực lòng người, từ thôn quê tới thành thị nơi nơi, lễ Tiết Phân báo hiệu mùa sắp đổi, già cùng trẻ hân hoan ngày mở hội, gái thanh xuân cười rộn buổi xuân tươi...

Đọc đoạn mở đầu mục *Phù Tang tạp lục* kỳ này, hẳn bạn hiền sẽ cho rằng “răng mà giống thơ rứa?” Dà, đúng lắm bạn à, thơ đấy. Hỏi bạn, giữa lúc Chúa Xuân đang thay áo mới, đổi không khí tươi vui sinh động cho vạn vật, những tâm hồn thơ thần không hẳn thơ thì còn hẳn cái chi hay hơn nữa?

Ngày lễ Tiết Phân (Setsu bun) ở Nhật thường được tổ chức vào dịp đầu tháng chạp âm lịch, trước ngày Lập Xuân. Như đã từng thật thà báo cáo cùng quý bạn hiền trong những bài trước, dân Nhật dù đã dùng lịch tây và ăn Tết dương lịch nhưng các ngày lễ hội họ vẫn ghi, vẫn giữ theo đúng lịch cổ truyền vốn là thứ lịch phù hợp với thời tiết, có gốc gác từ nền văn minh nông nghiệp. Họ có câu nói dân gian: “Trước ngày Lập Xuân là ngày Tiết Phân”. Câu nói này có ý nghĩa rất triết lý đông phương: Sự đời phải tuần tự nhi tiến; phải chờ cho mùa đông, một ông lão già nua, cần cỗi chết khô chết héo đến đúng ngày... mãn nhiệm cái đã rồi mới trải chiếu hoa rước Chúa Xuân vào.

Âm cực thì dương sinh, ngày Tiết Phân cũng là ngày lực lượng tâm linh,

lũ tà ma cô hồn các đảng vấy vùng cực mạnh. Chúng cứ luẩn quẩn ở thế gian, tính “bám trụ” để ăn hại đái nát, phá phách nhơn quần xã hội. Vì lũ tà ma này lì lợm quá sức, nên người ta phải nhờ đến ân điển của thần linh để đuổi tà. Biện pháp đuổi tà của người Nhật áp dụng rất hợp với lễ đạo: Họ chỉ đuổi, chỉ trục tà chứ không sát tà, diệt tà (tức “thủ tiêu” tà). Bạn cũng biết đó: Chánh-tà, thiện-ác chỉ là hai pháp hữu hạn nương nhau mà khởi của thế gian; nếu pháp này sinh thì pháp kia sinh, pháp này diệt thì pháp kia cũng phải diệt (đó là lời Phật). Ngay cả Chúa Jesus năm xưa cũng nắm vững lẽ ấy khi ngài chữa cho lũ người bị quỷ ám, trục quỷ ra và cho phép đám quỷ được nhập vào bầy heo nọc. Còn lũ người quỷ ám sau đó được lành bệnh, tỉnh táo và xưng tụng, ngợi ca danh Chúa. Phật, Chúa hay những bậc đạo sư chân chính không bao giờ mang tâm sát. (Riêng bên Thiền Tông, chữ “sát” được dùng với tinh thần phá chấp. Tinh thần “vô tâm” là một công án, giải được nó là được tự do, được giải thoát hiện tiền). Các ngài cũng chẳng bao giờ mở miệng chê bai, sát phạt các tôn giáo đứng đắn khác như một số đệ tử lâm đường lạc lối của các ngài đã và đang làm. Những kẻ này, dầu khoác quyền uy vẫn rất dễ nhận diện bởi lời họ ngôn sắc mùi vô đạo.

Bạn hiền ơi, bạn lại cho rằng: “Răng mà giống... giảng đạo rứa hè?” Vâng, thưa bạn, văn dĩ tải đạo, ngoài mục đích ấy ra, chỉ là phù phiếm, thời thượng, rồi cũng phiêu theo lẽ vô thường mà thôi.

Xin trở lại với lễ Tiết Phân. Tại các đền thờ Thần đạo, một giàn bực cao được dựng lên, trên có treo hàng chuỗi đèn lồng màu trắng, viết hàng chữ mực tàu: Phúc Đăng. Dưới chuỗi đèn lồng Phúc, các nhân viên Thần sự khoác áo lễ, tay ôm những hộp gỗ đựng “Phúc đậu”, tức đậu nành rang vàng chín, miệng niệm khẩu chú, tay bốc đậu rang để nguyên vỏ ném rải vào đám người đi dự lễ ở bên dưới. Quang cảnh vừa vui nhộn vừa pha mùi thần bí. Cứ mỗi năm đậu phúc tung ra, đám đông lại nhốn nháo chụp giựt; có lắm ông lười, cứ đứng giữa sân há sẵn miệng chờ... đậu rụng vô mồm. Nhờ những hạt đậu phúc của thần linh vãi ra, tà ma trúng phải đậu bị cháy xém mặt mày rồi lo tìm đường tẩu giữa lúc phúc lộc hồng ân tự trời rớt xuống ào ào như mưa sa cho những con người thành tâm mong cầu lộc thánh.

Tại buổi lễ Tiết Phân ở đền Ikuta miệt Kobe năm nay, nữ ca sĩ Mỹ Cyndi Lauper đã tới dự. Cô được mời lên đài, khoác kimono lễ phục và được ôm thùng đậu rang bốc ném tứ tung đặng đuổi ông thần động đất. Mọi siêu thị trên toàn nước Nhật đều bày bán các gói đậu nành rang vào dịp chuyển mùa Tiết Phân. Đậu nành rang nhai nghe giòn tan, bùi bùi béo béo, vị ngọt không làm khó chịu cổ họng như món đậu phộng rang. Ngoài việc ăn vô sẽ được lắm phúc trời ban, đậu nành còn chứa rất nhiều protein nuôi dưỡng, bồi bổ cơ thể như đã biết qua tên gọi: Đậu Thịt (đậu nành ngâm, xay rồi luộc thành đậu hũ gọi là “thịt Tam Tạng”).

Ra giêng, trời ấm hơn với những cơn mưa đầu xuân rơi lạnh nhưng không thành tuyết, hoặc có mưa tuyết cũng sẽ tan ngay trong ngày. Mưa sơ xuân ưa rơi trong giấc nửa đêm về sáng. Nước thấm vào lòng đất, đánh thức lũ côn trùng, lũ vi sinh vật sống trong đất, thúc giục chúng cựa quậy sinh động góp phần tạo cho đất hồi sinh. Mưa làm rã hạt tinh giắc đông miên, đâm chồi nảy lộc. Mưa khiến cành lá ra nụ, nảy chồi, cuồn cuộn nhựa sống. Mưa dọn đường cho nàng

xuân đẹp. Mưa gieo rắc ngàn hồn hoa xuống đời... Sau những cơn mưa, trời xuân sẽ sáng, những nụ hoa sẽ nở dâng đời bao cánh hoa xinh tươi. Loài người sẽ phải tán thán tạo hoá, ca tụng chúa Xuân đang bước xuống trần như lời thơ trào dâng cảm xúc của người Phật tử lãng du, hành khát thi sĩ Santoka (Sơn Đầu Hoả):

Azami

Azaya kana

Asa no ame agari

Đoá hoa Kế xinh

Nở rực rỡ bình minh

Sau cơn mưa rạng sáng

(Hài cú, quý ngữ chỉ mùa: hoa Kế, một loại hoa nở buổi sơ xuân, họ cúc, thân có gai).

Bên cạnh những loại hoa đại hết sức nhạy cảm với hơi ẩm mùa xuân, đủ loài dã thảo đua nhau mọc. Đây cũng là lúc người Nhật rủ nhau mang giỏ đi hái rau cỏ dại theo một phong tục có từ khá lâu đời, tục Tsumikusa Trích Thảo (hái cỏ).

Khoảng vài trăm năm về trước, trái đất chúng ta ở chưa bị ô nhiễm bởi cặn bã của nền văn minh cơ khí, chưa bị xáo trộn khí hậu thời tiết; bốn mùa của địa cầu tới lui rất đều đặn, nhịp nhàng. Như đã ghi từ lịch cổ đại, ngày 7 tháng giêng mỗi năm là ngày bắt đầu của mùa xuân. Đối với Đông phương, con số 7 là con số huyền diệu. Ngày ấy cũng là ngày dân Nhật đi tìm hái 7 loại dã thảo về nấu thành một món cháo bồi dưỡng tên là Nanakusa Kazu, cháo Thất Thảo. Con số 7 đối với người Nhật tượng trưng cho số hên, số may lành nên nếu ăn được tô cháo có 7 món được thảo của trời đất vào xuân đúng ngày 7 tháng đầu năm, con người ta sẽ trở nên khoẻ mạnh vô bệnh.

Bảy loại rau cỏ dã sinh đó có tên Nhật là Seri, Nazuna, Gogyo, Hakobera, Hotokenoza, Suzuna, Suzushiro. Trong 7 loại ấy, ở Việt Nam có hai loại quen thuộc: Seri (rau cần dại) và Suzushiro (củ cải dại). Nồi cháo gạo nấu chung với thất thảo thường đổ nhiều nước, chín cháo rồi mới cho rau dại vào sau. Mùi vị bình thường (không hôi, không bốc mùi

thuốc bắc), chan thêm tí xì-dầu cũng ngọt thơm đầu lưỡi, cháo thất thảo luôn luôn là cháo chay, không bỏ thịt.

Gạt qua một bên những thành kiến; lấy ánh sáng khoa học, y học Đông phương mà xét thì niềm tin ăn cháo thất thảo được khoẻ mạnh, vô bệnh của người Nhật không phải là không hữu lý. Bạn hãy nghe... bà xã ông giám đốc cơ sở thực dưỡng G.O.M.F., California là Corneil Aihara giải thích trong cuốn *The Do of Cooking* tạm dịch là "Bếp Đạo" như sau: "Rau cỏ dã sinh là loại thực vật mọc tự nhiên, thiên nhiên; có loài độc, có loài không độc. Loài rau dã sinh ăn được vốn có sức sống rất mạnh, có sức đề kháng, miễn nhiễm trời cho. Người ta đâm đập lên chúng bao lần, vậy mà chúng vẫn sống, vẫn chịu nổi gió đông, nắng hạ. Ăn một ít lượng rau dã sinh vào dịp đầu mùa, lúc chúng còn non, còn tiềm tàng bao nhiêu chất bổ dưỡng là... ăn khôn, là chuyển sức đề kháng bệnh tật, sức chịu đựng nắng mưa của chúng vào cơ thể con người".

Hiện nay, vào mùng 7 tháng giêng, một số siêu thị Nhật có bán các hộp rau thất thảo, 7 loại rau cỏ của mùa xuân Haru no Nanakusa. Nhưng chúng là loại rau cỏ trồng trong nhà kiếng, không biết đến ánh nắng mặt trời, yếu ớt như loài cây trồng trong

nhà làm kiếng, có mua về nấu cháo ăn cũng vô ích.

Muốn hái rau cỏ dã thảo thiên nhiên, người ta phải đi sâu vào vùng núi, những nơi chưa bị thuốc diệt cỏ, thuốc sát trùng, phân hoá học làm hư hoại. Hái ba cây rau cần dại mọc từng đám bên bờ ruộng của Nhật đem về xào hay nấu canh ăn là phải cẩn thận. Chúng có thể đã bị nhiễm độc thuốc khai quang do nông dân Nhật thời hiện đại xịt trừ cỏ. Loại rau cần dại này hái về ngâm nước cho ra bớt nhựa rồi xắt nhỏ xào với đầu mè, ăn thơm khỏi chê, mùi thơm "hữu xạ tự nhiên hương" đó bạn!..

Vậy mùa xuân 96 bạn hãy bỏ ít thì giờ rảnh đi về miền hoang dã, miền chưa bị văn minh hiện đại tràn tới (thường là những miền gần núi) dạo hưởng một mùa xuân dã thảo và nhớ tìm hái cho đủ 7 loại rau cỏ dã sinh đem mang về nấu nồi cháo thất thảo ăn cho bổ khoẻ con tì con vị, cho cuộc đời còn biết chút vị của lộc xuân dâng tặng trước khi loài người văn minh xoá tên chúng trong sổ bộ đời. Ngày nào mọi loài dã thảo bị diệt vong, ngày đó nàng xuân dứt khoát sẽ đi luôn, không trở lại với nhân gian nữa. Ngày đó, dẫu cho có người... Hoả tinh lái đĩa bay UFO xuống cứu giúp địa cầu e cũng không còn kịp •



tin văn xứ người

Nguyễn Nhạn Sơn

Nghệ thuật Phi châu

Cuối năm 1995, tại Luân-Đôn có một cuộc triển lãm mệnh danh là "Africa 95". Chữ trước chỉ không gian xuất xứ của tác phẩm; số sau chỉ thời điểm tổ chức trưng bày.

Lý do tại sao nghệ thuật của Phi Châu mà lại được triển lãm tại Anh, thì chắc không ai còn phải thắc mắc. Cũng như có đôi tác phẩm xưa của Việt Nam ta ngày nay chỉ tìm được tại Pháp, và có những bức danh họa vốn của Đức bây giờ lại nằm ở Nga vậy.

Người Anh đã trở thành sở hữu chủ những nghệ thuật phẩm kia từ ngày họ xưa quân chiếm nhiều vùng đất của Phi Châu. Những thứ kia là chiến lợi phẩm của họ. Nhưng khi chiếm được, họ không tin những thứ đó là sản phẩm của những giống dân chất phác mà họ cai trị. Thử nêu một trường hợp làm thí dụ: Năm 1897, khi vào thị trấn Benin của xứ Nigeria, quân đội Anh thu được nhiều pho tượng bằng đồng, bằng đá, những tấm gỗ và kim loại chạm trổ tinh vi, và nhiều cái mặt nạ thật đẹp. Khi những thứ này được đem về Luân-Đôn, các nhà khảo cổ đều không tin là tác phẩm của dân bản xứ. Người thì nói là của người Ai Cập, người thì nói của một bộ tộc cổ của Do Thái. Lại có người quả quyết rằng "những nét chạm tinh vi như thế" thì chỉ có người Hi Lạp thời cổ mới làm được...

Tóm lại, sau khi đã tranh chiếm

được nhiều vùng đất của châu Phi, đã có trong tay nhiều tác phẩm nghệ thuật của người châu Phi, người châu Âu vẫn còn mơ hồ về nguồn gốc của những thứ ấy.

Nhưng ngày nay, thì mọi người đã rõ: Những tác phẩm bằng đồng gọi là "Benin bronze" đó không liên hệ chi đến người Ai Cập, Do Thái hay Hi Lạp. Chúng được chính tay dân địa phương tạo ra. Có món đã ra đời từ thế kỷ 15. Hồi ấy, miền tây châu Phi có những vương quốc rất cường thịnh.

Trong mấy tháng cuối năm 1995, hàng vạn người trên khắp thế giới đã đến xem triển lãm "Africa 95". Các nghệ thuật phẩm được trưng bày ở 20 chỗ khác nhau trong hệ thống bảo tàng viện của Anh quốc, nhưng trung tâm của cuộc triển lãm là tại "Học viện Hoàng gia Luân Đôn". Phân bộ này có bảng hiệu là "Africa: the Art of a Continent" (Nghệ thuật của châu Phi).

Nhận định về cuộc triển lãm, John Mack, giám đốc viện bảo tàng nhân chủng học (trong hệ thống bảo tàng của Anh quốc), nói: "Về Phi Châu, truyền hình chỉ trình bày cho chúng ta thấy hình ảnh những cuộc hạn hán, những cảnh chiến tranh và chết đói. Nhưng ở cuộc triển lãm này, Phi Châu rất sống động".

Tuy nhiên, ai cũng nhận thấy "Africa 95" đã khơi lại những cuộc tranh luận về giá trị nghệ thuật của Phi Châu. Người ta không tranh cãi

với nhau nữa về chuyện ai đã tạo ra những vật kia. Người ta chỉ không đồng ý với nhau về giá trị của chúng. Hình như cho tới bây giờ, các nhà phê bình, các học giả, các nghệ sĩ châu Âu, vẫn chưa hiểu được, vẫn chưa thưởng thức được những hình thái nghệ thuật phát sinh từ một truyền thống rất khác với quan niệm "nghệ thuật vị nghệ thuật" của Tây phương.

Đồng thời, cuộc triển lãm cũng khơi lại những cuộc tranh luận gây chia rẽ trong các nghệ sĩ người Phi châu. Họ đang tìm xem nghệ thuật của Tây phương có đóng vai trò gì không trong nghệ thuật của chính họ.

Mọi người đều phải công nhận cuộc triển lãm là một thành công vĩ đại trong vấn đề sưu tập tác phẩm. Chỉ riêng phân bộ tại "Học viện Hoàng gia", số lượng tác phẩm đã hơn 800 món, gồm: Tượng đá của Ai Cập (có pho cổ đến 4.000 năm), những đầu người của Nam Phi thuộc hai thế kỷ VI và VII, những đồ gỗ chạm thế kỷ XIX, XX, những bức vẽ trên đá của xứ Namibia cổ đến trên 1.000 năm. Lại có những trái cân bằng vàng được chế tạo rất tinh vi, khiến người xem liên tưởng đến những đồ trang sức của người đàn ông Nhật đeo trong người ngày xưa.

Nhưng gây tác động tâm lý cho người xem hơn cả vẫn là những vật đeo hoặc chạm bằng gỗ, như những pho tượng nhỏ xíu, những cái mặt nạ, những chiếc ghế, những cái đầu người, những cái hộp, những bức bình phong, những trang thờ... Ai cũng biết những cái này không phải tạo ra với mục đích nghệ thuật, mà với mục đích thờ cúng. Như một pho tượng nhỏ có 6 đầu tìm được ở Zaïre, dựng tóc của một đôi trẻ song sinh, đã được tin là có nhiều pháp thuật. Như một pho tượng nhỏ tạc hình người đàn bà tìm được ở vùng Sierra Leone, ngày xưa được dùng trong những buổi lễ "khai tâm" cho những cô gái mới lớn.

Tất nhiên những ý nghĩa tâm linh đã mất đi rất nhiều trong cuộc triển lãm. Ban tổ chức đã đặt những vật trưng bày ở những vị thế, và rọi ánh sáng như thế nào, để làm tôn giá trị

nghệ thuật của chúng lên. Được mặt này thì mất mặt kia. Những vật đó đẹp lên nhiều, nhưng chúng không còn ở trong “địa vị” của chúng nữa.

Sokari Douglas Camp, một điêu khắc gia người Nigeria có tác phẩm được trưng bày trong viện bảo tàng nhân chủng học, nói: “Cuộc triển lãm này đầy tính chất thực dân. Ban tổ chức hoàn toàn không để ý đến khía cạnh tâm linh của những vật trưng bày. Người Phi Châu chúng tôi quý chúng, không phải vì chúng đẹp, mà vì chúng có quyền phép. Chúng tôi tin chúng có thể khiến cho người ta điên khùng, và cũng có thể chữa lành bệnh cho người ta. Những vật ấy không phải được tạo ra là vì nghệ thuật. Những vật trưng bày ở đây đẹp lắm; cuộc triển lãm thật lạ mắt. Nhưng đây là một cuộc triển lãm chết.

Họa sĩ Tom Phillips, thành viên của Học viện Hoàng gia, người đứng tổ chức triển lãm, không lấy làm phiền lòng khi nghe những lời chỉ trích. Ông nói học viện không phải là một viện bảo tàng, mà là một hiệp hội nghệ sĩ; cuộc triển lãm chỉ nhằm trưng bày cho mọi người được thấy những thứ lạ, đẹp, và gợi cảm, tìm được ở Phi Châu. Ông cho trưng bày những thứ ấy chỉ vì chính ông thấy chúng đẹp, chứ không phải vì chúng có thể làm rõ ra những điểm gì đó trong lịch sử nghệ thuật. Nếu ai muốn tìm hiểu chi tiết về mỗi món, thì có thể tra cứu trong một cuốn danh mục rất dày, nặng trên 3 ký-lô.

Nhưng không phải ai cũng tán phục tính chất nghệ thuật của cuộc triển lãm. Simon Jenkins, cựu biên tập viên tờ *Times*, phê bình rằng “đó chỉ là một đồng hồ lớn” những đồ giải trí. Ông trách cứ ban tổ chức đem những thứ “thổ sản” của những làng quê của châu Phi, bày vào những chỗ vốn dành cho những bức danh họa của Titian và Rembrandt (*). Theo

1. Titian (1490-1576) là họa sĩ Ý. Rembrandt (1606-1669) là họa sĩ kiêm điêu khắc gia Hòa Lan.

ông, những thứ này không thể được xếp đồng hạng với “nghệ thuật” của châu Âu và châu Á.

Trong khi đó, Clémentine Deliss, giám đốc nghệ thuật của “Africa 95”, thì cho rằng ý kiến của Jenkins là “kỳ thị chủng tộc”. Bà nói: “Không ai có thể phủ nhận về huy hoàng của cuộc triển lãm. Các nhà bình luận về nghệ thuật của thủ đô Luân Đôn cũng nói như vậy. Sau đây, người ta sẽ nhận thức được rằng nghệ thuật của châu Phi là một phần của nghệ thuật toàn cầu”.

Thật ra, Deliss nói không quá đáng. Trong cuộc triển lãm, về phần cổ điển, những tác phẩm bằng kim loại của Nigeria, những công trình chạm khắc của giống người Kongo xứ Zaïre, những tác phẩm bằng đất nung của người Djenne ở Mali, có thể so sánh được với những tác phẩm đồng loại gốc Celtic bên Anh, hoặc của Trung quốc. Ngoài ra, qua những tác phẩm trưng bày, người ta nhận ra ảnh hưởng của nghệ thuật châu Phi trên các trường phái trừu tượng ấn tượng của Tây phương. Sinh viên hội họa Tây phương nào cũng đã từng nghe chuyện họa sĩ Picasso ghé thăm viện bảo tàng Trocadero năm 1907, ở đó ông trông thấy lần đầu tiên một pho tượng của châu Phi. Rồi đường nét giản dị của pho tượng đã gợi ý cho ông những đường hướng mới trong hội họa và điêu khắc.

Cái vòng ảnh hưởng trong nghệ thuật luôn luôn chuyển dịch. Phong trào cách tân trong nghệ thuật của châu Âu và châu Mỹ, trước đã tìm được hứng khởi trong nghệ thuật của châu Phi, ngày nay lại tạo hứng khởi cho các nghệ sĩ người châu Phi. Flinto Chandia, một điêu khắc gia trẻ người Zambia, có tác phẩm được trưng bày trong cuộc triển lãm, nói: “Chúng tôi luôn luôn nhìn sang châu Âu để sáng tạo ra những đường nét mới”. Những tác phẩm của hai họa sĩ người Ethiopia là Gebre Kristos Desta và Achamyelah Debela, trưng bày trong phòng triển lãm Whitechapel ở Luân Đôn, biểu tượng cho nền hội họa hiện đại của châu Phi, không có

gì rõ ràng là “riêng của Phi Châu”.

Trong khi đó, cũng có những nghệ sĩ người châu Phi khó chịu với những tác phẩm mà họ nhạo báng là “lai căng”. Những người này cố gắng sáng tạo một nền nghệ thuật hiện đại riêng của châu Phi. Khoảng cuối thập niên 1950, một nhóm họa sĩ người Nigeria phác họa một đề án mệnh danh là “tổng hợp tự nhiên”, nhằm pha trộn kỹ thuật Tây phương với hứng khởi quê hương của họ. Kể từ đó, tại Nigeria cũng như ở trên 10 nước khác của Phi châu, có những nghệ sĩ làm theo cung cách này. Cuối cùng, họ cũng tạo ra được một số tác phẩm đáng giá.

Catherine Lampert, giám đốc Whitechapel, nhận xét: “Ngày nay, họ (những họa sĩ châu Phi) không làm việc trong cô độc nữa. Họ quan sát nghệ thuật khắp mọi nơi. Họ không còn thiếu chủ đề”. Đúng như vậy. Trong số những bức tranh được trưng bày, những bức có giá trị hơn hết là những bức lấy chủ đề chiến tranh, cách mạng, hoặc mới hơn hết là bệnh liệt kháng... Bức tranh siêu thực của Allan Birabi vẽ năm 1984, với những thân thể, những bộ xương dị hợm, khiến ai cũng nghĩ tới cuộc nổi dậy của dân Uganda chống chế độ độc tài Obote. Hai họa sĩ người Nam Phi, Sam Nhlengethwa và Alfred Thoba, đã vẽ những bức tranh trông rất khác nhau, nhưng cùng mãnh liệt tố cáo tội ác sát hại Steve Biko, người da đen chống chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc, năm 1977.

Cuối cùng, họa sĩ người Nigeria Ndidie Dike nhận định: “Africa 95” là một sáng kiến để thiên hạ biết những việc chúng tôi làm. Người ta sẽ không hiểu lắm về nghệ thuật của châu Phi nữa”.

Chết cho lý tưởng

Đây cũng là một câu chuyện của châu Phi.

Ngày 10.11.1995, bất chấp mọi sự phản đối từ khắp nơi trên thế giới, chính quyền độc tài xứ Nigeria đã

đem hành quyết nhà văn da đen Kenule Beeson Saro-Wiwa. Họ buộc tội ông sách động dân chúng lật đổ chính phủ.

Trong lá thư cuối cùng viết cho tiểu thuyết gia người Anh William Boyd, Saro-Wiwa nói: "Điều quan trọng hơn hết là tôi có thể dùng khả năng nhà văn giúp cho đồng bào tôi chống lại bè lũ bạo ngược. Tôi không giúp họ được như một chính trị gia, hay như một doanh gia, thì tôi viết. Có làm được như thế, tôi mới cảm thấy dễ chịu. Tôi hi vọng có được điều tốt đẹp nhất, nhưng cũng sẵn sàng chờ đón chuyện tồi tệ nhất. Tôi nghĩ là tôi nắm được thắng lợi tinh thần".

Saro-Wiwa bị nhà cầm quyền quân phiệt của Nigeria bắt giam ngay sau khi những lời chỉ trích của ông được đăng lên báo chí. Ban đầu họ nhốt ông ở một căn cứ quân sự, sau chuyển đến một nhà lao ở Port Harcourt. Sáng sớm ngày nói trên, một linh mục đến làm những nghi thức cuối cùng cho ông. Khi mấy người bạn tù cùng phòng bật khóc, ông nói: "Các bạn đừng khóc. Chết cho tổ quốc là một điều vinh hạnh".

Sau đó, Saro-Wiwa yêu cầu các giám thị nhà lao cho phép ông gói tã cha ông chiếc ống điều ông vẫn dùng hút thuốc. Nhưng họ không chấp thuận. Trong cuộc đời tích cực hoạt động cho nền dân chủ trong xứ, ở đâu, Saro-Wiwa cũng có chiếc ống điều ấy bên mình. Nó đã trở thành biểu tượng của ông. Bây giờ, trước khi chết, ông muốn để lại làm kỷ niệm cho thân phụ, nhưng không được.

Saro-Wiwa bị bịt mắt, chân vẫn mang xiềng, được bọn ngục tốt dẫn đến chỗ treo cổ. Khi giờ hành quyết đến, tên ngục tốt có nhiệm vụ thắt cổ ông, run quá, phải làm đi làm lại đến 5 lần, ông mới tắt thở. Bác sĩ Owens Wiwa, em ruột của nhà văn tử tội có đến chứng kiến, kể lại rằng trước khi chết, Saro-Wiwa nói: "Tôi chết, nhưng cuộc chiến đấu vẫn tiếp tục".

Các cường quốc Âu Châu ngày xưa đã tạo ra cho Phi Châu ngày nay

không ít vấn đề. Họ tranh nhau chiếm lục địa này làm thuộc địa, dùng thước thẳng vạch ranh giới lãnh thổ thuộc quyền cai trị của họ trên bản đồ. Những ranh giới áp đặt đó không phù hợp với vùng cư trú của các chủng tộc. Đó cũng là một nguyên nhân gây ra kỳ thị.

Tòa án quân sự Nigeria buộc tội Saro-Wiwa đã xúi giục dân chúng làm loạn, nhưng rõ ràng nếu có tội thì tội của ông chỉ là làm cho thế giới chú ý đến nội tình của xứ sở. Ông không chỉ làm mất uy tín chính trị của nhóm thống trị quân phiệt, mà còn thẳng tay tố giác những chuyện tham nhũng của họ trong vấn đề xuất cảng dầu.

Saro-Wiwa là người miền Ogoni, bờ biển phía nam của Nigeria, trong châu thổ sông Niger, nơi sản xuất nhiều dầu nhất đất nước. Nguồn lợi này cộng với những lợi tức khác thu từ ngoại nhân, có thể cung cấp cho bè lũ quân phiệt cầm quyền một cuộc sống vương giả. Nhóm người này hầu hết là những người Hồi Giáo gốc từ phương bắc. Khi còn sống, Saro-Wawi là phát ngôn nhân của phong trào Ogoni, lên tiếng đòi sự công bằng trong quyền lợi cho người Ogoni. Đồng thời, ông cũng phản đối cái nạn mà ông gọi là "diệt chủng chậm", tức là tình trạng chính phủ Nigeria để đất, nước, và không khí bị ô nhiễm trầm trọng.

Saro-Wawi bị hành quyết năm 54 tuổi. Ông đã để lại cho chúng ta một hình ảnh đẹp của một nhà văn làm chính trị không thiên kiến. Mặc dù là người Ogoni, ông đã làm việc cho phía liên bang với tư cách một viên chức dân sự, trong những năm có cuộc nội chiến Biafran (1967-1970). Trong khi đó, sự ngoan cố của nhóm ly khai do bộ tộc Ibo cầm đầu đã đưa nhân dân (gồm cả người Ogoni của Saro-Wawi) vào cảnh chết đói. Về sau, Saro-Wiwa có chính thức nhận một vài chức vụ của chính quyền liên bang. Cuộc sống vật chất của ông trở nên dễ chịu, nhưng những vết hằn trong tâm trí của ông không phai được. Ông từ chối để viết sách. Ông viết một cuốn tiểu thuyết chống chiến

tranh, nhan đề *Sozaboy*, và bắt đầu viết bài đăng báo. Từ 1985 đến 1990, ông viết bài cho các đài truyền hình, mạnh mẽ chỉ trích những sai lầm của chính quyền quân phiệt.

Rốt cuộc, Saro-Wiwa đã rời bỏ cương vị một nhà lý thuyết để trở thành một người hành động. Nhưng chuyện ông có dính líu hay không đến những vụ giết người tháng 5.1994, thì cho đến nay vẫn còn mơ hồ. Các tộc trưởng Ogoni về sau, có một số không chịu nghe lời Saro-Wiwa nữa. Họ cho là ông quá khích. Trong khi đó nhóm quân nhân cầm quyền của tướng Sani Abacha cáo buộc ông vào tội xúi giục đám thanh niên nổi loạn.

Garry Leton, cựu thủ lĩnh của phong trào Ogoni, nhận xét về Saro-Wiwa: "Nếu ông ta không xuất hiện trước công chúng trong hai ngày, thì ông ta không chịu nổi. Cũng giống như ông mắc chứng bệnh năng động vậy. Dân Ogoni chúng tôi không thích làm cách mạng". Nhưng cũng có nhiều người khác nghĩ là Saro-Wiwa ôn hòa. Họ dẫn chứng: Trong cuộc biến động có đến 4 tộc trưởng bị chết cháy trong một chiếc xe, Saro-Wiwa không có mặt, mà cũng không phải là người thủ xướng. Gia đình ông và những người trung thành với ông quả quyết rằng đó là một vụ mưu hại do người của tướng Abacha.

Bác sĩ Owens, em của Saro-Wiwa nói: "Anh tôi không bao giờ dùng bạo lực. Anh ấy là người của hòa bình".

Bây giờ thì Saro-Wiwa đã trở thành một "thánh tử đạo". Nhóm cầm quyền Abacha, trong một phút, đã biến ông thành người anh hùng tranh đấu cho quyền làm người, cho sự công bằng, và cho dân chủ, của Nigeria và cả miền Tây Phi. Cái chết "vì nghĩa lớn" của ông đã xúc động lương tâm nhân loại. Nelson Mandela, tổng thống Nam-Phi, đã lên tiếng kêu gọi toàn thế giới tẩy chay dầu của Nigeria. Và Phi Châu Da Đen đang đối diện với vết thương chủng tộc, do một nước đông dân nhất và mạnh nhất gây ra. Chuyện này hệ trọng, thế giới không thể làm ngơ được.

Văn học và tình bạn

Ai quan tâm đến nền triết học và những trào lưu tư tưởng chính trị của Pháp từ sau Thế chiến thứ hai, cũng đều phải lưu ý đến hai nhà văn vốn là bạn học của nhau: Jean-Paul Sartre và Raymond Aron.

Sartre và Aron sinh cùng năm (1905), cùng đỗ thạc sĩ triết học, cùng trở thành giáo sư, cùng hoạt động chính trị, nhưng không cùng tư tưởng. Tư tưởng chính trị của hai người lắm khi khắc chế nhau. Nghiên cứu những gì tương phản giữa họ, cũng giúp chúng ta hiểu được nền triết học chính trị của Pháp, tiền hậu Thế chiến 2.

Mới đây, nhà nghiên cứu văn học Pháp Jean-Francois Sirinelli viết cuốn *Deux Intellectuels Dans Le Siècle: Sartre et Aron* (Hai nhà trí thức của thế kỷ: Sartre và Aron), kể lại những “khúc quanh” trong tình bạn của hai người. Nhà phê bình Claude Jannoud gọi đó là “tình bạn gai góc”.

Thật ra, cái “gai góc” ấy rất hữu ích cho việc nhận định về triết học chính trị, nhất là trong thời kỳ mật điệp của chủ nghĩa cộng sản trên thế giới. Là vì nếu lúc sinh thời, Sartre và Aron đã vì nể nhau, cái gì cũng chín bỏ làm mười, không nói cho ra lẽ, thì chúng ta sẽ không biết Aron đúng như thế nào, Sartre sai như thế nào.

Riêng người viết bài này đặc biệt để ý đến chuyện Aron-Sartre, chỉ vì vào khoảng đầu thập niên 1980, có được đọc tại Sài Gòn một số tin trong báo Pháp kể rằng hai người đang hợp tác trong chương trình “Một Chiếc Tàu Cho Việt Nam”. Chương trình thực hiện được ít lâu, thì Sartre qua đời. Như thế, ít ra, trong những năm cuối đời, Sartre cũng có điều kiện để nhận ra lẽ phải nằm ở đâu. Ông giúp cứu vớt thuyền nhân Việt Nam trên biển đông, nhưng đáp lại, thuyền nhân Việt Nam cũng giúp ông thức tỉnh, và nối lại tình bạn với Aron.

Nói không quá đáng, câu chuyện tình bạn giữa Aron và Sartre là câu chuyện của thế kỷ. Nó biểu tượng cho những xung đột dữ dội của ý thức hệ

đã chia rẽ nước Pháp trong 30 năm sau chiến tranh.

Sau khi ra trường sư phạm, Aron được bổ đi dạy ở học viện Pháp ở Bá-Linh, còn Sartre thì đến dạy ở trường trung học Havre. Ít lâu sau, hai người đổi nhiệm sở cho nhau. Từ đó, hai người vẫn thường gặp lại nhau trong công việc giảng dạy, cũng như trong hoạt động văn học. Và Sartre thành danh trước bạn.

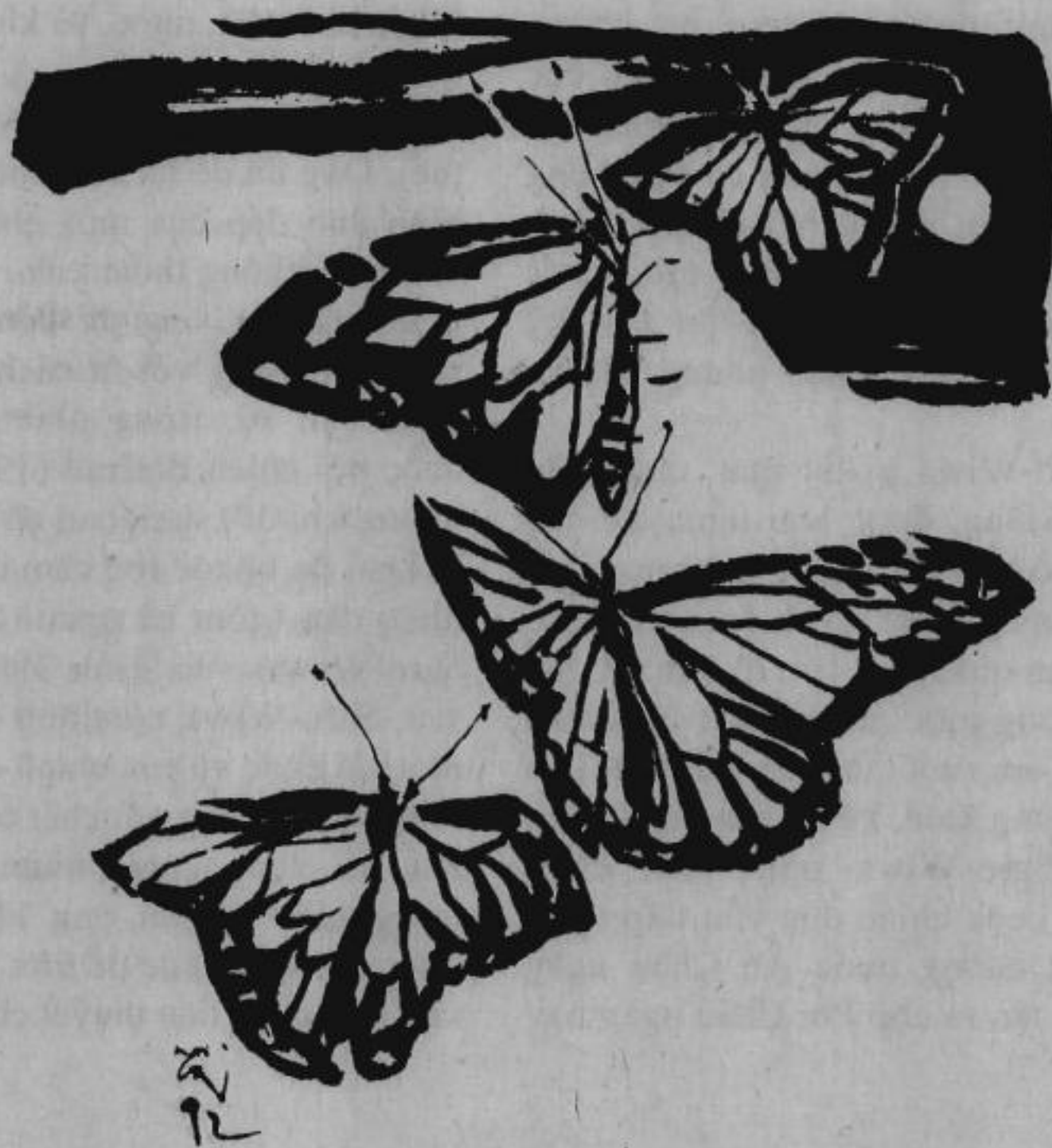
Khi phát xít Đức tiến chiếm Pháp, Aron thoát được sang Anh, nhưng Sartre bị bắt. Sau khi được phóng thích (1941), Sartre được chính quyền Pétain bổ dạy tại trường Condorcet. Tiểu luận *L'Être et le Néant* (Thực và Hư) và vở kịch *Les Mouches* (Ruồi) của ông ra đời trong thời gian này. Vở kịch được phép trình diễn khắp nơi. Trong khi Sartre được cử dạy lớp dự bị đại học, rất nhàn (mỗi tuần chỉ phải giảng 6 tiếng), để có thì giờ viết sách viết kịch, thì nhiều đồng nghiệp của ông bị mật thám theo dõi. Sartre cũng nhận ra “vị thế” của mình, nên đã cố tổ chức một “mạng lưới kháng chiến” mệnh danh là *Socialisme et Liberté* (Chủ nghĩa xã hội và Tự do). Một thành viên của tổ chức này là nhà văn nữ Nathalie Sarraute (sinh 1900, còn sống) nói: “Thật ra, người ta chỉ cốt

làm bốn phận đối với nước Pháp ngày mai. Tổ chức chỉ triệu tập được 3, 4 cuộc họp, rồi thôi”.

Riêng Sartre có bí mật viết những bài báo chống phát xít, nhưng đồng thời cũng viết cho tờ *Comoedia* là tờ báo của chính phủ Vichy (đầu hàng Đức). Không ai nữ trách cứ Sartre về sự “cộng tác” đó, nhưng khi Simone de Beauvoir (1) tôn xưng ông như một “nhà đại kháng chiến”, thì quả bà đã vẽ trái chanh thành trái bưởi.

Con người kháng chiến của Sartre có vẻ kín đáo, khiêm tốn, nhưng ngược lại, con người triết gia, tiểu thuyết gia, và kịch tác gia của ông, chỉ sau khi nước Pháp được giải phóng vài tháng, đã trở nên lầy lùng. Ông cũng cố quyền hành bằng cách thành lập tạp chí *Les Temps Modernes* (Thời Mới). Đây là lúc ông gặp lại Aron. Ông này tham gia ban biên tập của tờ báo. Thật ra, Aron đã bắt đầu làm báo trong thời gian lưu vong ở Luân-Đôn. Ông là chủ bút tờ *La France Libre* (Nước Pháp Tự Do) từ 1940 đến 1944.

Nhưng sự cộng tác Aron và Sartre không được lâu dài. Lý do là vì Aron không chịu được những mẩu chuyện mà Sartre đưa lên truyền thanh, dụng ý trộn lẫn De Gaulle với Pétain. Đến



khi Aron không viết cho tờ báo chung nữa, mà gia nhập tổ chức "RPF" (2) của tướng De Gaulle, thì sự tranh chấp tư tưởng giữa hai người bắt đầu trở nên rõ ràng. Thoạt tiên, cuộc chiến đấu không cân sức. Sartre có đủ lợi thế, còn Aron gần như chẳng có gì cả. Nhưng Aron công nhiên tỏ ý khinh miệt nhóm trí thức Pháp lúc bấy giờ đã hèn nhát không dám tố cáo những hành vi thực dân tàn ngược của bè lũ Staline đối với các nước Âu Châu. Trong những bài xã luận viết cho tờ *Le Figaro* lúc bấy giờ, Aron đã hết sức thẳng thắn và dũng cảm vạch trần những điều sai lầm của chủ thuyết Mác-xít, những tệ trạng do chế độ cộng sản đã gây ra.

Nhưng Sartre đang ở tột đỉnh của danh vọng, để có thể nói bất cứ điều gì. Ông lớn tiếng ca ngợi chế độ của Fidel Castro ở Cuba. Rồi khi được mời sang diễn thuyết tại một trường đại học Tiệp Khắc, trước những người sinh viên đang cảm thấy khốn khổ vì bị chế độ cộng sản bóp nghẹt tư tưởng, ông lại nói: "Chỉ ở một nước trong khối cộng sản, người ta mới có quyền tự do chỉ trích". Người ta không hiểu ông muốn nói gì.

Rồi đến khi cuộc chiến tranh Algérie nổ ra, Sartre gia nhập tổ chức FLN (3). Về hành động này của Sartre, một nhà văn Pháp châm biếm: "Đó là cách làm chiến tranh của ông ta".

Nhưng tình hình chính trị lần lần thay đổi. Sau bản tường trình của Krouchtchev, sau những lời tố cáo của Soljenitsyne (4), không ai còn có thể hiểu lầm bản chất của chế độ cộng

sản nữa. Tiếng nói của Aron bắt đầu được mọi người lắng nghe. Nhưng Sartre cũng không chịu thôi, vẫn làm tới. Đã có lần, Sartre đã kéo cánh đảm sinh viên để lăng nhục Aron. Về sau, Sartre xoay ra ca ngợi "tư tưởng Mao Trạch Đông". Các nhà phê bình Pháp có chung một nhận xét là Sartre giống như một kiến trúc sư tồi, đang cố vá víu một tòa lâu đài đổ nát.

Nhưng cuối cùng, sau hơn 30 năm chỉ trích nhau rất gắt gao, ngày 26.6.1979, Aron và Sartre lại gặp nhau để thảo luận chương trình cứu vớt thuyền nhân Việt Nam trên biển đông. Các nhà bình luận nhận định là Aron đã thắng Sartre. Nhưng đúng ra, đây là chính nghĩa thắng tà thuyết, và Sartre đã nhận ra mình lầm. Nhưng ông đã kịp thay đổi thái độ trước khi qua đời.

Nhìn bức hình chụp Sartre và Aron bắt tay nhau tại điện Élysée ngày 26.6.1979, trong phiên họp của ủy ban "Một Con Tàu Cho Việt Nam", tôi không khỏi xúc động. Cả hai người đều già. Đều đã 74 tuổi. Qua năm sau, Sartre từ trần. Và 3 năm sau nữa, đến phiên Aron.

Nhà phê bình Chaude Jannoud kết luận: "Thời đại của những nhà tư tưởng bậc thầy, của những tay bút chiến bậc thầy, đã qua rồi". Đúng họ không còn nữa để mà tranh luận cho chúng ta nghe. Nhưng Aron đã để lại cho chúng ta những bản kết tội chế độ cộng sản, còn Sartre để lại sự ân hận của ông. Tưởng như thế cũng đủ.

Nghệ thuật và độc tài

"Âu Châu phải mất rất nhiều thời gian mới đủ can đảm để tổ chức triển lãm những tác phẩm nghệ thuật ra đời dưới những chế độ bạo tàn của thế kỷ 20". Đây là nhận định của ký giả Graham Heathcote, làm việc cho Associated Press, ở Luân-Đôn.

Đúng. Không phải riêng người Âu Châu, mà khắp thế giới đều kiêng sợ, và ghê tởm những chế độ độc tài, đến nỗi khi chúng đã trở thành quá khứ, họ vẫn còn muốn chôn vùi cho thật

sâu những di ảnh, những dư âm của chúng. Chỉ cần lược qua những cuộc triển lãm trích dẫn sau đây, chúng ta cũng có thể nhận thấy thiên lương của nhân loại đã nhìn những gương mặt độc tài như thế nào.

Trong vòng một tháng, từ giữa tháng 12.1995 đến giữa tháng 1.1996, tại Hayward Gallery Luân-Đôn, người ta tổ chức triển lãm những tác phẩm văn hóa nghệ thuật được tác tạo trong các chế độ quốc-xã Đức, phát-xít Ý, và cộng-sản Nga. Có những bức chân dung mà các họa sĩ hồi ấy đã vẽ để "ca ngợi" Hitler, Mussolini, và Stalin; có những pho tượng của 3 tay trùm này; có những tấm bích chương tuyên truyền có hình ảnh của họ; có cả những cuốn phim được thực hiện trong khi họ đang cầm quyền. Coi những thứ đó, chúng ta càng hiểu rõ trong những chế độ độc tài, nghệ thuật đã có một cuộc sống ra sao.

Andrew Dempsey, người chịu trách nhiệm tổ chức cuộc triển lãm, nói: "Cuộc triển lãm trên qui mô quốc tế này giúp chúng ta hiểu được vấn đề nghệ thuật dưới những chế độ độc tài".

Thật ra, trong số tác phẩm trưng bày lần này, cũng đã có một số nguyên được trưng bày ở đâu đó. Nhưng đây là lần đầu tiên, những tác phẩm hội họa và điêu khắc của "quốc xã", "phát xít", và "cộng sản", được trưng bày bên cạnh nhau. Theo Dempsey kể lại, thì chuyện tổ chức không dễ dàng. Kể từ lúc đề nghị đầu tiên được đưa ra cho đến khi thực hiện, người ta phải mất 8 năm. Và ban tổ chức đã phải tham khảo ý kiến của nhiều chuyên viên của 22 quốc gia khác nhau.

Danh hiệu của cuộc triển lãm mang ý nghĩa chính trị: *Art and Power: Europe Under the Dictators 1930-1945* (Nghệ thuật với chính quyền: Âu Châu trong tay những nhà độc tài 1930-1945). Nhưng cuộc triển lãm cũng có dụng ý lật mặt trái của "lương tâm nghệ sĩ": Bên cạnh những tác phẩm "tự nguyện ca tụng chế độ" của một số "nghệ nô", có những tác phẩm cũng được bạo quyền đương

1. Simone de Beauvoir (1908-1986) là nữ văn sĩ Pháp, bạn thân của Sartre.

2. RPF (Rassemblement du Peuple français) do De Gaulle thành lập năm 1947, có mục đích chống cộng sản.

3. FLN (Front de Libération nationale) là tổ chức tranh đấu cho nền độc lập của Algérie, thành lập năm 1954.

4. Soljenitsyne (1918-) là nhà văn Nga, đã viết nhiều tác phẩm tố cáo chế độ cộng sản, được giải Nobel Văn Học năm 1970, bị trục xuất, sang sống ở Hoa-Kỳ từ 1974, trở về Nga năm 1994.

thời chính thức công nhận, nhưng là của những nghệ sĩ nạn nhân của chế độ. Họ tạo ra những tác phẩm kia trong hoàn cảnh bị cưỡng bách tinh thần. Nếu họ không làm, họ phải ẩn mình, hoặc chạy trốn ra khỏi nước.

Tất nhiên, các nhà độc tài cũng có "tín đồ", để ca tụng họ là siêu nhân. Những ai chỉ trích thì bị gạt đi, khóa lấp, chửi rủa, đàn áp, thậm chí sát hại. Để chỉ còn lại những hình ảnh lãnh tụ, những anh hùng lao động, những lực sĩ đoạt giải, những chương trình rất vĩ đại nhưng không bao giờ thực hiện được, những bài quảng cáo chủ nghĩa quân phiệt, v.v... Những cái đó giúp chúng ta hiểu được văn đàn đã đổi ra dấu trường như thế nào, và thấy được những hình ảnh tương tranh giữa cộng sản và phát xít.

Cuộc triển lãm cũng trưng bày lại những hình ảnh của Hội Chợ Quốc Tế Ba-Lê năm 1937, nơi qui tụ 42 gian hàng của các nước dựng ở khu công trường tháp Eiffel. Hồi bấy giờ, Hội Chợ đã thu hút được sự chú ý của cả thế giới, nhưng đặc biệt lại tạo ra sự căng thẳng tinh thần cho Âu Châu: Hai gian hàng của Đức và của Liên-xô được lập đối diện nhau. Trên nóc gian hàng Đức, là công trình của điêu khắc gia Kurt Schmid-Ehmen: Con chim ưng và chữ thập ngoặc. Trên nóc gian hàng Liên-xô, là công trình của điêu khắc gia Vera Mukhina: Một nam công nhân cầm búa và một thôn nữ cầm liềm. Hội Chợ diễn ra trong thời gian Tây-Ban-Nha có nội chiến, nên nghệ thuật xứ này cũng ghi lại những hình ảnh của các biến động.

Cuộc triển lãm lần này, sau Anh quốc, sẽ di chuyển đến Tây-Ban-Nha, rồi Đức. Quyết định mọi vấn đề tổ chức là do Hội đồng 36 quốc gia thuộc châu Âu, trụ sở đặt tại Strasbourg, Pháp quốc. Hội đồng này được thành lập năm 1949, có mục đích khuyến khích việc tái thiết sau chiến tranh, hợp tác giữa các nước, bảo vệ nhân quyền, tôn trọng luật pháp, và nhất là cổ động một tinh thần hiểu biết chung trong toàn lục địa.

Nhưng không phải nhiệm vụ của

Hội đồng lúc nào cũng dễ dàng. Sự khó khăn đáng lẽ chỉ thuộc về quá khứ, thì bây giờ vẫn còn. Hàng triệu người đã sinh ra và lớn lên trong những chế độ độc tài kia, bây giờ vẫn còn sống đó. Có một số vẫn chưa dứt bỏ hẳn liên hệ với những cái đáng lẽ phải được vĩnh viễn chôn vùi.

Một nữ ký giả người Áo, sau khi tham dự buổi lễ khai mạc cuộc triển lãm, nghĩ rằng đem trưng bày chung những tác phẩm của các nghệ sĩ kia, những người chống cũng như những người theo độc tài, có thể khiến cho người xem lầm tưởng ban tổ chức cho rằng Hitler không phải hoàn toàn xấu. Đáp lại, tổng thư ký của Hội Đồng, Daniel Tarschys, nói: "Hơi nào mà để ý cho hết. Những người ngu xuẩn thì bao giờ cũng có những nhận định ngu xuẩn. Quan trọng là chúng ta hiểu thêm về lịch sử chung, và về vấn đề bạo quyền đã khống chế nghệ thuật như thế nào".

Mười năm trước đây, Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật Hoàng Gia ở Piccadilly, một cơ quan văn hóa khá kính của Anh quốc, đã bị chỉ trích vì đã loại những tác phẩm của thời kỳ phát-xít, ra khỏi cuộc triển lãm nghệ thuật Đức thế kỷ 20.

Người tổ chức cuộc triển lãm lúc bấy giờ là Norman Rosenthal, đã trả lời sự chỉ trích kể trên như sau: Những nghệ sĩ nào được phát-xít chuẩn nhận cũng đều là nghệ sĩ tồi (theo lương tâm chính trị), vì tác phẩm của họ đã tạo ra bức màn che giấu sự tàn bạo. Đem những tác phẩm của họ trưng bày trong cuộc triển lãm, không khác gì lãng nhục những nghệ sĩ chân chính cũng có tác phẩm trưng bày, như Max Beckmann, Otto Dix, Emil Nolde (*).

Theo nhiều vị thức giả, lịch sử nghệ thuật cũng giống như chính bản

*. Ba người kể đây đều là họa sĩ kiêm điêu khắc gia Đức, đã từng chống phát-xít, cuối cùng phải bỏ nước đào tẩu, hoặc bị bạo quyền hành hạ: Beckmann (1884-1950); Dix (1891-1969); Nolde (1867-1956).

thân nghệ thuật, không bao giờ chịu đứng yên một chỗ. Nó biến chuyển. Cũng vậy, ngày trước, Hội Đồng Âu Châu tự hạn chế trong phạm vi Tây phương, nhưng ngày nay thu nhận thêm những tác phẩm của những nước nguyên là cộng sản. Có người lo lắng về hiện tượng "đội mồ sống dậy". Nhưng không có gì đáng sợ đâu. Những dư âm dư vị của một thời bạo ngược, bao giờ cũng là những kỷ niệm hoặc kinh hoàng, hoặc chua chát cho mọi người.

Một vài hiện tượng

. Trong dịp Giáng Sinh 95, tôi được một người anh bà con đang sống bên Mỹ, gửi cho một ít quà: Một hộp trà, một hộp cà phê, và một ít bánh kẹo. Ngoài ra, còn 3 cuốn lịch 1996, loại bỏ túi, in tại Sài Gòn. Tôi ngạc nhiên không hiểu vì sao anh ấy lại gửi đến 3 cuốn. Coi bên trong, thì nội dung không khác gì nhau mấy: Cũng ngày dương, ngày âm; cũng khoảng cách giữa các thành phố; cũng ngày tốt ngày xấu... Trong cú điện thoại cảm ơn, tôi hỏi:

- Anh có nhiều lịch bỏ túi lắm hay sao, mà gửi cho tôi đến 3 cuốn?

- Tôi chỉ được bên nhà gửi cho 3 cuốn đó thôi. Nhưng tôi gửi cho chú hết, để chú coi tờ bìa sau.

Quả tình, khi nhận quà, tôi không coi kỹ món quà "văn hóa" của anh tôi. Bây giờ coi lại, thì thấy bìa sau của 3 tập lịch của 3 nhà in khác nhau, nhưng đều có hình quảng cáo cho nước giải khát "coca cola".

Lịch là tác phẩm văn hóa, nhưng Coca Cola là sản phẩm kinh tế. Bây giờ, Coca Cola đóng một vai trò quan trọng trong giao tình tiền bạc giữa Mỹ và VNCS.

. Tôi chưa hết nghĩ ngợi về hiện tượng "coca cola" tại Việt-Nam, thì lại thấy tại Ấn-Độ cũng có hiện tượng ấy.

Nhật báo *The Globe and Mail* số ngày 6.1.1996 có một bài nhận định rất kỹ về chuyến công du Ấn-Độ của

Thủ Tướng Gia-Nã-Đại Jean Chrétien đi với 7 vị thủ hiến và 250 doanh gia. Nhưng ở đây, tôi không bàn về tương lai kinh tế của hai nước đang tiến hành giao thương, mà chỉ bàn đến tinh thần văn hóa của vấn đề. Tòa soạn đặt tựa cho bài tường thuật của ký giả John Stackhouse từ Tân Đề-Li gọi về, là “Ấn-Độ đi vào thời đại tân nghiệp”. Ở giữa bài báo là bức hình chụp hai đứa bé Ấn-Độ đầu trần chân đất, quần áo xốc xếch, đang đứng nhìn một chai “coca cola” cao bằng một tòa nhà lầu, sừng sững đứng giữa một công trường. Không biết chúng có nhìn thấy tương lai của chúng ở đó hay không. Cũng không biết chúng có còn nhìn tượng của Thánh Gandhi và tượng của nhà thơ Tagore nữa không.

Các nhà thơ của ta đã làm thơ tự do từ ngày “thơ mới” du nhập thi đàn Việt-Nam, nghĩa cách nay cũng đã trên nửa thế kỷ. Nhưng ngày nay, lật tờ tạp chí tiếng Việt nào có đăng thơ, chúng ta vẫn thấy những bài thơ có vần chiếm đa số. Thơ không vần cũng có, nhưng không nhiều lắm. Ngược lại, trong lãnh vực thơ tiếng Anh tiếng Pháp, trong mấy thập kỷ gần đây, thơ có vần đã trở nên rất hiếm. Hình như các nhà thơ viết bằng hai thứ tiếng này không còn thấy hứng thú khi phải phô diễn tâm tình trong

những câu thơ có vần.

Nhưng tôi đã ngạc nhiên một cách thú vị khi đọc được trong số tất niên của tờ *The Globe and Mail* một bài thơ trường thiên có vần. Bài thơ dài trên 1.000 câu, liên vận, câu nào cũng 10 âm. Tác giả không buông vần một chỗ nào, hai câu tiếp nhau luôn luôn vần với nhau. Cách chọn chữ vần cũng thật cẩn thận, như kiểu một nhà thơ Việt dùng toàn chính vận vậy.

Nội dung bài thơ thuật lại những biến cố lớn đã xảy ra trong năm 1995, ở Gia-Nã-Đại và trên khắp thế giới.

Bài thơ mở đầu:

“Now, as December’s days drift out like sand,

“Now, to the march of Time’s remorseless band,

“Now, as the world its resolutions makes,

“And backward glances half old Janus (1) takes,

“Tháng cuối trôi đi như cát trôi,

“Khúc nhạc thời gian tấu trọn rồi.

“Chuyện đời như thế yên chưa vậy?

“Nhìn lại lòng ai có ngậm ngùi?

Bài thơ kết thúc:

“For now, tradition’s Auld Lang Syne let’s sing;

“May Ninety-Six a sweeter harvest bring;

“And may we all this season merry make’

“At the old year’s end, at the new

year’s wake.

“Giã biệt ngày qua, để đón mừng

“Tân niên Chín Sáu với hanh thông.

“Chúc cả ngàn nơi vui vẻ cả,

“Năm cũ đi rồi, năm mới mong.

Tác giả bài thơ là thi sĩ Michael Posner. Kể về giá trị thi phẩm, thì bài thơ không thể được gọi là một bài thơ hay. Nó quá dài, mà nội dung lại nhảm kể đủ sự việc đã xảy ở khắp mọi nơi. Như thế, nó không thành “về”, hoặc thành “sớ Táo Quân”, thì đã là giỏi rồi. Nhưng tôi để ý đến bài thơ, và nhận ra nét đẹp của nó, như xúc động khi nhìn thấy một người Việt-Nam mặc quốc phục giữa bao nhiêu người mặc Âu phục.

Ông cha ta ngày xưa có thành ngữ “văn hay chữ tốt” để khen các nho sĩ tài giỏi. Nhưng từ ngày bút lông đổi ra bút sắt, thì chỉ còn “văn hay” được trọng thôi. “Chữ tốt” không mấy ai để ý nữa. Một khi đã vượt qua thời kỳ học sinh, viết sao thì viết, miễn là đọc được. Không ai chê một ông bác sĩ viết chữ xấu, cũng như không ai khen một nhà văn viết chữ đẹp. Rồi đến bây giờ, bạn bè viết thơ cho nhau đôi khi cũng dùng computer, thì đâu còn chữ viết tay nữa mà kể đến đẹp hay xấu.

Nhưng chữ đẹp vẫn được chú ý đấy, các bạn.

Ngày 5.1.1996, tại thủ đô Đông Kinh của Nhật Bản, người ta tổ chức một cuộc thi viết chữ đại tự cho các học sinh nhỏ. Đây là cuộc thi truyền thống của người Nhật nhân dịp đầu năm. Năm nay có 6.200 học sinh tham dự. Rất nhiều em được giải. Chữ viết là chữ Hán chen chữ Nhật, thành những câu chúc tụng đầu năm. Tất nhiên các em tuổi còn nhỏ, lại còn phải học đủ thứ, chớ không chỉ chuyên luyện chữ cho đẹp như Vương Hi Chi ngày xưa. Nhưng trong số những tác phẩm được giải, có những bức nét chữ đã cứng cáp và linh hoạt. Nhìn những bàn tay nhỏ nhắn ấy, những thân hình chưa đủ tầm thước ấy, những nét mặt ngây thơ ấy, chúng ta không thể nghĩ các em là tác giả của những bức “bút thiếp” kia. ●



Tông-Tích Họ Lý

Hương Giang
Thái Văn Kiểm



Gần đây báo chí quốc nội và hải-ngoại nhiều lần loan tin con cháu họ Lý ở Đại Hàn, hậu duệ nhà Lý thời Đại Việt (1010-1225) đã tìm về Việt Nam với đầy đủ gia phả và nghi lễ của một cuộc hành hương bái yết tiên tổ tại ngôi đền thờ họ Lý thuộc làng Đình Bảng, tỉnh Bắc Ninh; cũng là nơi có lăng mộ nhà Lý.

Gốc tích nhà Lý

Sử ta chép rằng vị khai canh nhà Lý tên Lý Công Uẩn, quê quán làng Cổ Pháp, huyện Đông Ngạn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, nay là Hà Bắc. Xưa kia, vùng này là thủ phủ miền Bắc thời Bắc thuộc (111 trước Tây lịch - 939 sau Tây lịch) đồng thời cũng là trung tâm văn hoá và Phật giáo.

Tục truyền rằng Công Uẩn không có cha, mẹ là Phạm thị đi chơi chùa Tiêu Sơn, nằm mộng giao du với thần nhân, về có thai, sinh ra Công Uẩn. Bà mẹ chờ con được ba tuổi thì mang lên chùa Cổ Pháp, nhờ sư Lý Khánh Vân nuôi dưỡng. Lúc đó sư mới đặt tên và cho họ là Lý Công Uẩn.

Công Uẩn được sư Khánh Vân, cha nuôi, hết lòng dạy dỗ, văn ôn võ luyện, trở thành một thanh niên anh tuấn. Ông xin phép dưỡng phụ vào Hoa Lư làm quan nhà Tiền Lê, lên

đến chức Tả thân vệ Điện tiền Chỉ huy sứ. Khi Lê Long Đĩnh, một hôn quân hoang dâm tàn ác băng hà, lúc ấy Lý Công Uẩn đã ngoài 35 tuổi. Trong triều, tướng Đào Cam Mộc hợp với Thiền sư Vạn Hạnh (họ Nguyễn) tôn Lý Công Uẩn lên làm vua, hiệu Lý Thái Tổ (1010-1028).

Chính Thiền sư Vạn Hạnh đã khuyến dụ Lý Thái Tổ dời đô Hoa Lư về La Thành (thành Đại La), là nơi khang trang và địa lý tốt đẹp hơn. Tháng 7 năm 1010 thì khởi sự dời đô. Lúc gần đến La thành thì vua thấy rồng vàng xuất hiện, từ sông hồ bay lên cao, bèn đổi tên là Thăng Long. Tháng 6 năm Mậu Ngọ (1018), vua sai hai quan Nguyễn Đạo Thành và Phạm Hạc sang Trung quốc thỉnh kinh Tam Tạng (Phật, Pháp, Tăng) đem về nước Đại Việt, tàng trữ nơi kho Đại Hưng.

Nhà Lý trong văn chương truyền khẩu

Dưới đời nhà Lý, dân gian truyền tụng nhiều câu ca dao liên hệ đến các

triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần... kế tiếp nhau trị vì đất nước. Chúng ta thử tìm hiểu ý nghĩa ẩn dụ trong các câu ấy:

Con ai đem bỏ chùa này?

Nam mô di Phật, con thầy thầy nuôi.

Câu này nhắc lại việc bà Phạm thị viếng cảnh chùa Tây Sơn, nằm mộng thấy đi lại với thần nhân có thai, sinh ra Công Uẩn, đem cho sư Lý Khánh Vân nuôi dưỡng và được sư Vạn Hạnh đưa lên ngôi vua.

Tục truyền lúc Lý Công Uẩn còn là Điện tiền Chỉ huy sứ dưới triều Lê Long Đĩnh, một luồng sét đánh tét cây gạo (mộc miên), trong ruột thấy có bài sấm:

Thụ căn yếu yếu

Mộc biểu thanh thanh

Hoà đao mộc lạc

Thập bát tử thành.

Đông A nhập địa

Dị mộc tái sinh

Chấn cung xuất nhật

Đoài cung ẩn tinh.

Lục thất niên gian

Thiên hạ thái bình.

Bài sấm gồm 10 câu: 2 câu đầu nhập đề, 8 câu còn lại ám chỉ bảy họ

đã, đang, hoặc sắp làm vua trong tương lai. Dùng phép chiết tự giải đoán, chúng ta sẽ thấy bảy họ là: Lý, Lê, Trần, Hậu Lê, Mạc, Nguyễn Tây Sơn, Nguyễn Thanh Hoá (Gia Miếu Ngoại Trang).

Cụ Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại đã giải mã toàn bộ 8 câu sấm ấy như sau:

Nhà Lê: chiết tự chữ *hoà* cộng với chữ *dao*, cộng thêm chữ *mộc* thành ra chữ *lê*. Câu 3 có nghĩa *nhà Lê rụng mất* (mộc lạc là cây ngã).

Nhà Lý: chiết tự chữ *thập* cộng chữ *bát*, chữ *tử* hợp lại thành chữ *lý*. Câu 4 có nghĩa *nhà Lý thành thiên tử*.

Nhà Trần: chiết tự chữ *đông*, chữ *a* hợp lại thành chữ *trần* (Đông A) vào đất (xong đất) làm vua.

Các cây khác lại mọc lên (*dị mộc tái sinh*) ám chỉ nhà Hậu Lê lên làm vua.

Câu 7: Cung chấn (phương đông thuộc mộc là cỏ cây, tức chữ *mãng*) mọc mặt trời (chữ *nhật*), nói nhà Mạc nổi lên.

Câu 8: Cung đoài là phương tây, ngôi sao ẩn từ phía núi Tây, *Tây Sơn*, sẽ mọc lên.

Câu 9: Trong khoảng sáu bảy năm, nếu cộng lại là 13 hoặc 14 năm, sẽ có nhà Nguyễn (chữ *lục* và chữ *thất* hợp lại, thành giống như chữ Nguyễn) thì thiên hạ thái bình.

Ngoài ra, theo thiên ý, thời gian trị vì của Tây Sơn, 14 năm (1788-1802) phù hợp với câu sấm:

Đầu cha mà ghép thân con

Mười bốn năm tròn, hết số thời thời!

Chiết tự câu trên, ta biết thêm: hai đời vua Quang Trung và Cảnh Thịnh, với hai chữ Quang và Cảnh, đều có chữ Tiểu, một chữ nằm trên đầu, một chữ nằm phía dưới, đầu đuôi ngắn ngủi, chỉ có thể thôi!

Truyền thuyết còn kể, Lê Ngọa Triều một hôm nằm mộng thấy ăn quả mận mà ruột lại là hột quả lý, biết rằng điềm báo họ Lý sẽ lên ngôi vua nên ra lệnh tàn sát những người mang họ này. Công Uẩn thoát chết là nhờ chứng minh được ông không phải là con ruột sư Lý Khánh Vân, họ Lý chỉ là họ cha nuôi.

Xin mở một dấu ngoặc ở đây. Trái

lý hình tròn, hột rời, cùi mỏng, rất thơm, trông tựa tựa quả doi của miền Bắc hay trái mận của miền Trung, miền Nam. Xin đóng dấu ngoặc lại.

Lại còn một câu ca dao khác:

Tiệc thay cây quế Châu Thường

Để cho thằng Mán thằng Mường nó leo

mà lâu nay ta vẫn tưởng để chỉ trường hợp Công chúa Huyền Trân bị vua anh là Trần Anh Tông bán gả cho vua Chiêm Thành là Chế Mân; thực ra, theo thi sĩ Cao Tiêu, câu này ám chỉ việc các vua nhà Lý đã gả bán nhiều công chúa cho các tù trưởng thiểu số để mua chuộc họ gìn giữ biên cương.

Sự nghiệp nhà Lý

Nhà Lý phát xuất từ chốn thiền môn, được sự giúp đỡ của hai thiền sư danh tiếng là Lý Khánh Vân và Vạn Hạnh nên dưới triều Lý, đạo Phật chiếm ngôi vị độc tôn và phát triển tốt bậc. Hơn hai trăm năm (1010-1225), nhà Lý đã xây dựng được một sự nghiệp thật lớn lao và hiển hách mà những chứng tích chính yếu còn ghi lại như sau:

Việc dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về Thăng Long: Quyết định dời đô về thành Đại La thuộc trung châu Bắc Việt, nơi có một vị thế chiến lược, nắm vững sông Hồng là huyết mạch của toàn quốc; vị khai sáng triều Lý đã quyết tâm xoay chuyển thể chế, từ những bộ lạc lớn nhỏ kết hợp lại sau thời gian dài chịu sự đô hộ của Trung Hoa, thành một quốc gia độc lập vững vàng, được tổ chức hẳn hoi và trang bị với nhiều cơ chế chính trị, văn hoá, xã hội, kinh tế và quân sự.

Việc dời đô này để lại cho hậu thế một tài liệu quý báu khởi đầu nền văn học Việt Nam, đó là bản *Thiên đô chiếu* (chiếu dời đô) do vua Lý Thái Tổ biên soạn và công bố ít lâu sau khi lên ngôi năm 1010. *Thiên đô chiếu* viết bằng Hán tự, dưới đây là bản dịch Việt ngữ (trích trong *Hoàng Việt văn tuyển* của Bùi Huy Bích):

"Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời đô, nhà Chu đến

vua Thành Vương ba lần dời đô. Há có phải các vua thời Tam Đại, theo ý riêng mình tự càn bậy dời đổi hay sao? Ấy chỉ vì muốn đóng nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế lâu dài cho con cháu về sau.

"Do đó trên vầng mệnh trời, dưới theo ý dân, thấy tiện lợi thì đổi dời, cho nên vận nước dài lâu, phong tục giàu thịnh. Thế mà hai nhà Đinh Lê, theo ý riêng của mình, quên có mệnh trời, không noi theo dấu cũ Thương Chu, cứ đóng yên đô ấp ở đây, khiến cho triều đại không bền, vận số ngắn ngủi, trăm họ thêm hao tổn, muôn vật không thích nghi. Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đô.

"Huống chi Đại La là đô cũ của Cao Vương, ở chính giữa bờ cõi đất nước, được cái thế rồng cuộn hổ ngồi, vị trí thích nghi với bốn phương đông tây nam bắc, tiện cho chiều hướng thuận nghịch của núi sông. Ở đó địa thế vừa rộng vừa phẳng, vùng đất vừa cao vừa sáng, dân cư không lo nạn lụt lội, đầm đuối, muôn vật cũng rất phong phú tốt tươi. Ngắm nước Việt ta, duy đó là thắng địa, thật là nơi then chốt của bốn phương hội lại, và cũng là nơi đô thành bậc nhất của đế vương muôn đời.

"Trẫm muốn nhân cái địa lợi ấy để ổn định chỗ ở, các người cho là thế nào?"

Đến đời Phật Mã Lý Thái Tông (1028-1054) có loạn Nùng Trí Cao ở Thái Nguyên, nổi lên xưng vương, đặt quốc hiệu là Đại Nam, bị dẹp tan. Lại có việc vua Chiêm Thành đã 15 năm không chịu triều cống, thông sứ; vua Thái Tông bèn cử đại binh bình Chiêm, tiến tới thủ đô Phật Thệ ở Bình Định. Có thể nói đó là bước đầu Nam tiến của dân Lạc Việt.

Đến đời Lý Thánh Tông (1054-1072) có sự khai hoá văn học, lập Văn Miếu, đúc tượng Chu Công, Khổng Tử và 72 tiên hiền để thờ, đặt quốc hiệu là Đại Việt. Xưa kia, nước ta được gọi là Giao Chỉ quận, rồi Giao Châu. Đến đời nhà Đường, họ đặt tên là An Nam Đô hộ phủ. Nhà Đinh đổi thành Đại Cồ Việt. Quốc hiệu Đại Việt tồn tại suốt sáu thế kỷ, qua các

triều Trần, Lê; ngoại trừ một thời gian ngắn lúc cha con Hồ Quý Ly, Hồ Hán Thương (1400-1407) soán ngôi, đổi tên là Đại Ngu vì tự xem là hậu duệ của nhà Ngu (Thuần) bên Tàu.

Về kiến trúc, chùa Diên Hựu (chùa Một Cột) ở thôn Thanh Bảo, huyện Quảng Đức, phía tây Thăng Long nay thuộc quận Ba Đình, Hà Nội là một danh lam vô song, xây cất năm 1049. Tương truyền vua Lý Thánh Tông nằm chiêm bao thấy Phật Quan Âm ngồi trên toà sen, đưa tay dắt vua lên toà. Tỉnh dậy, vua kể lại việc ấy với bề tôi. Sư Thiền Tuệ khuyên vua nên xây một ngôi chùa, dựng một cột đá lớn giữa hồ sen, làm toà sen trên cột trụ như vua đã thấy trong mộng. Vua cho kén thợ giỏi xây chùa theo kiểu một đoá sen lớn từ hồ sen vươn cao trên trời xanh. Trong chùa thờ Phật vàng sáng chói, hương khói quanh năm. Ngày khánh thành, các sư đi vòng quanh chúc thọ nhà vua. Vì lẽ đó mà vua đặt tên chùa là Diên Hựu Tự, có nghĩa là chùa kéo dài tuổi thọ.

Đến năm 1080, vua Nhân Tông cho đúc chuông lớn. Vì quá lớn và quá nặng, không thể kéo lên treo được, chuông đành để nguyên tại thửa ruộng cạnh chùa. Sau đó, sức nặng của chuông và mưa làm đất ướt khiến chuông lún dần xuống, rùa quanh vùng kéo đến tụ tập sinh sống bên trong, cứ sớm trưa chiều tối thì lại bò ra nghe kinh. Từ đó người ta gọi nơi này là Ruộng Rùa (Qui điền) và gọi chuông này là Chuông Ruộng Rùa (Qui điền chung). Mãi cho tới năm 1407, quân Minh bị vây nơi thành Đông Quan, Vương Thông ra lệnh tìm kiếm đồ đồng để có nguyên liệu đúc vũ khí, quân Minh mới hề nhau xeo nạy chuông ra khỏi ruộng, hợp với các đồ đồng cướp giật được, đem nấu chảy ra để dùng. Trong số đồ đồng bị nấu chảy còn có An Nam tứ khí: Tháp Báo Thiên (Thăng Long), tượng Phật chùa Quỳnh Lâm (Đông Triều), chuông chùa Phả Lại (Chức Thánh) và vạc chùa Phổ Minh (Nam Định).

Đầu năm 1951, người viết bài này

đã có dịp du lãm Thăng Long, được thấy tận mắt những thắng cảnh và cổ tích Hà Thành và các vùng lân cận như thành Cổ Loa, Văn Miếu và chùa Một Cột, lòng bồi ngùi xúc cảm.

Năm 1075, nhà Lý mở khoa Tam Trường để lấy người tài giỏi làm quan. Năm 1076 lập Quốc Tử Giám. Năm 1086, mở khoa thi chọn người vào Hàn Lâm Viện. Mạc Hiến Tích đỗ đầu, được bổ làm Hàn Lâm học sĩ.

Về quân sự, triều Lý có danh tướng Lý Thường Kiệt bắc đánh Tống, nam bình Chiêm, đồng thời cũng là tác giả bài thơ ngắn phần khích tinh thần tướng sĩ, một văn kiện quan trọng trong lịch sử và văn học Việt Nam:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhất đẳng hành khan thủ bại hư.*

Đến đời Lý Anh Tông (1138-1175), trong hai năm 1171, 1172 nước nhà yên ổn, nhà vua bèn thân chinh du lãm đó đây, xem núi sông hiểm trở, đường sá xa gần và việc sinh hoạt của dân gian, đồng thời sai tùy tùng ghi chép, họa đồ, đem về triều trước tác thành quyển *Địa đồ nước Đại Việt*. Đây là quyển địa lý nhân văn đầu tiên của nước ta.

Đời Lý Cao Tông (1176-1210),

Đại thần Tô Hiến Thành làm phụ chính nên mọi việc đều ổn thỏa. Nhưng khi ông mất (1179) thì việc nước rối ren, quần thần chia rẽ, vua thì ham chơi, tiêu xài, ưa ngao du săn bắn, xây thêm cung điện, làm phiền lụy nhân dân quá mức. Năm 1208 có loạn ở Nghệ An tràn đến Thăng Long, vua phải chạy về ẩn náu ở Tam Nông (Phú Thọ). Thái tử Sảm chạy về Hải Ấp, ngụ ở nhà Trần Lý làm nghề đánh cá, giàu có, người làng Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, phủ Xuân Trường, Nam Định. Con gái Trần Lý có nhan sắc, được Thái tử Sảm lấy làm vợ. Thái tử bèn phong Trần Lý tước Minh Tự và phong cho người cậu Trần thị là Tô Trung Từ làm Điện tiền Chỉ huy sứ.

Năm 1210, Lý Cao Tông mất. Thái tử Sảm lên ngôi tức Lý Huệ Tông, rước Trần thị về phong làm nguyên phi. Từ đó, gia tộc họ Trần kéo nhau vào cung càng lúc càng đông, chiếm hầu hết những địa vị then chốt. Dù bệnh hoạn liên miên, thỉnh thoảng lại nổi cơn điên, Huệ Tông vẫn ở ngôi 14 năm, đến năm 1225 thì truyền cho Chiêu Thánh công chúa rồi vào chùa Chân Giáo núp bóng từ bi.

Từ đó mọi việc trong triều ngoài quận đều do tay Trần Thủ Độ điều



khuyến. Ông ta đưa thân quyến vào nội phủ để phục dịch, đặc biệt là Trần Cảnh (cháu gọi bằng bác) mới 8 tuổi, vào làm Chính thủ, chức hầu cận Lý Chiêu Hoàng lúc ấy mới lên 7 tuổi.

Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, tháng 12, ngày 11 Mậu Dần, Chiêu Hoàng mở hội lớn ở điện Thiên An, ngự trên sập báu. Các quan mặc triều phục vào chầu, lạy ở dưới sân. Chiêu Hoàng bèn trút bỏ áo ngự, mời Trần Cảnh lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Kiến Trung năm thứ I, xưng là Thiên Hoàng, sau đổi là Văn Hoàng, phong Trần Thủ Độ làm Quốc Thượng Phụ, nắm giữ việc cai trị trong nước.

Sử gia Ngô Sĩ Liên giải thích thêm: Tục truyền rằng Lý Thái Tổ (Công Uẩn), hơn hai trăm năm về trước, khi mới được thiên hạ, xe vua về làng Cổ Pháp (Bắc Ninh) ngự chơi chùa Hương Phù Đồng, có thần nhân đề thơ ở cột chùa rằng:

Nhất bát công đức thủy

Tùy duyên hoá thế gian

Quang quang trùng chiếu chúc

Mộ ảnh nhật đăng san.

Nghĩa là: một bát nước công đức (của Phật), theo duyên sinh hoá ở thế gian. Sáng rực hai lần được rọi, mặt trời gác núi là hết bóng.

Sư Vạn Hạnh đem dâng bài thơ lên Lý Thái Tổ. Vua xem xong, nói: “Việc của thần nhân thì không ai hiểu được”. Người đời truyền tụng, không ai hiểu cả. Đến khi nhà Lý mất, mới cho bài thơ ấy là hiệu nghiệm. Vì từ đời Huệ Tông trở lên đến Thái Tổ là đúng tám đời (*bát* là tám, đồng âm với tám nước). Còn hai chữ *nhật* và *san*, ghép thành chữ *sấm*, tên vua Huệ Tông, có nghĩa là mặt trời lặn sau núi, mặt trời gác núi, chấm dứt nhà Lý, trước và sau đều do mệnh trời cả!

Họ Lý trên đường ly quốc

Trần Thủ Độ sau khi đoạt được ngôi vua nhà Lý, chuyển sang cho cháu là Trần Cảnh, bèn tìm đủ mọi cách, bất kể tàn ác, để loại trừ dòng dõi họ Lý.

Theo Ngô Sĩ Liên thì mùa thu,

tháng Tám, mồng 10, Trần Thủ Độ lên chùa Chân Giáo kiểm Huệ Tông, thấy Huệ Tông đang nhổ cỏ dại, bèn nói: “Nhổ cỏ thì phải nhổ tận gốc”. Huệ Tông đứng dậy, phúi tay nói: “Điều người nói, ta hiểu rồi”. Độ sai bộ hạ bày biện hương hoa rồi nói thêm: “Thượng phụ (Trần Thừa, cha Trần Cảnh) sai thân đến mời”. Thượng hoàng Huệ Tông nói: “Ta tụng kinh xong sẽ tự xử”. Nói rồi vào buồng ngủ khẩn rằng: “Thiên hạ nhà ta để về tay người, người lại còn giết ta, ngày nay ta chết, đến khi khác, con cháu người cũng sẽ bị như thế”. Bèn thắt cổ tự tử ở vườn sau chùa. Thủ Độ ra lệnh cho khoét tường thành chùa phía nam làm cửa (sau này gọi là “cửa khoét”), đưa linh cữu ra phường Yên Hoa để thiêu, chứa xương tháp trong chùa Bảo Quang. Rồi giáng hoàng hậu của Huệ Tông làm Công chúa Thiên Cực và đem gả cho chính Trần Thủ Độ, cấp châu Lạng làm thang mộc, tự thu thuế má nơi ấy mà sử dụng.

Liên sau đó, Thủ Độ đưa các cung nhân và con gái họ Lý, dòng dõi Huệ Tông đem gả bán cho các tù trưởng mạn ngược.

Đến tháng 6 năm Nhâm Thìn 1232, Thái Tông Trần Cảnh ban bố các chữ quốc huý. Vì tiên tổ nhà Trần huý là Lý (Trần Lý) nên đổi triều Lý làm triều Nguyễn, tất cả những người họ Lý đều nhất luật phải đổi ra họ Nguyễn, nhằm dứt bỏ lòng mong nhớ của dân chúng đối với họ Lý.

Mùa đông năm ấy, nhân người họ Lý làm lễ tế các vua Lý ở Thái Đường, Hoa Lâm (thuộc huyện Đông Ngàn, nay là Tiêu Sơn, Hà Bắc), Thủ Độ ngầm cho đào hố sâu, phủ ván lên trên, đợi khi mọi người uống rượu say, giật má sập nhà chôn sống hết.

Sau những trò gian ác ấy của Thủ Độ, con cháu nhà Lý chính thống chẳng còn bao nhiêu. Ai sống sót thì tìm đường trốn tránh vào hai châu Hoan, Ái (Nghệ An, Thanh Hoá), hoặc là vượt biển ra nước ngoài. Đó là trường hợp của Lý Long Tường, con vua Lý Anh Tông (1138-1175), em trai vua Lý Cao Tông (1176-

1210), đã kịp thời đưa họ hàng thân thuộc lên thuyền bỏ xứ dong buồm đến Cao Ly xin tá túc.

Cuộc ra đi này hấp tấp và bí mật nên chính sử của ta không ghi rõ ràng. Nếu ngày nay chúng ta biết thêm được về sự kiện lịch sử trên là nhờ việc tìm tòi và liên lạc giữa các chi nhánh dòng họ nhà Lý xa xưa, phần ở Việt Nam, phần ở Cao Ly, hoặc những nơi khác trong và ngoài nước Việt Nam, qua những cơ quan khảo cổ và văn hoá.

Theo ông Bình Anson viết trong *Phổ thông* số 23 ngày 31.3.1995, thì từ Thế chiến I, năm 1914, một học giả Việt Nam làm cho viện Viễn Đông Pháp quốc Học viện (có lẽ là cụ Trần Văn Giáp) công tác ở Triều Tiên đã được bên ấy cho biết rằng cụ không phải là người Việt đầu tiên thăm Cao Ly. Hàng mấy trăm năm trước đã có những thuyền nhân Việt xin tá túc và định cư tại đây.

Mãi đến thập niên 1960, ông Kim Vĩnh Kiện, một người từng làm việc tại viện Viễn Đông Bác Cổ, thu thập được nhiều tài liệu ở Đại Hàn khi ông làm công tác nghiên cứu ở Nhật Bản, đã viết một bài khảo cứu tựa đề “*An Nam Hoa Sơn Lý Long Tường chi sự tích*”. Từ đó những câu chuyện về thuyền nhân Việt Nam tị nạn trên đất Cao Ly được phổ biến rộng rãi hơn.

Những tư liệu có giá trị về nguồn gốc họ Lý ở Đại Hàn gồm một số di tích ở Hoa Sơn và những tài liệu về cuộc đời Lý Long Tường như bài văn *Thụ hàng môn ký tích bia* ghi chép chiến công của ông và bộ *Hoa Sơn Lý tộc phổ* ghi chép về dòng họ Lý trên bán đảo Triều Tiên.

Qua các tài liệu lịch sử, có thể nói rằng Lý Long Tường là con thứ của vua Lý Anh Tông (1138-1175), em vua Lý Cao Tông (1176-1210) và là chú vua Lý Huệ Tông (1211-1224). Sử ta ghi vua Lý Anh Tông có con trai trưởng là Long Xưởng sinh năm 1151, và Long Trát (Long Cán) - về sau là vua Lý Cao Tông, sinh năm 1173. Sử cũng có ghi Long Trát là con thứ sáu mà không đề cập đến bốn người con kia. Do đó, có thể Long

Tường là một trong bốn người này.

Năm 1226, Lý Long Tường đem đồ thờ của tổ tông cùng gia quyến đến cảng Vân Đồn (Quảng Ninh), rồi từ đó dùng thuyền trốn khỏi Đại Việt. Thuyền đi tới cửa sông Phù Lương, huyện Khang Linh, tỉnh Hoàng Hải, thuộc Bắc Hàn ngày nay. Sau đó ông cùng gia quyến đến lập nghiệp tại Trấn Sơn, huyện Bồn Tân, đặt hiệu là Tư Vi Tử.

Năm 1253, quân Mông Cổ xâm lăng Cao Ly, một cánh tiến đánh kinh đô, một cánh tràn về phía tây, đánh huyện Bồn Tân. Lý Long Tường cùng với quân dân địa phương tổ chức chiến đấu.

Sau 5 tháng chiến đấu, quân Mông Cổ thua và xin hàng. Để thưởng công, vua Cao Ly phong tước cho ông là Hoa Sơn tướng quân, đổi tên Trấn Sơn thành Hoa Sơn và truyền xây một cổng lớn, đặt tên là Thụ Hàng Môn để đánh dấu nơi tiếp nhận sự đầu hàng của quân Mông Cổ. Vua Cao Ly còn đặc cấp thêm cho thái ấp 30 lý, nhân khẩu 20 hộ.

Tại Hoa Sơn hiện nay còn lưu giữ một số di tích quý giá về Lý Long Tường, như các khu nhà, thành lũy, và Thụ Hàng Môn. Một ngọn núi ở vùng này mang tên là Hoa Sơn Vọng Quốc Đền, tương truyền là nơi tướng quân Long Tường lên đó ngóng trông về cố hương phương nam. Mỏm đá in dấu chân ông được gọi là Việt Thanh Nham (hòn đá xanh tên Việt). Mộ của ông ở phía tây Bồn Tân, dưới chân ngọn núi.

Dòng họ Lý Hoa Sơn đã được 26 đời, ở cả Nam lẫn Bắc Hàn và sản sinh được nhiều hiền tài. Theo *Thụ hàng môn ký tích bi* thì Hoàng tử Lý Long Tường có nhiều con trai, tất cả đều hiền đạt cả về văn lẫn võ, xứng đáng với uy thế của dòng họ.

Những danh nhân họ Lý

Theo sử sách thì họ Lý đã xuất hiện từ mấy nghìn năm nay, gần như ở khắp các nước miền đông Á châu, vốn là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc chịu ảnh hưởng của Trung

Hoa.

Ở Trung quốc, trong các danh nhân họ Lý thì Lão Tử là người nổi tiếng nhất. Ông tên Nhĩ, họ Lý, tự Bá Dương, thụy là Đàm, làm quan giữ sử sách nhà Châu, tác giả của *Đạo đức kinh*. Sau Lão Tử là Lý Quảng, một danh tướng từng đánh dẹp rợ Hồ đời nhà Hán. Hậu duệ của Lý Quảng có Lý Bạch (701-762), một thi hào đời Đường. Nhà Đường, một triều đại lừng lẫy về văn học kéo dài gần 3 thế kỷ, qua 20 đời vua, cũng bắt đầu từ một người họ Lý: Lý Uyên.

Thời hiện đại, hai nhà vật lý học Trung quốc Lý Chánh Đạo và Dương Chấn Ninh đã khám phá một qui luật vật lý học lúc phát nổ nguyên tử, đồng thời chứng minh được luật cơ ngẫu minh giải bằng Kinh Dịch, ngược với luật biên ngẫu của khoa học Tây phương. Nhờ đó mà hai ông đoạt được giải Nobel vật lý năm 1957.

Trong đại tộc Bách Việt, thời Bắc thuộc, sử ta ghi danh Lý Thân tức Lý Ông Trọng, quê huyện Từ Liêm, quận Giao Chỉ, người khổng lồ, sức mạnh phi thường, bị An Dương Vương cống sang Tần, đánh dẹp Hung Nô lập được nhiều chiến công và được đúc tượng thờ nơi Vạn Lý Trường Thành.

Nhiều thế kỷ về sau, đời vua Hán Linh Đế (168-189) cuối nhà Đông Hán, dân ta sang Tàu học tập, thi cử đỗ đạt và được bổ dụng làm quan có Lý Tiến, Lý Cầm và Trương Trọng.

Họ Lý tìm về quê hương VN

Dưới thời VN Cộng hoà, các đại diện họ Lý, qua Đại sứ Đại Hàn tại Sài gòn, đã liên lạc thơ từ và tiếp xúc với họ Lý miền Nam, đặc biệt là với nhà tỉ phú Lý Long Thân và con cháu đại phú gia Lý Thành Nguyên, trong Nam quen gọi là Bá Hộ Xường ở Chợ Lớn.

Bằng đi một thời gian vì can qua xáo trộn, đầu tháng 11 năm 1994, từ Hán Thành, thủ đô Đại Hàn, hậu duệ Hoàng tử Lý Long Tường sẽ lần đầu về thăm đất tổ sau 768 năm lưu lạc

tại xứ người.

Trích theo tin Hán Thành, báo *Lao động* phát hành tại Sài gòn ngày 20.10.1994 tường thuật: Cụ trưởng tộc của dòng họ Hoàng tử Lý Long Tường đã tặng Việt Nam bộ gia phả nhà Lý dày hơn 400 trang và gửi gắm tâm tư tình cảm đối với quê hương. Hiện nay có trên 200 gia đình thuộc hai chi lớn của dòng họ Hoàng tử Lý Long Tường đang sinh sống tại thủ đô Hán Thành và Youdo Dong.

Cũng trong năm 1994, nhiều người đã tham dự lễ hội kỷ niệm Hoàng tử Lý Long Tường do Hiệp hội Hợp tác Phát triển Văn hoá Kinh tế Hàn Việt tổ chức ở hai địa điểm Hán Thành và trấn Hoa Sơn, tỉnh Hoàng Hải, nơi Lý Long Tường lập công giúp Cao Ly chiến thắng quân Nguyên Mông năm 1253, được vua Cao Ly phong chức Hoa Sơn tướng quân.

Vào tháng 5.1995, ông Lý Xương Căn, tổng giám đốc công ty điện khí ở Nam Hàn, hậu duệ Hoàng tử Lý Long Tường, đã về lễ tổ Lý Bát Đế (tám đời vua Lý) ở đền Đô, làng Đình Bảng. Sau chuyến đi tiên phuông này, một số nhân vật Hàn quốc khác, trong đó có thành viên thuộc di duệ vua Lý Thái Tổ, cũng đã tới Đình Bảng.

Tuy nhiên theo một nhà nghiên cứu tộc phả Nam Hàn khác, ông Pyun Hong Kee, thì người Việt đầu tiên sang Cao Ly không phải là Hoàng tử Lý Long Tường mà là Hoàng tử Lý Dương Côn, em vua Lý Thần Tông (Lý Dương Hoán, 1116-1138). Lý Long Tường sang Cao Ly sau Lý Dương Côn khoảng 100 năm. Cháu sáu đời của Lý Dương Côn là Lý Nghĩa Mẫn có công phò vua Minh Tông dẹp loạn nên được phong tể tướng Cao Ly trong 14 năm. Sau đó xảy ra chính biến, Tể tướng Lý Nghĩa Mẫn và 4 con bị hạ sát.

Hậu duệ của Lý Dương Côn là Lý Tinh Thiện hiện còn sống ở Nam Hàn, có bộ *Tinh thiện Lý tộc thị phổ*, ghi rõ gốc gác của tổ tiên.

Hơn tám thế kỷ sống ở xứ người, hậu duệ họ Lý vẫn không quên nguồn gốc, quê cha đất tổ. ●

Ông Huyện Sĩ, Người Giàu Số Một Nam-Kỳ

Hứa Hoành



Hồi nhỏ, tôi thường nghe ông bà nhắc câu phương ngữ “Nhứt Sĩ, nhì Phương, tam Xường, tứ...” để sắp hạng các nhà cự phú miền Nam hồi đầu thế kỷ 20.

Có người không đồng ý. Họ bảo: “Chú Hoả ở Sài gòn giàu nứt tiếng. Ông Quách Đàm từng cất chợ lớn mới, tức chợ Bình Tây đồ sộ hiến cho chính phủ, sao không có tên trong bốn nhà giàu xưa ở Nam kỳ?” Theo tôi, chú Hoả, ông Quách Đàm, đội Có... là những người giàu thuộc thế hệ sau các ông kể trên. Họ sống và tạo sản nghiệp vào những thập niên đầu thế kỷ 20.

Thuật lại cuộc đời và sự nghiệp ông Huyện Sĩ, chúng tôi chỉ muốn làm sống lại quãng đời và hoàn cảnh xã hội ông đã sống, không có nghĩa là đề cao hay chê bai. Việc khen chê ở ngoài khả năng của chúng tôi.

Ông Huyện Sĩ tên ban đầu là Lê Phát Sĩ, sinh năm 1838 tại Cầu Kho, Gia Định. Lúc đi học, vì trùng tên với thầy học, mới đổi thành Lê Phát Đạt.

Xin nói rõ về địa danh Cầu Kho. Trước 75, nhiều người tưởng địa bàn Cầu Kho chỉ là khu chợ Hoà Bình, quận 5, đường Nguyễn Cảnh Chân. Hồi đầu thế kỷ, địa phận Cầu Kho lớn

hơn nhiều, chạy tới bến Chương Dương. Năm 1832, Cầu Kho thuộc huyện Tân Long, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định. Bản đồ Gia Định do Trần Văn Học vẽ năm 1815, chỉ rõ vị trí Cầu Kho: “Kho Giản Thảo hình vuông, xung quanh có sông rạch thiên nhiên làm hào bao bọc, vừa là thủy lộ cho ghe thuyền chở lúa ra vô. Mặt tiền kho ăn thông tới vàm Bến Nghé. Ba mặt còn lại là rạch Bến Chiểu (dệt chiếu) ăn qua rạch Bàn (có nhiều cây bần, sách gọi thủy liễu) rồi chảy ra rạch Bến Chùa (chùa Kim Cương, khu thành Ô-ma)”. Cầu Kho là tiếng gọi tắt “cây cầu bắc qua con sông nhỏ để vào kho Giản Thảo”. Kho này còn có tên là kho Cẩm Đệm, thành lập năm 1741 dưới thời chúa Nguyễn ở Nam hà. Vừa lên ngôi, vua Gia Long ra lệnh mở rộng kho để làm chỗ tích trữ lúa thâu góp được từ các

trần của Gia Định thành. Lúc đó kho Giản Thảo gồm 6 dãy nhà lợp ngói.

Thời Pháp mới chiếm Gia Định, khu vực Cầu Kho, Chợ Quán là khu cư trú của nhiều gia đình phú hộ và những người theo Thiên Chúa giáo. Tuy Gia Định thành thất thủ năm 1859, nhưng Pháp vẫn chưa hoàn toàn bình định được đất Bến Nghé. Những người theo Thiên Chúa giáo lần lượt qui tụ về Cầu Kho, Chợ Quán để tránh bị triều đình trừng phạt. Pháp tận dụng khu này vì nghĩa quân khó xâm nhập, trà trộn đánh phá. Cầu Kho là quê hương của Tôn Thọ Tường. Chợ Quán là trụ quán của Trương Vĩnh Ký. Hạ thành Gia Định xong, Pháp tổ chức lại vùng Cầu Kho, lập ấp Nhơn Hoà sau gọi là phố Nhơn Hoà. Đến năm 1865, gọi là Nhơn Hoà xã. Chợ Quán là xã Nhơn Giang.

Trở lại chuyện ông Huyện Sĩ.

Thuở nhỏ, cậu Sĩ theo học trường đạo thuộc chủng viện Lái Thiêu, tiền thân là chủng viện từ Chantabun, Thái Lan, dời qua. Được 4 năm, thấy cậu bé thông minh, ngoan đạo, các thừa sai Pháp mới nâng đỡ, cho cậu du học ở Penang, một hòn đảo nằm phía tây bán đảo Mã Lai. Trong thời gian này, các thừa sai Pháp như Tarin, Pillon, Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc) đi về giữa Lái Thiêu với Penang, Singapore mà một số trái cây nhiệt đới như xoài riêng, chôm chôm, măng cụt... có dịp du nhập nước nhà. Trường hợp này cũng giống như ông Trương Vĩnh Ký đem các giống cây ấy về quê hương của ông tại Cái Mơn, xã Vĩnh Thành. Các môn học chính lúc đó đều bằng chữ Pháp và chữ Latin. Khi Pháp qua, ông Sĩ nhờ thông thạo hai thứ tiếng ấy, được hội truyền giáo giới thiệu làm thông ngôn với Trung úy Francis Garnier, tham biện đầu tiên tỉnh Chợ Lớn.

Năm 1863, Lê Phát Đạt đổi xuống Tân An, giúp đỡ viên tham biện Pháp trong việc cai trị. Lúc đó các điền chủ trong vùng đều bỏ chạy xuống miền Tây tị nạn. Tại Sài Gòn, Pháp ra thông cáo: Ai đứng tên, làm chủ đất đai trong vùng (Pháp chiếm) phải hồi cư để khiếu nại quyền sở hữu. Quá hạn 3 tháng, những đất "vô chủ" sẽ thuộc quyền nhà nước Pháp. Với thông cáo ấy, Pháp nghiêm nhiên chiếm đoạt thêm nhiều ruộng đất. Để củng cố lòng trung thành của những người Việt hợp tác, Pháp cấp cho họ những sở đất lớn dưới hình thức gán như cho không. Cụ Vương Hồng Sển viết: "Còn nói gì hồi Tây mới qua, nghe nói lại, những chủ điền cũ đều đồng hè bỏ đất, không nhìn nhận vì e nổi quan và triều đình Huế khép tội theo chính phủ Pháp. Vả lại họ cũng ước ao một ngày kia Tây rút lui. Chứng đó ai về chỗ nấy, hóp tốp làm chi cho mang tội... Không dè bởi đất không ai nhìn, nên khi Pháp lập hội đồng thành phố có ủy ban điều tra, rồi đưa nhau đi khám xét từng vùng. Đến chỗ nào địa thế tốt thì những hội viên bản xứ nhìn nhận là đất của mình". Họ chỉ đóng thuế tượng trưng là hợp pháp. Nhờ

vậy, Đỗ Hữu Phương, Huỳnh Công Tấn, Trần Bá Lộc... trở thành những đại điền chủ đầu tiên ở Nam kỳ. Trong phạm vi hoạt động của họ, những người đó thực sự là những lãnh chúa. Huỳnh Công Tấn chiếm hầu hết đất Gò Công. Trần Bá Lộc làm chủ nhiều sở đất từ Mỹ Tho xuống Cái Bè. Trần Tử Ca làm chủ đất ở Hốc Môn, Bà Điểm. Đỗ Hữu Phương bao thầu các sở đất từ Chợ Lớn tới Bình Điền. Và Lê Phát Đạt nắm giữ các ruộng đất vùng Tân An.

Năm 1880, Pháp lập ra Hội đồng Quản hạt Nam kỳ (Conseil Colonial), một cơ quan tư vấn tối cao, từ năm 1925 có quyền phủ quyết ngân sách. Ông Huyện Sĩ là một trong những hội viên đầu tiên, vô dân Tây lấy tên là Philippe Lê Phát Đạt. Một người Việt khác là ông Duom (?). Lúc mới thành lập, Hội đồng Quản hạt có 12 hội viên, phần lớn là người Pháp.

Nhờ theo Pháp, những nhà giàu mới tại Nam kỳ xuất hiện. Mỗi người một cách sống mà tính tình bộc lộ qua cách ăn ở, cư xử trong gia đình và ngoài xã hội. Giàu lớn, tự phụ, kiêu căng tàn ác là Trần Bá Lộc. Giàu lớn mà tham lam là Trần Tử Ca, bị giết năm 1885. Dốt nát, hiếu sắc và tàn ác là Huỳnh Công Tấn. Trung thành với Pháp nhưng còn chút lương tâm là Đỗ Hữu Phương. Ăn cần ở kiem, hiền lành là Huyện Sĩ. Nhà lớn của ông ở Tân An, nơi phòng khách có treo câu đối biểu lộ tánh khí của ông:

*Cần dũ kiem, trị gia thượng sách
Nhân nhi hoà, xử thế lương đồ.*

nghĩa là: Cách ăn ở trong gia đình hay nhất là cần kiem. Việc đời tốt nhất là nhường nhịn nhau.

Đường lối giáo dục con cái của ông Huyện Sĩ đã ảnh hưởng rất lớn đến các con ông sau này. Giai thoại kể rằng: Năm 1881, Pháp đem một chiếc xe du lịch qua trưng bày tại nhà hàng Catinat, đề giá 1000 đồng. Chiếc xe bày cả tháng nhưng không ai hỏi mua. Nghe tiếng ông Sĩ giàu lớn, Pháp xuống Tân An mời ông lên coi xe. Coi xong, ông chê mắc, không mua. Vậy mà hơn 10 năm sau, ông Huyện Sĩ xuất ra hơn 30 muôn bạc

(300.000 đồng) để xây một thánh đường nguy nga, đồ sộ tại chợ Đũi, dân quen gọi là Nhà Thờ Huyện Sĩ. Điều ấy chứng tỏ là giàu nứt đố đổ vách, ông Huyện Sĩ cũng không khoe khoang, không phung phí. Chuyện đáng xài, ông dám xuất một số tiền lớn, không tiếc.

Hiện nay tại tỉnh lỵ Tân An còn di tích một căn nhà lầu kiểu xưa rất lớn, nền đúc đá da qui, cao tới ngực, nằm tại ngã ba sông Bảo Định và sông Vàm Cỏ Tây, một địa thế mà dân chúng cho là kiểu đất phát tài, các con cháu đều giàu lớn nhiều đời.

Ông Huyện Sĩ Lê Phát Đạt mất ngày 20 tháng 11 năm 1900, thọ 62 tuổi, để lại 8 người con đều có Pháp tịch. Một người con gái của ông được gả cho Pièrre Nguyễn Hữu Hào, đại điền chủ, quê quán Gò Công, đạo Thiên Chúa, du học bên Pháp, đỗ tú tài toàn phần. Ông bà Nguyễn Hữu Hào sinh được hai người con gái: Agnès Nguyễn Hữu Hào lấy Bá tước Didelot, Khâm mạng Hoàng triều cương thổ; Mariette Jeanne Nguyễn Hữu Hào tức Nguyễn Thị Hữu Lan, năm 1943 kết duyên với Hoàng đế Bảo Đại, trở thành Nam Phương hoàng hậu. Ông bà Pièrre Nguyễn Hữu Hào được con rể phong tước Long Mỹ quận công. Long Mỹ là tên một quận thuộc tỉnh Rạch Giá, nơi ông bà có hàng ngàn mẫu ruộng.

Nhờ cá tính và truyền thống giáo dục gia đình, các con ông Huyện Sĩ đều giàu sang, quý phái và hiền đạt.

Trưởng nam ông Huyện Sĩ, Denis Lê Phát An (tức An Định Vương, 1867-1951) là một mẫu người độc đáo. Thời niên thiếu, cậu An học trường Chasseloup Laubat, đến năm 1887 thì được gởi qua Pháp du học. Thời gian này ở Nam kỳ có nhiều gia đình giàu có gởi con qua Pháp du học. Danh nghĩa du học Pháp nhưng thật sự là học tại Alger, một thuộc địa Pháp ở Bắc Phi. Đó là trường hợp các ông Diệp Văn Cường, Nguyễn Trọng Quản, Trương Minh Ký. Lê Phát An được học tại Paris. Hồi hương vào cuối thập niên 1880, Lê Phát An bắt

đầu công cuộc kinh doanh theo chủ nghĩa trọng thương đang phát triển ở Âu châu. Ông nghiên cứu cách lập đồn điền, lập hãng xưởng kỹ nghệ, nên khi về nước là áp dụng ngay. Sống trong nhung lụa nhưng ưa làm việc, siêng năng, có óc tổ chức, Lê Phát An là một mẫu người hiếm có. Tuy chưa được phong vương, nhưng cách giao thiệp và xử thế của ông chỉ có thể so sánh với hạng công hầu khanh tướng quý tộc bên Âu châu. Sinh trưởng trong một gia đình cự phú, có nề nếp, hấp thụ kiến thức Tây phương, Lê Phát An sống như một người quý tộc đúng nghĩa. Sự giàu có lớn của ông là do biết cách kinh doanh đem lại chứ không vì lợi dụng quen biết để xin khản đất khai hoang như Đỗ Hữu Phương.

Những nhà quý tộc Âu châu hồi đó như Bá tước De Montpensier, Hoàng tử Henri d'Orleans... cho đến Toàn quyền P. Doumer đều là bạn của ông và cư ngụ tại nhà ông mỗi khi họ có dịp đến Sài gòn.

Từ đầu thế kỷ 20 đến trước Thế chiến I, giai cấp tư sản ở miền Nam đã hình thành. Họ là chủ nhân các đồn điền cao su, các xưởng dệt, những nhà máy xay lúa xuất khẩu. Tuy nhiên lớp tư sản ấy chưa đủ mạnh

để trở thành một giai cấp đúng nghĩa. Cho đến khi Pháp lâm chiến bên Âu châu, hàng hoá Pháp chở qua Đông Dương bị gián đoạn và hạn chế, các nhà tư sản Việt Nam mới xuất vốn kinh doanh. Đó là trường hợp các ông Lê Phát An, Lê Phát Thanh, Lê Phát Vĩnh, Nguyễn Văn Yên, Trần Văn Chương, Nguyễn Văn Cửa, Trương Văn Bền, Trần Trinh Trạch, Nguyễn Tấn Sử, Lê Quang Liêm, Nguyễn Thành Điểm, Nguyễn Hữu Hào...

Năm 1920, Lê Phát Vĩnh (con thứ ông Huyện Sĩ) lập xưởng dệt tại Cầu Kho, sử dụng tới 50 nhân công bản xứ, tự túc nguyên liệu bằng cách cho nuôi tằm, kéo tơ. Năm 1925, Lê Phát An và ông Huyện Cửa (Nguyễn Văn Cửa, thân phụ Trung tướng Nguyễn Văn Xuân, người lập chính phủ đầu tiên năm 1948) mở nhà in lớn nhất Đông Dương tại Sài gòn, lấy tên Imprimerie de l'Union tại số 157 đường Catinat. Lê Phát An và Lê Tùng Long còn lập ra một công ty đèn điện rất qui mô, có 12 nhà máy phát điện khắp các tỉnh Nam kỳ, tới Phan Thiết và cả Cao Miên nữa. Thời gian này, nhiều đồn điền cao su được thành lập ở các tỉnh miền đông đất đỏ. Trong số các người Việt chủ đồn điền có chân trong tập đoàn cao su Đông Dương, ta có thể kể: Nguyễn Hữu Hào, Lê Phát Vĩnh, Lê Phát Tân, Nguyễn Văn Yên, Trần Văn Chương, Nguyễn Thị Tâm, Trần Văn Tư, Trương Văn Bền... Mỗi đồn điền rộng hàng trăm mẫu, sử dụng khoảng 200 công nhân. Ngoài ra Lê Phát An còn chung vốn với De Ligon để mở xưởng dệt tại Sài gòn.

Cũng chính Lê Phát An là người giữ vai trò quan trọng trong việc gả cháu gái của mình cho Hoàng đế Bảo Đại. Có hai tài liệu khác nhau.

Theo tài liệu thứ nhất: Hồi đó, Lê Phát An thường lên Đà Lạt săn bắn, nghỉ mát, dự các dạ tiệc. Ông có biệt điện gần thác Cam Ly. Những năm đầu thập niên 1930, Đà Lạt là một đô thị thanh lịch với đầy đủ tiện nghi sang trọng. Các dinh Toàn quyền, biệt điện Quốc trưởng... đang được xây cất. Mỗi lần tổ chức yến tiệc sang

trọng, các quan lại Pháp Việt cao cấp thường chọn khách sạn Dalat Palace (xây năm 1906). Mùa hè năm 1932, cô Nguyễn thị Hữu Lan, con gái ông Nguyễn Hữu Hào, vừa đậu tú tài toàn phần bên Pháp về nghỉ hè. Dịp này Lê Phát An sắp xếp với Toàn quyền P. Pasquier để cô Lan và Bảo Đại gặp nhau trong dạ tiệc do Khâm sứ Trung kỳ khoản đãi. Khách quý gồm Hoàng đế Bảo Đại vừa hồi hương cùng hàng trăm các tiểu thư khuê các, con gái các quan đại thần, tìm cách ra mắt để được tiến cử. Nguyễn thị Hữu Lan cùng cậu tới khách sạn rất sớm. Cô Lan ngồi chơi trên bãi cỏ trước khách sạn. Khi Hoàng đế Bảo Đại và đoàn tùy tùng đi ngang, cô Lan đứng dậy chào theo phép xã giao Tây phương. Sững sờ trước vẻ đẹp quý phái và đáng đáp thanh lịch của cô gái, Bảo Đại dừng lại hỏi chuyện. Sau đó hai người tiếp tục trò chuyện suốt buổi dạ tiệc, cùng nhau khiêu vũ và mối tình nảy nở từ đó.

Một tài liệu khác kể rằng: Năm 1932, trên chuyến tàu d'Artagnan chở vị hoàng đế trẻ tuổi hồi loan có một thiếu nữ con nhà khuê các đồng hành. Đó là cô Mariette Jeanne Nguyễn thị Hữu Lan, con gái ông Pieere Nguyễn Hữu Hào và là cháu ngoại ông Huyện Sĩ, kêu Lê Phát An bằng cậu ruột. Cô Lan học trường Couvent des Oiseaux bên Pháp, vừa đậu tú tài toàn phần, về thăm quê hương nhân dịp nghỉ hè. Có người cho biết, chính cựu Khâm sứ Charles, cha đỡ đầu của Hoàng đế Bảo Đại, đã sắp xếp để cô Lan đi cùng chuyến tàu với nhà vua. Khâm sứ Charles là bạn cũ lâu đời của gia đình Pieere Nguyễn Hữu Hào.

Sau một tháng lênh đênh trên biển, tàu d'Artagnan cập bến Vũng Tàu. Cô Lan được đại gia đình xuống đón, riêng Hoàng đế Bảo Đại thì sang chiến hạm Dumont d'Urville để ra Đà Nẵng. Một tháng sau, vợ chồng Khâm sứ Charles đưa Hoàng đế Bảo Đại lên Đà Lạt dự tiệc để gặp lại cô bạn gái xinh đẹp.

Cuộc hôn nhân giữa Nguyễn thị Hữu Lan và Bảo Đại thoát đầu gặp trở



ngại vì hoàng tộc, nhứt là bà Từ Cung, không đồng ý. Lý do phản đối là vì cô Lan có đạo Thiên Chúa, sợ rằng khi làm hoàng hậu sẽ không chịu thờ phụng các tiên đế. Cuối cùng vụ này cũng giải quyết được. Đức Giáo Hoàng chấp thuận cho cô Lan kết hôn với Hoàng đế Bảo Đại, một người khác tôn giáo. Ai giữ đạo nấy nhưng các con sinh ra phải được rửa tội.

Sau hôn lễ, Hoàng đế Bảo Đại phong cho Lê Phát An tước An Định Vương và nhạc phụ Pieere Nguyễn Hữu Hào tước Long Mỹ quận công. Đây là lần phong tước vương cuối cùng của nhà Nguyễn, và cho một người xuất thân từ hàng dân giả.

Người con thứ ba của Ông Huyện Sĩ là Lê Phát Thanh, cũng là một triệu phú. Ông có đồn điền cao su, ruộng đất ở Tân An. Năm 1900, ông cùng Toàn quyền P. Doumer xuống Cần Thơ dự lễ khánh thành kinh xáng Xà No, một công trình thủy lợi lớn nhứt miền Tây.

Người con thứ tư là Lê Phát Vĩnh, cũng giàu có, thế lực, biết kinh doanh và phong lưu rất mực. Giàu lớn nhưng không bủn xỉn hay phá gia chi tử kiểu các công tử Bạc Liêu sau này, Lê Phát Vĩnh ăn ở với người giúp việc, thuộc hạ và công nhân, tá điền rộng rãi nên được họ kính mến. Ông cũng là người sáng lập gánh hát bộ Kim Thành.

Có một giai thoại liên quan đến cá tính của Lê Phát Vĩnh. Ở miền Tây, ông có sở ruộng 1000 mẫu gần Phụng Hiệp, tỉnh Sóc Trăng. Đất này nguyên của một đại điền chủ đầu giá được khi kinh quan lộ Phụng Hiệp - Cà Mau mới đào (1914). Mua ruộng xong, Lê Phát Vĩnh cho máy cày dọn sạch cỏ lạt, nhổ gốc tràm còn sót. Đất rộng mênh mông, không đắp bờ mầu nên sử dụng máy cày khá dễ dàng. Tưởng áp dụng máy móc, kỹ thuật, công việc làm ruộng sẽ thành công dễ dàng, nhưng Lê Phát Vĩnh không tiên đoán được những phá hoại của chuột đồng, chim chóc và cua còng. Thuở đó, ngoài sở ruộng của ông, xung quanh là rừng rậm chưa khai phá, các loài chim cò tha hồ làm tổ. Tới mùa lúa chín, chúng kéo đến ruộng. Chỉ một

ngày một đêm, lúa chín chưa kịp gặt đã bị chim chuột phá hoại tàn nát. Mạ cấy xanh tươi chưa kịp mừng thì tới đến cua đồng cắn không, chưa một cọng...

Thất bại liên tiếp mấy mùa, Lê Phát Vĩnh nản chí, đăng báo bán sở ruộng ấy. Theo cụ Vương Hồng Sển, ông đăng quảng cáo trên báo *Le Courrier Saigonnaise* đòi giá 80.000 đồng. Một vị điền chủ muốn mua, tìm tới thương lượng, trả giá tới 60.000 đồng rồi nhứt quyết không chịu trả lên. Tuy không bằng lòng bán với giá ấy, nhưng Lê Phát Vĩnh vẫn giữ liên lạc. Ông lập kế để bán được sở ruộng với giá ấn định. Một hôm ông nhờ một Pháp kiều cầm tấm danh thiếp đề tên "*M. R. Gremieux, Représentant de la Société Rizicole du Transbassa Cl o Hotel Continental (Saigon)*... Công ty Societe Rizicole Indochine có thật, thành lập năm 1910, có gởi chuyên viên qua Mỹ mua máy cày, học cách sử dụng kỹ thuật bón phân làm ruộng và từng thí nghiệm phương pháp mới tại điền Thới Lai, Cờ Đỏ. Thấy khách sộp, lại dân Tây, đi xe Traction bóng lộn, vị điền chủ ấy tiếp đón niềm nở. Khách ngỏ ý muốn mua lại sở ruộng mà vị điền chủ đang thương lượng để mua của ông Lê Phát Vĩnh. Ông ta nói:

- Nếu ông đã mua, xin bán lại cho chúng tôi với giá 100.000 đồng. Nếu ông còn thương lượng, xin nhường để chúng tôi mua, chúng tôi sẽ hậu tạ ông 10.000 đồng. Nếu ông đồng ý, tôi xin ký chi phiếu 10.000 đồng, coi như tiền cọc. Nếu trong vòng 60 ngày, tôi không hoàn tất việc mua bán, số tiền cọc ấy coi như mất.

Được mỗi lợi bất ngờ, hôm sau vị điền chủ tới nhà ông Lê Phát Vĩnh, thoả thuận mua sở ruộng mà không trả giá lên xuống đồng nào cả. Tới ngày hẹn, không thấy người Pháp mua ruộng, bấy giờ vị điền chủ kia mới biết mình trúng kế. Nhưng được 10.000 tiền cọc thì kể như ông mua sở ruộng ấy giá 70.000 đồng mà thôi. Những năm 1920-25, giá vàng chỉ có 60 đồng một lượng.

Một giai thoại khác về cách ăn

chơi của ông Lê Phát Vĩnh. Lúc mua sở ruộng ở Phụng Hiệp, ông hay lên xuống Sóc Trăng để coi sóc công nhân, tá điền làm mùa. Thay vì nghỉ đêm ở Bungalow là chỗ sang trọng dành cho khách giàu có, Lê Phát Vĩnh thường đến khách sạn ông Ba Hưng, một người Tàu. Lý do vì ở đây có phục vụ thú "đi mây về gió". Có đêm nằm bên bàn đèn, ông cao hứng gọi bồi mồi cô Sáu Cồn, một ả giang hồ nổi tiếng đẹp và sang nhứt tỉnh thời đó. Cô Sáu Cồn rất kén, cô chỉ làm bạn với các công tử, ông chủ điền hay thầy thông thầy ký mà thôi. Cô ngồi xe kéo tới khách sạn. Vừa bước vô phòng, thấy một người đàn ông gầy gò, mặc bộ đồ ngủ ngả màu cháo lòng, trông đáng điệu bạc nhược, cô Sáu Cồn thất vọng, ngồi chưa nóng chỗ đã xin về. Lê Phát Vĩnh biết rằng cô gái giang hồ nổi tiếng ấy chê mình, nên sai người bồi tới nhà cô Sáu, kêu một cô gái khác, không cần đẹp. Suốt đêm, cô này ngồi tiêm thuốc phiện cho ông hút và chỉ trò chuyện mà thôi.

Sáng ra, Lê Phát Vĩnh hỏi:

- Em muốn mấy "miếng"? ("Miếng" là tiếng lóng, chỉ tờ giấy 1 đồng).

- Tà-líp (tarif: giá biểu) suốt đêm là hai "miếng". Tùy anh muốn cho bao nhiêu cũng được.

Ông Vĩnh móc bóp, lấy hai miếng đưa cho cô ả, cười tình, nựng cảm rồi đưa cô ra cửa. Cô ta bỏ tiền vào túi lên xe về nhà. Tới nơi, cô móc tiền ra coi lại:

- Ủi mền dec ơi! Ông cho em tới 200 đồng!

Cô Sáu Cồn cũng chạy lại con. Quả thật, hai tờ giấy bộ lư. Cô Sáu Cồn cười gượng vì tiếc rẻ. Đêm thứ hai, rồi đêm thứ ba, Lê Phát Vĩnh đều cho gọi cô gái ấy tới tiêm thuốc và trò chuyện. Sáng nào trước khi ra về, ông cũng đưa cô hai miếng. Từ đó, cô gái giang hồ nổi tiếng là cô "xít xăng" (sáu trăm). Riêng cô cũng rất hãnh diện vì trong cuộc đời làm gái giang hồ, có lần đã được một vị khách giàu có, phong lưu tặng tới 600 đồng, tương đương 10 lượng vàng! ●

Đọc, Chọn và Sửa Bài: Một Công Việc Phức-Tạp và Bạc-Bẽo

Nguyễn Hương

*Dù người viết tiếng tăm cách mấy, bài của người đó
chỉ có lợi nếu có người khác đọc vào.*

L.R. Blanchard

Sau mười ba năm phụ trách việc đọc, chọn và sửa bài cho tạp chí *Làng Văn*, tôi có thể khẳng định, trong cộng đồng người Việt, đó là một nghề bạc bẽo, một công việc phức tạp mà người lấy sự được yêu chuộng làm lẽ sống, không ai chịu làm.

Nhân thực hiện cuốn *Làng Văn trong dòng thời-cuộc*, Nguyễn Hữu Nghĩa bảo tôi viết một chương về công việc mà chúng tôi đã làm chung, ngay từ trước khi *Làng Văn* ra đời. Nhận thấy đây là một mối ưu tư cần được chia sẻ giữa những người cùng làm nghề biên tập, và giữa người viết với các báo, để tạo sự cảm thông trong công việc, tôi xin ghi lại đôi điều, nặng về "tâm sự" hơn là biện giải...

Chủ biên, chủ bút - *editor* trong anh văn và *rédacteur* trong pháp văn - là người đọc và sửa bài trong tòa báo, cơ sở truyền thanh truyền hình hay nhà xuất bản. Cộng đồng hải ngoại quen dùng động từ "nhuận sắc" để chỉ việc đọc và sửa bài và danh từ

"chủ-bút" để chỉ người làm công việc này.

Trong nước hiện nay quen dùng động từ "biên-tập" để chỉ công việc biên soạn, góp ý kiến với tác giả, kiểm tra những sai sót của bản thảo tài liệu đưa xuất bản; và danh từ "biên tập viên" để chỉ người làm công tác biên tập hoặc cán bộ chịu trách nhiệm về việc xuất bản.

Danh từ "chủ bút" thông-dụng từ thời VNCH và ở hải-ngoại; "tổng biên tập" thông dụng trong nước hiện nay; tiếng Anh là *editor-in-chief*, Pháp là *rédacteur en chef*. Tất cả đều chỉ người chịu trách nhiệm tổng quát, chọn bài, phân phối cho các biên tập viên và đọc lại, quyết định lần chót các bài đã sửa. Trong một tòa soạn ít người, chủ bút và chủ biên thường khi là một hay hai người, bao hết các mặt.

Trong cuốn *Nghệ-thuật biên-tập* hai tác-giả Floyd Baskette và Jack Sissors viết, người sửa bài đòi hỏi phải có óc phán đoán, trí tưởng tượng, nhận xét tinh tế, kiến thức rộng, tính hay thắc mắc, đa nghi và có thiên tư

về việc nhuận sắc.

Về tầm quan trọng của việc nhuận sắc, L.R. Blanchard thuộc hệ thống báo chí Gannett nhận định: "Một ban biên tập giỏi mà không có ban chủ biên có thể ra được một tờ báo hạng xoàng. Một ban biên tập tầm thường mà có chủ biên có khả năng có thể ra được tờ báo hạng khá. Một ban biên tập giỏi được hậu thuẫn bằng ban chủ biên giỏi thì chắc chắn sẽ ra được tờ báo hay".

Nguyên-tác

Nguyên-tác làm việc căn-bản của chủ biên là sửa văn, không sửa ý.

Các lỗi thường gặp nhất là chính tả, văn phạm và dụng ngữ.

Nhắm vào đối tượng đại chúng, bài viết phải giản dị, dễ hiểu. Câu văn phải ngắn, tránh dùng nhiều mệnh đề phụ. Phải cắt bỏ những chi tiết rườm rà. Tìm chữ dễ hiểu hơn để thay các chữ khó.

Nhắm đối tượng chuyên môn, phải làm nổi rõ những khám phá mới, những quan điểm sâu sắc được trình bày với những dữ kiện chính xác.

Trình độ cao nhất là kỹ thuật.

Người sửa bài phải biết là tác-giả nhắm tới điểm nào, nói lên điều gì để giúp độc giả nắm được vấn đề.

Phải lấp những chỗ sơ-hở.

Phải viết lại những đoạn tối nghĩa.

Phải sửa chữa những chi tiết sai lạc.

Khi cần đào sâu một vấn đề, nhấn mạnh một chi tiết, người sửa bài phải viết thêm vào.

Đôi khi phải loại bỏ những câu, những ý trùng lặp hay đảo lộn thứ tự của nhiều đoạn văn.

Dù nhắm vào bất cứ đối-tượng nào, bài đã sửa bao giờ cũng phải sáng hơn, và thường phải gọn hơn, có khi phải sâu hơn.

Bàn về chuyện sửa bài, ông Nguyễn Ngọc Ngạn có kinh-nghiệm làm việc với các nhà xuất-bản Mỹ, đã viết một đoạn khá dài trong cuốn *Nhìn lại một thập niên*: "Cũng giống như tòa soạn một tờ báo, nhà xuất-bản Mỹ làm việc hết sức cẩn trọng.

Hiện nay tôi còn giữ toàn bộ bản thảo đầu tiên tôi gửi cho E.P. Dutton... Hơn 400 trang bị gạch xóa, cắt xén và sửa chữa nát bấy, tỉ mỉ từng chi tiết, có khi đảo lộn cả bố cục, đưa chương trước ra chương sau. Đó là trách nhiệm và quyền hạn của chủ bút. Một số báo chí và nhà xuất bản Việt-nam thì khác. Tác giả thường không bằng lòng cho tòa soạn sửa bản thảo, mà tòa soạn cũng ngại sửa vì sợ mất lòng. Đôi khi gặp bài quá dở hoặc sai lỗi chính tả bẽ bết mà tòa soạn vẫn phải đăng để giữ mối giao tình. Tôi hoàn toàn phản đối việc làm cầu thả này. Tôi cho rằng, chủ bút phải có khả năng và trách nhiệm sửa bản thảo của các tác giả gửi đến, nhất là bài biên khảo, đừng để khi đăng lên báo, trở thành trò cười cho người đọc và làm hại những thế hệ mai sau cần tra cứu."

Các nhà văn quen nghề, hiểu việc rất đồng ý với ông Vũ Thụy Hoàng, khi ông viết trên *Thế-kỷ 21* số 60 về vấn đề sửa bài: "Tính tự ái, tự cao tự đại của một số người viết không chuyên nghiệp, thường làm cho việc sửa bài thành khó khăn thêm. Một số văn nhân, thi sĩ đôi khi quá chú trọng đến từng từ ngữ, cũng như một số người có địa vị trong xã hội, hoặc có bằng cấp mà vì tự ái không dễ dàng đón nhận những sửa đổi. Họ có thể bất bình khi bài chỉ bị sửa một vài chữ dù là đồng nghĩa. Câu 'nếu đăng, không được sửa', hoặc câu 'văn mình, vợ người' phản ánh tâm trạng của một số người coi văn thơ của mình là nhất, và không muốn ai sửa-đổi."

Vũ Thụy Hoàng có 40 năm làm báo, hiện cộng-tác với tờ *Washington Post*.

Đừng tưởng chỉ có bài từ xa gửi về mới phải sửa, ngay cả bài của chủ bút cũng đưa cho một vài người khác đọc và góp ý kiến. Trong tòa soạn *Làng văn*, người bị sửa nhiều lần nhất là Nguyễn Hữu Nghĩa. Có bài phải viết đi viết lại năm bảy lần, cho đến khi anh nổi cáu gắt lên, song khi hết bực, lẳng lặng ngồi xuống sửa tiếp. Có khi hai chúng tôi sửa xong, fax cho một biên-tập-viên khác ở xa đọc. Vẫn còn

có chỗ có thể sửa được!

Riêng tôi, ít khi viết, nhưng mỗi khi viết vẫn chuyển cho nhau đọc để sửa. Chỉ sợ bài mình viết không được đọc sửa trước khi đưa ra. Có người đọc trước, dù là một độc giả bình thường, đã tốt; nếu được một người thạo nghề đọc cho, thì là một hạnh phúc lớn.

Tôi bôi xanh bôi đỏ vào bài của Nguyễn Hữu Nghĩa thế nào thì khi anh đọc lại bài tôi, cũng gạch xóa lung tung như thế. Dĩ nhiên không phải để "trả thù" nhau, và dĩ nhiên không phải vì thế mà tránh được hết các chỗ lầm-lỗi!

Chúng tôi tin rằng các bài "không phải sửa" của các nhà văn trước khi gửi đi, có khi đã được người nhà đọc và góp ý rồi. Viết bài mà không được người khác đọc sửa là một điều đại bất hạnh. Chỉ có những người kênh kiệu quá đáng mới dám cho rằng mình có tài đặt bút thành văn, không cần phải trau-chuốt gọt giũa gì nữa! Bậc thiên tài tất nhiên là có, nhưng không nhiều lắm. Trong mười ba năm ngồi ở tòa soạn, tôi đếm được khoảng độ mười tác gia viết bài không cần sửa. Chúng tôi rất quý họ. Nếu tất cả mọi nhà văn đều như họ, chúng tôi sướng lắm, chả phải làm gì!

Trong phạm vi nghề nghiệp, ai cũng thích lãnh lương mà ...không phải làm gì cả, hoặc không cần làm gì nhiều. Nghề sửa bài cũng không ra ngoài qui-luật này.

Nhiều-khê

Người sửa bài thường bị ghét hơn được thương, dù công việc họ làm có tốt đến đâu, dù bài sửa có trong sáng trôi chảy đến đâu. Một bài báo, một cuốn sách đưa ra, tác giả được khen thì vui lòng, nhưng mỗi "hạn" bị sửa bài vẫn không nguôi. Rất hiếm khi có một tác giả thành công, nói hay viết được một lời cảm ơn chân thành với các chủ biên đã chăm sóc cho đứa con tinh thần của họ. Không chửi là may rồi! Cũng trong mười ba năm gọt giũa, đánh bóng cho khoảng 50 cuốn sách, hàng trăm bài văn xuôi và văn

văn, tôi được một tác giả nhắc tới trên sách của ông ta; nhưng không phải để cảm ơn tôi đã đọc sửa, mà là đã có công xúi ông ta viết văn.

Cũng có những bài sửa rất dễ. Một vài tác giả "viết" bằng máy chữ không có dấu. Bài gửi cho *Làng Văn*, họ cứ để như vậy, không tra dấu vào. Thế mà trong hơn mười năm, chỉ một vài lần chúng tôi tra dấu sai tên nhân vật phụ hoặc nhân vật mới. Không phải chúng tôi giỏi, mà vì tác giả đó viết sáng, chữ dùng giản dị.

Ơn rất hiếm, nhưng oán thì nhiều. Ít nhất, tôi cũng đã làm cho *Làng Văn* mất dăm ba người viết! Nhưng đó là sự chọn lựa cần thiết, giữa phẩm chất của tờ báo và sự "được yêu mến" của người đọc sửa bài. Có cái này, thường phải chịu mất cái kia!

Theo ước-tính của chúng tôi, khoảng 70% người viết không thích nhưng không chống; 25% đồng ý và 5% cương-quyết chống.

Trong thời gian làm việc, chúng tôi thường nghe những lời than thở hay phàn nàn nhẹ nhàng, đại loại như:

- Tôi tra cứu mất công quá, tòa soạn cắt gân hết!

Đó là trường hợp chúng tôi phải giải quyết trường hợp tác giả tiếc tài liệu, nhồi nhét nhiều quá, đôi khi không nhằm chứng minh bất cứ một điều gì trong bài, làm độc giả khó nắm được ý chính. Đôi khi có những tình tiết chỉ có giá trị, hay thân ái với tác giả, không có lợi cho độc giả và không khí toàn bài. Biết rằng cắt đi cái ngón tay thứ 11 thì dễ coi hơn, nhưng ai cũng đau xót!

Có người khác gay gắt bảo:

- Sửa bài là kiểm duyệt tư tưởng! Tôi phản đối mọi hình thức độc tài, tôi đã phải xuống thuyền ra đi...

Thực sự khi đụng đến "tư tưởng", tức là về ý, chúng tôi gác trọn bài, không sửa. Không thể sửa khi tác giả viết "cộng sản chủ nghĩa ...cứu-tinh của nhân loại" hay "cướp bóc là một nghề lương thiện." Mỗi tờ báo, nhất là báo Việt nam trong hoàn cảnh bất thường hiện nay, có quyền có một lập trường chính trị riêng. Tư tưởng không hợp thì không đăng, không

được quyền viết ngược lại quan điểm của tác giả. Không đăng một bài trái lập trường của tờ báo, không phải là hình thức kiểm duyệt. Chuyện kiểm duyệt chỉ xảy ra khi bị đặt dưới áp suất của bạo lực. Nhà báo không có quyền bỏ tù ai. Báo này không đăng thì gửi báo khác, chẳng có gì cấm đoán, ràng buộc.

Nhuận sắc khác với kiểm duyệt. Bỏ đi một vài đoạn có tính cách mê

tín dị đoan quá sức cổ hủ, không phải là kiểm duyệt. Xóa hay đổi đi vài chữ tục tằn không cần thiết, không phải là ngăn chặn quyền tự do phát biểu! Cắt bớt một vài chữ, vài câu hay vài đoạn trùng lặp ý tưởng, thuộc phạm vi kỹ thuật, không phải lý do chính trị.

Khi nào phải sửa chữa?

- Sửa chữa tình tiết, ngôn ngữ. Đôi

khi sửa chữa để đưa ngôn ngữ, tình tiết trở lại đúng thời điểm bối cảnh của cốt truyện. Trong khi viết, vài tác giả buông trôi theo cảm hứng, cho nhân vật thời 1945 dùng những tiếng rất mới như "bề hội-đồng" (mới xuất hiện sau cuộc hành quân Lam Sơn, Hạ Lào); "bỏ đi tám, sức mấy" (xuất hiện thời 1965); "dàn chào", xuất hiện sau vụ Tổng thống Thiệu bắt dân biểu Trần Ngọc Châu.

Vài tác giả đặt vào miệng nhân vật những câu văn viết thay vì văn nói, dùng chữ không hợp với bối cảnh không gian hoặc thời gian của truyện: phải sửa.

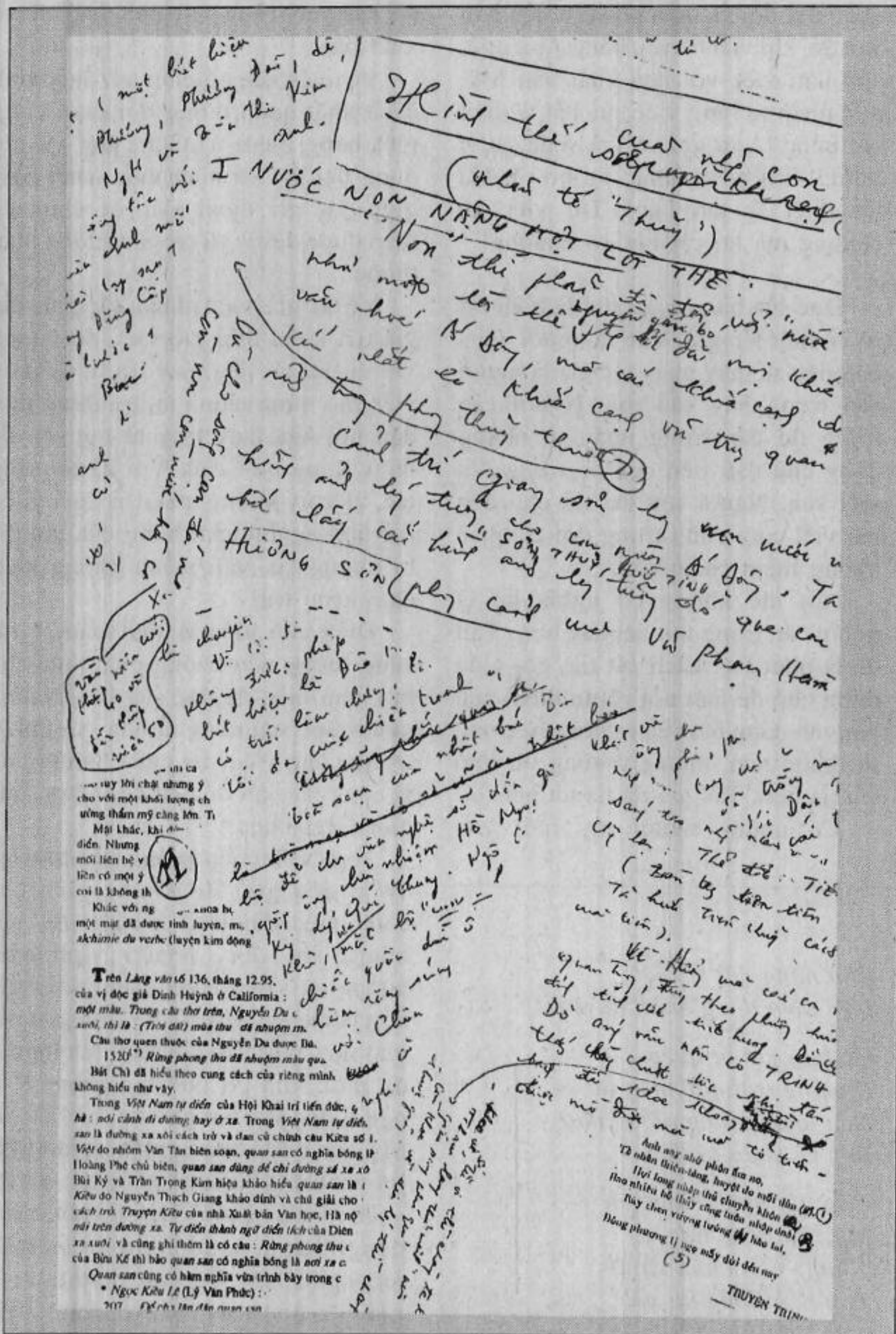
Có tác giả gọi vua Quang Trung là "Huệ" trong khi gọi Tôn Sĩ Nghị là Tôn tướng quân; gọi Ngô Đình Diệm là "Diệm", trong khi gọi Hồ Chí Minh là bác Hồ. Lại phải đưa các nhân vật lịch sử này về đúng cách gọi: Quang Trung, Tôn Sĩ Nghị, Ngô Đình Diệm, Hồ Chí Minh.

- Sửa chữa hình thức: Việc sửa bài, đôi khi có tính cách hình-thức, nhằm thống nhất cách trình bày trong cùng một tờ báo. Một vài thí dụ cụ thể:

Trong văn đối thoại, tòa soạn theo lối Việt nam. Để báo trước một câu nói: hai chấm xuống dòng, thụt vào một ô, gạch dài ở đầu dòng. Một số tác-giả trẻ ở Bắc Mỹ không thích lối này, đòi giữ nguyên là: hai chấm, xuống dòng, vào một ô, mở ngoặc kép. Dĩ nhiên tòa soạn không thể chiều ý.

Trong hàng chữ số, theo lối Việt nam: dấu phải nằm ở hàng đơn vị, dấu chấm nằm ở hàng ngàn. Thí dụ: một ngàn năm trăm đồng hai mươi xu, viết ra số thành 1.200,20\$ (thay vì theo lối Bắc Mỹ: \$1,200.00). Dĩ-nhiên khi viết chữ Anh, tòa-soạn theo lối Anh, nhưng trong văn Việt, phải chấm phẩy theo lối Việt.

Trong tên họ, viết đúng thứ tự Việt-nam, nhưng: Nguyễn-khoa-Nam, Nguyễn khoa Nam, Nguyễn-khoa Nam, Nguyễn Khoa-Nam hay Nguyễn Khoa Nam? Giải-pháp tạm dùng, là tên, họ, tên đệm đều hoa cả. Nếu họ gồm hai chữ, như Nguyễn-khoa, Nguyễn-phước, Lệnh-hồ, Âu-



Phóng-ảnh 3 bài báo ở dạng bản-thảo

dương thì chữ thứ nhì không hoa, giữa hai chữ có gạch nối.

Trong tên sông núi, tên vùng, tên tỉnh, tên nước cũng vậy. Nếu có gạch nối: Hồng-hà, Trường-sơn, Tây-ninh, Hà-nội, Việt-nam, Hoa-kỳ. Nếu không gạch nối: Hồng Hà, Trường Sơn, Tây Ninh, Hà Nội, Việt Nam...

Tên sách báo, in chữ nghiêng (như *Làng Vãn; Tiếng kêu của máu*).

Trên đây là một số cách trình bày, hầu hết theo lối cũ, mà chúng tôi ghi ra để cố giữ cho thống nhất hình thức trong cùng một tờ báo. Mai sau đất nước tự do, có một hàn lâm viện để đưa ra mẫu hướng dẫn, tất nhiên chúng tôi như mọi công dân khác, sẽ tuân theo.

Ngoài ra, còn phải tránh trùng lặp ý tưởng. Tránh câu văn quá dài với quá nhiều mệnh đề phụ. Tránh lẫn lộn nhân vật và bối cảnh dựng truyện. Tránh dùng chữ bất nhã khi không cần thiết. Tránh những ý tưởng hay cho nhân vật xử sự một cách thô bạo khi không có nhu cầu diễn tả một tâm lý nào đó. Cuối cùng là tránh giải thích quá nhiều.

Một nhà báo nhiều tuổi nghề viết cho chúng tôi như sau: "*Xin tòa soạn coi qua và sửa chữa cho có tính nhất quán, tránh lủng củng, sống sượng. Được tòa soạn quan tâm tu chỉnh, tôi rất biết ơn.*" Sau khi chúng tôi đọc và gửi đi một vài điểm đề nghị, tác giả trả lời: "*Tôi hoàn toàn đồng ý lẽ lối tu chỉnh bản thảo.*"

cảm xúc cuối năm

*Xuân đã về đầu phố
Quê người Tết lặng tờ
Không có tiếng pháo nổ
Sao lòng đã xác xơ.*

*Thôi đành tạo ra Tết
Cho đời bớt bơ vơ
Buồn đau không nói hết
Tan trong khói sương mờ.*

*Thả mắt vào ly rượu
Bồng bềnh hai con thuyền*

Có lần một nhà văn trẻ ở Pháp gửi cho chúng tôi một truyện ngắn. Trước khi gửi anh dùng máy điện toán cắt bài ra làm nhiều đoạn rồi ráp lại theo một thứ tự mới. Bài gửi đi, hai tháng sau anh định viết thư yêu cầu tòa soạn đổi lại thứ tự các đoạn thì báo đến. Tác giả sững sốt và thích thú khi thấy bài viết đã bị cắt ra, ráp lại y như lúc đầu! Dĩ-nhiên không phải lúc nào chúng tôi cũng may mắn như thế!

Có tác giả gửi bài, bị cắt nhiều quá, hờn dỗi và than phiền nhiều lần. Sau đó, khi viết truyện bằng Anh ngữ, anh làm việc với nhà xuất bản Mỹ, mới nhận ra rằng việc sửa bài là điều bắt buộc. Anh gọi về tòa soạn, cười hì hì: "Chị biết không, tui nó cắt bài tui thiệt là tàn bạo! Tui viết 16 chương mà nó cắt hết 14 chương!"

Đọc sửa bài, có cái thú là hiểu rất rõ về một tác-giả. Văn là người. Qua bài viết, sẽ thấy ngay tác giả là người cẩn trọng hay cầu thả. Người cẩn trọng thì cẩn trọng ngay từ những dòng chữ đầu tiên của họ trong đời viết văn. Người cầu thả thì cho đến bài viết cuối cùng trong đời cũng sẽ không thêm chấm câu.

Nói thế không có nghĩa hễ là người cẩn trọng thì viết hay hơn. Vấn đề là phải biết cách cắt tỉa, gọt giũa đúng chỗ để làm nổi rõ ưu điểm của bài viết. Gặp bài của người cẩn trọng thì khoẻ hơn, nhưng thường thì khó cắt tỉa hơn. Tác giả đã tỉa tốt hết rồi!

Có những người tuy mới viết

nhưng bài của họ rất gọn và gần như hoàn chỉnh, ít khi phải đụng tới, khiến người đọc sửa không phải bận tâm nhiều.

Có những người viết rất lâu năm, nhưng vẫn tham viết dài và dư, nhiều khi phải cắt gần 3/4 bài hay hơn nữa, phần còn lại mới không bị lạc đề hay mất quân bình!

Tóm lại, việc đọc sửa bài, tức nhuận sắc hay biên tập, là một công tác cần yếu trong sinh hoạt báo chí và xuất-bản.

Về tòa soạn, nó giúp tạo được tính cách nhất quán tương đối dưới cùng một bảng hiệu, ít nhất cũng về nội dung đại thể và hình thức trình bày, giúp độc giả thoải mái, dễ chịu, dễ nắm được đề tài và có cảm tưởng thân thuộc.

Về tác giả, việc nhuận sắc giúp tác giả tiết kiệm thời giờ viết, đỡ vướng víu đi tìm tài liệu, hay tra tự điển để viết cho đúng chính tả, tra đúng một dấu hỏi ngã, hay truy từ nguyên để dùng đúng một chữ. Với người sáng tác, việc ấy không quá cần thiết vì có thể làm nguồn cảm hứng của tác giả bị khựng lại, văn mạch không xuôi chảy trơn tru!

Điều cần hiểu là tòa soạn sẽ rất sung sướng nếu không phải thuê chủ bút, chủ biên để đọc sửa bài. Những người đọc sửa cũng không vui thú gì trong công việc sửa chữa. Nhưng đó là công tác cần để làm đẹp, làm sáng một tác phẩm.

Người đầu tiên hưởng sự chuốt lọc ấy là độc giả. Họ không phải làm công việc dãi lọc, đôi khi rất bức mình, khi đọc. Người vịnh viễn hưởng sự săn sóc ấy không ai khác hơn là tác giả. Họ có thể lãnh giải này giải nọ trong văn chương, hưởng đầy đủ mọi vinh dự nhờ tác phẩm. Còn người đọc sửa bài cho họ, nếu là Âu-Mỹ, chỉ được hưởng một phần quyền lợi vật chất (thường là 5% tác quyền) - còn nếu là người Việt: số không; hay đúng nhất là số âm: chỉ có sự trách móc, giận hờn. Đó là lý do tại sao tôi gọi việc nhuận sắc bài vở là một nghề bạc bẽo!

*Chở nặng đời ly biệt
Trôi theo dòng nhân duyên.*

*Có bao giờ ta quên.
Khoảng trời quê máu ứa
Nén hương lòng tưởng nhớ
Bay về khấn tổ tiên.*

*Cầu đất nước bình yên
Mùa xuân về hoa nở
Những con chim xa tổ
Tan bão đông lại về!*

viết phong

Tôn-Nữ Hoài-Niệm

Hoàng Nga



Niệm hay trêu tôi, hát nhại bài Sơn nữ ca:

- Tôn Nữ ơi, đời anh như cánh chim chiều, ngàn phương bạt gió tiêu điều...

Bị chị Hoàng chọc lại:

- Dân Huế khó, mà cậu lại đòi làm cánh chim chiều, chắc chẳng mong gì được đậu chốn lầu son gác tía rồi cậu Niệm ơi.

Niệm cười. Tôi cũng cười. Cả cái văn phòng địa ốc chỉ có sáu mạng, ngoại trừ anh Danh là “xếp” lớn hay đi đây đi đó, còn lại tôi, Niệm, chị Hoàng, Thạc và một ông lao công người Nam Tư hầu như ngày nào cũng phải thấy mặt nhau. Chị Hoàng và Thạc trạc tuổi, Niệm lớn hơn tôi khoảng một phần ba con giáp và cũng độc thân như tôi. Tính tình Niệm vui vẻ, hay giễu và đầy máu văn thơ. Niệm đã trêu tôi ngay từ lúc tôi mới vào nhận việc:

- Có bà con làm sao với Bảo Đại?

Tôi cười:

- Bà con gần. Tôi gọi ông ấy là ông như anh anh gọi ông trời là ông, như gọi “bác” Hồ là “bác”!

Niệm phì cười, biết ngay tính tình tôi cũng tếu không kém gì Niệm. Chúng tôi chọc nhau cả ngày. Niệm thích gọi tôi là Tôn Nữ suông, không tên, không chữ lót kèm theo. Niệm bảo:

- Tôi thích người Huế, nhất là người trong Hoàng tộc. Nội cái họ Tôn Nữ không là cũng đủ gọi cho người nghe một cái gì đó thơ mộng, xa vắng.

Tôi đùa:

- Hy vọng là anh không có ý định nhắc đến bài *Thăng Long thành hoài cổ* của Bà Huyện Thanh Quan.

Niệm không thèm đáp lời tôi mà bảo:

- Tôn Nữ biết không, tôi đọc tất cả truyện của Túy Hồng, Nhã Ca, Mường Mán... viết về Huế.

Tôi cười:

- Anh có ý định về du lịch Việt Nam không? Lúc này người ta mở hết các điện Thái Hoà, cung Khải Định, lăng Minh Mạng... rồi cho Việt kiều và khách ngoại quốc mượn áo mão của vua và cho leo lên ngai vàng để chụp một cái hình, thế là khi qua lại bên này, thiên hạ có thể kháo âm lên là đã từng làm... vua nước Việt!

Niệm nhăn mặt. Sau đó Niệm theo nài nỉ tôi nói tiếng Huế cho Niệm nghe. Tôi bảo:

- Nói tiếng Huế ở Sài gòn đã thấy dị dị, khác thường. Nói tiếng Huế ở cái đất Úc này nghe càng chướng tai sao đâu! Tôi đã gặp rất nhiều người quê ở Minh Hải, Cà Mau, những người mà trước khi ra nước ngoài không bao giờ có dịp đi đâu qua khỏi Biên Hoà, Hồ Nai chứ nói gì đến miền Trung hay miền Bắc; vẫn thường than thở họ không hiểu được tiếng của “người nẫu”. Tôi giải thích cho

họ nghe danh từ “nẫu”, gốc là của người Qui Nhơn hay Bình Định, có nghĩa là người ta, nên hai chữ “người nẫu” thường được dùng để ám chỉ những người dân vùng này. Họ chẳng hiểu gì cả, trố mắt ra kinh ngạc.

Niệm cũng trố mắt kinh ngạc. Tôi cười, tiếp:

- Tôi hay đùa, muốn tra tấn hay hành hạ những người này thì chỉ cần bắt họ nghe và phân biệt những giọng nói na ná giống nhau như giọng Quảng Nam và Quảng Ngãi, giọng Huế và Quảng Trị, tôi cam đoan với anh chừng độ nửa ngày thôi là họ sẽ lăn đùng ra chết ngay.

Niệm kỳ kèo bắt tôi giải thích sự khác nhau ấy ra sao, rồi cuối cùng lại cũng quay về cái yêu cầu cũ:

- Còn giọng thật của Tôn Nữ thì sao? Tôn Nữ nói cho tôi nghe có được không?

Tôi phì cười:

- Ra đường tôi nói giọng Nam, về nhà nói giọng Huế. Anh muốn biết cái giọng thật của tôi thì hôm nào lên đến nhà tôi nghe tôi cãi nhau hay la lối nạt nộ mấy đứa em là biết liền.

Thân với Niệm, tôi thấy vui, nhưng tình cảm dành cho Niệm vẫn cứ loang quanh hoài, không đi xa hơn tình bạn, tình đồng nghiệp. Chị Hoàng hay nửa đùa nửa thật ghép đôi

tôi với Niệm. Niệm giễu thêm:

- Tôi, một người độc thân, vui tính, hiền lành... nết na. Đời chưa một lần biết yêu cũng như chưa một lần dang dở. Nhưng khi yêu ai thì yêu cả một đời, yêu... một nghỉ. Từ vì của tôi bảo tôi có tính... sợ vợ đấy nhé! Tôn Nữ không biết, chứ đó là cái tính... đáng yêu nhất của một người đàn ông. Bởi vì nó là một bằng chứng sống, một cái *insurance* cho sự trung thành tuyệt đối, không bao giờ dám cãi lại lệnh bà...

Tôi cười. Niệm tiếp:

- Tôn Nữ mà không chịu nâng khăn sửa túi cho tôi, mai mốt tôi sang ngang thì đừng có ân hận hay khóc lóc đấy nhé!

Tôi đáp:

- Anh xài toàn *tissue*, khăn giấy, chùi xong là vứt ngay vào sọt rác, bảo tôi nâng đỡ cái nổi gì nữa đây.

Chị Hoàng:

- Không có khăn để nâng thì sửa túi vậy.

Tôi nhăn mặt:

- Có thấy cái túi nào của anh ấy bị hư hay bị thợ may ráp ẩu, ráp xiêu vẹo đâu mà chị bảo em sửa cơ chứ!

Tôi quay sang Niệm:

- Đã vậy áo anh lại không có cái nào sút chỉ đường tà để tôi biểu diễn... công dung ngôn hạnh nữa. Kiểu này chắc cái cơ hội khóc lóc tới với tôi cũng nhiều à, tôi đề nghị anh nên mua trước cho tôi một tá khăn tay, để nhớ anh có lên xe hoa, tôi còn có cái mà chùi nước mắt!

Niệm không mua khăn cho tôi, nhưng tặng tôi mỗi tuần một tấm vé số. Chỉ tiếc là chưa bao giờ nhà nước Úc cho tôi trúng một lô an ủi để... lấy lòng Niệm. Chị Hoàng lắc đầu:

- Đúng là vô duyên đối diện rồi cậu Niệm ơi!

Niệm cãi:

- Chị không nghe câu “đẹp trai không bằng chai mặt” sao? Em sẽ... kháng chiến trường kỳ cho đến khi nào Tôn Nữ xiêu lòng thì thôi.

Và Niệm bảo tôi trong khi chờ đợi kẻ hữu duyên đến thì Niệm vẫn tiếp tục mua vé số cho tôi. Ngược lại, mỗi buổi sáng trước giờ làm việc, tôi vẫn

cứ nên pha cho Niệm một ly cà phê sữa không có đường. Tôi đùa:

- Tôi nghi cái tình yêu thắm thiết anh dành cho tôi, ngó thì rất hấp dẫn, nhưng mùi vị của nó cũng đắng như ly cà phê anh uống, và cái số phận tôi thì vô duyên như những con số lotto cuối tuần rồi anh Niệm ạ.

Niệm bảo tôi cứ yên chí chờ... hồi sau sẽ rõ, bởi vì thiên hạ còn ví tình yêu như trái phá, như mìn nổ, thì tình yêu của Niệm đâu có đắng chút chút mà thơm ngon như ly cà phê sữa không đường cũng đâu có sao.

Niệm có thói quen ăn quà vặt giống tôi. Những hôm không có Thạc, một ông chuyên môn làm “gián điệp” báo cáo chuyện trong văn phòng cho anh Danh để lập công; rảnh, Niệm hay rủ tôi sang bên kia đường ăn bánh cuốn. Vừa ăn, Niệm vừa chê:

- Bánh cuốn ở đây dở nhất thế giới. Bao giờ bà già tôi sang đây, tôi sẽ mời Tôn Nữ lại nhà đãi một bữa. Cam đoan ăn xong là nhớ đời.

Niệm bảo lãnh và năn nỉ hoài mà bà mẹ vẫn không chịu đi. Niệm than trời. Tôi cười:

- Chắc bà già anh biết sang đây chỉ hầu hạ cho anh nên không chịu đi là đúng rồi.

Niệm chép miệng:

- Bà già biết rõ là tôi không về du lịch du lịch gì cả, mà vẫn không chịu lên máy bay cho rồi.

Mẹ Niệm chắc còn vương vấn cái gánh nặng mấy đứa cháu con ông anh của Niệm. Niệm kể:

- Cứ mỗi lần tôi gửi tiền về là lại thấy mấy đứa nhỏ viết thư sang, bảo bà nội mới sắm cho tụi nó chiếc xe, cái máy. Trời, tôi gửi tiền về là để cho bà già xài, chứ có phải để cho mấy thằng “ăn cướp cạn” đó tước đoạt như thế đâu!

Tôi phì cười vì những từ ngữ Niệm dùng. Niệm tiếp:

- Vậy mà Tôn Nữ biết sao không, cứ hễ có đứa nào hay chính tôi đá động gì đến vụ tiền bạc này là bà cụ nổi trận lôi đình lên liền. Bà bảo: “Có tiền có của cho tao mà không để tao xài theo ý của tao muốn thì cho làm

gì?” Tôn Nữ thấy tôi bị chơi ép chưa? Nhiều lúc tức quá, tôi định thôi luôn không gửi về nữa, nhưng tức thì nghĩ vậy chứ lương tâm nào cho phép mình làm như thế phải không?

Tôi bảo:

- Anh nên lấy vợ. Có chừng một, hai đứa con là bà cụ sẽ sang ngay.

Niệm thở dài:

- Lấy vợ, có con là lo hầu hạ vợ con chứ lấy đâu ra thì giờ để chăm sóc bà cụ nữa hả Tôn Nữ? Tôi chỉ ước ao được sống gần bà cụ một thời gian, lo lắng chăm sóc cho bà cụ ít nhiều lúc tuổi già xế bóng... Không biết Tôn Nữ nghĩ sao, chứ tôi thấy các bà mẹ Việt Nam mình, người nào cũng long đong vất vả đủ điều. Bà cụ nhà tôi suốt đời thân cò lặn lội. Hết hầu hạ hy sinh cho chồng con, lại đến lo lắng, khổ sở với cháu chắt. Chưa bao giờ tôi thấy mẹ tôi dám làm một cái gì đó cho chính mình, thậm chí tiêu pha cái gì cho bản thân bà bằng đồng tiền mồ hôi nước mắt của bà làm ra mà cũng còn e dè, áy náy.

Tôi rùn vai:

- Nhưng quan niệm của người phụ nữ Á châu, của người Việt mình là vậy. Đi xa khỏi cái quỹ đạo hy sinh và hầu hạ, tôi nghĩ có thể các cụ cảm thấy mình sống không đúng với đạo nghĩa... - Tôi đùa - Hồi còn ở nhà, anh có nghe bài hát “Phụ nữ Việt Nam vốn hay chăm hay làm, có Đảng chỉ đường như là đôi mắt sáng” không? Tôi nghĩ xưa nay bà cụ nhà anh vốn đã là phụ nữ đảm đang, giờ lại được sự dẫn dắt của Đảng, chắc chắn đã giác ngộ Cách mạng nên không chịu đi theo con đường tư bản phương Tây là đúng rồi!

Niệm bật cười vì câu nói đùa của tôi nhưng lại thở dài buồn bã. Tôi hiểu Niệm, nhưng chẳng biết phải an ủi Niệm thế nào. Giữa tôi và Niệm, hình như có nhiều điều rất gần gũi thân quen, nhiều điều dễ dàng chia sẻ cho nhau. Vậy mà không hiểu sao những bức rào chắn, những ranh giới vô hình không thể vượt qua được vẫn luôn luôn hiện diện. Đôi khi tôi có cảm tưởng Niệm không dám bộc bạch, phơi bày hết mọi nỗi lòng ra với

tôi, vì như thế sợ tôi thấy rõ sự yếu đuối, mềm lòng của anh. Bao giờ cũng thế, sau những điều có tính cách tâm sự vụn, những bày tỏ chân thật ấy là Niệm lại cười cười, rồi nói lảng qua chuyện khác. Mỗi khi nghĩ đến Niệm, tôi vẫn thường tự hỏi không biết Niệm nghĩ về tôi như thế nào. Máy con em tôi thích Niệm lắm. Con em kể tôi nói:

- Bà với ông Niệm nên yêu nhau quách cho rồi. Thân nhau đến vậy, hiểu rõ về nhau như vậy, yêu nhau là khỏi cần mất công dò lòng, đưa đẩy, tìm hiểu về nhau.

Đứa khác cảnh cáo:

- Anh Niệm trắng trẻo, đẹp trai, cũng "con nhà" đảng hoàng. Bà bày đặt ỡm ẹo, chê bai, thế nào cũng có ngày già kén kẹn hom cho coi.

Tôi thở dài:

- Biết làm sao bây giờ? Bộ tui bây không nghe... cái lương có câu "Con tim có lý lẽ riêng của nó" sao?

Con em tôi lườm một cái dài:

- Bà nói thử cái lý lẽ cà chớn đó cho tui nghe coi tại sao ông Niệm bị bà chê?

Tôi cười:

- Thiệt ra tao đâu có chê ông Niệm. Nhưng chỉ kẹt một nỗi là ông ấy không có nói yêu thương hay đòi cưới hỏi gì tao. Chỉ đùa khời khời cho vui như vậy thì đâu có đủ để khẳng định cái gì mà bảo tao khen hay chê.

Con em tôi làm thinh, nhưng xem nó có vẻ không vui. Chẳng biết nó nghĩ tôi khó chịu, kén chọn lung tung hay nó suy nghĩ đến những điều tôi vừa nói, là Niệm chỉ thích trêu hoa ghẹo nguyệt một chút cho... vui đời tị nạn như thiên hạ vẫn hay đùa? Thỉnh thoảng chúa nhật rảnh rỗi, mấy con em tôi hay bày trò nấu nướng rồi bảo tôi mời Niệm lại nhà, bắt Niệm ăn bún chan mắm ruốc cay xé lưỡi, hay ăn bánh canh tôm cua bột gạo sệt nước mà tôi biết là hầu hết người Nam lẫn người Bắc đều không quen mất và khẩu vị. Nhiều hôm thấy Niệm vừa toát mồ hôi vừa chảy cả nước mắt khi rán ăn cho hết những món hai con em tôi tự chế nhưng lại ca tụng là đặc sản của dân Huế, tôi đâm ra tội nghiệp

giữa biển xanh

Ta sẽ làm chi cuối cuộc đời
Đôi vầng thơ thả gió ngàn khơi
Sáng ra vườn tưới hoa vài khóm
Chiều ngó lưng trời mây trắng trôi...!

Đã hiểu ý đời như bọt sóng
Đâu buồn đâu biển chuyện ngàn năm
Bánh xe cứ mãi lăn vòng xích
Nghe mộng hoang đường lạnh bến trăng.

Ta sẽ làm chi cuối hải trình
Hồn nhiên mây trắng kết dài xinh
Hoa thơ, ai dệt màu nhân ái
Nở giữa biển xanh bát ngát tình.

tuệ nga

Niệm. Vậy mà hể tôi lên tiếng la lối hay ngăn cản thì Niệm lại xua tay:

- Không ăn được ớt thì làm sao lột lõi để nói tiếng Huế cho thông?

Niệm bảo mấy con em tôi bày cho Niệm nói tiếng Huế, chỉ cho Niệm phân biệt giọng Huế miền quê và giọng Huế thành nội. Một con xạo xự:

- Ông mẹ mô khoe tui dân Huế mà noái là "ợ ngái" với "ợ ngàn" thì anh phải biết là Huế nhà quê. Quê ba bốn cục. Vì Huế thành nội như em thì noái ở xa với ở gần.

Niệm khoái đám em tôi lắm. Lâu lâu học được chữ gì mới, Niệm hay lên khoe với chị Hoàng. Chị Hoàng trêu Niệm:

- Trong điển Tàu có người đi ở rể ba năm, nhưng cuối cùng không cưới được vợ chỉ vì không học hết tiếng... Huế.

Niệm phì cười, đáp:

- Chị biết câu ca dao "Yêu em anh cũng muốn vô, sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang" không? Phá Tam Giang ngày rày đã cạn rồi chị Hoàng, em lội cái một qua luôn cả Sydney Harbour, vài ba cái phá ở Tam Giang mà nhằm nhò gì! Nói thật với chị, em chỉ ngán... cháu ngoan bác Hồ thôi, chứ truông nhà Hồ thì em... dư sức qua cầu.



Cái cầu Niệm dư sức để qua, không hiểu là cầu tre lắt lẻo hay cầu khi gặp ghềnh mà Niệm đi hoài chẳng tới. Tôi đứng bên này cái phá cạn queo nước, trông ngóng nhiều lần đến mỗi cả mắt, mồn cả hơi, sắp biến thành hòn vọng phu, mà chỉ thấy mỗi ngày Niệm càng xa tắp, càng mịt mù. Cuối cùng tôi quen với Hữu sau một năm đi làm. Quen hết sức tình cờ, trong bữa tiệc cưới của một cô bạn. Con em tôi được dịp giở cái giọng đánh đá ra:

- Anh Hữu không tấn công, chắc chán bả cũng hăm hờ nhào vô.

Miệng con em tôi độc như sứa lửa. Nhưng thật tình mà nói thì tôi họa có ngu mới không chịu một anh chàng chỉ vừa tròn ba mươi sáu, sự nghiệp vững vàng, đã đẹp trai lại còn có thêm nghề tay trái là đánh đàn dương cầm cho một ban nhạc nhỏ ở thành phố này. Đã vậy, ngoài những điều kiện "ắt có và đủ" ấy ra, Hữu còn đạt thêm một điều quan trọng nữa là chàng đã "tiền công hậu kích" tương xứng ngay sau khi biết tôi. Chàng không những chỉ... áp đảo một mình tôi mà còn ra sức "tranh thủ", hối lộ mấy con em tôi bằng đủ mọi thứ "vật chất xa hoa". Hữu đánh đàn có bài bản, có kế hoạch, sách vở đảng hoàng chứ không lừng khừng như... Niệm. Con

em tôi thở dài:

- Tui thích ông Niệm thiệt, nhưng ông Hữu cũng làm tui áy náy vô cùng. Cả hai người đều dễ thương như nhau!

Tôi đùa:

- Nếu mi thích ông Niệm thì tau làm mai cho.

Con em tôi trợn mắt:

- Bà đừng có giở cái giọng cà chớn của Thúy Kiều "ngồi lên cho chị lay rồi sẽ thưa" đó ra với tui! Mặt tui ri mà đi lượm của rơi của rớt hả?

Tôi dần dần:

- Nhiều khi của rớt mới là của bỏ đó nghe mi! Mi không nghe thiên hạ nói "tình chị duyên em" đó rằng?

Con em tôi nổi sùng trả đũa:

- Vậy thì tui xin thân tặng cô bà cái thằng cha "thi sĩ... một bài thơ" ở Bankstown đang trên đường theo đuổi tui đó. Cui bộ cái con người tràn ngập văn chương thi phú của bà có vẻ hợp với hần hơn tui.

Giữa Niệm và anh chàng thi sĩ ếnh ương cóc nhái con em tôi mới nhắc, gặp ai cũng giở trò tán tỉnh bằng cách vác bài thơ... duy nhất của mình ra

chép tặng; không biết ai có máu thi sĩ hơn ai. Nhưng so với Hữu, một người chẳng bao giờ màng tới chuyện văn chương phú lục gì cả, thì không cần đem đi so tài độ sức cũng biết chắc chắn Niệm nắm phần thắng một trăm phần trăm. Hữu của tôi nghe nhạc *techno*, nhạc *rap* ồn ào điếc cả màng nhĩ. Chàng hoàn toàn khác hẳn Niệm, hoàn toàn chẳng có cái sở thích lẩn quẩn ở nhà tán gẫu, nhắc nhở chuyện Sài gòn, chuyện Việt Nam như Niệm. Chàng hay dẫn chị em tôi đi xi-nê, đi nhảy, đi biển và cả đi đánh tennis. Chàng chọn rộn như một đám tiệc, vui như hội, và dĩ nhiên là chàng "thoả" hoàn toàn cái vẻ "kim" trong đời sống cổ kim hoà điệu của chúng tôi ở nơi này. Hữu ga-lăng nịnh đầm. Hữu sôi nổi như người Tây phương. Và chàng cho Niệm đo ván, chết bẹp dí, chết héo chết hơn trong trái tim tôi. Hôm vừa mới thấy chàng đến đón tôi lần đầu, chị Hoàng đã vội vã kêu lên như ai oán:

- Con sáo sắp bay xa rồi đây này thiên hạ ơi!

Tôi nhìn chị, vờ vĩnh:

- Chị đoán như thần! Đâu mà dễ bay dữ vậy hả chị?

Chị Hoàng lắc đầu:

- Nhìn cô cậu tình tứ như thế kia, không cần làm thầy bói cũng biết ngay, chối cãi gì nữa hả cô em?

Ngồi ở góc đằng kia, Niệm làm bộ tảng hắng như "báo cáo" cho chị Hoàng biết Niệm cũng đang có mặt ở trong phòng. Chị Hoàng quay lại phía Niệm cười cười:

- Đành xin thành kính phân ưu cùng cậu vậy!

Niệm ngó tôi, đưa bàn tay lên:

- Tôi cho Tôn Nữ năm phút để... sám hối. Lát nữa Tôn Nữ phải trả lời cho tôi biết là Tôn Nữ chọn tôi hay chọn anh chàng có chiếc Toyota trắng sáng này?

Cả phòng phì cười. Tôi tặc lưỡi:

- Nếu anh chỉ hỏi chọn anh hay chọn anh chàng ấy thì còn dễ trả lời, đằng này anh lại thêm chiếc Toyota mới cáo cạnh làm gì khiến tôi... bối rối quá anh Niệm ạ.

Niệm lườm tôi:

- Tôn Nữ ăn nói độc địa, gai góc như ván của mấy bà nhà văn gốc Huế. Chắc đàn bà cổ đô, người nào cũng như vậy hết phải không?

Tôi cười:

- Đâu có. Chỉ vài người Chúa... thương, cho đập đầu rắn, bị rắn cắn và được truyền cho một mớ nọc mới độc như vậy thôi.

Niệm la trời. Những ngày sau đó đi làm, hễ nghe chị Hoàng đùa chuyện tôi với Hữu, là Niệm lại hát:

- Tôn Nữ ơi, làm chi cho đón đau lòng trong một thời gian rồi thương rồi nhớ...

Và rồi Niệm nghiêm giọng:

- Tôn Nữ tưởng Tôn Nữ không yêu tôi là làm to rồi đó nghe chưa. Mai kia một nọ, đời hết chọn rộn, lòng hết lao xao, quay lại phía sau lưng một trăm tám mươi độ, chỉ còn thấy bóng hình tôi tràn ngập trong tim, chắc lúc ấy Tôn Nữ mới biết thế nào là hối hận hả?

Tôi rụt cổ cười đáp:

- Lúc đó tôi sẽ lần một trăm chuỗi, đọc một trăm kinh cáo mình, tôi xin thú nhận cùng Thiên Chúa Toàn

chung một niềm đau

*Thế là xong, một cuộc chiến hư hao
Anh bên kia, tôi bên này chiến tuyến
Anh cụt chân, tôi thương binh loại tám
Hai cuộc đời có khác chi nhau!*

*Cả hai ta cùng một niềm đau
Kẻ thất trận và người thắng trận.
Suốt một thời mang danh người lính
Làm được gì để cứu quê hương?*

*Hai mươi năm bước dưới con đường
Đầy bóng tối và đầy giả dối
Cả hai ta đã nhìn thấy lối
của mình đi không phải đường này.*

*Nếu mong rằng súng nổ ngày mai
Viên đạn tôi chắc không nhắm anh bắn
Vì quê hương, ta cùng chung chiến tuyến
Đốt lao tù, phá sạch xiềng gông.*

đổ đặng bắc



Năng, lỗi... kệ tôi mọi đàng.

Niệm lườm tôi:

- Tôn Nữ phỉ báng thần thánh, dám đem kinh kệ ra giễu.

Tôi cười:

- Tôi tội lỗi đây mình.

Niệm hấp háy mắt:

- Mai một thế nào ông Pierre cũng sẽ cầm một cái roi mây đứng trước cổng thiên đường chờ Tôn Nữ lên đến nơi là quát cho vài roi.

Chị Hoàng nheo mắt:

- Chỉ vì cái tội không chịu yêu cậu hủ cậu Niệm?

Niệm lắc đầu:

- Không phải, nhưng mà sẽ là cái tội ngoại tình tư tưởng sau này. *Be sure* với chị, Tôn Nữ sẽ thương nhớ em khôn nguôi, sẽ âm thầm khóc lóc, bi thương thống hối cho coi.

Tôi đùa dai:

- Nếu vậy ông Pierre sẽ tưởng thưởng cho tôi vì tôi.... chung tình, suốt đời chỉ yêu thương mỗi một mình anh.

Tôi khoái đọc tiểu thuyết. Và đã đọc rất nhiều loại tiểu thuyết tình cảm, từ loại ba xu rẻ tiền, loại ăn khách, *best seller* như truyện của Quỳnh Dao, cho đến những loại được mệnh danh là bất hủ, để đời, và cả những loại... không thể hiểu được mà thiên hạ vẫn đặt tên là loại tiểu thuyết triết lý, loại văn hùng dũng bắt người đọc phải có một trình độ thưởng ngoạn cao chót vót như ngọn Hy Mã Lạp Sơn..., vậy mà hình như trong tất cả các loại tiểu thuyết ấy, tôi chưa bao giờ thấy một ông hay một bà nhà văn nào múa bút mô tả một mối tình... cà từng như mối tình của Niệm dành cho tôi. Nếu như ngày trước tôi chưa quen Hữu, Niệm chỉ có chừng ấy câu để chọc ghẹo, thì sau khi vắn đã đóng thuyền, tôi đã chính thức là bồ của Hữu, Niệm cũng chẳng hề thay đổi gì cả. Chẳng hề có một chút khổ đau thất tình nào hiển hiện trên mặt cho tôi... khoái trá, cũng chẳng tỏ ra đang âm thầm chịu đựng, chẳng “yêu một phút để mang sầu trọn kiếp” gì ráo. Niệm oang oang hát:

- *Đã vội chi men rượu nhấp đôi môi, mà phung phí đời em không tiếc*

nuối...

Có đôi khi Niệm còn giả giọng sụt sướt của Chế Linh ra để trêu tôi:

- *Người yêu giờ bỏ ta đi, nên thương đau thui thủi một mình...*

Chị Hoàng cười:

- Hôm nọ sao nghe cậu đòi chiến đấu tới chết cơ mà?

Niệm:

- Thì em cũng tính vậy, nhưng đâu có ngờ nửa đường lại... úy tử tham sanh. Không dám chết thì phải đầu hàng chứ chị.

Thạc:

- Vậy thì chuyến này ông nên xuống tóc đi tu cho rồi.

Niệm lên giọng hát ngay một bản nhạc đã bị sửa lời:

- *Đường tương chao tàu hủ dưa leo, ai chưa ăn chưa phải thầy chùa... Trông thói đời cười ra nước mắt...*

Về nhà kể lại cho đám em tôi nghe. Đứa nào cũng bảo:

- Anh ấy dối lòng.

Tôi “hừ”:

- Tụi bây ảo tưởng.

Con em kể tôi giờ giọng thầy đời:

- Trong cái lương hay tiểu thuyết thì khi một kẻ bị tình phụ, hay nói nôm na như trường hợp... anh Niệm bây giờ, là bị thất tình, thì chắc chắn chàng hay nàng sẽ cuốn gói lên đường, sẽ ra đi “về cuối trời quên lãng”, sẽ liêu mình... xa hiện tại, lánh tương lai; nói chung lại là sẽ không thêm nấn ná ở cái chốn có vát vưởng khuôn mặt khả ố của kẻ bạc tình... Bảo đảm với bà là với những pha thảm não như vậy, cái lương hay tiểu thuyết sẽ làm cho hàng triệu khán giả, độc giả rớt nước mắt, ướt khăn mù-xoa. Nhưng ở ngoài đời thiệt thì làm gì có cái chuyện dễ dàng như vậy xảy ra! Ở ngoài đời, một khi đã tính tới cái chuyện bỏ đi là phải tính tới chuyện bỏ *job*, chuyện nộp đơn đi xin thất nghiệp hay đi xin việc làm khác, rồi lại phải mượn nhà, đổi chỗ ở tùm lum chứ đâu có thể ngủ bờ ngủ bụi, hay uống nước lã cầm hơi là xong. Đó là không kể ở bên này tự do trăm bề, chứ ở Việt Nam thì phải tính luôn tới chuyện chuyển hộ khẩu, mách mung hối lộ đầu này đầu nọ cho công an,

cho phường khóm chứ bộ khơi khơi mà chấm dứt một cuộc tình bằng cách ra đi khi trời chưa kịp sáng dzậy đâu...

Con em thứ ba của tôi định chen vào nói thêm điều gì đó nhưng vừa mở mồm là đã bị tôi gạt:

- Tụi bây mới là vô duyên. Ai nói là ông Niệm yêu tau và thất tình mà phải bàn cãi tới chuyện bỏ đi hay ở lại? Tau kể cho tụi bây nghe về cái thái độ dửng dưng của ông để mấy con bây biết là không có chi nghiêm trọng giữa tau và ông Niệm cả, cũng như tụi bây đừng có giờ cái giọng cà chớn ra mà chửi tau lòng dạ sắt đá.

Con em tôi cãi lại:

- Bà đâu có xẻ lòng ông mà biết ông không “trong héo ngoài tươi”? Bà có để ý là từ dạo nghe bà quen với ông Hữu thì ông “chuồn” mất không? Bà có thấy ông lại nhà mình chơi như xưa nữa không? Lần nào tui điện thoại gọi ông lại, ông cũng kiêu có thoái thác. Nếu như lòng trắng trơn như miếng giấy trắng, thì ông vẫn tỉnh bơ tới ăn uống với tụi mình không được sao?

Tôi chống chế:

- Lỡ ông sợ ông Hữu hiểu lầm?

- Mắc mớ chi hiểu lầm? Sao anh Thạc, anh Danh không sợ mà ông lại sợ? Có chi mới sợ chứ!

Và rồi nó tỉnh bơ kết luận:

- Vì ông thương thầm bà mà không nói ra, giờ lại không thể bỏ đi khơi khơi được nên phải làm bộ dửng dưng để không ai đoán ra được nỗi lòng!

Tôi không thể nào tin được Niệm yêu tôi và “vui là vui gượng kẻo là” như mấy con em nhuộm máu... cái lương của tôi đã hồ đồ đoán xét, dẫu tôi cũng thấy chừng như Niệm có vẻ buồn hơn lúc trước. Một lần nghe Niệm thở dài, chị Hoàng hỏi lý do, Niệm trả lời là mới nhận được tin tức không vui ở bên nhà. Nhưng lập tức ngay sau đó Niệm lại đùa và kể lể chuyện tiểu lâm cho chúng tôi nghe.

Cái thái độ bình thản của Niệm làm tôi yên tâm. Tôi vui vẻ lên văn phòng kể chuyện tôi sẽ lập gia đình

với Hữu, kể chuyện Hữu mới mua được một căn *apartment* và đề nghị tôi nghỉ làm vài tháng để ở nhà lo việc nhà. Tôi cũng kể cả việc tôi rất lấy làm hoan hỉ khi đồng ý với Hữu điều này, và chúng tôi sẽ cưới nhau ngay khi tôi hoàn tất thủ tục nghỉ việc.

Ngày cuối cùng tôi đến sở làm để chào từ giã, anh Danh mua một cái bánh kem của Pháp cho chúng tôi uống trà. Trời mưa rả rích. Tôi và Niệm cùng ngồi quay mặt về hướng đại lộ. Niệm im lặng rất lâu mà chẳng nói lời nào, mãi sau mới chỉ cho tôi thấy một cặp nam nữ quàng vai nhau đi dưới cơn mưa bay tình tứ. Niệm hát *dắt dìu nhau vào cõi thiên thu* rồi nói:

- Ngày xưa từng có lần đi với Tôn Nữ dưới trời mưa như thế này mà không dám quàng vai Tôn Nữ, giờ nghĩ lại thấy... tiếc ghê!

Tôi đập tay lên vai Niệm:

- Ai bảo làm phách không thêm quàng!

Cả phòng phì cười. Niệm quay lại ngó tôi, chớp chớp đôi mắt sáng:

- Tôn Nữ dữ thấy mờ, ai dám!

Anh Danh chen vào:

- Tôi có một kinh nghiệm rất hay.

Tôi hỏi:

- Kinh nghiệm gì vậy anh?

Anh Danh cười:

- Kinh nghiệm này dành cho các ông.

Chị Hoàng:

- Thì anh nói ra cho chị em tôi học cách đối phó vậy.

Anh Danh quay sang phía Niệm:

- Cũng được. Nhưng kinh nghiệm này phần lớn là dành cho... cậu Niệm. Lần sau, hễ cậu thích cô nào thì cứ nhào đại tới cầm tay. Nếu cô ấy thích mình, chắc chắn là chỉ phản đối lấy lệ nhưng rồi cũng bồi hồi để yên bàn tay ngà ngọc trong tay mình. Ngược lại, nếu không chịu, cô ấy sẽ làm dữ, nhưng bảo đảm với cậu, cùng lắm chỉ là một cái... tát tai mà thôi. Phụ nữ, chỉ trừ các cô có võ, chứ một cái tát tai, cậu thấy đâu có ăn thua gì phải không?

Chúng tôi cười ầm. Niệm lườm anh Danh:

- Anh đợi đến lúc người ta sắp sửa

lên xe hoa rồi mới chỉ vẽ cái kinh nghiệm ấy thì còn làm ăn gì nữa!

Anh Danh:

- Tình trường bao la bát ngát, thua keo này ta bày keo khác, đánh trận này không được thì chuẩn bị cho trận khác vậy.

Niệm háng giọng:

- Thua một trận là đã xất bát xang bang rồi anh không thấy sao? Ngó tình vậy chứ chết hết cả lòng chứ không phải chỉ chết một ít như cái nhà ông thi sĩ tiền chiến viết vớ vẩn đâu. Cười cười vậy chứ thương thiệt đó nhen!

Thạc:

- Thương sao không nói?

Niệm la lên:

- Trời ơi, gần quá, quen quá, nói sao được!

- Vậy sao không nhờ người khác nói?

Niệm nhăn mặt:

- Bỏ đi cha nội. Thời buổi này mà cha nội tính chuyện cạy nhờ mai mối cho thiên hạ được dịp để cười mình hả?

Chị Hoàng phì cười. Cả phòng mỗi người một câu trêu Niệm. Niệm cũng từng tưng tưng đùa lại. Anh Danh:

- Nhưng bây giờ quan trọng là cậu có muốn nhấn nhủ điều gì hay muốn người ta nói với cậu cái gì không?

Niệm ngó tôi:

- Ờ, cũng có lý đấy. Cho Tôn Nữ "phát biểu ý kiến" trước.

Tôi cười. Chị Hoàng:

- Xưa nay cậu Niệm mua vé số cũng nhiều, biết đâu giờ chót lại được trúng độc đắc thì sao!

Tôi... xỏ cho Niệm một lô an ủi:

- Anh biết hai câu thơ của Hồ Dzếnh, "*con người tôi gọi bằng em, nhớ tôi nhưng đã thành duyên lâu rồi*" không?

Niệm gật. Tôi tiếp:

- Thành duyên nhưng hứa với anh là sẽ nhớ anh muôn đời. Thương hoài ngàn năm anh Niệm ơi. Sẽ lấy tên anh đặt cho con đầu lòng. Dù trai hay gái cũng sẽ là Hoài Niệm...

Niệm chụng người ngồi im. Anh Danh chen vào:

- Thương anh thì thương rất nhiều

mà duyên kiếp lỡ làng rồi...

Thạc cũng chen vào:

- Hoài Niệm là nhớ về kỷ niệm hay nhớ về một người tên Niệm thế?

Tôi chưa kịp trả lời thế nào thì đột ngột Niệm quay lại nhìn tôi:

- Tôn Nữ đùa độc ác lắm, có biết không?

Tôi nhìn lại Niệm. Đôi mắt Niệm long lanh khiến tôi bối rối cúi mặt xuống. Cả phòng bất chợt lặng yên theo. Cái ánh mắt thật thân ái và dịu dàng của Niệm như khơi lên cho tôi những tình cảm dễ thương và dung dị mà Niệm đã mang lại cho tôi trong suốt thời gian dài làm việc nơi đây. Nó cũng khơi lên trong trí tôi những chân tình đậm ấm với những hôm Niệm lại nhà, ăn uống đàn hát và nói chuyện tiểu lâm, cười đến chảy cả nước mắt với chị em chúng tôi...

Tôi quay mặt đi ngậm ngùi. Trời vẫn rớt những hạt mưa bụi trong không làm nhòa đi cái khung cảnh trước mặt. Phía bên kia đường là tiệm bánh cuốn tôi và Niệm vẫn hay đi ăn những buổi xế chiều, mà đã lâu rồi, từ ngày quen với Hữu, không biết là do tôi đánh mất cái thói quen ăn quà vặt với Niệm, hay do Niệm cố tình tránh đi. Tôi nhướng mắt nhìn xuyên qua màn mưa, cố tình kiếm cái vuông gạch trước cửa tiệm bánh cuốn, nơi tôi vẫn hay đứng chờ Niệm hút hết điếu thuốc, hay chạy đi mua lotto cho tôi. Lòng tôi chao nghiêng đi như thể những ngọn gió đang thổi giạt màn mưa bay. Xa quá, và cả vì mưa, nên tôi không thể nhìn thấy được vuông gạch. Mắt tôi tự dưng cay xé. Tôi tự hỏi không biết rồi đây mỗi sáng thức dậy chẳng còn đến sở làm, tôi sẽ tiêu pha cái khoảng thời gian dài tám tiếng đồng hồ ấy vào việc gì. Đi phố, đọc sách, hay ở nhà ra vào cơm nước rồi chờ Hữu. Tôi thở dài. Sẽ chẳng còn bao giờ nữa tôi ơi, môi hôn hờ những nụ cười, lòng nở bung ra như một đóa hoa buổi sớm khi nghe ở phía bên kia bàn viết, có tiếng hát của một người rất dễ thương cất lên, *Tôn Nữ ơi, đời tôi như cánh chim chiều, ngàn phương bạt gió tiêu điều...*

Thế Đất

Lập Phương

Năm một chín năm tám, năm con chó. Hay năm con chó là năm một chín năm tám. Ông cụ Phụng bấm đốt ngón tay, tính giống, giáp, niên đại một hồi rồi bảo nó:

- Nếu mẹ mày bảo mày sinh năm con chó thì phải là năm năm tám. Thành Hanh viết năm sinh của nó vào trong tờ đơn xin thi đại học. Còn sinh ngày nào, vào tháng nào, nó tuyệt

nhiên không tài nào nhớ được. Loáng thoáng mấy năm trước nó cũng đã bị ra ngày sinh khi xin thi lên cấp ba. Cứ nghĩ thế là được rồi, người ta tất phải nhớ ngày sinh cho nó. Ai ngờ đến bây giờ hỏi lại, ai cũng bảo “chỉ có mày biết mà mày không biết thì làm sao người ta biết được”. Nó bảo ngày trước nó nộp giấy khai sinh với học bạ cấp hai cho ban tuyển sinh trường cấp ba huyện. Có người mách lên trường hỏi thử xem, may ra người ta còn giữ. Lại có người bảo giấy gói hàng trên tỉnh được giá lắm. Quyền học bạ của nó rẻ cũng được ba xu. Thành đất cả rồi. Phải chi cái ngày nó sinh mà đã biết cầm bút, thì nó đã ngoạch đại vào cuối quyển sách học, bây giờ đâu có phải ngồi suy tính như thế này. Chỉ có hai người là có thể biết ngày sinh của nó. Một là bà đỡ ở xóm đình, hai là mẹ nó. Bà đỡ mới mất năm trước. Còn mẹ nó thì lúc bảo sinh chạp cuối năm, lúc thì bảo sinh ngoài Tết. Chát vắn mãi thì bà bảo lúc ấy đau quá, làm sao nhớ nổi. Gần đến ngày hết hạn nộp hồ sơ, nó lấy bữa ngày mười lăm tháng chín là ngày sinh nhật. Có người hỏi tại sao. Nó bảo bác Hồ sinh ngày mười chín tháng năm, nó lấy ngày mười lăm tháng chín cho dễ nhớ. Người ta khen thằng thông minh, có chí khí hơn người, về sau tất sẽ làm cán bộ. Thực ra người ta chỉ nói theo, đoán dựa mà thôi.

Thằng Hanh làng Cầu đi đến đâu ai mà chẳng biết. Nó nổi tiếng khôn ranh. Khi còn nhỏ, chăn trâu cho hợp tác xã, mẹ nó bắt cấp thêm cái rá, bảo đồng chiêm đang gặt, thả trâu ở bờ sông, xuống ruộng đã gặt, mót ít lúa về nuôi vịt. Thằng trẻ trâu nào thả trâu ở bờ sông lại còn tâm trí đi mót lúa! Nó cũng thả trâu ở bờ sông như mẹ nó dặn, nhưng thay vì cấp rá đi mót lúa thì nó lại cởi quần áo để trên bờ, nhảy tùm xuống sông vùng vẫy với bọn trẻ cùng xóm. Tối xuống, đợi cho người làm đồng về hết, nó luồn vào giữa ruộng lúa chưa gặt, tay liềm tay vơ, làm một rá đầy, rồi cởi trâu về nhà. Mẹ nó nhìn thấy ngày nào nó cũng mót được lúa,

mừng lắm, bảo thằng Hanh đã biết thương mẹ. Nó cười thầm trong bụng, nghĩ bà già suốt đời làm xã viên hợp tác xã là phải. Một hôm người ta rình bắt được nó đang cất trộm lúa của hợp tác xã, tịch thu cả rá lẫn liềm, rồi mang về giao cho ông chủ tịch Dĩnh. Đến khi tính nhân khẩu chia lương thực, người ta phạt mẹ nó một thúng thóc hai chục cân. Mẹ nó kêu oan rằng nó mới mười tuổi đầu, chưa biết nghĩ. Ông chủ tịch hỏi mẹ nó khi xay lúa ăn trộm, có bảo nó chưa biết nghĩ không. Mẹ nó đuối lý đành về nhà bán đồ đàn vịt hai chục con cho người ta, gỡ lại vốn. Thằng Hanh biết lỗi ôm vai mẹ bảo sau này Hanh lớn Hanh sẽ làm bù. Mẹ nó không mắng một lời. Nó bờ côi bờ cút bố từ khi chưa lọt lòng, không thương nó thì thôi, sao nữa mắng.

Đạo nó học lớp năm. Một hôm thầy chủ nhiệm hỏi cả lớp sau này lớn lên làm gì. Có thằng bảo sẽ lái máy bay. Có thằng mơ làm bác học. Lại có thằng ước theo chân các chiến sĩ cách mạng. Đến lượt nó. Nó bảo sau này sẽ làm chủ nhiệm hợp tác xã. Thầy giáo thấy giấc mơ của nó cục mịch, bèn hỏi tại sao. Nó bảo làm chủ nhiệm hợp tác xã ăn gà cả ngày, còn muốn gì nữa. Thầy giáo tuy ngoài mặt tỏ ra không bằng lòng, nhưng cũng bắt giấc nuốt nước bọt đánh ực. Phi thực bất thành nhân. Thầy quay mặt đi, ngăm trách mình ngày xưa lỡ dại mơ làm nhà giáo.

Hôm đi thi hết cấp, nó ngồi nhờ xe đạp của thằng Chín, con ông chủ tịch, lên trường huyện. Xe đến giữa đường thì bị nổ lốp. Còn tới ba cây số nữa mới đến nơi. Hai thằng bàn nhau để xe lại quán sửa xe, chạy bộ đến trường. Hôm ấy thi văn. Đề thi hỏi một kỷ niệm đáng nhớ nhất trong đời. Nó viết về chuyện đi thi mà giữa đường xe bị hư, phải chạy bộ cho kịp giờ. Văn là ném, ném tức là phịa, mà phịa là nghề của nó. Chỉ cần có gì viết nấy, không thêm không bớt, cũng đã dựng tóc mai, rơi nước mắt người đọc. Đến phần liên hệ, nó ví như các chiến sĩ cách mạng của ta, chịu đựng gian khổ biết nhường nào để mang lại cơm

no áo ấm cho nhân dân. Rất vững lập trường. Rất thông quan điểm. Nó tuyệt nhiên không nhắc đến ước mơ làm chủ nhiệm hợp tác xã của nó trong phần kết luận. Nhắc đến làm chi cho bài văn mất hay. Bài thi của nó đạt tám trên mười, nhất trường.

Còn thằng Chín vừa phải đạp xe đèo thằng Hanh, vừa phải chạy bộ, mệt quá, không làm được bài, không nhớ liên hệ với các chiến sĩ cách mạng, xoi con ba. Đã thế, thằng Chín phải cái tật tự kỷ ám thị, thua môn văn làm thất thường luôn mấy môn thi còn lại.

Hôm đến văn phòng hiệu trưởng trường nhận giấy chứng nhận tốt nghiệp, thằng Chín không đi. Thằng Hanh mang bằng về khoe khắp xóm. Có người hỏi còn thằng Chín thì sao. Trượt rồi. Người ta kháo: “Thằng Hanh đậu, thằng Chín trượt thì sắp tiến lên cộng sản chủ nghĩa nay mai”. Họ đâu biết thằng Chín đã có người mang bằng đến tận nhà từ tối hôm trước.

Nửa tháng sau, thằng Hanh khăn gói lên tỉnh đi thi đại học. Ra đến bến xe ô tô huyện, nó thấy thằng Chín cũng đang chờ xe ở đó. Thằng Hanh hỏi đi đâu bây giờ! Thằng Chín bảo “Mày đi đâu tao đi đấy”. Thằng Hanh giở giấy báo thi đại học ra khoe. “Trường cơ điện. Còn mày?” Thằng Chín đáp: “Bách khoa”.

Lên tỉnh thì mất bốn ngày. Nửa ngày lên phố huyện đón xe khách đi tỉnh. Trọ lại thị xã hai ngày hai đêm. Hai ngày thi ba môn. Hôm sau ngược tuyến từ tỉnh về phố huyện, rồi từ huyện đi bộ về nhà. Năm hào đi, năm hào về là một đồng tiền cước. Một đồng xôi ở bến xe là hai đồng. Tám đồng cho bốn bữa cơm quán trọ là mười. Năm hào nước chè là mười đồng năm hào. Mấy tay mua vài thứ trên tỉnh về làm quà mất thêm vài đồng nữa.

Trước khi đi, mẹ nó, bà Nhiều, xách cặp gà sống mang ra chợ bán. Gặp vợ ông Dĩnh chủ tịch ra mua. Bà Dĩnh nấn điều gà thấy lạo xạo, bảo gà ăn thóc, béo quá. Bà Nhiều bảo thóc thành Hanh ngày xưa mót về nuôi gà

đấy. Bà nói mát vậy thôi chứ thóc đâu mà cho gà ăn. Ngày đem bán cho người ta làm thịt thì phải cho nó ăn ngon, sau nó mới không oán. Vả lại gà ăn nhiều thì cân mới nặng, mới có cơ kiếm thêm vài hào. Bà Dĩnh trả tiền, xách gà đi, vẫn còn dặn với: “Lần sau bà có gà vịt gì cứ mang đến cho tôi. Tôi mang ra cân cho thực phẩm”. Bà Nhiều gật gật nhưng bụng không tin. Đôi gà bán ở chợ được mười đồng. Cân cho nhà nước chỉ có sáu đồng. Tội gì cân cho nhà nước! Thằng Hanh về bảo mẹ: “Ở tỉnh đôi gà ấy phải được mười lăm đồng là ít, tiếc quá! Biết thế xách cặp gà lên chợ tỉnh bán trước, rồi mới thi sau”.

Có quý nhân là bố nó phù trợ có khác, thằng Hanh thi ba môn toán, lý, hóa, đạt mười chín điểm, loại khá. Trường Cơ điện lấy từ mười bốn điểm trở lên. Còn thằng Chín được mười bốn điểm, dưới mức tối thiểu lấy vào trường Bách khoa hai điểm. Ông Dĩnh, bố thằng Chín, gần hất con chán, lại đâm thương, bảo nó: “Mày không được đi đại học thì không có đứa nào được ra khỏi cái làng này”. Thằng Chín biết ông ám chỉ thằng Hanh, vì cả làng chỉ có hai đứa thi hết cấp kỳ rồi. Vừa lòng lắm. Tuy là bạn học nhưng cho nhau đi nhờ xe thì được, chứ hơn nhau chút danh là vỡ đầu có ngày.

Thằng Hanh biết đậu rồi nhưng nó vẫn cứ phân vân, chưa biết nên đi hay ở. Mẹ nó dạo này bị yếu luôn. Nếu nó đi, ai đỡ khoai cho mẹ nó vụ tới? Hơn nữa, đi là thui luôn giấc mơ làm chủ nhiệm hợp tác xã, tiếc lắm. Nhưng lại nghĩ câu đồng dao trẻ trâu: “Làng Đại làm quan, làng Vọng làm tướng, làng Cầu làm quân”, lại uất. Làng Đại có ông cử Châu. Làng Vọng có đền thờ tướng Trần Trình. Còn làng Cầu chỉ có cái chợ. Học sinh làng Cầu nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Thế mà tại sao không đỗ đạt cao? Thế đất thượng điền, hạ thủy không lẽ lại ám quẻ đến vậy? Chi bằng cứ đi đại học trước, phấn đấu lên giạt cái bằng tiến sĩ, nếu sau này không thích công tác trên huyện, xin nghỉ phéng về xã làm chủ nhiệm, đã

chết ai. Làm chủ nhiệm, nó tính rồi, phải cho lấp mấy cái đầm giữa làng để cơ giới có thể chạy từ xóm thượng đến xóm hạ. Nó đi đã nhiều mà chẳng thấy cái làng nào giống cái làng này. Hình củ lạc. Xóm thượng ở trên, xóm hạ ở dưới. Khúc giữa thóp lại như bó mạ. Nhà nó nằm ở cái thóp ấy. Trước nhà là sông, phía sau là đầm. Kỳ lạ lắm. Chỉ cách nhau có mỗi cái rãnh mà xóm thượng nói một giọng, xóm hạ nói một giọng. Bất đồng ngôn ngữ nên trẻ con hai xóm cứ đánh nhau hoài. Người lớn hai xóm cứ trù dập nhau mãi. Nó thuộc về xóm thượng. Thằng Chín người xóm hạ. May mà cùng học trên huyện, mở thêm tầm con mắt, chứ nếu không bao giờ mới thân cận. Nó biết. Người xóm thượng chỉ bo bo cho xóm thượng. Người xóm hạ cũng chỉ biết lo cho xóm hạ. Nếu bây giờ lấp đầy mấy cái đầm và con rãnh, để cho người xóm thượng và xóm hạ cùng dựng nhà trên đó, thử xem còn khác biệt hay không.

Nó bắt nhốt hai con gà sống thiên, ra chợ mua bộ lòng lợn về làm tiệc ăn mừng. Đi cũng mừng mà ở cũng mừng. Nhất cử lưỡng tiện. Nó mời thằng Chín đến dự buổi liên hoan chia tay, có mấy đứa con gái trong làng, xưa cùng học cấp hai, đến dự. Bọn con gái say sưa tán tụng anh Hanh giỏi. Có đứa còn ra mặt khen anh Hanh đẹp trai hơn anh Chín. Thằng Chín ngồi đấy như bị bào xé từng khúc ruột. Chưa đến phần văn nghệ cây nhà lá vườn, nó đã đòi về. Thằng Hanh chiều ý bạn, tiễn đến ngõ, xoè quyển sổ cho thằng Chín ký lưu niệm. Thằng Chín viết mỗi chữ Chín vào giữa trang giấy rồi ra về.

Vừa về đến nhà, thằng Chín đã thấy có chú cán bộ đang ngắt ngưỡng bên mâm rượu, bàn chuyện công tác với bố nó. Nó ngồi xuống đầu giường kỷ lắng nghe.

- ... Nguồn có sạch thì nước mới trong. Tư cách đạo đức của em Hanh rất tồi. Như tôi đã kể cho anh, em Hanh đã phạm tội ăn cắp lúa của hợp tác xã nhiều lần. Bị khiển trách nhưng vẫn cứ tái phạm. Tôi nghĩ rằng đảng ta không nên đào tạo một con người

kém phẩm chất như vậy.

- Lý cũng đúng. Nhưng nó là con liệt sĩ, ưu tiên số một. Luận theo công bù tội, nó vẫn còn được ưu tiên. Và lại, nó ăn cắp lúa ngày nó còn nhỏ.

Ông Dĩnh không vội bàn luận, nhấc chai rượu thuốc, mở nút lá chuối, kê miệng chai vào bát rượu của chú cán bộ, rót thêm cho đầy, rồi mới chiết giải:

- Nhỏ ăn cắp lúa, lớn tham ô tài sản nhà nước, già tât dẫn đến phản quốc, hại dân.

Ông Dĩnh thuận tay đổi đầu đĩa, gạt nốt nửa đĩa tiết canh vịt vào bát cho chú cán bộ. Chú cán bộ gạt gù, và miếng tiết canh vào miệng, nhồm nhoàm:

- Phải. Anh nói cũng phải. Chúng ta cần phải thanh lọc kỹ càng. Không cho kẻ xấu xâm nhập vào hàng ngũ của chúng ta.

Được lời như cởi tấm lòng. Ông Dĩnh gấp thêm miếng đùi vịt tổ bự vào trong bát của chú cán bộ:

- Nhà quê chúng tôi thật thà, ăn thối, uống bát quen rồi, xin anh cứ tự nhiên cho.

Tính tự nhiên của chú cán bộ đã thành nếp. Chú bỏ đĩa, lấy tay nhón cái đùi vịt, chấm vào bát mắm tỏi, đoạn ngẩng lên hỏi ông Dĩnh:

- Còn cháu Chín con anh thế nào rồi?

- Cũng đang định nói với anh. Nó bị ốm đúng kỳ thi đại học, thành ra không đậu. Giờ không biết phải tính sao đây?

- Tại sao anh không nói cho tôi biết sớm? Tôi làm việc ở ty Giáo dục. Chỉ cần mấy nhẹ mấy anh trong ban tuyển sinh một cái là xong.

- Giờ lỡ rồi, không biết anh còn cách nào khác không?

- Cách thì nhiều lắm, nhưng phải tốn kém chút đỉnh.

Ông Dĩnh rất giỏi về đoán người, biết ngay cán bộ tổ chức ty Giáo dục muốn gì, bèn khề khà:

- Anh công tác xuống các xã luôn. Cái xe đạp của anh cũ rồi. Cũng đến lúc phải thay cái mới là vừa.

- Cũng đang tính đấy. Nhưng chưa biết hiệu gì tốt.

- Giữa xe Con én và xe Phượng hoàng thì Phượng hoàng tốt hơn. Nặng một tí nhưng bền.

- Phải. Loại ấy nòi đồng cối đá lắm. Đẹp mã mà đạp cũng khỏe cái chân. À, mà cháu Chín thi vào trường nào?

- Nghe cháu nói trường Bách khoa.

- Được bao nhiêu điểm?

- Mười bốn, thưa anh.

- Gay nhỉ. Dưới những hai điểm cơ đấy.

Chú cán bộ nhìn vào mặt ông Dĩnh bất mạch:

- Tôi nghĩ chỉ còn cách xin chuyển sang trường khác, không hiểu anh có nhất trí không?

- Trường nào mà chẳng được. Cốt sao tránh được cổ cây, vai bừa là tốt rồi.

- Thế thì hay rồi. Có trường cơ điện Bắc thái lấy mười bốn điểm. Nếu anh không chê thì tôi sẽ về ty báo các anh ấy làm hồ sơ chuyển trường cho cháu.

- Được thế còn gì bằng.

- Nhưng cháu phải nằm trong danh sách bổ sung, nghĩa là gọi muộn hơn đợt đầu một chút.

- Trăm sự nhờ anh. - Ông Dĩnh gọi với vào trong nhà. - Mẹ mày chuẩn bị giường chiếu cho chú Ngoạn ngủ lại nhà ta đêm nay. Đặt nôi chè đồ đen cho chú ăn sáng.

Chú Ngoạn đặt đôi đĩa ngang miệng bát, tay rờ vào chiếc xà cọt, trong có tờ thẩm tra lý lịch của thằng Hanh. Nó đi hay ở nào có ảnh hưởng gì đến sự nghiệp cách mạng. Con liệt sĩ mà bị hạnh kiểm ăn cắp lúa thì hồng gì đi đâu. Tiêu chuẩn huyện này được hai thằng vào Cơ điện. Nếu nó không đi thì bổ sung thằng Chín vào thế chân, dễ ợt. Nhưng phải đợi xem lão Dĩnh cho cái xe màu gì, kiểu gì đã. Lúc này quên không nhắc khéo lão mình thích xe Phượng hoàng nữ, màu cánh cam. Đến đây, chợt nhớ câu tiên tri của ông thầy địa lý làng Đại, gã bắt giắc cười thầm: "Làng Cầu hình cái đòn gánh, phình đầu tóp giữa. Ganh đua làm gì cho nó mệt. Có đi đại học cũng về gánh phân thôi" ●

Trả Của

Phùng Nhân



Không có cái cảnh nào dở hơn cái cảnh nghèo, khi cha mẹ nhìn thấy bầy con lớn lên mà buồn thầm trong bụng chớ không biết than thở cùng ai. Con gái thì chẳng nói làm chi, vì gặp được chỗ hiền lành tử tế cậy nói, gả phút đi cho rồi cũng là việc tốt. Còn nếu như con trai mới là nan giải. Chẳng lẽ để nó dặt con gái người ta về, còn cưới hỏi thì tiền bạc tốn hao đâu phải là ít!

Riêng về gia cảnh ông Bảy Tịnh ở xã Lộc Thuận này, tuy là nghèo sát da lưng nhưng giỏi dấn, siêng năng làm thuê làm mướn cho người ta nên cũng đủ sống, chớ nhà có tới tám miệng ăn mà làm chỉ có tám công ruộng gò thì gặt hái được bao nhiêu.

Rồi phong trào nuôi vịt đẻ công nghiệp nổi lên, mấy tay nuôi vịt đẻ không cần đồng rộng như hồi xưa nữa. Họ chỉ cần vài công đất để đắp đập đặng giữ nước có chỗ cho vịt tắm rửa rửa lông, nhưng bù lại tụi vịt tàu phải có công quèo ăn để mà làm trứng. Giá công từ 2000 đồng, bỏ lên tới 3000 đồng một ký lô. Thế là ba thằng con trai của ông Bảy Tịnh bỗng dưng trở thành ba tay soi công lừng lẫy nhứt vùng. Từ trên xã Lộc Thuận, tụi nó soi lân xuống tới dưới xã Thanh Tân, xa khoảng 20 cây số đường vòng. Ngày nào cũng vậy, cứ độ 3 giờ chiều là mấy anh em, mỗi đứa một chiếc xe đạp với đầy đủ đèn pha, nhắm hướng đông nam trực chỉ. Nhờ cua công mà tám miệng ăn nhà ông Bảy Tịnh đủ no. Cả xóm thấy vậy bắt chước, chẳng bao lâu tại gốc quèo

gần chợ ngã tư Lộc Thuận nổi lên một cái chợ công, mấy tay nuôi vịt tàu mỗi sáng cứ việc tới cân xong rồi đi ngay vô trại.

Nhờ soi công có đồng ra đồng vô, gia đình ông Bảy Tịnh coi bề ngoài lành lẽ chớ trong nhà một chỉ vàng không có. Mà thiếu vàng thì cũng khó lòng cậy mai mối lấy vợ cho con. Về phần mấy đứa con gái thì vợ chồng ông khỏi lo. Vừa lú đầu lên mười tám tuổi, nếu có chỗ nào đang hoàng cậy nói thì vợ chồng ông đỡ ngọt đỡ mặn, bịn đầu gả quách cho rồi, chớ để làm chi trong nhà rồi hơi sức đâu mà giữ! Nhờ trời thương cho nên con gái nhà nghèo dưới quê cũng dễ dặt, một mực vàng lời chớ không dám cãi. Vì vậy mà vợ chồng ông Bảy Tịnh làm suôi một vọt tới ba nơi. Bây giờ tới phiên ông bà đi cưới dâu nữa là khoẻ rụi.

Rồi ba thằng nhỏ nhỏ giò mỗi ngày một lớn, trở mã sắp thành con trai làm vợ chồng ông Bảy Tịnh lo thầm. Thằng Quan lớn nhứt trong đám nên dâu gì đi nữa ông bà cũng phải lo vợ cho nó trước, chớ để ba đứa chồng ngồng một lượt, đổ khối chòm xóm đâm tiếu. Hai vợ chồng bàn với nhau, phen này mình dành dụm rán nuôi một cặp heo, để khi lớn đem cân, mua một đôi bông vàng 24 thủ sẵn trong nhà dặng đi cưới dâu.

Hai con heo đẹt cuối bầy, hình tích có bằng cườm chun, vậy mà khi hai vợ chồng Bảy Tịnh ôm về nuôi, nó lớn thôi ngó thấy dù chỉ được ăn hui hút bữa đói bữa no chớ không phải như heo nhà giàu, lúc nào cũng

có cám và gạo lúc đổ đầy trong máng.

Cái ngày hai con heo trôm trôm một tạ, gặp lúc heo thịt đang khá giá, vợ chồng ông liền chạy lên chợ ngã tư, kêu ông tàu Chín xuống cân liên tức khặc. Cặp heo bồ coi vậy mà mình đúc, làm cả lái và vợ chồng ông đều đánh heo đúng trật hết trơn. Người nào cũng ni tay rồi đánh nó chừng một tạ tám là cùng. Nhưng khi cân thì nó nặng tới ngoài hai tạ khiến ông tàu Chín không tin, cứ kéo dái cân ra đầu cán hạo hoài. Rốt cuộc ông tàu Chín cũng móc tiền ra trả. Đây là lần đầu tiên trong đời, hai vợ chồng Bảy Tịnh làm chủ số tiền lên tới hai triệu lẻ mấy chục ngàn.

Qua ngày hôm sau không “on dơ” gì hết, ông Bảy Tịnh đốc thúc bà vợ đi lên tiệm vàng của bà Hai A mua gấp một đôi bông bỏ túi, còn lại bao nhiêu thì ông lội xuống tới tận xã Tân Định để mua sẵn một cái giường phòng. Thế là vợ chồng coi như mình sắp sửa có dâu, chỉ cần nuôi thêm một cặp heo nữa đặng khi làm đám cưới có thịt mà đãi chòm xóm kéo họ dị nghị.

Thấm thoát mới đó mà một cái Tết trôi qua lặng lẽ. Trong nhà ông Bảy Tịnh lại có một cặp heo thịt nằm ngáy trong chuồng. Vợ chồng ông thủ thủ bàn tính với nhau, là cưới dâu thì phải lựa đứa siêng năng giỏi dấn. Nhưng kể từ ngày mấy ông chánh phủ đổi mới tới nay, đêm nào trên ngã tư chợ Lộc Thuận cũng có một gánh hát đánh trống xập xình rù quên thanh niên nam nữ, nên cả xóm không có

đứa con gái nào cho hai vợ chồng ông vừa bụng.

Riêng phần thằng Quan, tuy lớn mà khờ, đêm nào nước rong không đi soi còng được thì chỉ thả rề lên trên chợ chơi cà khệu chớ có dám chọc ghẹo ai đâu. Nó muốn vợ, cứ nói dèm hoài làm hai vợ chồng ông phát nhức óc. Rồi thời may cho thằng nhỏ, một hôm hai vợ chồng ông đi quơ củ ngoài sông, gặp con Gấm là con ông Từ Thăng. Thấy con nhỏ coi bộ hiền hậu, hai vợ chồng ông chíp trong bụng, lựa lúc làm quen với ông Từ Thăng đang gây tình thân mật.

Hai gia đình ông Bảy Tịnh và ông Từ Thăng từ đó qua lại gần bó. Ngặt một nỗi là thằng Quan không biết mắc chứng gì mà hễ đến gần con gái là nó run như thần lần đứt đuôi, khiến hai vợ chồng ông Bảy Tịnh đã thất vọng vì con, lại tủi phận nghèo nên không dám ngỏ lời kiếm dâu như bao nhiêu người có đất có trâu trong xóm.

Một bữa kia, tình cờ ông Bảy Tịnh câu được một con cá ngát cỡ hơn nửa ký lô. Từ ngoài sông cái, ông đi rút về nhà lo nấu một nồi canh chua. Nồi canh chín rồi, một mình ngồi nhậu nó cũng mất ngon, ông mới chạy qua nhà Hai Tấn rủ qua nhậu với nhau vài bóng.

Rượu ngà ngà say rồi, ông Bảy Tịnh mới mở đường than, là không biết ai có duyên ăn nói ở xóm này, để cây làm mai đi qua nhà ông Từ Thăng nói con nhỏ cho thằng Quan. Sẵn đang đà nhậu canh chua cá ngát ngon miệng, Hai Tấn vọt miệng lãnh luôn: Tưởng chuyện gì khó, chớ chuyện nói với ông Từ Thăng thì cũng dễ thôi, để đó bữa nào tui lặn một xì để, qua bên một buổi là xong chớ gì.

Chắc có lẽ đây là lần làm mai so, cho nên Hai Tấn chạy đi chạy lại cặp giò không bèn đất. Ở đời, trâu sống không có người cầm cả, đến chừng trâu ngã rồi thì thiếu gì kẻ cầm dao. Bên gia tộc ông Từ Thăng, nhiều ông già bà cả còn thuộc lòng nghi lễ cưới hỏi, cho nên bày biểu ông Từ Thăng, bắt buộc đàn trai phải đi cho đủ lễ vì gả đứa con gái đầu lòng không thể để dài quá, sau này chết duyên mấy

đứa đi sau.

Cảnh suôi gia, măm vô rồi mới biết. Dù vậy vợ chồng ông Bảy Tịnh cũng rần lo, đốc thúc mấy đứa nhỏ soi còng tận lực đang có thêm đồng ra đồng vô mua sắm mấy thứ linh tinh mà hồi trước vợ chồng ông không tính tới. Nội có bà Chín Bông thợ nấu ra toa đồ khô dưới bếp không thôi, mà tính ra cũng tới cả hai trăm ngàn chớ đâu có ít. Nhưng vợ chồng ông găm lại, nếu tốt lá thì cũng tốt nem chớ có mất đi đâu mà thiệt, nên càng rần sức.

Ngày đám cưới thằng Quan, vợ chồng ông Bảy Tịnh làm đơn đơn, chỉ mời bà con quen mặt từ trên chợ Ngã Tư, vòng qua cây quẹo xuống tới xóm Giồng Đùi, còn ngoài xóm Cây Găng thì xin chề. Nhưng thằng Quan nghe lời bạn bè, rước một ban nhạc bà bóng đầu trên tỉnh Tiền Giang, xuống hát một đêm, ăn nhậu gần hết một cái đùi heo. Bù lại thì mấy đứa bóng này thoa son đôi phần ông ẹo coi cũng thiệt vui. Chắc đây là cái đám cưới có đờn địch bập xà lần đầu tiên xảy ra trong xóm. Tuy con nhỏ bầu gánh nói là hát cho vui chớ không lấy thù lao, nhưng tiền đồ với tiền son phấn cũng gần ba trăm ngàn.

Rước dâu xong, mấy đứa thanh niên trong xóm ở lại phụ giúp để giứt rạp xuống, nhân tiện thanh toán luôn đám xà bàn còn dư.

Buổi chiều chàng vạng đỏ đèn, tuy là đốt đèn chong nhưng dư âm đám cưới vẫn còn nên mấy người bạn nhậu nán lại thêm vài chung nữa khiến ông Hai Tấn nóng lòng quá trời quá đất. Dầu vậy ông cũng định ninh rằng, thời buổi nguyên tử này, trai gái trải xong chiếc chiếu giường phòng là rồi, chớ đâu phải như vợ ông hồi đó đã chịu lấy chồng, vậy mà tối lại lung quần cột thôi ba bốn gút...

Đợi khách khứa về hết, ông Hai Tấn mới nghiêng người qua ông Bảy Tịnh nói nhỏ:

- Anh với chị tối nay cứ nằm ngủ ngay chỗ cái đi-quăng này. Chừng nào nghe ở trống tụi nó rột rẹt thì kể như xong. Chớ còn bồn phận làm ông mai của tui tới đây kể như chấm dứt.

Bà Bảy Tịnh nhanh nhẩu miệng,

đáp thay:

- Thiệt là... vợ chồng tui cảm ơn chú Hai thôi hết sức. Cũng nhờ chú mà thằng nhỏ mới có được đêm nay chớ còn không thì dễ gì...

Hai Tấn nhậu xin, cười khề khề:

- Ối chòm xóm với nhau mà ơn nghĩa gì chị! Chị nhớ sẻ thức canh chừng, coi hai đứa có rột rẹt với nhau không. Nếu tụi nó mê mệt ngủ quên thì nhớ đập vách kêu tụi nó dậy...

Ông Bảy Tịnh bưng ly rượu lên mời:

- Thôi uống với tui một ly tình nghĩa này đi chú Hai. Rồi tới ngày phản bái tui sai sắp nhỏ bưng qua bên một cái đầu heo ăn lấy thảo.

Hai Tấn cười khà khà từ chối:

- Khỏi, khỏi bưng đầu heo lại dâng tui nghe anh Bảy. Đợi khi nào anh câu được cá ngát nữa thì tui lặn một lít đi lại đây nhậu là đủ rồi, chớ làm mai cho con cháu mà mình ăn tới đầu heo thì tổn đức dữ lắm.

Hai ông quánh rút thêm một người ba bóng nữa, rồi Hai Tấn đứng dậy lảo đảo ra về. Ngoài trời nhằm đêm ba mươi nên tối đen như mực. Thỉnh thoảng có tiếng chó sủa nồ, từ nhà ông Bảy Tịnh đi dài lên xóm Cây Da đầu giồng.

Đợi ông Bảy Tịnh uống xong ly trà đặc cho già rượu, bà Bảy mới vỗ tay xuống bộ ván, hỏi:

- Bây giờ ông ngủ ở đây hay tui?

Ngần ngừ một lát, ông Bảy Tịnh đáp:

- Thôi bà nằm đó ngủ đi, còn tui nằm võng cũng được. Nhưng nhớ lỏng tai để sáng ra báo cáo cho tui biết với nghen.

Bà vợ lườm ông bèn ngót:

- Cái ông này kỳ hông! Mấy việc này là của ông, sao lại bán cái cho tui...

Cả nhà chìm vào yên lặng. Ngọn đèn chong vừa tắt, từng bầy muỗi trong đêm túa ra, đồng tấu bản nhạc ò e nghe càng thêm buồn ngủ.

Bà Bảy Tịnh tuy nói là thức để theo dõi tình hình động phòng của con, nhưng vì quá mệt mỏi nên vừa đặt lưng xuống là bà ngủ mê như chết, không biết trong buồng thằng Quan

có rột rết được hay không. Sáng thiết mặt ra, hai vợ chồng nhìn thẳng con trai với đứa con dâu, thấy tui nó cũng vui vẻ bình thường chứ không có gì khác lạ.

Hai vợ chồng ngồi uống trà, ông Bảy Tịnh nhìn vợ cười chúm chím:

- Sao, hồi hôm này tui nó rột rết dữ hôn bà?

Bà vợ ậm ừ một hơi rồi nói đại:

- Chắc tui nó cũng làm xong...

Ông Bảy Tịnh cười cục cục:

- Vái trời thằng nhỏ xỏ vằm cho ngọt, chứ nhiều khi thấy nó khù khờ mà không biết chỉ cách làm sao.

Bà vợ ông bưng tách trà lên nguýt có đuôi:

- Tại ông hồi đó thành quỉ rồi bây giờ rước hết lộc của mấy đứa con trai. Ai thuở đời hồi đó tui cột gút tới ba sợi lưng quần, vậy mà ông mò vô mở một hơi cũng được.

Ông Bảy Tịnh cười khớ khớ:

- Phải vậy mới được chứ bà, lơ mơ làm sao đủ tinh thần để xâm nhập áp chiến lược! Thôi bà lo đôn đốc mấy đứa nhỏ dọn dẹp chén bát. Tui còn phải lội xuống nhà chú Hai Tấn nói chuyện phải quấy với người ta. Đành rằng chú không ăn đầu heo thì bữa nào có mời ngon tui cũng rủ chú lên làm vài xị. Tui đi à...

Đã gần một tháng trôi qua. Cả nhà ông Bảy Tịnh phải ăn xài vén khéo lắm mới đủ vì lúc này người ta đi soi còng đông quá, không có mà bắt. Phần đường xa, phần anh em tui nó làm rán để kiếm hột cơm, cho nên bữa nào đạp xe về tới nhà thì cũng gần sáng trắng. Thế là mấy anh em nó lo ngủ quên ăn. Chỉ tội nghiệp cho con vợ thằng Quan. Mang tiếng có chồng mà hằng đêm vô vô. Còn ban ngày thì nhà cửa chật chội, em út một bầy, đâu biết làm sao. Hai vợ chồng ông Bảy Tịnh thì tâm hơ, không để ý.

Đến chừng một ngày nọ, con vợ thằng Quan ăn nói đặc một đặc hai với chồng khiến bà Bảy Tịnh để ý. Rồi bà nhớ lại từ lúc rước dâu về tới giờ, thỉnh thoảng hai đứa nó cũng có nói cười vu vơ, nhưng toàn là chuyện con trẻ. Mãi đến chiều nay bà mới nhìn rõ lại tướng đi của nó, thấy cái

đít con dâu vẫn còn teo héo thì mới tá hoả. Như vậy hồng lẽ tui nó ngủ chay?

Sáng nay, sau khi quảy mấy giỏ còng ra chợ cây quéo cân cho mấy ông chủ nuôi vịt tàu trở về, bà mới kêu ông Bảy Tịnh lên nhà trên để bà hỏi chuyện. Sau một hồi bàn tán, bà nói nhỏ với ông, là ngày mai nước rong, mấy anh em tui nó ở nhà, vậy ông dắt thằng Quan đi vô rẫy làm bộ cuộc cỏ rồi hỏi cho ra lẽ.

Ông Bảy Tịnh làm theo lời vợ. Ông viện cớ có một khuỷnh cỏ không bao nhiêu, chỉ cần thằng Quan với ông cuốc một buổi là hết. Nơi khoảng ruộng vắng vẻ chỉ có hai cha con, vậy mà ông Bảy Tịnh phải tính toán lung lắm, không biết cách nào để khai khẩu thằng nhỏ, bởi cha con mà đi hỏi về chuyện đó thì cũng ngại.

Cuối cùng khi hai cha con buông cuộc nghỉ trưa, vẩn xong điều thuốc rê rồi ông mới hỏi. Nhưng thằng Quan vẫn khờ khạo trả lời tỉnh bơ, là từ hồi đám cưới tới giờ, con vợ nó đâu cho nó ôm ấp gì đâu. Nhiều lúc vợ nó còn quán chặt cái mền để ngủ. Nghe xong câu đó, ông Bảy Tịnh bủn rủn tay chơn. Ông chỉ nói được có một câu: "Thằng ngu..."

Từ ngoài ruộng về nhà không bao xa, vậy mà ông Bảy Tịnh thấy sao thăm thẳm. Không biết thằng Quan có phải bà bóng hay không mà cái việc vợ con cho nó ngủ lạt như vậy nó cũng làm thình chớ không báo cáo.

Đã mấy ngày nay, vợ chồng Bảy Tịnh rất là buồn bực, không biết nói làm sao, bởi từ bữa rước dâu tới nay đã hơn một tháng, đâu có lý do gì để đổ lỗi cho ông mai hay trách móc bên ông bà suôi không dạy trước cho con nhỏ câu tứ đức tam tòng...

Rồi ở thôn quê theo lệ, việc cưới hỏi cứ đổ trút lên đầu ông mai, thì gia đình ông Bảy Tịnh ở đây cũng không ngoại lệ. Chiều nay cơm nước xong xuôi, đợi lúc con dâu vắng nhà, bà Bảy sai con chạy đi mời Hai Tấn lại nhà nói chuyện.

Đang hồi thềm rượu, Hai Tấn tưởng ông Bảy hú lại nhậu chơi nên

khi thấy vợ chồng Bảy Tịnh mặt mày chằm chằm thì khựng lại. Rà hỏi thật kỹ, Hai Tấn cười lớn, gọi thằng Quan lại chỉ cách cho nó phá vòng thành chớ đâu có gì mà hốt hoảng. Không biết thằng Quan nghe ba chớp ba nháng thế nào mà tối đêm đó nó để cho hư việc...

Hai bên suôi gia kể từ bữa đó cứ tiếng bác tiếng chỉ với nhau, không kể tới câu "làm suôi một nhà biết ra cả họ". Sự nặng nhẹ nhau kéo dài đâu chừng hơn tháng nữa thì bà con trong xóm được chứng kiến một cảnh trả của rất ly kỳ vì hai bên đã triệt để áp dụng câu "Gái lộn nài bẻ ống của một thường hai, còn trai chê vợ thì vàng vòng mất hết".

Ngày đăng gái trả của, ông mai chạy muốn vắt giò lên cổ, bởi hai bên căng đặng là ông mai lãnh đủ. Nhưng luật ông bà tạo ra như vậy, Hai Tấn đành rán chịu chớ biết nói sao. Bù lại lúc đó Hai Tấn cũng cảm thấy mình quả nhiên là quan trọng.

Trước khi đăng gái trình lễ vật để trả, bên họ đăng trai cứ bắt bẻ, biểu con nhỏ phải nói cho rõ nguyên do, là lý do gì hồi trước đã chịu rồi bây giờ còn lộn nài bẻ ống. Tội nghiệp cho bao nhiêu thứ lễ lộc kỳ khu, hai họ cứ đổ trút lên đầu hai đứa nhỏ chứ đâu thèm tìm hiểu, là việc yêu thương đâu thể ví như món hàng, hể một đăng thuận mua, một đăng thuận bán là cứ việc xĩa tiền ra làm sở hữu chủ!

Ông mai Hai Tấn bận một cái áo dài xuyên, nhưng có lẽ lâu lắm rồi không giặt nên ngồi ở đâu cũng bay ra mùi mốc. Nhưng cái mùi đó trong trường hợp như vậy lại là một cái mùi oai quyền dễ sợ. Phàm cái khăn đóng và chiếc áo dài bình thường bỏ lẩn lóc trong kẹt tủ thì không nói làm chi, chớ mỗi khi đụng chuyện bịt nó lên đầu, thì nó biến hoá như là bửu bối.

Trước mặt bá quan văn võ hôm đó, nếu tính luôn cả con nít chen lấn giành coi, thì cũng lên tới gần một trăm chớ đâu có ít. Vậy mà bên họ đăng trai cũng bắt buộc thằng Quan đứng ra cho họ hỏi, là mầy có thương vợ mầy không!

Thằng Quan cứ cười cười, làm

mấy cái răng hô càng nhô cao khỏi miệng. Cuối cùng nó cũng nói:

- Thương chứ. Nhưng mà tui ngủ nó hồng cho. Nó còn cột sợi dây lưng quần cứng ngắc...

Cả hai họ chưng hửng. Cặp này đã cười hời đây đủ lẽ lộc rồi mà còn trở quẻ, không chịu buông đuôi ăn trót. Máy ông già dòm bằng cặp mắt thờ ơ, vuốt râu ngạnh trê hút thuốc. Họ thấy đã hết thuốc chữa, góp lời góp ý cũng bằng không, có khi còn bị cho là thiên vị bên này bên kia thêm một.

Nhưng bốn phen ông mai thì không thể như vậy. Ông phải hỏi cho rạch ròi để hai gia tộc chứng kiến đảng hoàng, sau đó dứt khoát rõ ràng. Với quyền hành như vậy, Hai Tấn kêu con nhỏ ra hỏi:

- Đâu... bữa nay đủ hai bên làm

chứng. Bây phải nói rõ lý do gì, tại làm sao bây đòi trả của?

Tội nghiệp con nhỏ phân mặc cỡ, phân ghen ngào nói không ra tiếng, nước mắt tuôn rơi. Bên đảng trai không tha, hỏi tiếp:

- Đâu bây... nói đại ra coi. Bộ thằng Quan nó hồng có cái đó hả?

Một câu hỏi quá ư thô bạo đối với phụ nữ như vậy mà không ai thêm cân nhắc, bởi người ta muốn làm sao cho lợi gan để trả thù lại công khó bỏ ra.

Con nhỏ cứ nước mắt chảy dài. Tới nước này thì bên họ đảng gái cũng động lòng tự ái. Ông Tư Thăng lườm con rồi nói:

- Phải nói. Bộ cam rồi hả đồ con quí?

Con nhỏ sụt sùi thêm một hồi nữa, biết không làm sao chạy khỏi, đành

ấp úng thưa:

- Dạ ban đầu thì con cũng chịu. Nhưng sau khi rước dâu, anh Quan ảnh hồng nói với con một lời nào coi cho được, mà ảnh cứ rộp con hoài làm cho con sợ...

Tới lúc này thì cả hai họ mới thực sự nhảy vào vòng chiến. Bên nào cũng tru tréo cho hả hơi, chớ kỳ thực thì hai bên cũng chẳng ai có lỗi phải gì. Ăn ở với nhau có được hay không là tùy thuộc hai đứa nhỏ, chớ cha mẹ và gia tộc hai bên chỉ đóng vai làm chứng mà thôi. Tuy nhiên lễ giáo gia phong khiến họ cố chấp, bắt họ phải giành phần phải, làm cho lợi gan để rồi hậu quả ra sao cũng mặc. Những đóm tàn thuốc đập mạnh, ánh lửa bùng lên đỏ rực, mạnh ai nấy gạt tàn xuống đất làm bụi tro bay tứ tung. Hai bên cố dùng hết lời lẽ văn hoa mà ngày thường họ học lỏm được trong sách báo. Nhưng càng nói nhiều chừng nào, hai họ càng bị lún vào một vũng lầy không lối thoát, bởi làm sao mà hoà giải được trong khi hai bên đều phủ nhận nguyên do.

Đáng lý bên họ nhà trai phải công nhận thằng Quan lớn đầu rồi mà còn khờ, ai thuở đời nay cưới được vợ rồi mà không biết cách động phòng, a thần phù ôm rộp làm cho con nhỏ sợ. Bên đảng gái cũng vậy, không chịu tìm hiểu ẩn ý bên trong, coi có phải vì thằng Quan rộp ầu cho con nhỏ sợ, hay đó chỉ là lý do để nó lộn nài.

Rốt lại thì cũng đi đến cái màn trả của mà thôi. Con nhỏ trong lòng đã quyết, mạnh dạn lột đôi bông ra đặt lên bàn giữa trước mặt hai gia tộc mà gương mặt không hề tỏ dấu hối hận.

Thế là đảng trai lép vế, bèn bắt quờ qua ông mai cất vắn tứ tung, khiến Hai Tấn từ hồi sáng tới giờ chưa có lý nào, nổi cộc:

- ĐM... hồi nó sung sướng tui nó có chia tui hôn, mà bây giờ trả của cứ đề tui ra mà dũa? Làm mai cho hai đứa nó, tui chưa có ăn đầu heo kia mà. Nếu bây giờ hai đứa không có duyên nợ với nhau, thì bên nhà trai nhà gái cũng phải biết điều với nhau mới phải, chớ có lý đâu cứ bắt tui ra mà nói! Rồi bữa nay lẽ lộc người ta trình

thơ

nguyễn duy tâm

sương

tinh khôi hạt ngọc của trời
sớm mai lấp lánh nụ cười trong veo
Lả lơi gió cũng vờn theo
Vẫy tay lá nhỏ giọt dài trăm năm.

thông

reo vui triền dốc nắng xiên
hỏi thăm thông có ưu phiền gì chẳng?
cõi đời tròn tròn hồn sỏi lẫn
thông vì vu hát chẳng màng thế nhân.

đá

dãi dầu bao nắng mấy mưa
đá thiên niên kỷ, đá vừa hay non?
kiếp người vài khắc còn con
xác thân mục ruỗng chỉ còn bóng ma.

nước

bên cầu nước vẫn trôi mau
thương người viễn xứ phai màu tóc tơ
sông xa tìm chẳng thấy bờ
thôi về cũng muốn ơ thờ nước trôi.



ra đủ rồi, mà hai bên cứ tiếp tục đấu khẩu với nhau. Hai ông làm quá, tui nghi sau này trong xóm không ai dám đứng ra làm mai nữa!

Mọi người có mặt không ai ngờ cái thằng Hai Tấn coi khù khờ như vậy mà nói năng cũng có căn có bản thì thôi. Vợ chồng Bảy Tịnh thấy không còn gì để nói, bên vợ đôi bông lên bỏ túi như ngầm chấp nhận cái vụ trả của này. Nhưng đến khi day qua mấy mâm đồ đi quá, trong đó có một mâm cam sành, thì cầm lên đếm lại rồi nói:

- Sao hồi cái mâm cam của tui đi cho anh tới 24 trái, mà bây giờ anh trả lại có 20 trái vậy?

Đây là một việc quá nhỏ mọn, nhưng người ta vẫn nói sau khi đã dứt tình dứt nghĩa. Thấy ngứa mắt, Hai Tấn giành đáp:

- Tui là ông mai, tui đứng cửa giữa, xin cho tui nói. Hồi cam của chị đi cho người ta là cam nhỏ trái. Còn

bây giờ người ta trả lại là cam lớn trái. Sao anh chị không chịu dùm, coi nó chằm vằm ra ngoài vảnh mâm đây nè. Chớ bên đảng gái người ta đã trả của thì có sá gì ba bốn trái cam mà chị nói xâm nói xỏ người ta!

Bên họ đảng trai lại thua thêm một phát nữa. Họ ngồi làm thinh mà trong bụng âm ứ. Trước mặt họ bây giờ tất cả người đảng gái đều là kẻ thù chớ không còn là chòm xóm quen biết như từ bấy lâu nay nữa. Bởi nghĩ vậy nên bên họ nhà trai mới có một bà đồng dặc đứng lên:

- Theo luật lệ từ xưa tới nay, gái chê chồng thì của một đèn hai, chớ không phải căn cứ như hồi trước bên tui tui đi bao nhiêu, rồi bây giờ trả lại bấy nhiêu là đủ đâu nghen...

Sau câu nói đó, không khí có mùi căng thẳng. Ông Tư Thăng nổi cộc, gần giọng:

- Mấy người nói mà không biết suy nghĩ! Hồng lẽ bên đảng tui bây giờ bắt thường cái duyên con gái của con Gấm? Ngoài mặt thì tui nó nói là chưa ăn ở gì với nhau, nhưng con tui đã lỡ mang tiếng một đời chồng, thì sau này còn gả cho ai được nữa!

Hai họ nghe tới đó thì động lòng, ngồi im không nhúc nhích. Hai Tấn thấy vậy vội nói luôn:

- Thôi như vậy thì duyên nợ của hai đứa nhỏ kể như xong. Hai bên có còn muốn nói thêm điều gì nữa hay không? Còn không thì kể như đến đây là chấm dứt.

Sau một hồi bẽn lễn, họ đảng gái cùng vợ chồng ông Tư Thăng đứng dậy kiếu từ. Còn lại gia đình đảng trai với muôn ngàn tức tối. Thằng Quan mắc cỡ dồng tuốt đi đâu mất tiêu, để lại hai vợ chồng Bảy Tịnh ngồi ngó mấy mâm đồ mà thêm lồng lộn.

Chết mót mấy năm trời mới nuôi nổi hai cặp heo, những mong cưới được đứa dâu cho hả lòng hả dạ, nào ngờ chưa kịp mừng mà còn rước thêm biết bao nhiêu phiền muộn. Đang ngồi trầm ngâm, bà chị ông Bảy Tịnh lại hỏi:

- Vậy chớ hồi đó cậu Bảy đi coi tuổi nó ở đâu vậy?

Bập thêm vài hơi thuốc nữa, ông

Bảy mới từ từ đáp:

- Ở đảng ông thầy Tám Huệ.

Bà chị ông trề dài miệng:

- Tưởng cậu coi thầy nào, chớ ông thầy Tám Huệ có biết cái gì mà coi! Đụng ai ông cũng lật lịch Tam Tông Miếu ra nói...

Bà Bảy Tịnh cũng nói vô:

- Hồi đó tui có nói rồi mà ông hồng chịu. Ông Tám Huệ biểu hai cái tuổi của tui nó, được nửa mất nửa. Bây giờ đó, cho ông sáng mắt ra. Nếu tuổi tác không được thì thôi, chớ tội lệ gì mà phải ép...

Bị cần nhằn, ông Bảy Tịnh nổi cộc:

- Tuổi cái gì mà tuổi! Tại thằng Quan nó dở thì thôi. Cá đã chạy vô lộp rồi mà còn để vuột thì rán chịu...

Bà vợ ông cự lại:

- Dở giỏi gì ba cái vụ đó. Tại nó có tình ý gì với thằng nào trước mà mình không hay, chớ như nó trong sạch thì việc vợ chồng rộp hay ôm gì cũng vậy.

Ông Bảy Tịnh đuối lý, thở ra:

- Thiệt tình chỉ tại mình nghèo nên chịu dở, phải mình có hơi hám Việt kiều thì đâu tới nỗi. Thôi, bà coi kêu thằng Quan về, giắc đác cho nó nghe, biểu nó rán mà lo đi học khôn thiên hạ. Còn tui chạy lại nhà Hai Tấn một chút, để nói chuyện phải quấy với người ta. Từ ngày cậy người ta làm mai cho tới giờ, đầu heo đầu không thấy chỉ nghe toàn là chửi lộn!

Bóng ông Bảy Tịnh đi nghiêng ngả dưới nắng chiều, băng qua con đường mòn tới xóm Cây Da. Chuyển đi tuy không có gì nặng nhọc nhưng ông Bảy Tịnh cảm thấy bàn chân mình như đeo chì, khiến nó cứ trĩ xuống hoài, dở không muốn nổi. Lát nữa đây biết ăn nói làm sao với Hai Tấn, bởi từ sáng tới giờ, đảng trai cứ nhè ông mai mà xia.

Trong lúc đó thì trên chợ ngã tư Lộc Thuận, cái gánh hát Bầu Bòn đang giục trống quảng cáo rùm beng. Bất giác ông Bảy Tịnh chép miệng than thầm, gánh hát mà cứ đóng đô bẹo gan kiếu này, thì mấy thằng con trai cù lòn kiếu thằng Quan đi cưới vợ cũng khó chớ chẳng chơi!

thơ

nguyễn khánh hoà

bên sông cũ

giã từ đám mây trời phiêu lãng
bạn về mở quán chốn sông xa
bên sông cũ mình ta uống rượu
còn vắng đâu đây một tiếng khà.

hỏi lòng

gặp em, Trời Phật độ phù?
hỏi lòng, lòng nhủ: rán tu kiếp này.
gặp em, con lũ con bầy
hỏi lòng, lòng khóc: kiếp này khỏi tu.

khai khẩu

ra sân nhật chiếu lá vàng
nhớ người năm cũ,
nhớ hàng hiên xưa
run theo tiếng pháo giao thừa
nói sao đây nhủ cho vừa tim em?

Cái Ngu Thứ Năm

Phạm Thăng



(Để tưởng nhớ các võ sư, các lò võ danh tiếng ngày trước và nhớ anh Nguyễn Đức Hiền của làng báo thập niên 70)

Anh Bảy đứng dựa lưng vào dây căng làm vòng rào trên võ đài, hai tay giăng ra hai bên khẽ nhún nhún, thoải mái nhìn vào góc đài, nơi võ sĩ đang ngồi trên ghế nhỏ cho sẵn sóc viên xoa bóp.

Tiếng chuông báo hiệu hết hiệp Một, hai võ sĩ còn khoẻ nhưng vẫn

ngồi xuống ghế, chăm chăm nhìn về phía đối thủ ngồi góc đối diện. Mới xong một hiệp hai phút, hai võ sĩ chỉ trao đổi vài cú đấm để dọa dẫm tài nghệ nhau nên anh Bảy làm trọng tài chưa mệt. Mặt mày anh còn tươi rói.

Ánh sáng từ nhiều chùm đèn 8 bóng 200 watt trên trần cao soi sáng võ đài hình vuông khoảng 64 thước vuông, sàn lót ván dày, dựng cao hơn mặt đất 1m2, có vòng rào chắc chắn căng bằng ba hàng dây luộc lớn cỡ cổ tay quấn vải màu đỏ cho êm. Võ đài

nằm ở giữa căn nhà to lớn vốn là sân bóng rổ của câu lạc bộ Tinh Võ, một hội thể thao người Hoa ở Chợ Lớn. Căn phòng có tường bao quanh, lợp mái trần bằng xi măng, nằm giữa dãy phố đường Nguyễn Trãi, ngăn vách chắc chắn. Hai bên sân bóng rổ có khán đài 5 tầng làm bằng cây dành cho khán giả ngồi xem môn thể thao hâm mộ của người Hoa lúc đó. Khi cần tổ chức võ đài, ban tổ chức mượn sân bóng rổ này, chỉ cần dựng sàn võ vào giữa và sắp thêm nhiều hàng ghế bao quanh để bán vé đầu tiên.

Khác với sự hâm mộ bóng rổ của người Hoa, người Việt say mê võ thuật nên sân này được cho mượn dài dài, ban tổ chức võ đài tha hồ đếm bạc. Khán giả ít tiền mua vé hạng "cá kèo" ngồi trên mấy tầng băng cây, có khi hết chỗ ở các tầng thấp, phải ngồi trên băng cao chót vót gần đụng nóc nhà, nhìn xuống võ đài thấy hai võ sĩ nhỏ xíu, nhưng họ vẫn vui lòng vì được la ó thoải mái. Những hàng ghế có lưng dựa sắp bao quanh võ đài đều được các nhà giàu đặt mua trước, và các loại giấy mời mạnh thường quân, báo chí, các lò võ, là nơi được mọi người chú ý, không phải vì chỗ đó có võ sĩ, mà vì nơi đó có nhiều tà áo màu tha thướt của các bà, các cô theo bạn, theo chồng đi xem.

Từ trên cao nhìn xuống, khán giả đông nghịt chen chúc, nhưng những hàng ghế đầu vẫn thấy thoáng nhờ nhiều quạt máy trên trần quay vù vù. Giờ này, ngoài đường đã tối hẳn nhưng nơi đây ánh sáng chan hòa rọi xuống sàn gỗ võ đài, nổi bật bộ đồ trắng, quần tuyết so, áo lụa lèo của anh chàng trọng tài với bộ mặt tươi rói.

Anh Bảy tự đắc lắm. Anh liếc nhìn một lượt khắp bốn phía. Chắc chắn trong đám khán giả đang sôi nổi bàn tán, bình phẩm tài nghệ võ sĩ có rất nhiều bạn quen của anh. Anh nhúc nhích hai hàng ria mép vừa tĩa công phu hồi sáng, nheo mắt mỉm cười về phía hàng ghế có nhiều áo màu. Không cần biết khán giả quanh võ đài hâm mộ hay thù hận mình, anh Bảy cứ cười mỉm chi làm duyên.

Anh đưa tay mặt sửa cái nơ đen

trên cổ áo, trịnh trọng nhìn đồng hồ bên cổ tay trái. Sắp hết một phút nghỉ giữa hiệp rồi.

Trong khi anh lấy le với người bạn gái tưởng tượng trong đám khán giả thì tại hai góc đài, hai võ sĩ ngồi gườm gườm nhìn nhau, mặc kệ anh săn sóc viên lau mặt, lau tóc mình bằng cái bông đá thấm nước và ông võ sư (có lẽ là sư phụ dạy võ) đang la hét vào tai:

- Nè, mày nghe tao nói không? Thằng đó chỉ có cú đấm tay trái là mạnh, còn tay mặt coi bộ yếu xìu. Mày sử dụng cú ruột của mày là né cái đầu để nó đánh hụt, mà đánh hụt hoài thì nó mau mất sức... Nhớ hông? Rồi chờ dịp mày dứt nó cái một.

Góc đài bên kia, võ sĩ mặc quần sa-teng đỏ cũng bị nói vào tai. Nhưng ông võ sư này thâm trầm, chỉ nói lờ mờ như sợ đối phương nghe được lời chỉ vẽ của mình. Không ai nghe tiếng nhưng nhìn bộ tịch múa may của ông, cũng biết là ông đang dạy nghề tại chỗ cho đệ tử. Không biết hai võ sĩ có nghe lọt vào tai, nhớ vào óc không, nhưng khán giả nhìn hai lão khua môi, múa may đều dư biết hai ông đang tỏ ra mình giỏi hơn...

Sân Tinh Võ hôm nay nghẹt cứng người mê võ thuật nhờ được quảng cáo trên báo chí và bích chương. Tuần nào sân Tinh Võ cũng có khán giả đến xem nên các nhóm giữ xe, các cô bán mía ghim, đậu phộng, thuốc lá tha hồ hút bạc cắc. Chỉ khổ cho dân chúng ở các dãy phố quanh đó, nhứt là đường Nguyễn Trãi, chịu nạn kẹt xe và sự ồn ào đến hai, ba giờ sáng. Chương trình hôm nay hấp dẫn hơn không phải vì có 5 độ đánh bốc Ấng Lê của các võ sĩ danh tiếng lò Minh Cảnh với lò Huỳnh Tiên và 2 độ võ tự do của lò Mã Thành Long đụng với nhóm võ sinh Giồng Ông Tố, mà khán giả mong đến xem cho mãn nhãn trận đấu thách thức của nữ võ sĩ Doanh Doanh với nữ võ sĩ Bạch Nhạn của lò Tây Sơn Nhạn.

Trận thách thức này được đồn đãi từ mấy tháng trước sau khi nữ võ sĩ Doanh Doanh hạ nữ võ sĩ khác bằng cú đá hoành thân. Doanh Doanh nổi

danh từ đó. Giới mê võ đài bàn tán với nhau nào là cô này người Việt lai Chàm, nhà ở xóm chùa Chà, đường Pellerin (khu Chợ Cũ) nên có dòng máu... Châu giang. Mà dân Châu giang có bùa ngải. Cô lấy biệt hiệu Doanh Doanh là tên nữ nhân vật nổi tiếng trong chuyện chưởng *Tiểu Ngạo Giang Hồ* vì lúc bấy giờ đi đến đâu cũng nghe thiên hạ nhắc đến Lệnh Hồ Xung và người đẹp khả ái tên Doanh Doanh.

Nói đúng ra, nữ võ sĩ này mang tên Doanh Doanh cũng được, vì cô gái lai mang hai dòng máu có gương mặt xinh đẹp với mái tóc đen uốn lượn tự nhiên, với hàng lông mi cong, lông mày rậm, đôi mắt sáng, mũi cao thanh tú cộng thêm thân hình nẩy nở cân đối căng đầy sức sống của thiếu nữ luyện tập võ nghệ.

Đêm lên đài đầu tiên, Doanh Doanh thấy khớp lăm nhưng chỉ qua hai hiệp đầu, khi được những lời cổ vũ, khuyến khích của khán giả, cô bình tĩnh bước đi uyển chuyển, tránh né nhẹ nhàng, đôi lúc cũng hung hãn nhảy xổ vào đối phương để xĩa tay vào ngực hay thúc gối vào hông... Khán giả trầm trồ vì thấy cô sử dụng cước pháp thật nhanh gọn hơn là dùng đôi tay để ra quyền.

Buổi ra trận đầu tiên, chưa đầy 3 hiệp, Doanh Doanh đã thắng nữ võ sĩ khác bằng ngọn cước Hoành thân thật độc đáo. Ngày hôm sau, báo chuyên về thể thao như *Thao Trường*, *Nguồn Sống* cũng như các nhật báo có trang Thể thao đều tường thuật, khen không tiếc lời kèm theo hình ảnh nữ võ sĩ xinh đẹp này. Say men chiến thắng, Doanh Doanh nghe lời sư phụ cũng như bạn bè, cô tung tin thách đấu với các nữ võ sĩ khác làm cho dư luận xôn xao.

Đến đâu cũng nghe giới trẻ hâm mộ võ đài bàn tán thêu dệt, không biết vì tài nghệ hay vì nét xinh đẹp của cô? Chắc cả hai. Lại còn khẳng định nữ võ sĩ Doanh Doanh sẽ không có đối thủ. Đâu đâu cũng bàn tán, trong xí nghiệp hay giữa tiệm cà phê, vì đây là lần đầu tại Sài Gòn có nữ võ sĩ thách thức lên đài, làm cho vài

cụ già phải lên tiếng:

- Ôi, nhằm nhò gì cái tài võ đó. Tại chưa đụng độ với gái Bình Định, mấy chú em quên câu hát: *Ai về Bình Định mà coi, Đàn bà con gái đánh roi đi quyền à?* Mà cũng khỏi cần đi xa, cứ lên Bà Điểm coi con gái sử dụng cước pháp, hay là giỏi xuống miệt Hậu Giang để thấy con cháu của bà Phần Lê Huê...

Một cậu thanh niên cướp lời ông già, hỏi chận:

- Bà Phần Lê Huê nào có con cháu?

- Xí. Vậy mà cũng nói rành. Thì đám nữ binh của bà Năm Lửa ở Cần Thơ hồi trước đó. Cách đây vài chục năm, mấy cô thôn nữ múa côn bằng cây tầm vong vạt nhọn hay múa song đao nhấp nháy, tập luyện mỗi đêm khắp làng này, xóm nọ. Bấy giờ các cô đó già rồi hổng lẽ không có truyền nghề lại con cháu? Nhưng các cô thôn nữ này không ra mặt, lên đài tranh tài đâu...

Các nữ võ sĩ Bình Định và Hậu Giang không lên võ đài nhưng các cô vùng Bà Điểm, Hóc Môn không chịu nổi lời phê bình của báo chí và dư luận thanh niên ở thủ đô, đã xin phép sư phụ đăng ký lên đài, chấp nhận sự thách thức của Doanh Doanh nên mới có đêm nay để anh Bảy ăn diện le lói và suốt buổi chiều anh đi vô đi ra nhìn đồng hồ chờ thời gian qua mau...

Chị Bảy vừa ụi bộ đồ tuyết-so trắng của anh, vừa hỏi:

- Hôm nay có buổi họp của Phân bộ Ký giả Thể thao hay đi ăn tiệc ở đâu mà ông lựa bộ đồ này?

Anh Bảy cười chum chim trả lời:

- Hổng có hội họp gì đâu. Đêm nay tui đi làm trọng tài.

- Ủa? Đội banh nào đá đèn hôm nay vậy?

- Đâu phải. Bà nghe nói tới trọng tài, cứ tưởng tui đi thổi tu hít cho mấy đội banh hoài sao. Tui làm trọng tài cho võ đài mà.

Chị Bảy ngừng bàn ụi, nhìn anh ngạc nhiên. Chị là người vợ hiền, chỉ lúc thức trong nhà, ít chịu bưng chải đến các nơi chồng mình có mặt. Chị biết anh quen nhiều, xã giao rộng, là

ký giả thể thao cho nhiều tờ báo, lại biết chút đỉnh luật lệ nên “được” mời làm trọng tài các trận đấu giao hữu giữa các đội banh quận, làng. Chị nhớ lần đầu đội Ký Giả được mời đi Đà Lạt tham dự cuộc tranh tài tam giác với hai đội Lâm Đồng và Phan Thiết, chị có đi theo. Mấy ngày tranh tài, chị thấy ông chồng của mình giữ gôn và là thủ môn chánh của đội Ký giả. Chị theo dõi trận banh với sự hồi hộp khi thấy anh Bảy ốm yếu phải lăn vô chùn hàng tiền đạo của đội banh Phan Thiết, nhứt là anh chàng trung phong có lối đá như chém đinh chặt sắt. Mỗi lần anh được banh do cầu thủ bạn đưa đến chùn, anh thoát đi, lòn qua lách lại như làm xiếc. Hàng phòng ngự của đội Ký giả kèm anh không nổi, thành ra anh Bảy, chồng của chị, là người phải chuôi vô chùn địch thủ để cứu nguy nhiều phen cho đội nhà. Mỗi phen như vậy anh Bảy được vỗ tay hoan hô và cổ vũ nồng nhiệt. Giấy phút đó chị thấy lòng lâng lâng. Chiều hôm sau chị càng yên lòng khi thấy anh Bảy đứng giữa trụ gôn, lâu lâu lấy tay vuốt vuốt cái áo len mặc chồng bên ngoài áo mai-đô thủ môn. Trời Đà Lạt lạnh nên khi thấy anh Bảy mặc thêm áo len trước khi ra sân, anh Nguyễn Ang Ca ngạc nhiên hỏi:

- Ủa, anh Bảy mặc áo len bên ngoài thì làm sao thấy số 1 trên lưng áo?

Anh Bảy cười trả lời:

- Yên chí chú mày ơi. Chú mày thấy nhiều đội banh, đồng phục đội nào cũng có con số cho trọng tài để ghi vào sổ tay phạt, vì trọng tài xa lạ đâu biết hết các tên cầu thủ. Chú mày nhớ không: bộ đồng phục của cầu thủ phải giống màu nhau, chỉ có riêng cái áo thủ môn là màu mè hơn cả. Đâu cần con số, anh trọng tài cũng như khán giả bao quanh sân đều biết là thủ môn rồi... Trời Đà Lạt quá lạnh, tui mặc thêm cái áo len này thì cũng như thêm màu rằn ri trên áo thủ môn thôi, phải không anh hai Nguyễn Kiên Giang?

Anh hai nhìn anh Bảy rồi gục gặt đầu:

- Ủ, cha nội này nói cũng phải. Ai

mà không biết anh Bảy là thủ môn của đội mình chứ. Nội nhìn cái bộ râu mép của anh, trọng tài lạ cũng biết mà.

Thế là buổi đấu hôm đó thủ môn của đội Ký giả mặc thêm áo len bên ngoài áo cầu thủ. Và cũng may cho đội Ký giả là không biết ăn nhằm cái gì mà hôm nay hai hậu vệ của đội Ký giả đá thật xuất sắc nên anh Bảy khỏe ru, lâu lâu mới chụp được trái banh nhẹ hều. Mỗi lần như vậy, sau khi đá trái banh lên xong, anh Bảy lấy hai ngón tay búng phui bụi và cổ vừa bám vào áo len, để đám con nít ngồi sau gôn chỉ trở rồi nói bô bô:

- Mền đét ơi. Tui bây coi thằng cha giữ gôn điệu quá kìa. Thủ môn ôm banh mà sợ dơ áo.. hi.. hi..

Anh Bảy nghe vậy, day lại liếc tui nhỏ, nháy nháy, nhúc nhích bộ râu mép rồi cười làm đám khán giả tí hon này càng say mê ủng hộ.

Rồi cũng trong dịp đá tam giác giao hữu đó, chị Bảy ngạc nhiên thêm khi đến ngày thứ ba, trong trận giữa Lâm Đồng và Phan Thiết, anh Bảy được làm trọng tài. Thì ra vì tranh giải tam giác, mỗi đội đưa ra một trọng tài để thoả điều khiển cho hai đội kia, bên ký giả không chuẩn bị, lúc lên đây mới biết. Đêm đó, đoàn Ký giả hội ý với nhau. Đoàn có anh Dũng Minh và Việt Thành là hai người biết luật trọng tài nhưng là hai vai rường cột của đội nên sau cùng anh Đức Hiền được chọn làm trọng tài, đại diện cho đội Ký giả.

Lúc đầu anh Bảy phản đối:

- Trời đất! Tui mà làm trọng tài thì cũng được đi vì tui có một bụng luật lệ bóng tròn đây nè, nhưng tui chưa có tên trong ban trọng tài mà.

Anh Dũng Minh nói:

- Anh Bảy đừng lo. Việc này hai đội kia biết nhưng họ tin ở uy tín Ký giả mà họ cũng biết anh ... giỏi, nên họ xí xóa và đồng ý chấp nhận việc xử phạt của anh trong buổi đấu đó.

Thế là anh Bảy cố gắng làm tròn bốn phận trọng tài hôm đó để thấy thích thú làm “ông vua sân cỏ” mặc áo đen, trên ngực có huy hiệu trọng tài, mỗi tiếng còi, mỗi cái đưa tay,

chun quay về phía phạm lỗi là cầu thủ nghe theo răng rắc. Trở về Sài Gòn, anh đọc lại sách luật lệ cầm còi và đăng tên vào Liên đoàn Trọng tài bóng tròn.

Từ ngày đó anh Bảy được mời làm trọng tài... tại các địa phương giữa các đội quận, vì anh chưa được ở đẳng cấp quốc tế. Nào có hề hấn gì đâu. Nhưng vì phải đi đến địa phương được chỉ định để làm trọng tài, anh Bảy bỏ nhiều dịp tham dự các trận banh khác, bài viết tường thuật của anh càng ngày càng ít trên các trang báo thể thao.

Một hôm chị Bảy hỏi anh:

- Lúc này bài tường thuật của anh viết ít quá hả?

Anh trả lời ậm ừ:

- Cũng có bài viết chứ, những tuần nào tui có mặt tại Sài Gòn, hoặc vào buổi đá đèn ban đêm, còn nếu có trận banh giữa hai đội hay mà tui lại kẹt làm trọng tài nơi khác, khi về được các bạn cho biết kết quả trận đấu chứ mình không được xem tận mắt thì làm sao viết... Kẹt thiệt!

Anh thở dài. Chị Bảy thông cảm. Chị biết anh Bảy thích viết cũng như làm trọng tài.

Lúc bấy giờ, đọc giả các báo đam mê đá banh, thích mua giấy vào sân xem tận mắt các cầu thủ tranh đua, sống trong không khí ồn ào để la hét cổ vũ, rồi ngày hôm sau đón mua báo coi lại bài tường thuật trận đó. Tuần báo chuyên về thể thao như *Thao Trường*, *Nguồn Sống* cũng như các báo hàng ngày có trang đặc biệt thể thao tường thuật cuộc tranh tài giữa các đội banh được đọc giả hoan nghênh, các ông bà chủ báo tha hồ vui cười vì báo cứ tăng số bán. Ký giả Thể thao được chủ báo trọng đãi lại càng cố gắng viết làm sao cho sống động thêm nên được nhiều người biết tiếng hơn ký giả Kịch trường. Ngoài anh Huyền Vũ nổi danh nhờ tường thuật trực tiếp tại sân banh rất dễ nghe và hấp dẫn; đọc giả còn say mê các bài của anh Thiệu Võ, Phan Như Mỹ, Huyền Vũ.

Các anh được giới cầm bút thể thao phong tặng là “Ba chàng Ngự

Lâm Pháo thủ". Bài của anh Nguyễn Đức Hiền cũng được độc giả đón xem. Mỗi anh có lối viết riêng với lối tường thuật bằng những danh từ, hình dung từ độc đáo khiến độc giả chịu lắm.

Nói đến cầu thủ tài giỏi, các anh gọi *Cầu vương* vì cầu thủ quá hay không ai bằng; *Thuật sĩ* vì anh này khi được banh, lừa qua lừa lại, qua mặt nhiều đối thủ, không ai kèm anh được; *Mũi tên vàng*, vì anh này lướt qua hàng phòng thủ nghịch dễ dàng và mau lẹ; *Con thần mã* là cầu thủ chạy thật mau để đón banh; *Lưỡng thủ vạn năng* được tặng cho anh thủ môn tài ba, tất cả đường banh đều không qua khỏi tay anh; *Con cá chạch* vì cầu thủ búng người phá banh nơi chỗ chật hẹp rất giỏi (quá nhiều cầu thủ bao quanh); *Cái đầu bằng kim cương* vì anh chàng này đứng trước khuôn thành địch, nhảy lên dùng đầu đội banh vào lưới đối phương; *Cầu thủ thứ 12* là anh trọng tài thiên vị riêng một đội, làm ngơ không bắt phạt, trong khi tìm cách phạt đội kia, khán giả la chộ anh trọng tài này với 11 cầu thủ hội kia là 12 người; *Trọng tài Xây cái nại* là tiếng chọc quê anh trọng tài bị nghi ngờ đã uống cà phê với đội kia (đồng nghĩa như ăn đút lót), rồi nào là *chỉ mảnh treo chuông* khi thủ môn bị các đầu thủ nghịch *làm mưa làm gió* trước khuôn thành, trong lúc hai hậu vệ và hàng phòng ngự không cách nào chống đỡ, *đành chịu bó tay*. Các anh khen đội banh chưa bị trái banh nào lọt lưới suốt trận đấu, đã giữ nguyên *màng lưới trinh bạch*. Khi trái banh được hậu vệ mớm banh lên cho hàng tiền đạo tấn công được gọi là *đường banh mở ngõ*. Các anh thích xài động từ *lội nước ngược* để tả đội banh bị thua trước hai trái, giờ đây phải cố gắng *thu ngắn cách biệt*, hoặc nếu thắng luôn hai trái thì coi như *san bằng tỉ số*. Gần tan trận, hội đang thua đành chịu *cười đau khóc hận* bỗng anh trung phong nhận được trái banh của đồng đội đưa tới, anh làm *động tác giả* gạt đối thủ, làm như sắp tạt banh qua trái cho bạn nhưng lại kéo banh qua phía mặt rồi

dẫn banh xuống khuôn thành đối phương *sút như búa bổ* vào lưới, đem lại cho hội nhà *một bàn danh dự*.

Về chiến thuật, độc giả được các ký giả thể thao vạch cho thấy đội banh nào sắp cầu thủ đứng theo *hình vuông huyền bí*, hay *M W*, đó là đội hình sắp theo chiến thuật xưa, có lúc đội banh có nhiều cầu thủ thể lực khỏe và xông xáo thì sắp theo *1, 9, 1* để khi lên công, về thủ một lượt. Hội nào chú trọng về thể thủ được gọi là *bê tông cốt sắt*, *chiến lữ Maginot*. Độc giả lúc đó không ngỡ ngàng khi đọc dòng chữ *kéo giãn đội hình, mở ra đôi cánh, đầu lưng ra về* (hai đội hòa nhau), đội A *cầm chun* đội B khi hai đội cùng chung tỉ số.

Cũng nhờ ký giả thể thao sửa lại hợp thời như: *trọng tài biên* thay vì anh cầm cờ chạy tót (*touche*). Banh ném không còn kêu là *banh nu* (*à nous*, theo tiếng Pháp là của chúng tôi) nghĩa là trái banh ra biên do cầu thủ đội kia đá, vậy trái banh phải do chúng tôi ném vào. Ngày trước, khán giả thấy một cầu thủ chạm banh vào tay liền la rùm lên: *me, me...* (tiếng Pháp *main* là bàn tay) hoặc la: *ê ê, oọc rơ* (*hors jeu*) là vi phạm, cầu thủ phòng ngự là *hậu vệ*, không gọi là *a de* (*arriere*) v.v...

Những danh từ đao to, búa lớn, những hình dung từ ngộ nghĩnh đó giờ đây anh Bảy ít được dịp viết lên giấy trắng nên lòng thấy buồn buồn, anh nói với chị:

- Bà biết không, làm trọng tài có cái vui, cái hãnh diện của người cầm còi nhưng bạc bẽo lắm bà ơi...

- Sao vậy?

- Bà coi đó. Cầu thủ đá hay, đội banh giỏi được khán giả cổ vũ hoan nghinh, được báo chí nhắc tên luôn, lại có hình ảnh... Đâu có ai hoan hô anh trọng tài khi điều khiển giỏi trận đấu? Đã không có tiếng khen, họ chỉ chờ trọng tài sơ xuất là la chộ. Nhiều đội banh được các thương gia làm mạnh thường quân giúp đỡ, tặng thưởng... còn bà có thấy trọng tài nào được lãnh tiền thưởng? Trọng tài chỉ được mời tham dự với các đội banh trong buổi tiệc thân hữu thôi, nhưng

nếu trọng tài đi ăn cơm riêng với vị mạnh thường quân hay huấn luyện viên đội banh thì bị nghi ngờ là *trọng tài cà phê*. Cũng may, ngày nay người dân thủ đô hay thị xã tỉnh biết lịch sự, hiểu rõ tinh thần thể thao, chớ ngày trước trọng tài khi bị khán giả (nhút là khán giả ở quận, làng xa xôi) nghi ngờ *xây cái nại* là họ đón đường cho *ăn mía gò cát*, hoặc cho *đo đất*...

Chị Bảy cười, hỏi chận:

- Đo đất, mía gò cát là cái gì?

- Cho ăn mía gò cát là họ đón đường đập lên trọng tài bằng khúc cây tầm vông, còn cho đo đất là anh trọng tài bị đập té chúi nhủi nằm dài trên đất...

Chị Bảy cười thương hại anh chồng ham làm chuyện giúp thiên hạ:

- Vì vậy nên hôm nay anh đổi nghề trọng tài sân cỏ để làm trọng tài võ đài hả?

- Không phải vậy. Tui được mời làm trọng tài cho võ đài đêm nay cũng nhờ vào sự quen biết nhiều và uy tín của tui.

Anh Bảy nói đến đây, hít một hơi điều thuốc thơm Bastos, đứng dậy vuôn vai rồi ưỡn ngực, nheo mắt nói với vợ:

- Bà quên tui đã từng làm huấn luyện viên cho võ sĩ Kít Xô Cô La sao?

- Nhớ chớ. Nhưng dính líu gì với chuyện anh làm trọng tài đêm nay?

- Dính líu chớ. Buổi võ đài hôm nay qui tụ các lò võ danh tiếng và quen biết nhau. Trong buổi họp để cấp độ, họ đồng ý với nhau nên mời một vị trọng tài cho trận then chốt giữa hai lò Mã Thành Long, Giồng Ông Tố để tránh tiếng thiên vị, và độ thách thức của nữ võ sĩ Doanh Doanh không ai đứng ra làm trọng tài nên ban tổ chức mời tui đảm nhiệm luôn.

Chị Bảy nghe đến đây phát cười lớn, nói:

- Hèn chi mà ông lựa bộ đồ tuyết so lụa lèo này để mặc đêm nay. Chà, chà, làm trọng tài cho hai nữ võ sĩ xinh đẹp nên ông diện như... đi chợ Tết.

Anh Bảy nghe vợ cười, hình hình lỗ mũi, cãi lại:

- Bà mây nghĩ quấy rồi đa. Thì cũng phải ăn mặc cho... đàng hoàng, chớ trọng tài võ đâu có đồ đồng phục. Làm trọng tài cho hai võ sĩ đấu nhau, đâu có dễ. Cái sân khấu võ đài nhỏ xíu so với sân banh, không cần chạy nhưng đôi mắt, đôi tay phải lẹ làng, phản ứng kịp thời để can hai võ sĩ nhập nội đeo nhau, hoặc đánh đấm sai qui luật. Khó lắm bà ơi! Không biết hai võ sĩ đêm nay đánh đá ra sao, chớ trận của võ sĩ lò Mã Thành Long đấu với võ sĩ Giồng Ông Tố gay cấn lắm đây. Họ là thanh niên đầy sức lực, chỉ múa may với nhau trong vài hiệp là mồ hôi, mồ kê tươm đầy mình. Khi mình chen vào giữa để xô vệt hai võ sĩ đeo đùn cục thì... cái áo lụa lèo của tôi làm sao khỏi bị mồ hôi của họ làm... bèo nhèo.

Đúng như anh Bảy nói, trận đấu của hai nữ võ sĩ xinh đẹp được sắp xếp ở trận thứ 5, và anh Bảy phải điều khiển trận so găng thứ 2 giữa hai thanh niên vạm vỡ có tài sức ngang nhau.

Qua đến hiệp 3, anh Bảy thấy võ sĩ Giồng Ông Tố có vẻ thấm mệt, những quả đấm *direct* (đấm thẳng) của anh ta không mạnh như hiệp đầu, lâu lâu lại đánh hụt khiến cho anh mau mất sức, trong khi võ sĩ lò Mã Thành Long né đâu thật giỏi và dò dẫm đánh cú nào chắc cú nấy. Và chuyện gì đến phải đến: gần cuối hiệp, anh võ sĩ này đánh như bằng tay trái, chớ võ sĩ Giồng Ông Tố hụp đầu tránh liên tưng thêm cú móc bằng tay mặt vào cằm làm đối thủ tá hỏa, té ngửa. Anh Bảy bước mau đến trước mặt võ sĩ té, vừa để chặn anh võ sĩ lò Mã Thành Long, vừa đếm. Đếm đến 7, anh kia đứng dậy và gật đầu tỏ ra mình còn đủ sức đánh nữa. Anh Bảy nắm lấy hai tay mang găng của võ sĩ té, chùi găng vào áo lụa lèo của mình. Lương tâm chức nghiệp và là bốn phần của trọng tài bắt buộc phải chùi găng võ sĩ vừa nằm đài, e đôi găng dính đất cát sẽ làm trầy mặt đối thủ. Nhưng đến gần cuối hiệp, thấy võ sĩ này không còn sức đánh trả, chỉ lo ôm mặt chịu trận, anh Bảy chen vào giữa đưa tay ngưng trận đấu.

Anh Bảy đến bàn trọng tài cho điểm để lấy kết quả, sau đó anh hướng dẫn hai võ sĩ ra đứng giữa đài chờ nghe loa phóng thanh tuyên bố thắng bại. Nắm tay võ sĩ thắng đưa lên, anh cười mím chỉ, nhúc nhích râu mép như hài lòng mình đã làm tròn nhiệm vụ trọng tài. Khán giả vỗ tay hoan hô, võ sĩ thắng cười vui đón nhận, anh Bảy cũng cười theo.

Về ghế ngồi dành riêng cho mình, anh Bảy mới thấm thía khi nhìn cái áo lụa lèo màu trắng giờ đây đã bèo nhèo vì mồ hôi của hai võ sĩ thấm vào những khi anh chen vô ngăn chặn. Anh nhìn xuống, hai vết dơ màu xám là hai chỗ lau găng. Anh chợt nhớ đến độ thứ 5 do anh điều khiển. Anh sẽ bước theo hai nữ võ sĩ. Anh sẽ được chụp hình, quay phim giữa hai người đẹp với cái áo bèo nhèo này đây! Trong hiệp đấu, tinh thần anh căng thẳng như võ sĩ, giờ đây ngồi nhìn cái áo... Đâu còn đủ thời giờ để chạy về nhà thay cái khác. đành chịu vậy!

Khán giả ồn ào, vỗ tay, huýt sáo như muốn làm nổ tung sân Tinh Võ khi cánh cửa cuối phòng vừa mở ra, xuất hiện hai nữ võ sĩ.

Cô Doanh Doanh bước ra trước. Gương mặt khả ái dưới ánh đèn rọi và nhiều đèn chớp của phóng viên nhiếp ảnh. Huấn luyện viên, săn sóc viên cũng như hai anh hộ vệ khó nhọc lắm mới chặn được các khán giả hăm mộ đang xô đẩy nhau để cố bước tới gần cô. Hôm nay Doanh Doanh mặc quần áo bằng sa teng đen bó sát thân hình nở nang cân đối. Chiếc áo choàng màu tím than phủ bên ngoài, che bớt những đường cong hấp dẫn, chỉ thấy đôi giò thon của cô bước thoăn thoắt... Cô mỉm cười đưa tay chào khán giả, vẻ tự tin.

Nhóm săn sóc viên và nữ võ sĩ Bạch Nhạn đi sau. Khán giả đang hoan hô Doanh Doanh bỗng như ngừng lại ngạc nhiên. Họ chỉ được thấy hình nữ võ sĩ Bạch Nhạn trên các bích chương nên không ngờ cô có một thân hình cân đối vừa phải nếu không nói là nhỏ nhắn với gương mặt hiền hòa, đôi mắt to như mắt nai làm khán giả ngỡ đây là một nữ sinh

bước thời gian

Gió bay

lá rụng

lại thu sang

Nắng biếc mây che đã nhuộm vàng

ngựa lẻ hết kêu rừng phía bắc

chìm bầy đang lượn núi phương nam.

Con diều giấy thả

buồn lơ lửng

Lớp bọt bèo trôi

nhớ xốn xang.

Sông nước ở đây dòng vẫn chảy

ngược xuôi thì vẫn bước thời gian!

lê nguyên hạo

trường Gia Long. Bạch Nhạn có nghĩa là chim nhạn trắng, đáng lý cô mặc bộ đồ võ màu trắng nhưng hôm nay lên đài lần đầu, Bạch Nhạn mặc nguyên bộ áo võ bằng loại sa teng bóng láng màu tím hoa cà, áo choàng bên ngoài bằng sa teng màu bạc. Theo bước đi, chiếc áo lay động như hình ảnh con chim nhạn trắng bay thấp thoáng... Sau phút ngạc nhiên, khán giả hoan hô nồng nhiệt cô gái xinh đẹp này. Tiếng vỗ tay, tiếng huýt sáo ồn ào nhưng vẫn nghe loáng thoáng:

- Trời đất! Sao mà nhỏ nhắn như vậy, biết chịu nổi cú đá của cô Doanh Doanh không?

Nữ võ sĩ Bạch Nhạn lần đầu tiên xuất hiện trước công chúng đại diện cho môn phái mình nên có vẻ lo lắng, nhưng khi nghe tiếng cổ võ, cô lấy lại bình tĩnh, ngẩng đầu nhìn hai bên khán giả, mỉm cười.

Anh Bảy đã sẵn sàng trên đài. Anh đứng dựa lưng vào dây nhìn hai nữ võ sĩ đang cùng các săn sóc viên bao quanh tại hai góc đài, chờ đợi ban tổ chức giới thiệu với khán giả tên tuổi, tài năng, môn phái của hai võ sĩ và thành phần ban Trọng tài độ võ. Lại những tràng pháo tay, những tiếng hoan hô vang dội sân Tinh Võ khi hai nữ võ sĩ vẫn còn mặc áo choàng ra

trình diện. Anh Bảy đứng giữa hai người đẹp, bộ râu mép anh nhúc nhích lia lịa như lòng anh đang rộn ràng hồi hộp. Ánh đèn của nhiếp ảnh viên và khán giả thì nhau lóe chớp. Sau phần giới thiệu, ban tổ chức mời sân sóc viên ra ngoài. Doanh Doanh và Bạch Nhạn từ tốn cởi áo choàng trao cho sân sóc viên để khán giả được thêm một phen hoan hô trầm trồ hai thân hình tròn trịa căng đầy nhựa sống. Tới phiên anh Bảy bước đến bên võ sĩ Doanh Doanh. Như thủ tục thường lệ bắt buộc, võ sĩ đưa hai bàn tay cho trọng tài xét qua. Vì là võ tự do nên võ sĩ không mang găng da để có thể sử dụng những ngón tay trong các thế *cầm nã*, *trảo* hoặc *chuồng*, nhưng có võ sĩ quán băng thun vào cổ tay hay hở khẩu nên trọng tài phải xét kỹ, kẻ có võ sĩ đã tâm giấu vật cứng có thể gây thương tích cho đối phương. Hai bàn chân cũng vậy, võ sĩ sử dụng *cước* nên không mang giày, nhưng trọng tài phải xem xét như đôi tay.

Anh Bảy xem đôi tay và cúi xuống xem đôi chân. Và trong tư thế ngược lên, anh dùng hai ngón tay trở và giữa búng ngược vào hạ bộ nữ võ sĩ. Khán giả cười ồ lên. Nhiều tiếng la ó... Giật mình, anh Bảy bỗng thấy sượng sùng vì anh vừa làm một động tác gây cho khán giả hiểu lầm nên có trận cười la chộ.

Theo lệ thường, nam võ sĩ lên đài bắt buộc phải mang cái *cô-ki* (*coquille*: một miếng nhôm hình vỏ sò, dùng để bảo vệ hạ bộ, đề phòng bị đá trúng cũng không bị thương). Nhưng đây là nữ võ sĩ nên không có *cô-ki*. Anh Bảy làm đủ động tác như mọi khi nào có ẩn ý gì, nhưng khán giả thấy vậy cứ la ò thoả mái làm anh cười mím chi xén lên. Đến phiên Bạch Nhạn, anh chỉ xét qua loa. Tiếng cười râm ran mãi đến khi tiếng chuông khởi đầu trận đánh.

Sau thế Bái Tổ, hai nữ võ sĩ đứng thủ thế, bốn mắt nhìn nhau lom lom. Biết Doanh Doanh có thân hình cao hơn mình và chuyên dùng cước pháp nên Bạch Nhạn bình tĩnh đứng theo Hạc tấn, bàn tay trái xòe trước ngực,

ngón tay chĩa lên, tay mặt nắm thành quả đấm thủ nơi hông. Cô bước qua, bước lại, chun trái rồi chun mặt nhưng vẫn theo Hạc tấn. Thấy đối phương thủ kín phần đầu và ngực, Doanh Doanh hai bàn tay chống nhẹ hai bên hông, chun mặt đang đứng Chảo Mã tấn bỗng tiến tới, vừa chạm chun xuống sàn đài, chun trái cô đá thẳng vào mặt Bạch Nhạn theo thế Bằng Long cước. Nhìn thấy chun mặt của Doanh Doanh bước tới, Bạch Nhạn biết đối thủ sẽ đá tiếp bằng chun trái, cô bình tĩnh bước qua phía mặt, rùn bộ thành Trung Bình tấn, tay trái đang thủ trước ngực đưa lên đánh bật ra theo thế Kim Báo đảo quyền. Bộ pháp của nữ võ sĩ Bạch Nhạn thật đẹp và kiên hiệu, vừa né vừa phản công làm cho ngọn cước của Doanh Doanh đá hụt lại bị cạnh bàn tay trái Bạch Nhạn chặt trúng nên ê ẩm. Doanh Doanh hùng hổ tấn công nhưng nàng sử dụng đôi tay rất ít, chỉ dùng để thủ hạ bộ mỗi khi tung ngọn cước. Đôi chun của cô ta quả lợi hại nhưng qua vài thế trao đổi, Bạch Nhạn thấy tự tin hơn. Cô võ sĩ xinh xắn này bước theo thủ pháp để né cước nhưng mỗi lần tránh đòn cô lại nương theo thế của đối thủ để phản công làm Doanh Doanh phải e dè.

Khán giả nín thở theo dõi trận đấu. Trên võ đài sáng choang chỉ thấy hai bóng người uốn lượn, anh Bảy cũng bị thu hút vào trận đấu hay đẹp, anh bước theo xa xa như để tránh những ngọn cước vùn vụt của Doanh Doanh.

Đến hiệp ba, Doanh Doanh vừa nghe tiếng chuông báo hiệu, cô phóng tới đá như chun trái để tiếp theo sử dụng ngón cước Hoàn Thân bằng chun mặt, quay người tròn một vòng, gót chun sẽ tung vào mặt Bạch Nhạn. Cô này đoán biết đối thủ sẽ dùng hai ngọn cước liên tiếp nên nhảy ngược ra phía sau, hai tay để treo trên đầu, chun trái treo sau chun phải, rùn bộ xuống theo thế Thối Tọa Bình Đầu. Chờ ngọn cước Doanh Doanh vừa vụt qua, Bạch Nhạn đứng dậy, xoay lưng vào đối thủ, tay trái đang lật ngựa phía trên liền xoay thành

cầm nã để chụp lấy ống quần bó túm của đối phương, tay mặt cô đưa thẳng tới. Vậy là chun của Doanh Doanh bị bắt lấy, không để xuống được, đôi tay của nàng cũng không cách nào hóa giải hay tấn công vì cô đang bị loạn choạng mất thăng bằng. Bạch Nhạn chỉ cần hát cao lên là đối thủ té bật ngã, nhưng với tinh thần thương võ, Bạch Nhạn khẽ xô nhẹ cho chun Doanh Doanh chạm xuống đài, cô mỉm cười bước lùi ra sau. Doanh Doanh biết ý, vừa đứng được thẳng người, cô đưa hai bàn tay lên ngực, một tay xòe, một tay nắm chạm nhau, chào Bạch Nhạn.

Khán giả hoan hô muốn nổ tung cầu lạc bộ Tinh Võ. Thắng bại đã rõ ràng nhưng mọi người đều có cảm tình với cả hai võ sĩ khả ái trong một trận đấu kể công người thủ ngoạn mục. Tiếng khen như còn vang mãi đến những độ sau...

Anh Bảy về đến nhà, chị Bảy đã đi ngủ. Sáng hôm sau anh thức dậy thấy chị đang lo bữa ăn sáng. Chị cười hỏi anh:

- Hồi sáng tui ra đầu ngõ, nghe tụi thanh niên đi coi võ đài kể chuyện đêm qua... Hì...hì... Cái vụ gì mà anh bị khán giả cười quá vậy?

Anh Bảy nhớ lại, bật cười. Anh cũng thấy nhột nhạt... Anh rờ bộ râu mép, ậm ừ nói với vợ:

- Có gì đâu bà ơi. Như lệ thường, tui xét găng tay, vớ chun và *cô-ki* của cầu thủ... Hì hì... nhè nữ võ sĩ mà tui cũng búng thử... coi có *cô-ki* không... Hì... hì...

- Vậy là thiên hạ tưởng anh bầm lăm. Chớ nữ võ sĩ đâu cần mang *cô-ki*...

Anh nói lảng qua chuyện khác:

- Bà mầy đem bộ đồ tui mặc đêm qua giặt giùm tui. Hai thằng võ sĩ mồ hôi quá nhiều, báo hại cái áo lụa lèo bị bèo nhèo...

Anh Bảy bước vào phòng tắm, hát nho nhỏ:

Trên đời có bốn cái ngu

Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu.

Chị Bảy nói với võ:

- Còn có cái ngu thứ năm là làm trọng tài, anh ơi!

Ranh Giời

Duy Lam



Thi sĩ-triết gia già với khuôn mặt phong sương, bình thản và nụ cười ít khi hằn trên nét môi, nhìn ra buổi chiều mùa thu ở ngoài kia. Cái nhìn của ông như khoắc lên cảnh vật một vẻ trầm mặc, u hoài của tư tưởng mà chỉ ông biết nó có đấy, còn người ít ai hiểu ông, là ông đã nuôi nó và tưới bón nó bằng những vần thơ trong suốt của ông từ mấy chục năm nay.

Chiều nay, sức khoẻ của ông đã phục hồi và những thương tích trên mặt ông, phía trái đã lên sẹo mờ và cũng chỉ ông cảm thấy những vết tích bóng rớt, còn đọng lại của những cú đập bằng báng dao găm của hai tên cướp đường một da đen, một la-tinh. Những cú đánh tàn bạo, tức giận, mang một nỗi hận thù âm ỉ, mà ông không thể hiểu tại sao lại nhắm vào ông. Chúng đã chặn ông ngay chỗ ngã quật vào căn nhà của hai vợ chồng ông, cũng vào chập tối như bữa nay, khi ông vừa trở về sau một buổi đi dạo buổi chiều mà ông đã duy trì đều đặn, suốt cả bốn mùa, dù thời tiết nóng hay lạnh. Ông đã không hốt hoảng lắm, chỉ hơi giật mình khi tên cướp da đen nhảy ra, từ một gốc cây dí dao vào ông đòi tiền. Cái giọng the thé, hung hăng chói tai của hắn làm ông hơi nhăn mặt. Ông đã giơ hai tay lên để chứng tỏ ông chẳng mang gì trên bộ quần áo thể thao xám và phân bua bằng tiếng Anh: "Tôi không có tiền mang theo. Tôi đi dạo nên không mang gì hết. Rất tiếc!" Vừa nói đến đó, thời tên cướp đã đánh vào mặt ông, bằng cán con dao quay ngược.

Ông loạng choạng và thực sự ngã dài ra đất, chỉ sau khi hai ba cú đánh tiếp giáng xuống với sự giận dữ vô cớ, nên cường độ tăng hẳn. Máu ra xối xả và cái nhìn của ông, bị che phủ màu đỏ sẫm của máu chan hoà, vụt ra có vôi. Ông chỉ rên rĩ và thoáng qua óc là ý nghĩ: "Ta phải nằm im, đóng vai kẻ sắp chết". Bọn chúng bỏ đi rồi, ông chờ khi tiếng bọn chúng léo nhéo cãi nhau đã xa, mới gắng gượng chống tay đứng dậy và vừa đi loạng choạng về phía nhà vừa rên rĩ khe khẽ và kêu tên vợ ông. Một bên mắt ông nóng rát và đau đốn như con người đã rớt ra, chảy theo máu xuống đường.

Tuy miệng mặn vì mùi máu nồng, từ bên gò má và trán chảy xuống, ông cũng biết ông đang cố mỉm cười và tự nhủ: "Thế là sự hung bạo không giết nổi ta. Ta còn sống sót". Bà vợ ông đi tìm ông, thấy ông ngồi phệt trên mặt đất giữa đường vào nhà, mặt đầy máu nhưng cặp mắt còn nhìn thấy long lanh một cách lạ. Trong bóng tranh tối tranh sáng của buổi chiều chạng vạng, bà đã hét lên một tiếng, ngồi phịch xuống, ôm lấy chồng vừa khóc như mưa như gió, cuống quýt hỏi ông: "Trời ơi! Sao ông lại thế này?"

Ông có làm sao không? Trời đất! Đứa nào đánh chồng tôi đây? Cứu chúng tôi với! Gọi ngay *emergency*..." Thi sĩ già giơ tay run rẩy, nắm lấy vai bà lay lay, miệng nói bình tĩnh, dần từng tiếng một: "Tôi bị cướp đòi tiền đánh! Không sao đâu! Chỉ vì máu chảy nhiều quá đấy thôi! Bà đỡ tôi vào nhà ngay và kiếm cho tôi chiếc khăn mặt, băng tạm cho máu khỏi ra nhiều!".

Ngay vào giây phút này, nhớ lại toàn bộ diễn tiến, cái gọi là tai nạn hay tai hoạ đã xảy đến cho ông, người thi sĩ già chỉ thú vị về một chi tiết độc nhất, mà ông mất hơi nhiều thì giờ, mô tả lại cho mấy bạn thơ, bạn triết đến thăm ông, đó là khi nằm sấp trên đường, cơ thể đau đốn, máu ràn rụa trên mặt, ông với cái liếc nhìn của con mắt còn nhìn thấy, đã khám phá ra, mấy chiếc lá vàng sát mặt ông, đẹp và mong manh một cách lạ kỳ. Ông đã nghĩ rất nhanh, về sự hung bạo vô cớ của con người đã không thắng được ông và hình như cái bộ mặt đen đui hung dữ của tên cướp, lộ ra bất chợt từ cái bóng tối lù mù, không liên hệ gì đến ông và giữa những cú đập và mặt ông, và cái mùi thân hình nồng mùi người của hắn, đã có một

khoảng cách. Chính khoảng cách giữa cái thể xác vô thức, bị cơn đói ma túy thúc đẩy, đã làm nảy ra những cú đánh vào ông, và cũng có thể là bất cứ một ông bà già yếu ớt, run rẩy nào, da đen, da trắng hay da vàng, không may đi sát vào cái khối lúc nhúc những người vô danh, không hình thù căn cước tính hay bản sắc đó. Rồi mấy tên cướp ấy, biến vào bóng tối lù mù, để không bao giờ tiếp xúc đụng chạm đến ông. Ông đã quên họ ngay, không giận dữ xúc động. Người ta chẳng thể thù hận một kẻ không quen biết, còn hận thù lên cả cái khối tập thể người đó là điều ông không tự cho phép, vì vừa ấu trĩ vừa phi lý đối với con mắt triết gia của ông. Hơn nữa, dưới ánh sáng của các cảm xúc về cái đẹp của ngôn ngữ thơ, lòng thù hận thô và cứng này không có chỗ đứng.

Triết gia-thi sĩ già giơ tay xem đồng hồ. Chỉ còn 15 phút nữa là đến giờ ông phải đi dạo. Nhượng bộ những lời năn nỉ, van xin của bà vợ già thương yêu ông và một số bạn ở Mỹ lâu như ông, ông đã nhắc cái giờ bắt đầu thực hiện cuộc đi dạo trầm tư của ông lên 40 phút sớm hơn, để trời tương đối còn sáng và an ninh hơn cho mạng sống của ông. Đó là tất cả

những nhượng bộ ông có thể làm đối với mọi người thân và không hơn không kém. Dĩ nhiên không trong trường hợp nào ông chịu bỏ các cuộc đi dạo trầm tư buổi chiều. Đơn giản là ông không muốn mọi người ngộ nhận, dù một chút xiu, mảnh như làn khói nghi ngờ, là ông có thể sợ hãi.

Ông lặng lẽ nhìn một lượt, căn phòng chìm đắm trong làn ánh sáng trầm tư, lắng đọng của một buổi chiều cuối Thu, quen thuộc với ông như da thịt, hơi thở nhịp tim của ông: Cái thế giới u tĩnh mà ông đã mang theo bên ông suốt trong gần 20 năm nay, ở vùng đất xa lạ này. Ông đã dựng lên cái thế giới đó, từng bước một, kiên trì và thú vị. Một niềm thú có cái nhục cảm rất nhẹ nhàng, tựa như khi ngắm một bản vẽ một thiếu nữ Nhật Bản khoả thân, đang tắm gội. Cái bàn đen gỗ mun kia, ông đã mua nó khá tốn tiền. Cái nghiên mực, bút lông và giấy bản màu mỡ gà kia, ông đã cầu kỳ khâu góp để thỉnh thoảng nhờ các bậc thầy chữ thảo viết vài bài thơ của ông treo trên tường. Cái lư đồng đen, mà ông thường đốt vài nhánh trầm sau khi đọc vài bài cổ thi vừa ý; bộ bàn ghế mây lên nước vàng nhạt ông thường ngồi tiếp các bạn văn thơ, với những nét uốn cong luôn làm ông

trầm trồ khi ngắm; mấy cái tủ đựng đồ cổ Việt và Trung Hoa ông đã sưu tầm; cái giá đựng sách quý in chữ vàng các tác phẩm của các bạn văn thơ và các tác phẩm triết học, các tuyển tập thơ của chính ông: Công trình của một đời sáng tác. Tất cả cái thế giới của riêng ông mà ông kiên nhẫn dựng lên và ông chủ là ông, khi ngồi trầm tư trong đó, một thi sĩ-triết gia. Cái thế giới đó được nối dài, mở rộng, bằng các hành động đều đặn mà ông đã chọn và dãi lọc cả gần mười năm nay, sau khi ông đã ngưng làm nhà xuất bản và về hưu, đó là những cuộc đi xa định kỳ, những buổi nói chuyện ít ỏi trước các cử tọa chọn lọc và những buổi đi dạo trầm tư vào buổi chiều. Không lý ông phải nhượng bộ một tác động hung bạo của cái thế giới con người bên ngoài xâm lấn, thách thức ông? Đối với ông, cái thế giới con người đầy giận dữ, thù hận đó, xa lạ với ông, một sự xa lạ có phần trừu tượng. Ông đã xem sách, xem các chương trình truyền hình, xem phim về những bộc lộ và các hiện tượng nghiên cứu được của cái thế giới đó và chỉ cảm thấy tò mò lẫn chút băn khoăn nghi ngờ, nghi ngờ lại tại sao nó lại có thể có được, ngay sát bên cái thế giới của ông, mà sao lại xa cách, lạ lẫm đến thế. Ông hiểu được cái thế giới đó phần nào, như một triết gia, nhưng đối với con người thi sĩ, thời những hung bạo nóng đỏ đó đã trượt đi và văng xa, như một con thia lia trượt trên mặt nước, không tác động dù có tiếp xúc.

Tóm lại, tên cướp từ cái thế giới đầy thù hận hung bạo đó, vì một sự tình cờ đã đụng chạm đến ông, gây cho ông vài thương tích, nhưng sau khi đã loé lên, trở lại chìm ngập vào cái tối tăm của thế giới từ đó nó xuất phát. Còn phần ông, ông chắc chẳng chịu cắt bỏ cái phần nối dài của thế giới của ông là các cuộc đi dạo trầm tư, dù với bất cứ giá nào. Ông nghĩ vậy và tin như vậy.

Nhà thi sĩ-triết gia già đứng dậy và ra cửa nhà, bắt đầu cuộc đi dạo trầm tư vào buổi chiều. Thói quen mà ông đã theo từ hơn mười năm nay. ●



chiều bên hiên

Yêu em giấc mộng còn đầy
Cơn đau ngày cũ lưu đầy trong ta
Ngồi bên hiên. Giữa chiều tà
Bỗng nghe trời đất xót xa nỗi buồn
Ta chừ sống kiếp tha hương
Sầu nghiêng mái tóc,
lệch đường rẽ ngôi.

nguyễn đức thanh

người cống quá khứ

Thế hệ chúng tôi
Cống trên lưng quá khứ
Một hình hài tàn tật
của chiến tranh.

Thế hệ chúng tôi, đội trên đầu cái mũ
Bốn ngàn năm nghèo đói không vành
Thế hệ chúng tôi

Giữa thế kỷ loài người mọc cánh
Chúng tôi không có gì
ngoài hai bàn chân
Chính điều ấy, làm nên số phận
Thảm họa sau cùng, người gánh...
Nhân dân.

nguyễn quốc chánh
(Việt nam)

Bố Con

Hương Kiều Loan



Hai năm nay, từ ngày các con gần trưởng thành, ông Hữu như buồn hơn và thấy chúng xa lạ với mình hơn. Ông nhớ tiếc những ngày chúng còn nhỏ, quần quýt bên cha mẹ để đòi đi phố, đi mua đồ chơi, đòi mua món này món nọ và thường ôm bố reo lên mỗi khi được món đồ chơi mà chúng hằng ao ước. Rồi ông nhớ những lần đưa cả nhà đi ăn tiệm. Nhìn cả nhà đông đủ, con trẻ nói cười luôn miệng; nhìn ánh mắt sung sướng của vợ, ông

thấy những ngày làm việc vất vả ở xứ người đã được đền bù. Mọi người như lệ thuộc vào ông, lúc nào cũng bố, cái gì cũng hỏi bố. Xa nữa, ông nhớ những ngày vừa đến Mỹ, Miên và đứa con đầu lòng lúc đó mới chỉ 4 tuổi. Trong mấy tháng đầu tiên Miên chưa nói được tiếng Mỹ lơ lớ nên mọi việc phải nhờ ông thông dịch. Lúc đó ông thấy mình oai lắm và rất vui là bảo vệ, săn sóc được cho vợ con mà ông thương yêu hết lòng.

Năm đầu ở Mỹ, lúc nào ông cũng bận với gia đình. Qua năm sau, Miên đi làm, nhà chỉ có một xe, ông phải dậy sớm để đưa vợ con đến sở vì hai người làm ở hai hướng khác nhau. Vất vả nhất là thời gian ông tập cho vợ lái xe. Miên vốn nhút nhát, ngay từ thời đi học nàng không cả dám đi xe đạp, nói gì đến xe hơi, huống chi ở Mỹ, xe cộ đông như mắc cửi. Ông luôn là người khuyến khích, nâng đỡ Miên những khi nàng nản chí. Miên kém ông tám tuổi, là con út trong gia đình và được bố cưng chiều nhất nhà nên tuy lấy chồng đã vài năm, nàng vẫn giữ nguyên những tính như lúc còn ở với cha mẹ. Tuy thế ông vẫn chiều vợ hết mình. Sự hy sinh vô bờ bến của ông chắc chắn là Miên và các con phải biết rõ. Đời ông, công danh đã lỡ, sự nghiệp chôn vùi sau biển số 75, chỉ còn số vốn ngoại ngữ Anh Pháp thông thạo giúp ông có việc làm khá khá so với những người tị nạn khác trong những năm đầu trên đất Mỹ. Ông an phận với thân phận lưu đầy, cố gắng làm việc nuôi nấng con cái cho nên người và dành tất cả thương yêu cho gia đình.

Tưởng đời cứ thế trôi, nhưng đến tuổi gần về hưu ông mới thấy mình đã đánh mất quá nhiều. Từ bao năm ông vẫn nghĩ mình làm tròn bốn phận người cha gương mẫu, không rượu chè cờ bạc, không đàn đúm trà đình tửu quán. Ông đã rất hài lòng với hạnh kiểm của các con. Từ ngày đi học võ lòng đến nay, chúng mang về nhà toàn những giấy khen và học rất khá. Thấy các con ngoan ngoãn, ông yên tâm lắm. Nhưng gần đây, ông bỗng thấy các con như xa lạ với ông. Ông không đọc được tư tưởng của chúng như ngày chúng còn nhỏ nữa. Thì ra hơn mười năm gần đây, ông mãi lo mưu sinh, về đến nhà là mệt mỏi, không gần gũi, trò chuyện thân mật với các con nên một tấm màn ngăn cách đã dựng lên giữa cha con ông. Mỗi lần cha con nói chuyện, đưa đến một vấn đề gì, tuy chúng yên lặng không dám cãi, nhưng nhìn ánh mắt chúng, ông hiểu là chúng không đồng ý. Ông không cần biết, khôn đến mấy

chăng nữa, làm sao chúng có kinh nghiệm đời bằng ông được! Lời khuyên của ông bao giờ cũng đúng và chúng bắt buộc phải nghe theo.

Rồi ông chợt nhận ra các con chỉ gần mẹ. Cái gì cũng hỏi mẹ, xin mẹ để nhờ mẹ thưa với bố giùm chúng. Đột nhiên ông cảm thấy cái địa vị làm chủ gia đình của mình bị lung lay. Không phải vì vợ ông lạm quyền mà vì các con không để ý đến ông nhiều nữa. Mỗi lần nói chuyện với ông, chúng thường rất vắn tắt và tỏ vẻ chỉ muốn nói cho xong để còn rút về phòng riêng. Điều đó làm ông rất khó chịu. Đôi lần trong bữa ăn chiều, ông thấy có đứa vắng mặt. Hỏi, thì Miên bảo con xin phép đến nhà bạn dự sinh nhật hoặc đi xi-nê với bạn. Ông bực lắm:

- Tại sao nó không xin phép tôi?

- Anh đâu có nhà mà nó xin phép?

Với con nó cũng lớn rồi, năm thứ hai, thứ ba đại học rồi anh!

Ông không chấp nhận:

- Nếu nó định đi tức là đã biết trước nhiều ngày, tại sao nó không xin phép khi tôi có mặt ở nhà?

Ông phải đợi con về để hỏi tội. Cái quyền cho phép đi chơi ngoài giờ học, ngoài giờ đi làm *part time* là quyền của ông chứ không phải của Miên vì ông biết bao giờ người mẹ cũng dễ mềm lòng với con cái hơn. Ông đọc báo thấy những *party* đưa đến rượu chè say sưa rồi đánh nhau, xảy ra tai nạn... ông phải cảnh cáo chúng: "Không đi dự *party* không chế, nhưng đi chơi khuya sẽ có ngày gặp ma!" Rồi còn nhiều thứ nữa... Những bực bội nho nhỏ cứ lan mãi ra như những cái mụn trứng cá cần phải được chữa trị.

Ông dòm dỏ, chú ý cả đến lối sinh hoạt riêng tư của các con. Vợ ông thì không coi là chuyện lớn, nhưng tính ông ngăn nắp, ông không chịu được. Trong phòng chúng, giày dép, áo quần vứt lung tung. Quần áo mẹ giặt sạch cho rồi, đã gấp sẵn cũng cứ để đầy trên bàn phòng giặt, không chịu cất. Sách đọc xong, CD nhạc nghe xong không cất vào tủ vào kệ mà để bừa trên giường, trên bàn. Tại sao

chúng không thể giống ông một tí nào về sự gọn gàng cả? Có bao giờ ông như vậy đâu! Vật gì ông cất chỗ nào thì dù mười năm sau hay có nhầm mất, tắt đèn ông vẫn tìm ra chúng.

Ngày các con còn nhỏ, ông không nhớ là phòng của chúng ra sao, có lẽ vì mẹ chúng luôn dọn dẹp. Nay các con đã lớn, Miên không muốn vào phòng xáo trộn cái riêng tư của chúng. Ông thì không thể nào chấp nhận cái lập luận đó được. Trong gia đình là không có cái gì riêng tư hết, muốn riêng tư thì dọn ra! Sống dưới mái nhà mà ông là chủ thì phải theo luật lệ gia đình, phải đổ rác, hút bụi, lau chùi sạch sẽ... mọi thứ phải đâu ra đấy. Mỗi cuối tuần nghỉ ở nhà, ông thường để mắt nhìn vào phòng các con. Thấy bữa bộn là máu nóng ông bốc lên đầu, dựng cổ các con dậy dọn dẹp ngay lập tức. Không lý do gì con trai lớn xác mà 8, 9 giờ sáng còn ngủ. Mẹ ông vẫn dạy: "Giàu đâu đến kẻ ngủ trưa, sang đâu đến kẻ say sưa tối ngày", dậy trễ là hư! Quan niệm đó đã được ghi trong tự điển của gia đình.

Nhiều hôm ông bực vì Miên bênh con:

- Lớp học của nó 10 giờ tối mới ra, lại còn phải làm bài đến khuya nên sáng thứ bảy anh để nó ngủ trễ một tí.

- Em biết chúng học bài hay chơi *game* hoặc coi ti-vi khuya mà nói? Muốn học thì hôm nay nghỉ, sao không dậy sớm mà học, tinh thần minh mẫn...

Nhìn chúng ngồi học ông lại càng lộn ruột: vừa học vừa nghe nhạc. Ngày xưa khi ngồi học, ông đâu có thế! Hồi ấy, sau bữa cơm chiều chừng nửa tiếng là bố bắt mấy anh chị em ông phải ngồi ở cái bàn học lớn kê trong góc phòng khách để học bài. Ngồi đó học trong suốt hai tiếng, có buồn ngủ rũ mắt ra cũng phải ngồi, không được lên đi chỗ khác chơi, radio phải tắt. Cả cái phòng khách thành thang lạnh lẽo với những sập gụ tủ chè gỗ gụ lên nước đen bóng. Bầu không khí thật là lạnh và nghiêm, không một tiếng động nào khác ngoài

tiếng ê a học bài của anh chị em ông, vậy mà nhiều khi bài học còn khó vào đầu. Bây giờ các con ông ngồi học vừa để ti-vi léo nhéo, vừa mở CD nghe nhạc. Học hành bị chi phối như vậy thì chữ nghĩa làm sao vào óc được! Dĩ nhiên những lần bắt gặp như vậy, ông đều la mắng và bắt tắt ngay.

Vợ ông không la mắng các con khi chúng thức khuya. Miên cho rằng cả tuần chúng vừa đi học vừa đi làm mỗi mệt, nên để chúng được tự do một tí. Hừ! Tiền chúng kiếm được thì chúng giữ, ông nào đếm xỉa đến. Ông vẫn phát lương hàng tuần cho từ thằng lớn đến thằng bé, rồi cả tiền quần áo, sách vở khi chúng cần. Cũng may là học phí thì nó đã có học bổng rồi nên đừng có nài lý do phải đi làm mỗi mệt với ông. Ông có bắt đứa nào phải đi làm đâu? Học là học, đi làm có tí tiền rồi xao lãng việc học, mắc mớ vào những ham muốn vật chất, lo kiếm tiền... việc học sẽ kém đi.

Chuyện chúng đi làm cũng là do Miên đồng lõa. Nàng bảo để tập cho các con có tính tự lập và gây cho chúng tinh thần tự trọng, khỏi phải ngửa tay xin tiền bố mẹ những khoản tiêu riêng tư như mua *game*, đưa bạn gái đi chơi, đi xi-nê...

Nói đến bạn gái của con, ông lại càng lộn tiết. Cái xứ gì mà phong tục đến trơ trẽn. Bố mẹ đưa con gái đến tận nhà để đón thằng con ông lên nhà họ chơi rồi chiều họ lại đích thân đưa nó về. Ông thì còn lâu! Ông mà có con gái, con trai lại nhà, ông còn đuổi đi là đằng khác. Làm sao ông có thể chấp nhận chuyện bố mẹ đi làm cả tuần mỗi mệt, cuối tuần phải đưa con đi chơi riêng! Ông không đưa nào đi đâu hết, muốn đi chơi thì đi với bố mẹ, bạn gặp trong trường đủ rồi. Nhưng những năm gần đây, các con không thích đi phở với vợ chồng ông nữa. Chúng chỉ đi khi bị ép buộc, rồi đến nơi là xin phép tách riêng để đi chơi *game* hay vào tiệm sách. Như thế thì còn gì là ý nghĩa gia đình đi chơi chung nữa! Có ép chúng đi với ông thì mặt chúng chảy dài ra, chả buồn cười nói. Ấy thế mà gặp bạn bè là tươi như hoa, nói lếu lo khiến ông bực vô

cùng.

Rồi ông càng bức hơn khi vợ bằng lòng cho phép bạn gái của con đến nhà chơi cả nửa ngày cuối tuần. Có đứa con gái mắt xanh mũi lõ 16, 17 tuổi ngồi coi ti-vi ở dưới nhà làm ông lên xuống mắt cả tự nhiên.

Vợ ông bảo: Thà cho chúng lại nhà mình hay con mình lại nhà họ thì mình còn biết để kiểm soát chứ ngăn cấm chúng, để chúng lén lút gặp nhau thì sẽ xảy ra nhiều cái tai hại. Nghe hợp lý đấy, nhưng ông vẫn bức là sao con không chọn bạn Việt Nam để ông được nghe lời chào hỏi, thưa gửi ngọt ngào. Đàng này thì chỉ: "Hi, good morning!" hoặc "Hello! Mr. Đăng, How are you?" rồi sau đó là biến vào phòng nhau dù ông đã bắt con phải để cửa phòng mở khi có bạn đến nhà. Cái con bé ấy xinh xắn, học giỏi, con nhà gia thế nhưng ông vẫn không ưa vì nó dám rủ con ông nạp đơn đi học với nó ở tận Chicago! Làm sao ông bằng lòng được khi thằng bé mới 17 tuổi, đi xa nhà để đến cái thành phố đầy tội ác như vậy!

Nhiều lần ông than phiền với bạn bè về sự cư xử của trẻ con Mỹ, gặp bố mẹ bạn không chịu cúi đầu thưa dạ. Bạn ông an ủi:

- Nó chào hỏi như thế là ngoan đấy. Thằng con tôi có con bồ Mỹ lại kiêu, lúc mình ra mở cửa, nó chẳng thèm chào một tiếng mà chỉ hỏi: "Is Vu home?" nghe chỉ muốn tát cho mấy cái! Tôi mang vấn đề đó ra hỏi thằng giáo sư ở cạnh lớp thì nó cười bảo: "Chả có gì lạ hay hỗn cả. Nó là bạn con mày chứ có phải bạn mày đâu mà thăm hỏi mày". Đấy, dân Mỹ nó thế đấy!

Ông lẩm bẩm: "Càng văn minh lắm, càng mất dạy nhiều!"

Sáng nay ông bức lắm vì vừa nghĩ muốn nói chuyện với con trước khi nó đi làm cuối tuần thì đụng ngay cái bộ mặt khó dăm dăm của nó làm cái thiện ý trò chuyện của cha con bị cắt hững. Ông than phiền với vợ thì bàn thảo nhiên:

- Mình nói chuyện không hợp với quan niệm của chúng thì chúng không muốn nói. Bất chúng phải nói

hỏi em

Nếu mai kia tôi trở về quê cũ
Em có còn tươi như lúc tôi đi?
Hay thời gian hai mươi năm lận đận
Mắt môi em phai nhạt nét xuân thì?

Nếu mai kia tôi về thăm xóm cũ
Em còn chờ như lời hứa năm xưa?
Hay cuộc đời đã bắt em "đổi mới"
Vương vấn chỉ lời nguyện ước dưới mưa?

Hỏi em chơi chữ nào tôi dám trách
Tự bản thân cũng tan nát theo đời
Sống nơi đâu chẳng ngọt-đắng-cay-bùi
Chỉ mong giữ tấm lòng không thay đổi!

ep

chuyện với mình khi chúng không thích là độc tài. Thử hỏi bây giờ có ai đó cứ theo nói với anh chuyện mà anh không thích thì anh có bức mình không?

- Bạn bè khác, bố mẹ khác.
- Khác? Đúng, vì chúng phải miễn cưỡng nghe chuyện mình mà không thể tránh đi được.

- Bộ em không bức khi mình muốn nói chuyện thân mật với chúng mà chúng làm mình cụt hứng hay sao?

- Quan niệm của em khác với anh. Nó không thích nói chuyện với mình thì đừng nói, vậy thôi, việc gì phải bận tâm. Ngày nào nó cần đến mình thì lúc đó tính sau.

Ông thở dài:

- Nói như em thì còn đâu là gia đình, là sự thông cảm giữa đôi bên nữa!

Vợ ông nhiều lần khuyên ông nên tìm hiểu con cái, để ý đến vui buồn của chúng và nên tránh phê bình gay gắt những gì chúng thích, có thể thì mới gần nhau được. Bà bảo:

- Em không xa cách chúng nhiều như anh bởi vì dù không thích phim khoa học giả tưởng, không thích football, em vẫn cố gắng xem để tìm biết vì đâu chúng say mê, để nghe khi



người Mỹ đề cập đến, mình còn góp chuyện được mà không như người từ cung trăng rớt xuống...

Ông ngắt lời ngay:

- Tôi không thể nào xem những phim giả tưởng quái dị đó được. Người không ra người, quỷ không ra quỷ...

Miễn còn nói: "Anh thấy không, tụi Mỹ đưa con đi chơi *baseball*, rồi ngồi đó cổ vũ khi con chơi..." Ông làm sao ưa được cái môn chơi vung đùi đó! Nhất là môn *football*, cầu thủ như một lũ giắc đầu chỉ hung hăng húc nhau, chả có vẻ gì thể thao cả! Ông chơi bóng bàn giỏi, từng là quán quân của Lycee Yersin xưa mà không đứa con nào chịu chơi môn đó để ông truyền cho những kỹ thuật xoay banh của mình. Ông thấy buồn vô cùng. Thì ra bây giờ cái gì cũng khác. Ngày xưa khi ông còn nhỏ, thấy bố nghiêm nghị chẳng bao giờ trò chuyện với con cái, ông kính sợ bố một phép và thường ao ước được bố hỏi chuyện, nhưng điều đó không xảy ra nên lúc 12, 13 tuổi, xem phim *Mon pere, cet etranger* ông đã thật xúc động và buồn. Nay ông muốn làm thân với các con thì...

Mất cay cay, ông lẩm bẩm: "Bây giờ là... *Mon fils, cet etranger!*" ●

Con Rồng Đài Loan *Trên "Xa-Lộ Siêu-Tốc"*

Phạm Chương Khang



Trong bốn con rồng kinh tế của Á châu: Đài Loan, Đại Hàn, Tân gia ba và Hồng Kông, cộng thêm một... con cá sắp hoá long là Thái Lan, thì Đài Loan đang bước những bước vĩ đại, vượt trội hơn cả. Sự giàu có phồn thịnh vượt mức của đảo quốc 21 triệu dân này đã cho phép Đài Loan đưa ra đề nghị đóng góp 1 tỉ mỹ kim mỗi năm nếu Liên Hiệp Quốc biểu quyết chấp thuận cho Đài Loan trở lại. Trong bối cảnh khủng hoảng đủ điều mà Liên Hiệp Quốc đang phải đối đầu thì cái bánh thơm phưng phức do Đài Loan đề nghị chắc chắn làm Liên Hiệp Quốc thêm nhỏ dãi, nhưng chỉ kết... một sợi tóc là con kỳ đà Trung Cộng sẽ không bao giờ cho phép. Nên mở một dấu ngoặc về chuyện đóng góp tiền nong để điều hành Liên Hiệp Quốc. Các nước thường bị gọi là đồ... tư bản bóc lột như Mỹ, Anh, Đức, Nhật.v.v.. thì cứ ề cổ gánh vác gần trọn số chi phí, trong khi những nước tự xưng mình là... lương tâm nhân loại, là đỉnh cao trí tuệ cỡ các đấng Liên Xô cũ, Trung cộng, dĩ nhiên có cả Việt cộng, thì luôn luôn tránh né, em chả có tiền, em chỉ đóng góp nước bọt và tài phá thói không để yên cho nước khác làm công tác nhân đạo, giúp đỡ toàn thế giới ổn định. Xin đóng dấu ngoặc lại.

Không có gì làm cho những nhà chế tạo và sản xuất máy điện toán ở Đài Loan khó chịu cho bằng khi

khách hàng không theo kịp bước phát triển của họ. Ông Francis Tsai, giám đốc công ty Mitac Corp., nói với phóng viên Anthony Sapeth của tuần báo *Time*: "Có một công ty Nhật quan tâm đến một trong những sản phẩm của chúng tôi. Sau hai, ba tháng thử nghiệm sản phẩm, họ trở lại đặt hàng nhưng đã muộn, chúng tôi phải từ chối vì đến thời điểm đó, sản phẩm mà họ ưng ý đối với chúng tôi đã quá... lỗi thời".

Không chỉ mỗi một Nhật Bản bị lỡ tàu như thế mà có đến hơn 30 quốc gia khác vốn buôn bán với Đài Loan cũng phải cố gắng theo kịp đà tư duy và sự phát triển về điện tử của nước này.

Hiện nay, với tốc độ phát triển và với mức tổng thu nhập hằng năm trên 11 tỉ đô-la, Đài Loan chỉ xếp sau Hoa kỳ, Nhật, Đức. Trong năm 1995 vừa qua, Đài Loan đã sản xuất 27 triệu *notebook computer* (máy vi tính ghi nhớ), một số lượng nhiều hơn bất cứ quốc gia nào khác; 4 triệu 600 ngàn *desktop computer* (máy vi tính cá nhân). Những sản phẩm này phần lớn đều được chở thẳng đến những cửa hàng phân phối của các nước Tây phương, kể cả Nhật Bản, với những nhãn hiệu IBM, Compaq, Nec và Apple. Trên thực tế, Đài Loan đang cung ứng cho thế giới điện toán toàn cầu 80% *motherboard* (phần cương liệu quan trọng nhất, trên đó gắn

nhiều bộ phận điện tử như những con *chip processor*, ký ức, lưu trữ.v.v.); 61% số máy *scanner* (máy rà dữ kiện, hình ảnh); 80% *mouse* (con chuột điện tử) và 52% *keyboard* (bảng mẫu tự và dấu hiệu).

Vừa sản xuất vừa nghiên cứu, đó là điểm mấu chốt của kỹ nghệ điện tử Đài Loan. Công ty Homegrown Acer Inc. đang cho trình làng một kiểu máy để bàn hoàn toàn mới. Hai công ty Mitac và Inventec thì được hãng Compaq nhờ thiết kế những kiểu máy vi tính ghi nhớ mới. Hewlett Packard, một công ty nổi tiếng chuyên chế tạo máy *printer* (máy in từ *computer*), và công ty Dell cho phép đóng dấu nhãn hiệu của họ trên những sản phẩm do Đài Loan sản xuất. Công ty Apple nhờ Inventec sản xuất mặt hàng mang tên Newton Message Pad 110; thậm chí công ty IBM cũng phải nhờ công ty ASE Technology chế tạo giùm mặt hàng *Thinkpad Notebook*.

Tại sao có hiện tượng khách hàng ngoại quốc ùn ùn đổ xô đặt hàng với Đài Loan mà không phải Trung cộng hay bất cứ quốc gia nào khác? Một viên chức IBM trả lời như sau: "Là vì Đài Loan đưa ra cái giá sản xuất hết sức siêu cạnh tranh (*ultra-competitive*)".

Mặc dù vậy, không phải cái gì "*made in Taiwan*" cũng làm hài lòng khách hàng cả đâu. Một số mặt hàng không phải điện tử như các con tán,

bù-lon, đinh ốc... nếu so với "made in Cholon" thì cũng chẳng khác nhau mấy tí. Tội nhất là mấy chú nhóc có chiếc xe đạp mới, cẩn thận mua ống khoá khoá lại cho chắc. Bọn ăn cắp liếc qua, thấy "made in Taiwan" bèn cười khẩy, dùng đinh móc... tằm xĩa răng xĩa vài cú rồi tà tà mở khoá, đặt dít lên yên dõng mát. Đáng ngại nhất là một số cơ phận rời trong kỹ nghệ hàng không dân sự hiện nay được sản xuất từ Đài Loan. Không biết tại phi công hay phi cơ mà trong lịch sử rớt máy bay, thường thấy có mặt phi công Đài Loan.

Đài Loan xuất cảng tới 97% sản phẩm, chỉ chừa cho nội địa có 3%. Họ đang qua mặt những đối thủ sừng sỏ chạy theo bển gót như Nam Hàn, Hongkong và Tân gia ba.

Lý do tạo nên thành tích lẫy lừng về điện tử của Đài Loan bắt đầu từ thập niên 60, do một sự tình cờ. Và từ thập niên 80 trải dài đến ngày nay, máy vi tính đã tiến hoá qua nhiều thế hệ mà không ai nghĩ rằng một đảo quốc nhỏ xíu trên biển Đông lại có thể là mảnh đất màu mỡ nhất cho kỹ nghệ này. Ngược dòng thời gian, trong thập niên 60, những công ty Mỹ như Zenith, RCA và Admiral đã đổ bộ lên Đài Loan thiết lập những cơ sở sản xuất máy truyền hình vì nhân công ở đây rất rẻ và khéo léo. Những công ty này đã huấn luyện nhiều thế hệ kỹ sư, chuyên viên tháo ráp, vô hình trung một kỹ nghệ phôi thai đã thành hình làm nền tảng cho sự phát triển sau này. Nhiều công ty mà thành viên toàn là người trong một gia đình nhận sản xuất những cơ phận điện tử. Tình trạng hỗn độn vẫn duy trì đến ngày nay. Bất cứ sản phẩm nào vừa được đặt là hàng đã được chế tạo, gửi đến ngay với tốc độ chóng mặt. Nhà máy này đóng cửa đã có nhà máy khác thế chỗ và luôn luôn tái thiết kế sản phẩm. Nhật Bản thì hơi khác, vì phải sản xuất đại qui mô nên thời gian xây dựng cơ sở kéo dài và phải chế tạo số lượng lớn thì mới có lời. Tân Gia Ba có khuynh hướng tập hợp nhiều công ty điện tử đa quốc gia thành một công ty duy nhất. Trong

khí đó, những công ty kiểu gia đình ở Đài Loan tiếp tục cải tiến sản phẩm và nhái theo những kiểu mẫu có sẵn. Kết quả của sự bắt chước đó là Đài Loan giành được từ tay Nhật khối lượng sản xuất máy tính cầm tay (calculator). Thừa thắng xông lên, Đài Loan chiếm lĩnh luôn lãnh vực trò chơi điện tử (arcade game). Đã tới thì tới luôn, họ "chơi" cả lãnh vực điện toán bằng cách nhái kiểu Apple II trong thập niên 80 và chế những máy IBM tương đồng (IBM compatible). Đó là chưa nói tới những kiểu đồng hồ Thụy Sĩ mà một đạo trước năm 75, Tây phương đã la lối rùm beng, hốt đầu được vài chục ngàn chiếc giả mạo đem ra giữa đường phố cho xe ủi đất cán tới cán lui cho... đỡ tức.

Cũng trong thời gian ấy, làn sóng sinh viên, chuyên viên Đài Loan trở về nước, chủ yếu từ Hoa kỳ, mang theo kiến thức và kinh nghiệm, đã bổ sung khả năng kỹ thuật cho các công ty và là nguồn giảng dạy quý báu trong các đại học.

Hiện nay thì Đài Loan đang nghĩ đến việc phân phối trên toàn cầu những sản phẩm điện toán mang tên riêng của họ với giá cả phải chăng, như mơ ước của ông Stan Shih, nhà sáng lập công ty Acer. Kỹ nghệ điện tử tiến nhanh không ngừng nghỉ, các công ty luôn tìm cách đưa ra những sản phẩm mới mà trước đó vài tháng người ta chưa hề nghe tới hay hình dung, và tiến trình đó cứ thế tiếp diễn mãi. Đài Loan đã thành công trong việc giảm giá thành sản phẩm bằng cách giao cho những công ty nhỏ thực hiện từng phần hợp đồng. Lương năm của một kỹ sư Đài Loan chỉ khoảng 30.000 mỹ kim, một nửa so với kỹ sư Mỹ, và nguồn nhân lực cung cấp hết sức dồi dào. Độ 60% sinh viên theo học các ngành kỹ thuật, so với 44% ở Đại Hàn và 36% ở Nhật. Điều đó cắt nghĩa tại sao Đài Loan đang làm mưa làm gió trong lãnh vực sản xuất mặt hàng điện tử.

Ông Chien Ming, chủ tịch First International Computer Corp., công ty chuyên môn chế tạo motherboard,

tuyên bố: "Sở dĩ kỹ nghệ điện tử Đài Loan đạt được trình độ hiện tại là do những kinh nghiệm dồi dào mà các kỹ sư của chúng tôi đã tích lũy được từ hai, ba chục năm nay. Những quốc gia khác, Trung cộng chẳng hạn, muốn đạt đến tình trạng như chúng tôi hiện nay phải cần chừng mười hay hai mươi năm nữa".

John Dunkle, nhà phân tích kỹ nghệ thuộc sở Chiến lược Lao động (Work Group Strategie Services), thành phố Portsmouth, tiểu bang New Hampshire, cho rằng: "Đài Loan vẫn sẽ tiếp tục giữ sức mạnh hiện hữu vì những làn sóng cộng tác từ mọi phía giúp các xí nghiệp phát triển. Trong những liên doanh như vậy, người Đài Loan học được nhiều thứ từ Intel (một công ty chuyên sản xuất chip điện tử ở Mỹ), phương cách sáng tạo và thiết kế trước khi họ không chế thị trường".

Điều đó có nghĩa là Đài Loan đang xông vào lãnh vực mà từ lâu nay Hoa kỳ và Nhật chiếm lĩnh. Đã có 15 xí nghiệp Đài Loan loan báo họ đang sản xuất DRAMS (Dynamic Random Access Memory), một loại ký ức cực kỳ linh hoạt trong máy vi tính. Và cũng như các cường quốc tư bản khác, Đài Loan đang dời dây chuyền sản xuất của mình qua các nước Á châu chậm tiến khác, kể cả kẻ đại thù Trung cộng, để giảm giá thành sản phẩm. Một mặt hai chú Trung Hoa chửi nhau rang rằng thiếu điều muốn ăn tươi nuốt sống nhau; một mặt hai chú cười hề hả cộng tác nhau mần ăn tiền vô như nước. Anh Đài Loan đổ vô Trung hoa lục địa kỹ thuật và tiền bạc; anh Lục địa chở ra hải đảo sừng sỏ, ngà voi, cao hổ cốt, mật gấu, thận hải cẩu... (bộ phận những thú vật đang bị nạn diệt chủng đe dọa).

Chỉ nội năm 95 thôi, các công ty xuất cảng của Đài Loan đã sản xuất được 3 tỉ mỹ kim hàng hoá. Năm 94, Acer bán được 3 tỉ 2 triệu đô-la sản phẩm mang nhãn hiệu riêng của hãng và được công ty Dữ liệu Quốc tế (International Data Corp.) xếp hàng thứ mười trong danh sách cạnh tranh của Mỹ và hàng thứ bảy về tham vọng

sản xuất. Người sáng lập Acer, ông Stan Shih, thiếu thời chỉ là một cậu bé làm nghề giao trứng, giờ đây là người đầu tiên chú ý đến những vùng đất bị quên lãng nhưng béo bở là nước Chile (Chí Lợi) và ngay cả Âu châu. Ông chủ trương một phương pháp sản xuất mà ông thường ví như kiểu *fast food*. Theo phương cách này, những bộ phận nặng sẽ được chở bằng tàu từ Đài Loan đến, trong khi những bộ phận nhẹ còn lại sẽ đưa tới bằng máy bay vào đúng thời điểm lắp ráp, hoàn tất sản phẩm. Ông nói: "Chúng tôi có thể cung cấp cho khách hàng những sản phẩm kỹ thuật mới nhất với một giá cả hạ nhất". Shih đã chơi các đối thủ một cú trời giáng, chạy đua bằng xe tải chưa đủ, ông chơi luôn hàng không, biết chừng đâu trong tương lai ông chơi luôn máy bay siêu thanh thì những đối thủ lèng èng chậm chạp cỡ Hoa Lục, Thái, Hàn, Phi, Mã, thậm chí cả Mỹ lẫn Nhật, sẽ phải vất giở lên cổ chạy theo. Mà nào có phải chỉ một mình Shih đâu! Hàng tá công ty Đài Loan khác cũng mở máy xịt khói rượt theo công ty Acer sát nút.

Người ta đang tiên đoán rằng, nếu người Nhật đã làm mưa làm gió trong một phần tư cuối thế kỷ 20 thì một phần tư đầu thế kỷ 21 sẽ là của người Đài Loan.

Trông người mà nghĩ đến ta. Trong lúc thiên hạ đang ùn ùn đua nhau bằng máy bay, hoả tiễn thì các đảng Việt cộng vẫn cứ tà tà... con trâu đi trước cái cày theo sau, nào có sao đâu! Khởi động não suy nghĩ xông xáo chi cho mệt óc. "Ta" cứ việc nhập thượng vàng hạ cám và "ta" cứ tiêu thụ thừa của thành quả của người khác, chẳng sướng hơn ư? Đã hơn hai mươi năm trôi qua mà Việt Nam vẫn chưa chế được một cái xe đạp cho ra hồn, nói chi đến xe hơi, tàu bay tàu bò! Trong lúc tuổi trẻ nước người tung hoành sáng tạo thì tuổi trẻ Việt Nam đốt đời trong các quán cà phê...

Sự thật chứng minh người Việt rất thông minh, nhưng đến bao giờ những khối óc quý giá ấy mới có cơ hội trở tài làm rạng danh nước Việt khắp năm châu? ●

mười tám tháng mười

Thắp cho người ngọn đèn
Trong mắt sầu nửa đêm
Trời bập bùng bão nổi
Sinh nhật người buồn tênh.

hoàng nga

rồi có bốn mùa

Viết cho em về sâu mùa hạ
Mai ta về lối nhỏ lá bay
Lạnh hắt sâu vào vườn cung cấm
Xuân chín rồi nụ thắm men cay.

nguyễn văn cường

gãy đổ

Hãy nhìn đó, một tượng hình gãy đổ
Hú ân tình, hồn ngả rạp xanh rêu
Mùa xuân chín, tẩy sừng lên gò má
Gió sang mùa quăn quít cả cành nâu

Trong ánh mắt như say liều độc dược
Vân về chiều đẩy ánh nắng vàng thiu
Lòng tĩnh mặc, tưởng đôi chân còn bước
Gái tình xưa, âm hưởng giọng mỹ miều.

Giòng nhân thế, tưởng còn đi trẩy hội
Ánh đèn đường đã vội kết hoa đăng
Ai ngang đó, sao chẳng về chung lối
Bến sông hồ, chèo động bóng thuyền trắng.

Tai bít nặng, nên mịt mờ khuất giác
Bước cõi ngoài, vọng hồi trống âm bình.
Đời vung kiếm, chẳng màng chi đến giáp
Nhưng hiên ngang trường giác đấu tung hoành.

Ta sẽ chết, em ơi, ta sẽ chết
Con qua đen còn lấp ló đầu cành
Ta đi mãi, tìm dấu chân biên biệt
Khi trở về râu tóc chẳng còn xanh.

Thân tạm trú, chẳng đo lường nhịp sống
Cây sứ già cồng dưới trời mưa khuya
Ôm khăn gói về Tây phương lòng lộng
Nước Phật buồn chưa hết cảnh phân ly.

phạm quang ngọc



xóm cũ

LTS.- Để gợi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp của quê-hương, tòa-soạn mở mục "Xóm cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, con người, phong-tục tập-quán, đặc-tính địa-phương... Hãy ghi-chép lại trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh... nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay thắt chặt một mối tình đằm-thắm. Hãy sót chia , để được gìn-giữ. Hãy cho, và hãy nhận...

Bún Ốc Cẩm-Phả

Thanh An



Cẩm Phả, một địa danh nổi tiếng của đất nước vì đó là nơi có mỏ than lớn nhất Đông Dương, được khai thác đến nay đã gần một thế kỷ. Hơn thế, Cẩm Phả còn là một dải đất dài nằm ven biển thuộc Quảng Ninh, có vịnh Hạ Long đẹp nhất nhì Đông Nam Á. Thiên nhiên lại ưu đãi vùng này, cho rất nhiều đặc sản ngon và quý. Một trong những đặc sản ấy là họ nhà ốc: ốc đĩa, ốc nháy, ốc đá, ốc bươu... Những con ốc bươu sống ở hồ, ao nước ngọt ven thị đã cung cấp cho địa phương một món quà nổi tiếng mà ai ăn qua một lần cũng không thể quên: bún ốc Cẩm Phả.

Những thành viên trong làng bún ốc ca tụng rằng trong các loại quà bún, bún ốc khác hẳn, trội hẳn vì chỉ nó mới có đủ năm vị: cay, chua, mặn, ngọt, béo; đầy đủ chất bổ và nhẹ dạ dễ tiêu.

Kể cũng lạ, cửa miệng ai cũng bảo sang trọng gì đến thứ của ốc! Nếu bị mắng là "đồ con nhà của ốc" thì phải hiểu mình đã bị liệt vào dưới hạng bình dân. Ấy thế mà của ốc Cẩm Phả thì lại khác! Bún ốc là món quà bình dân, nhưng ở Cẩm Phả thì thực khách của bún ốc lại toàn là những người sang trọng. Mấy ai đã từng ăn qua bát bún ốc Cẩm Phả mà có thể quên nên sau này có dịp, dù đã xa Cẩm Phả hàng ngàn, hàng vạn cây số; đã cách Cẩm Phả hàng nhiều tháng, nhiều năm, vẫn tìm về thưởng thức. Xưa kia, Cẩm Phả có một hàng bún ốc rất nổi danh ở đầu phố Nguyễn Huệ, khu chợ Mới. Nay thì hàng chục gánh bún ốc rải rác khắp các khu phố cũ, khu ba tầng, địa chất, cốt mìn, đường bệnh viện... Khách cứ từng nhóm hai ba người, đàn ông thì sơ mi, cà-vạt; đàn bà thì quần trắng áo dài, váy đầm áo vét hẳn hoi sà vào cái chõng cón con. Một đĩa bún, một đĩa rau thơm, tí tía tô, kinh giới, hành ngổ cùng vài ba bát ốc dầm mình trong thứ nước chuyên dùng. Cứ thế, họ tùm tùm xì xụp ngồi ăn ngay dưới gốc cây, chân thềm góc phố, ngã ba ngã tư, nhất là đầu phố đường Hòn Gai gần bến ô tô Cẩm Phả cũ.

Giới thiệu bún ốc là món đặc sản

tuyệt diệu của Cẩm Phả mà chỉ viết thế thì có gì là hấp dẫn? Chẳng lẽ chỉ nhờ có mỗi ốc mà bún ốc Cẩm Phả nổi tiếng hay sao? Không đâu! Bún ốc Cẩm Phả là sản phẩm kết hợp của hai làng một phố hợp lại đây. Trước hết bún phải mua của nhà ông Tý, tục gọi "Tý bún", gia truyền đã ba đời mà người kế tục là anh Quang, vợ là Tình nên còn gọi là "bún Quang Tình", ở ngay đầu chợ Mới. Còn bống thì ở xóm Cầu Trắng và ốc của làng Cẩm Bình. Ba địa điểm tạo thành thể chân vạc nằm ngay địa đầu thị xã. Riêng ốc, ngoài Cẩm Bình ra còn có ốc thuộc các vùng lân cận mang đến vì số ốc địa phương thường không đủ cung cấp cho một địa bàn rộng lớn với dân số ngót hai mươi vạn người, chưa kể khách vãng lai tứ phương.

Dù ốc Cẩm Phả hay ốc vùng ven thì cũng đều phải qua khâu đầu tiên là chọn ốc. Con ốc ngon vỏ phải mỏng, có màu vàng óng ánh bởi cục sáp bên trong. Miệng ốc phải đầy, nghĩa là cái vẩy phải khít phẳng với mép vỏ. Con nào vỏ đầy, sắc hơi xanh xám, miệng voi thì kém ngon. Dù ngon hoặc kém ngon mà bạn hàng đã đem đến đều được thu nhập hết để giữ mối thương mại lâu dài. Do vậy khâu thu nhận phải phân loại ốc, loại nào để làm bún ốc, loại nào luộc ăn chơi, loại nào nhồi thịt hấp gừng. Song tất cả các loại đều không được dùng ngay. Con nào ngon và khoẻ được rải úp ken trong chảo hoặc trong những chiếc khay thật to đem cất để dành.

dáng ngọc

ừ xin em cứ việc cười
cho xinh mắt ngọc,
cho đời dễ thương
lỡ đôi khi có chạnh buồn
cũng đừng cho giọt lệ tuôn vẫn dài
tóc mây đừng lược trâm cài
để cho gió thổi tung dài các em...
nhìn em sỏi đá cũng mềm
hướng chi anh, với trái tim vô cùng.

phạm tâm phố

Loại ốc này để khô có thể sống hàng năm thành thử người ta còn bỏ vào giỏ treo trên cao, để dành cho tháng năm là mùa ốc sinh sản, vừa gầy vừa hiếm. Những con gầy và yếu được đem chế biến sớm hơn.

Bây giờ đến khâu chế biến. Định dùng bao nhiêu ốc thì lấy đúng số lượng rồi thả chúng vào một chiếc chậu sành to, đổ nước vo gạo đặc vào ngâm trong khoảng từ ba đến bốn ngày. Hàng ngày phải thay nước vo gạo, khi nào thấy rong rêu cần bã trong mình ốc được nhả ra thật hết thì người ta chắt kiệt nước đi và bắt ốc nhin đói một ngày. Muốn cho chúng béo ngậy, trước khi dùng thì cứ một kí lô ốc cho ăn hai quả trứng gà tươi. Đây là bí quyết nhà nghề mà tôi vì ngày ấy rấp ranh làm rể nhà bún ốc nên mới được cô em cho biết.

Thời gian cứ từ Trung Thu cho đến tháng ba, bạn bè từng đám tụ hội kéo nhau dạo chơi trên vịnh Hạ Long thì thế nào cũng đem theo một rổ ốc luộc, một lọ nước chấm đã được pha chế phẳng phất mùi gừng và một vài chai quốc lủi thì chuyện râm ran không bao giờ hết.

Về phía nữ giới thì chỉ mê ốc bươu, ốc vặn (ốc đá) bóng như hòn sỏi, luộc lên với nắm lá chanh đã đủ hương vị. Tại các góc phố, ngã ba, ngã tư, thấy các nữ sinh xúm lại, đôi tay捏 ốc như múa, kẻ qua đường cứ ngấm mải, không hiểu là giữa hai thứ, con ốc nhỏ xíu kia và cái miệng xinh

cảm tác hoàng hạc lâu

Thấy đàn cò trắng bay ngang
Mơ màng tôi tưởng hạc vàng họ Thôi
Lầu son khuất bóng hạc rồi
Đồng qua Xuân lại mây trời vẫn bay
Nơi đây tuyết vẫn phủ dày
Quê hương chắc đã xanh đầy cỏ non
Chiều về khói tỏa dầu thôn
Chạnh lòng tưởng nhớ cố hương
bồi hồi.

n.h.q.

giòn của các cô, cái nào ngon hơn?

Ở những nước giàu có, người ta coi con ốc sánh ngang hàng quy sâm. Một người bạn tôi đi Nhật về kể chuyện: Món khai vị, một thiếu nữ đất Phù Tang nhỏ nhắn uyển chuyển trong bộ kimono xinh như đoá hoa anh đào, hai tay nâng một chiếc liễn cổ ngang mày đến bàn tiệc, quỳ gối rồi mới hạ chiếc liễn xuống và mở nắp. Trong lòng liễn trắng tinh chỉ duy nhất có một con ốc hấp khói bay nghi ngút dành riêng cho khách.

Thế thì bún ốc Cẩm Phả không thể coi là món ăn xoàng, vả lại điều chế món bún ốc đâu ít cầu kỳ. Ốc phải thế nào đã rõ. Còn bún dứt khoát phải là bún lò nhà ông Tý, trắng mềm và mát. Hình con bún bắt nổi giống như bông cúc trắng nở xoè, chưa thả vào bát đã muốn đưa lên miệng.

Cái tuyệt của bún ốc là khâu pha chế. Phải làm sao cho nổi vị: chua cay, ngậy, vàng vàng do đỏ xao lên một sắc màu quyến rũ. Chua là bởi bống. Thứ gạo nếp cái hoa vàng, sau khi ủ men đến độ ngấm, đem chưng cất thành thứ rượu tằm trong vắt, cái bã của nó là thứ tinh thể lỏng không bốc hơi thành rượu thì gọi là bống, màu đục ngà. Bống đem pha vào nồi ninh nước cà chua thành thứ nước dùng có màu xao vàng óng ánh. Cay là do nước mỡ sôi già ninh ớt khô màu đỏ chói cho đến nhuyển thành đặc sánh. Cái lạ là chỉ ớt khô mới làm nên thứ dung dịch đóng kem này. Ốc muốn giòn sậm sứt khi luộc phải cho ít muối. Nước ốc phải vừa đậm, vừa ngọt, vừa cay, vừa chua thì mới làm nên một bát bún ngon.

Hàng bún ốc nổi danh mang tên Bà Nguyễn ở đầu phố mới trung tâm thị trấn này không còn nữa vì chính quyền đã bức lấy căn hộ để làm nơi thu thuế công thương nghiệp cho chợ mới Cẩm Phả. Đây là một lý do. Lý do chính là nhà hàng không đủ thu nhập để "bao lót" cho "áo vàng" và "mũ cát xanh" theo đòi hỏi, nhất là vào thời kinh tế thị trường nên không thể tồn tại. Chính vì thế, những hàng bún ốc dành phục vụ thực khách ở đầu hè, góc phố, ngõ cụt, vườn hoa...

Tết Đống Đa

Nguyễn Mạnh An Dân

Hồi đầu năm, một người bạn từ thuở thiếu thời đã lâu không gặp, gọi điện thoại từ Canada sang thăm. Bạn tôi nói ba điều bốn chuyện rồi lớn tiếng hỏi: “Tao đọc báo thấy nói Tết rồi ở vùng mây, hội Quang Trung có tổ chức họp mặt cho đồng hương xứ nẫu mình phải không?” Tôi nói: “Đúng”. “Vui không?” Lại trả lời: “Vui”. Bạn tôi cười cười rồi bất ngờ hỏi thêm một câu dị ờm, không đầu vào đầu cả: “Cố ứt không mà vui?” Tôi ngớ người một chút, bộ thẳng này xa nhà lâu quá, nhớ quê nhớ người rồi đâm ra lãng lãng hay sao mà hỏi kỳ cục, vui với ứt có ăn nhập gì với nhau đâu? Mình đâu phải người Lào mà chơi trò tạt nước đầu năm để lấy hên! Hồi lãng xẹt!

Thấy tôi ngần ngừ không trả lời, bạn tôi cười lớn hơn: “Ý tao muốn hỏi ứt nước sông Côn đó, nhớ không?” Tôi “à à” lớn mấy tiếng và cả hai chúng tôi phá lên cười thỏa thuê, thoải mái. Hai thằng bạn nhỏ ngày nào, giờ đứa nào tóc cũng đã có sợi bạc, cùng sống xa quê nửa vòng trái đất, ở cách nhau mút mù điện thoại viễn liên, cùng sống lại với giòng nước của một con sông, cùng vui sướng và ngậm ngùi.

Bạn ơi, chắc bạn đang thắc mắc, tò mò, nước sông Côn có gì đặc biệt khiến chúng tôi vui sướng và ngậm ngùi khi nhắc đến như vậy. Yên chí đi, tôi sẽ kể lại cho các bạn nghe những kỷ niệm, tâm tình của chốn quê hương cũ.

Trong sách vở, ít nhất đã có hai

người nói đến sông Côn: Học giả Hồ Hữu Tường; khi đề cập đến một giống cá hiếm và quý: cá lúi, ông đã nhắc đến sông Côn, đến đất Tây Sơn, đến dòng họ Hồ mà ông muốn chứng minh mình là hậu duệ. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã lấy sông Côn đặt tên cho bộ trường thiên tiểu thuyết *Sông Côn mùa lũ*. Cả hai đã mượn sông Côn để gửi gắm nhiều điều. Phần tôi, nhắc đến sông Côn đơn giản chỉ vì nó có liên quan đến Tết Đống Đa, đến ngày hội của tuổi nhỏ, đến những gợi nhắc và những ước mơ không đạt được.

Trong rất nhiều năm niên thiếu, bằng một thói thức không tên giống như các bạn bè cùng trang lứa, năm nào tôi cũng đến sông Côn một lần vào ngày mùng năm Tết Nguyên Đán, ngày mà trong lịch chính thức, toàn quốc gọi là lễ Đống Đa và dân tôi, Bình Định, gọi là Tết Đống Đa. Tết được tổ chức ở khu vực sông Côn vì bên kia bờ bắc của dòng sông này là đất Tây Sơn, quê hương của vị anh hùng áo vải Quang Trung Nguyễn Huệ.

Thật ra tổ tiên họ Nguyễn Tây Sơn vốn họ Hồ ở Hoan Châu, Nghệ An, mới vào Bình Định từ đời ông cố và vẫn giữ họ Hồ cho đến đời thân phụ ba vua Tây Sơn mới đổi thành họ Nguyễn, tên Phi Phúc.

Đất Tây Sơn trải dài từ thôn Phú Lạc, xã Bình Thành đến thôn Trường Định, xã Bình Hoà, quận Bình Khê. Thuở nhỏ, ba anh em Tây Sơn theo thân phụ đến lập nghiệp ở Phú Lạc,



sau di chuyển đến làng Kiên Mỹ. Ngày nay, vùng này còn nhiều di tích của ba vị anh hùng áo vải: vườn Dinh, xưa kia là vườn cũ của gia đình Nguyễn Phú Phúc; bến Trường Trần, nơi thuở thiếu thời ba anh em Tây Sơn đã dùng thủy đạo giúp thân phụ vận chuyển, buôn bá trâu lá với các thương lái trên vùng thượng du. Nơi đây cũng không xa mấy với làng An Thái, nơi cả ba anh em Nguyễn Tây Sơn cùng thọ giáo cả văn lẫn võ với một vị hương sư danh tiếng: thầy giáo Hiếu; và nơi đây cũng không xa mấy với ngọn Ông Bình hùng vĩ, nơi mà ngày khởi nghiệp, anh em Tây Sơn đã dùng làm căn cứ chiêu mộ và huấn luyện nghĩa binh.

Thật sự, không ai biết đích xác việc lễ bái, tưởng niệm Quang Trung đại đế và những anh hùng Tây Sơn được bắt đầu từ lúc nào. Sách vở và dân gian đều cho biết khi vua Thái Đức đóng đô ở thành Đồ Bàn, vua Quang Trung đóng đô ở Phú Xuân thì nơi vườn cũ là từ đường của dòng họ Nguyễn. Tuy nhiên khi nhà Tây Sơn bị diệt, nhà Nguyễn lên trị vì thì ngôi từ đường này bị triệt hạ và thay thế bằng đình làng Kiên Mỹ.

Trên nguyên tắc, đình làng dựng lên để thờ thần, nhưng trong thực tế, nhân dân địa phương, phần vì hãnh diện về những anh hùng xuất chúng

của dân tộc, phần nhớ ơn những nhà lãnh đạo từ ái đem đại nghĩa cứu muôn dân nên đã âm thầm thờ cúng ba vua Tây Sơn. Bằng chứng là nơi làng Kiên Mỹ, khác với thông lệ đương thời, xuân thu nhị kỳ cúng tế người ta chỉ làm mâm khăn vái mà không lớn giọng ngâm nga bài văn tế. Sự kính trọng và lòng ngưỡng mộ đức Vũ hoàng đế và các anh hùng Tây Sơn luôn luôn tồn tại trong lòng mỗi con dân Bình Định, cho đến trong lúc khó khăn, tăm tối nhất.

Năm 1960, sáu năm sau ngày chính quyền quốc gia tiếp thu tỉnh Bình Định, cùng với những hồi sinh của quê hương trong vận hội mới, sĩ phu và nhân dân Bình Khê, Bình Định đã chung sức, chung lòng xây dựng điện Tây Sơn nơi đình làng cũ.

Điện không lớn nhưng trang nghiêm, ẩn mình dưới tàn rộng của một cây me già quanh năm bóng phủ. Xa xa phía sau điện là gò Đá Đen, vũ đình trường, nơi nghĩa binh thao luyện ngày nào.

Điện có ba gian, chính giữa thờ vua Quang Trung, bên phải thờ vua Thái Đức và Đông Định Vương, bên trái thờ quần thần, tướng sĩ. Hai bên cửa vào điện là đôi câu đối sơn son thiếp vàng:

Tây Khê thảo thụ lưu kỳ tích

Nam quốc sơn hà ký võ công.

Trước sân điện, sừng sững bức tượng bán thân của Đại đế Quang Trung và một đài bia cao có khắc bài ký với lời lẽ hùng hồn và cảm động, ghi lại lịch sử, công đức và lòng tiếc thương về vị anh hùng tài cao đoản mệnh do thi sĩ Quách Tấn phụng thảo:

Đức Vũ Hoàng,

Họ Nguyễn húy Huệ

Ứng hùng năm Quý Dậu (1753)

Qui thần năm Nhâm Tý (1792)

Thọ 40 tuổi, ở ngôi 5 năm

Niên hiệu Quang Trung

Miếu hiệu Thái tổ Vũ hoàng đế.

Bài viết lần lượt vinh danh anh em Tây Sơn, ghi công các anh hùng tướng sĩ gồm những trang khai quốc tuấn kiệt rồi nhấn mạnh đến công đức của Vũ Hoàng:

Bốn lần bạt thành Gia Định, ba lần vào thành Thăng Long; thắng chúa Nguyễn, diệt chúa Trịnh, thu non sông về một mối, dựng nên sự nghiệp Võ Thang.

Lại hai phen dẹp quân xâm lược: Năm Giáp Thân (1784) đánh tan 300 chiến thuyền Xiêm La do Phúc Ánh lưu vong rước về.

Năm Kỷ Dậu (1789) quét sạch 30 vạn hùng binh Mãn Thanh do Duy Kỳ khất lân thỉnh tới.

Nhờ vậy mà dân tộc thoát ách vong nô.

Nhờ vậy mà tổ quốc vững nền độc lập.

*Công thật cao như Trường Sơn
Ân thật sâu như Nam Hải.*

Mạch văn tiếp nối, đề cao những xây dựng và cải cách các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục; tạo cảnh non nước thanh bình, bốn phương phú cường, an lạc rồi kết luận:

Nhưng than ôi!

Năm sắt đá rèn gan, trời chưa kịp vá

Chín tầng mây lấp núi, rồng thoát bay xa.

Khiến nhà Tây Sơn lâm vào bước nguy vong

Khiến nước Việt Nam lỡ mất cơ cường thịnh.

Dẫu vậy,

Danh Vũ Hoàng vẫn cùng mặt trời mặt trăng mà sáng.

Ân Vũ Hoàng vẫn cùng núi Trùng, núi Tượng mà cao.

Và nhân dân Việt Nam vẫn ca rằng:

Non Tây áo vải cờ đào

Giúp dân dựng nước xiết bao công trình.

Công nghiệp của Đại đế Quang Trung vô cùng vĩ đại, chiến tích của ngài đã vượt quá ranh giới lãnh thổ quốc gia để trở thành một trong những kỳ tích của lịch sử chiến tranh nhân loại, niềm tự hào của dân tộc Việt. Chính sách tị hiềm nhỏ nhen và sự trả thù thô bạo của nhà Nguyễn Gia Long là một vết đen đáng hổ thẹn và thời gian đã trả về cho dân tộc, đã khẳng quyết với thiên thu những giá

trị đích thực. Văn chương và sử sách đã dành cho Đại đế Quang Trung và triều đại Tây Sơn những lời xưng tụng chân thành, xứng đáng và trang trọng nhất. Người Quang Trung, đất Tây Sơn còn mãi mãi ghi đậm trong lòng mỗi con dân Bình Định, trong lòng dân tộc Việt Nam.

Tết Đống Đa, đối với người Bình Định là một ngày hội, là một niềm vui riêng đối với nhau và là một hãnh diện chung để nói tới. Từ năm 1960 đến ngày đổi đời 1975, năm nào hội Tết Đống Đa cũng được tổ chức tưng bừng, trang trọng và nhiều ý nghĩa, qui tụ hàng chục ngàn người từ khắp mọi nơi đổ dồn về đất Tây Sơn. Mọi người, mọi thành phần và lứa tuổi Bình Định dường như đều cảm thấy ngày xuân chỉ toàn vẹn, việc thưởng Tết chỉ đầy đủ khi đã có mặt ở hội Tết Đống Đa.

Theo qui định, các công tư sở, các văn phòng hậu cứ quân đội, đều làm việc trở lại từ ngày mùng ba Tết. Tuy nhiên, người ta chỉ đến sở cho có mặt, cho hợp lệ, phải phép mà trong thâm tâm chưa thỏa mãn, không đành lòng bởi vì một phần quan trọng của Tết Bình Định chưa hưởng hết. Cho nên việc làm chính của ngày đầu năm chỉ là rủ rê, hò hẹn cho một ngày không làm việc ở Đống Đa.

Bộ phận chính yếu có mặt đông đảo ở Đống Đa là những người trẻ tuổi. Học sinh, giáo sinh nam nữ các trường trung học, các trường chuyên nghiệp ở Qui Nhơn, Tuy Phước, An Nhơn, Phù Cát, Phù Mỹ, Bình Khê, An Túc, dù không nói ra nhưng tất cả đều có cùng ý nghĩ và lời chào tạm biệt trước khi chia tay về vui Tết với gia đình, không phải là lời hẹn gặp lại ở trường trong ngày tái giảng đầu năm, mà là những giao kết, xếp đặt cho việc tao ngộ ở hội Tết Tây Sơn.

Người ta căng lại giây sên, thay lại bộ lốp mới cho chiếc xe đạp, chuẩn bị vượt tuyến đường dài 50 cây số Qui Nhơn - Phú Phong; người ta chở hai, chở ba trên những chiếc Gobel, xe Buck hai số cũ kỹ, thậm chí ịch trên những chiếc solex, mobylette AV 44,

AV 85... cùng đổ đôn về Tây Sơn.

Tờ mờ sáng mồng năm Tết, người Qui Nhơn, Tuy Phước túa lên cầu Bà Gi, theo quốc lộ 19 qua trường Bà Đồn thẳng hướng Phú Phong, Bình Khê. Người An Nhơn, Phù Cát và các quận phía bắc ngược quốc lộ số 1 về phía nam, qua thị trấn Bình Định, quẹo trái ở ngã ba rạp hát Trà Thanh Châu, đi đường tắt qua nhà thờ Kim Châu, qua An Vinh, Bình Nghi, Bình An thẳng về Tây Sơn. Người An Túc, Pleiku vượt đèo Mang Giang, vượt

lưng dốc Hoàng Sơn qua mộ Mai Xuân Thuồng hướng về phía Kiên Mỹ.

Đủ thứ xe cộ, đủ mọi thành phần xã hội và tuổi tác, y phục ngày Tết với khuôn mặt và tấm lòng như Tết; rừng người từ nhiều hướng khác nhau đổ đôn về sông Côn, hướng về điện Tây Sơn.

Quang cảnh toàn bộ khu vực Tây Sơn cực kỳ tươi vui và náo nhiệt. Nghi thức tế lễ cổ truyền đã được tổ chức từ chiều hôm trước, ngày mồng

bốn tháng giêng, và ngày mồng năm, Tết Đống Đa, dành để tụ hội, vui chơi, thưởng thức chương trình biểu diễn võ thuật, thao diễn trận pháp, ôn lại lịch sử chiến thắng Đống Đa hai trăm năm trước.

Cờ xí, nghi trượng rợp trời; chiêng trống hào hùng, thúc giục. Rừng người phía trước chen nhau đi tới, rừng người phía sau ùn ùn kéo lên, suốt một bãi cát dài dọc bờ sông Côn đông nghẹt xe cộ và người.

Trên chiếc cầu nhỏ bắc ngang sông Côn, người chen như nêm, nhích từng bước một. Mùa giáp Tết, lòng sông cạn, bãi cát vàng phơi mình mát mắt. Chung quanh cầu, dập dìu tài tử giai nhân, từng đoàn từng nhóm, giày đẹp dép sang cầm tay, chạy trên cát, lội xuống nước, cười đùa rượt đuổi nhau loạn xạ. Trên cầu, từng chập lại có những tiếng la chói lói, ít phần do sợ hãi, nhiều phần bởi thú vị, khoái trá! Từng mảng người, hàng chục, có khi hàng trăm, cùng rơi tòm xuống nước. May mắn, cầu thấp, nước cạn, chưa bao giờ có tai nạn đáng tiếc, chỉ có những niềm vui đơn sơ nhưng nhớ đời.

Đến giờ khai mạc, rừng người tập trung đầy nghẹt bãi cát hai bên bờ sông Côn, nghe ôn lịch sử Quang Trung đại đế và chiến thắng Đống Đa. Sau đó chương trình được thay đổi từng năm nhưng thường thường có tiết mục biểu diễn võ thuật Bình Định.

"Roi Thuận Truyền, quyền An Thái". Hàng trăm võ sinh thuộc nhiều võ đường danh tiếng khác nhau nhưng cùng gốc Bình Định, nhịp nhàng và uy dũng thi triển những đường côn, bài quyền đặc sắc của Bình Định mà tương truyền cũng là những thế võ mà đoàn quân bách thắng Tây Sơn xưa kia đã được huấn luyện và sử dụng.

Sau phần võ thuật là phần biểu diễn nhạc võ Tây Sơn. Đây là một nghệ thuật độc đáo, kết hợp nhạc và võ như tên gọi của nó minh thị. Nghệ sĩ biểu diễn dùng hai tay đánh vào bộ trống trận 12 chiếc lớn nhỏ khác nhau, được ghép lại theo một bộ vị

chiêng trống

Sớm mai bạn gọi như chim sớm
Mắt cay lòng sáo tỉnh như không
Một vòng lô nhô thiên hạ sự
Bạn ta tâm thiền giữa chợ đông.

Đứa bán trước sau còn mãi bán
Phát phơ đón gió bòn lợi danh
Tiền trường bày bán dăm ông phỗng
Sành trét hào quang nhũ vẫn sanh.

Đứa nhiều oản vai bè bạn cũ
Đẩy nhau ra trận trao gươm cùn
Múa sao qua được cơn sinh tử
Hỉ hả cười mơn lúc lại hôn.

Đứa hồng tướng đầu mình bất hoại
Bon chen mưa máu chính trường hơi
Vịn vào mớ chữ xưa huyền thoại
Đòn bắn đời tung cũng táng đời.

Đứa phỉnh, đứa nhô, đứa hố ham
Đuốc không đủ thấp lấy đầu tàn
Văn chương bỏ gốc đi ôm ngọn
Chuồn lấy dờn tanh, lấy gậy oan.

Ta vốn sân si còn bất nhẫn
Làm chi thì cũng chẳng làm sao
Rời ra ở cuối giòng bi phần
Hoa giấy, bèo hôi chất ngất cao.

Không lẽ khoan tay chống mắt nhìn
Kệ thầy một đám diếc, mù, điên
Cái tâm vô lượng dung không xuể
Rách trống đồng chưa, lũng mấy chiêng?

hà huyền chi



đặc biệt, tạo nên những khúc nhạc hào hùng, lời cuốn và thúc giục. Nhạc võ có tên là Song Thủ Đả Thập Nhị Cổ. Người sử dụng nhạc võ phải vừa có tâm hồn của một nghệ sĩ, vừa có công lực một võ sĩ thượng thừa mới có thể dùng nội lực truyền vào hai bàn tay, cánh tay và cả khuỷu tay khi tác dụng vào mặt trống tạo nên những âm thanh dững mãnh, vang động.

Trước năm 1975, người được xem như bậc thầy của nhạc võ Tây Sơn là nghệ sĩ Tân Phong. Anh vừa là họa sĩ, vừa là trưởng ban dân ca Gió Mới của đài phát thanh Qui Nhơn, đã nhiều lần biểu diễn nhạc võ trong các lễ hội hay các dịp địa phương đón tiếp quý khách ở trung ương hay nước ngoài đến thăm Qui Nhơn.

Phần chính của Tết Đống Đa là màn diễn lại trận Đống Đa của Quang Trung đại đế. Phần biểu diễn được chuẩn bị chu đáo, giàn dựng công phu, sử dụng hàng ngàn người với đầy đủ tướng sĩ, thành lũy, voi ngựa, cờ xí, giáo gươm, y trang, chiêng trống... không khác gì cảnh thật khiến người xem hào hứng, phấn khởi và bồi hồi nhớ lại công đức, chiến tích của tiền nhân.

Những năm cuối thập niên 60, thời tướng N.D. làm tư lệnh Quân đoàn II, hội Tết Đống Đa được tổ

chức với tầm cỡ quốc gia, có các quan khách trong các lãnh vực văn hoá và giáo dục từ thủ đô đến dự, ngoài ra phần biểu diễn còn được tăng cường với hàng trung đoàn bộ binh diễn hành, thực tập tấn công có pháo binh và chiến xa yểm trợ, có không quân phi diễn và thực tập oanh kích mục tiêu.

Hội Tết Tây Sơn bùng bùng khí thế lạc quan và tin tưởng. Lòng người phơi phơi hân hoan, vừa tự hào với chiến tích của tiền nhân, vừa hãnh diện với thế hệ cháu con tiếp nối.

Đám trẻ chúng tôi ngày đó, mặc dù nghịch ngợm và vô tâm, mặc dù chưa một lần đến trước điện Tây Sơn để nghiêng mình tưởng niệm Đại đế Quang Trung, năm nào kéo đến sông Côn cũng chỉ quanh quẩn chen lẫn nhau trên cầu, nhiều khi cố tình xô nhau nhào xuống nước, nhất là khi được té chung chùm với cô bạn cùng trường đã làm lòng mình xao xuyến mà chưa dám nhìn thẳng mặt. Tuy nhiên, có những phút giây, cùng với không khí trầm hùng và uy nghiêm, phảng phất anh linh tiền nhân, cùng với khí thế ngút trời của các chiến binh thời đại phong sương và kiêu dũng, tất cả chúng tôi đều mắt ngời sáng, đầu ngẩng cao, đứng bên bờ sông Côn mơ làm người Quang

Trung. Rất nhiều người trong chúng tôi, nhiều năm sau đó đã lên đường, đã đổ máu xương không hề tiếc nuối, không chút hối hận, cho quê hương. Buồn thay... *những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ?*

Người Việt lưu vong chúng ta, mặc dù do hoàn cảnh phải lìa xa quốc thổ, tứ tán muôn phương, vẫn luôn nhớ về nguồn, vẫn có những phút giây lắng lòng nghe đâu đó tiếng voi gầm, trống giục, quân reo của chiến thắng đầu xuân năm nào và hình ảnh vị anh hùng áo vải vẫn luôn đậm nét trong lòng mỗi chúng ta, vừa như một niềm kiêu hãnh của quá khứ, vừa như một gợi nhắc, một thôi thúc để mọi người tự vấn lương tâm mình và chọn lựa cách hành xử xứng đáng.

Rất nhiều người, rất nhiều trái tim thi sĩ và tấm lòng Việt Nam dù xa nước vẫn tiếp tục gợi lại cho chúng ta những chiến tích huy hoàng của dân tộc, những giai đoạn vẻ vang của lịch sử:

*Bắc phạt lập kỳ công
Nhất phá thanh bình danh kiệt tướng
Tây Sơn hoàn vĩ nghiệp
Thiên thu Việt quốc sử Quang Trung.
(Cao Tiều)*

*Bình Định anh hùng khởi lực ba
Điều binh nam bắc cứu sơn hà
Tướng quân đệ nhất cần khôn tạo
Đại đế kỳ tài thiên hạ tôn.
(Huy Lực)*

*Hai trăm năm trước vị anh hùng
Áo vải cờ đào vó ngựa tung
Tam Diệp voi gầm, ta phấn khởi
Ngọc Hồi lũy đổ, giặc tiêu tung
Nửa đêm đại áng gươm loè sáng
Một sáng Thăng Long lửa nổ bùng
Sĩ Nghị chạy dài vắng ấn tìn
Oai hùng thay, Đại đế Quang Trung.
(Bảo Vân)*

Thi sĩ gợi nhắc và ngừng lại ở đó, không nói gì thêm. Tuy nhiên, bạn hiểu, tôi hiểu mà. Sau những gợi nhắc là những ước mơ và kỳ vọng. Thi sĩ đã làm xong công việc của họ; phần còn lại, tùy ở bạn, ở tôi, ở mỗi chúng ta.

lời cho ngày tháng cũ

*Thành xưa hoang phế dấu chân
Mai về tử nhục xác thân lưu đầy
Dặm ngoài trắng giọt mưa bay
Cửa trong nhan sắc đau ngày mới sang.
Hồn ngơ ngẩn giữa hoang tàn
Tránh đâu cho khuất những ràng buộc xưa.
Bóng đời hiu hắt đường qua
Trăm năm chấn gối chỉ là khói sương.
Ru nhau thấm khúc đoạn trường
Nghe hò hẹn cũ bốn phương tìm về.
Giọt sầu nhỏ xuống trời quê
Vang trong tâm thức lời thề núi sông.*

vạn giá

từ già

*Thôi tôi từ già tuổi xuân
Tìm trong lửa hạ
một lần tương lai
Thời gian
sưởi kể u hoài
Mắt xanh đã nhạt
hết ngày ấu thơ
Không còn gì để thăm mơ
Quãng đời kỷ niệm:
xin chờ lãng quên!*

nguyễn hải hà

tiếng kêu của máu

Hoàng Hải Thủy
phóng tác



(tiếp theo)

Chương 27

Sự thay đổi của bà ngoại hiện rõ vào mùa đông 1947 khi Francis lên tám tuổi.

Bà không ăn riêng trong phòng với Francis nữa. Hai bà cháu ra ngồi ở bàn ăn chung, nơi bà chủ tọa những bữa ăn giữa những ông bà ngụ cư già lão.

Bà ngoại đã được dưỡng dục từ nhỏ để trở thành một nữ chủ nhân duyên dáng. Bây giờ bà lấy cái chuông bạc ra, đánh bóng và đặt nó bên tay bà trên bàn ăn.

Bà hướng dẫn cuộc nói chuyện đúng cách trong bữa ăn, gọi chuyện cho mọi người nói, khuyến khích những người nhát sợ phát biểu. Sau một món ăn, bà rung chuông bạc cho nhà bếp mang món khác lên. Thức ăn toàn là rau, đậu, khoai, chút thịt bò bạc nhạc, nhưng bà cũng chia ra thành từng món. Việc này gây phiền nhiễu cho chị Hai Bailey.

Khi sức khỏe suy yếu, bà ngoại lại có thể bận những bộ y phục bà đã xếp trong rương từ nhiều năm trước. Một số bộ đồ này đến nay vẫn còn giữ nguyên dáng vẻ sang trọng, quý phái. Trong những bộ y phục xưa đó, với

kiểu tóc đặc biệt, trông bà giống như hình ông Georges Washington được in trên tờ đô-la.

Thế rồi càng ngày bà ngoại càng trở nên khó tính. Bà ngự trị như một bạo chúa ở bàn ăn, không cho phép ai nói bất cứ chuyện gì bà không ưa nghe. Nhất là bà không dung thứ cho bất cứ ai ngắt lời bà trong khi bà đang kể về thời thiếu nữ của bà ở St. Charles. Sự thật là vào năm 1907, bà ngoại được coi là một hoa khôi và từng được người ta sốt sắng mời đến dự những buổi dạ vũ long trọng nhất ở St. Louis bên kia sông.

Có một "bài học khách quan" trong câu chuyện bà kể cho tất cả mọi người, bà nói. Bà nhìn Francis khi bà kể:

- Tôi lớn lên trong một thời kỳ mà y khoa chưa giúp gì được con người nhiều trong việc sửa chữa những khuyết điểm do thiên nhiên gây ra. Tôi có làn da mịn, tóc mượt và tôi biết lợi dụng chúng tối đa. Tôi chiến thắng hàm răng của tôi bằng sức mạnh cá nhân và tinh thần lạc quan. Hàm răng trở thành một nét đẹp riêng, một nhãn hiệu riêng của tôi. Tôi không đổi nó lấy bất cứ cái gì trên cõi đời này.

Bà không tin bác sĩ. Bà giải thích sự nghi ngờ này với nhiều chi tiết. Nhưng khi thấy hàm răng của bà có

vấn đề - răng thật của bà sẽ rụng hết - bà đã tìm đến một nha sĩ nổi tiếng nhất thời bấy giờ ở miền Trung Tây, nha sĩ Felix Bertl, một người Thụy Sĩ. Giới thượng lưu thời ấy rất thích những hàm "răng Thụy Sĩ" của nha sĩ Bertl, bà ngoại nói với vẻ kiêu hãnh. Nha sĩ Bertl có thể tạo ra một hàm răng giả giống hệt hàm răng thật. Nha sĩ Bertl đã tạo cho bà một hàm răng giả giống hệt hàm răng thật của bà.

Mãi về sau này Francis mới nhận thức được cái gọi là "bài học khách quan" trong chuyện kể về hàm răng giả của bà ngoại. Anh chỉ có thể sử dụng bài học này khi anh có tiền để chi cho nó.

Francis chịu ngồi yên nghe bà ngoại kể đủ mọi thứ chuyện về bà suốt bữa ăn tối vì sau đó nó sẽ được một lúc vui vẻ.

Anh chồng chị Hai Bailey vẫn đến đón vợ về mỗi tối. Anh đến trên cái xe lửa kéo. Đây là cái xe anh vẫn dùng để chở củi. Nếu bà ngoại còn mãi nói chuyện hay đã vào phòng nghỉ, Francis có thể được anh chị cho lên xe đi một quãng đến ngã ba ra con lộ chính.

Suốt ngày nó chờ đợi chuyến đi này. Nó được ngồi cạnh chị Hai. Người chồng chị cao to, đen và im lặng, ngồi gần như vô hình ở đầu ghế bên kia. Tiếng vòng bánh xe viên sắt nghiền trên mặt đường sạn, tiếng lục lạc leng keng. Hai con lửa nâu, đôi khi nửa người lấm bùn đất, đôi bờm được cắt xén dựng đứng như bàn chải, vừa đi vừa ve vẩy đuôi. Vào những ngày anh Hai Bailey đốt rừng khai hoang, Francis ngửi thấy mùi khét của khói. Trong những ngày đốt rừng, anh Hai mang súng săn theo. Tối đến thế nào Francis cũng thấy vài ba chú thỏ, hoẵng, chồn, nằm dài trên sàn xe.

Không ai nói tiếng nào trên đường đi xuống dốc. Anh Bailey chỉ thốt vài tiếng ngắn với hai con lửa. Chiếc xe lắc lư làm Francis được dựa đầu vào ngực chị Hai Bailey. Khi được thả xuống đường, nó hứa với chị là nó sẽ đi trở về ngay. Nó đứng trên ngã ba

đường vắng, nhìn theo ngọn đèn treo ở thành xe lác lư mắt dần trong đêm tối. Nó nhận thấy chỉ khi nó xuống xe rồi anh chị Hai Bailey mới nói chuyện với nhau. Chị thường làm anh cười, đôi khi chị cùng cười vui với anh. Đứng trong bóng tối, nó thấy vui vui khi nghe tiếng anh chị cười và biết chắc rằng anh chị không cười nhạo nó.

Cho đến ngày nó thay đổi ý nghĩ về vụ này...

Thỉnh thoảng Francis Dolarhyde có bạn đến chơi. Bạn nó là đứa con gái một tá điền nhà ở cách đó ba cánh đồng. Bà ngoại cho con nhỏ đến nhà chơi vì đôi khi nó cũng giúp cho bà vui vui được một lúc: bà đem những bộ y phục ngày xưa ngày xưa của Marian thời Marian bằng tuổi con bé, bắt nó mặc.

Con nhỏ tóc đỏ, đôi mắt đen lúc nào cũng lơ đãng, không hào hứng mấy trong việc chơi đùa.

Vào một buổi trưa tháng sáu oi bức, chán trò tìm bắt dế trong sân sau nhà bếp, con nhỏ yêu cầu Francis cởi quần cho nó xem.

Trong góc vườn giữa nhà bếp và hàng rào kín đáo, Francis làm theo lời yêu cầu của người bạn gái. Đến lượt con nhỏ tốc váy cho Francis xem. Đúng lúc nó ngồi xổm để nhìn, một con gà bị chặt đầu chạy quáng quàng từ trong bếp ra. Con nhỏ giật mình lùi lại khi những giọt máu từ cổ gà tia vào hai chân nó.

Francis đứng nhồm nhồm nhưng chưa kịp kéo quần lên khi chị Hai Bailey đuổi theo con gà chạy đến. Chị trông thấy chúng:

- Francis, - chị bình thản nói - mày làm cái gì mà vội quá vậy? Lớn lên rồi coi không được à? Hai đứa đi bắt con gà cho tao.

Nỗi bối rối của hai đứa nhỏ tiêu tan ngay vì cuộc đuổi theo con gà đã bị chặt cổ. Nhưng bà ngoại đứng trên lầu đã nhìn thấy chúng qua khung cửa sổ.

Bà ngoại chờ nhìn thấy chị Hai Bailey trở lại với con gà mất đầu. Hai

đứa trẻ cũng theo chị vào bếp. Bà khoan thai đi xuống lầu, lặng lẽ vào bếp. Bà thấy hai đứa trẻ đang lấy lông gà làm mũ theo kiểu dân da đỏ.

Bà đuổi con nhỏ về nhà, kéo tai Francis lên nhà trên.

Bà nói cho Francis biết nó sẽ phải trở lại nhà mồ côi của Sư huynh Buddy sau khi bà xử phạt nó:

- Đi lên phòng mày. - Bà ra lệnh - Cởi quần ra. Ở đó chờ tao. Tao đi lấy cái kéo.

Francis chờ nhiều giờ trong phòng. Không mặc quần, nó nằm co quắp trong giường chờ bà ngoại mang kéo lên. Nó chờ mãi cho đến tối. Nó nằm nghe tiếng những ông bà già ăn bữa tối, rồi tiếng bánh xe lửa xiết trên sân sạn bên cạnh nhà.

Nó ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Trong đêm đen, mấy lần nó choàng tỉnh, hồi hộp chờ bà ngoại mang cây kéo đến.

Nhưng bà ngoại không đến. Nó cho là bà nói rồi bà quên. Song suốt ngày hôm sau, rồi ngày hôm sau nữa, nó vẫn cứ hồi hộp chờ bà ngoại nhớ lại, chờ đợi bà xách cây kéo đến. Nó chờ đợi mãi.

Francis tránh không gặp chị Hai Bailey. Nó không nói gì với chị mà chị thì không biết tại sao nó giận hờn chị. Francis tưởng chị là người mách tội nó với bà ngoại. Bây giờ nó tin chắc những chuyện vui chị Bailey kể cho chồng nghe là chuyện chế nhạo nó. Hai anh chị cười là cười nó. Nó bắt đầu không tin bất cứ ai trên cõi đời này.

Đêm mùa hè, trời đầy sao sáng. Nửa đêm, Francis trần trọc không ngủ được. Nó thấy việc bà ngoại trừng phạt nó là đúng. Nó không giận hay oán bà. Trái lại, nó thấy yêu thương bà không để đầu cho hết. Nó muốn biểu lộ tình yêu đó với bà.

Nằm trong bóng đêm, Francis tưởng tượng ra cảnh có kẻ cướp vào nhà, nó bảo vệ bà ngoại. Bà ôm nó, hôn nó. Bà nói: "Francis, con can đảm lắm. Con đúng là cháu cưng của bà..." Rồi nó lại nghĩ: "Bảo vệ bà ngoại bằng cách nào?" Nó nhỏ xíu

mà tên cướp thì to lớn. Óc tưởng tượng của nó tiếp tục triển khai. Chị Hai Bailey có cây rìu treo trong cánh cửa nhà bếp. Chị thường dùng lưỡi rìu này để chặt cổ gà. Nó sẽ dùng cây rìu ấy chặt cổ tên cướp. Để bảo vệ bà ngoại, nó phải chiến thắng nỗi sợ bóng đêm. Nó phải làm người khác sợ nó.

Lần mò vào bếp, Francis lấy cây rìu xuống. Lưỡi rìu sắc lẹm. Có cây rìu trong tay, nó không còn sợ nữa. Nó đi nhẹ vào phòng ngủ của bà ngoại để kiểm soát: tên cướp có ở trong này không?

Bà ngoại ngủ say. Phòng tối đen nhưng nó biết chính xác bà ngoại nằm ở chỗ nào. Nó nghe tiếng bà ngoại ngáy đều. Nếu có tên cướp ở đây, nó cũng sẽ nghe được tiếng thở của tên cướp như nó nghe được tiếng bà ngoại ngáy. Nó biết rõ căn cổ tên cướp ở chỗ nào: ở ngay dưới hơi thở. Nó sẽ lặng lẽ đến gần tên cướp, giơ cây rìu lên như thế này, chém xuống...

Francis vướng chân vào đôi giày vải của bà ngoại ở chân giường. Nó lạng người. Cây rìu lướt đi một đường vòng cung trong đêm tối, chém "keng" vào chân cây đèn đồng đặt trên mặt bàn ngủ.

Bà ngoại cửa mình, tiếng chép miệng đầy nước miếng. Francis cứng người. Hai tay nó run vì cây rìu quá nặng. Bà ngoại lại ngáy đều.

Francis xách cây rìu đi ra chuồng gà.

Trong lúc đứng rửa chân tay ở bồn nước đầu chuồng gà, Francis cảm thấy một khoái cảm lâng lâng, một bình yên mà nó chưa từng cảm thấy bao giờ. Nó thấy toàn bộ cuộc sống quanh nó bình yên, hài hoà.

Francis dội nước rửa vết máu tươi ở bụng và hai chân. Tay nó mân mê cái vật bà ngoại dọa cắt. Của quý vẫn còn nguyên giữa hai chân nó. Francis tỉnh thức hoàn toàn và óc nó vô cùng sáng suốt. Còn cái áo ngủ dính đầy máu này? Không thể nhờ chị Hai giặt được. Vùi nó xuống dưới đồng củi mục là xong.

Hôm sau chị Hai Bailey thấy con

gà bị giết. Chị thắc mắc khi thấy có vẻ con gà không bị loài chồn cáo cắn cổ. Khoảng một tháng sau chị lại thấy một con gà nữa bị giết. Lần này con gà bị vụn cổ.

Trong bữa ăn, bà ngoại nói rằng có kẻ nào thù oán bà đêm đêm lén vào nhà giết gà. Bà sẽ báo vụ này với cảnh sát.

Francis ngồi im. Nó nắm bàn tay lại rồi mở ra như khi nó nắm cổ con gà. Nó còn nhìn thấy một con mắt gà nháy nháy trong lòng bàn tay nó. Đêm đến nằm trong giường, nó thường sờ nắn xem cái đầu gà của nó còn đó không. Đôi khi nó cảm thấy rõ là con mắt cái đầu gà của nó chớp chớp...

Trong những ngày kế tiếp, tình trạng sức khỏe và tinh thần của bà ngoại thay đổi thật nhanh. Bà tỏ ra khó tính và nóng giận, thô bạo đến nỗi không ai có thể làm cho bà quá ba ngày. Khách cư ngụ thì đông nhưng người làm, người hầu chỉ còn có một mình chị Hai Bailey.

Chỉ vì vài muỗng bột bị đổ ra bàn, bà ngoại tát bóp vào mặt chị Hai Bailey trong bếp. Chị Hai sững sốt buống rơi cái muỗng chị đang cầm. Chị đứng sững nhìn bà ngoại. Bà ngoại giơ tay định tát nữa. Bàn tay đen, lòng bàn tay màu hồng lớn tướng đẩy nhẹ bà ra:

- Đứng bao giờ bà làm thế nữa. Bà điên rồi, bà Dolarhyde! Tôi không chấp bà đâu nhưng từ nay bà đừng bao giờ làm thế nữa.

Bà ngoại gào lên chửi rủa. Bà đẩy mạnh làm nồi súp đang sôi trên bếp đổ nghiêng, nước súp reo sèo sèo trên bếp lửa. Bà đi vào phòng, đóng cửa lại. Mọi người nghe tiếng bà chửi rủa và tiếng đồ vật bị bà ném lung tung trong đó. Suốt ngày bà không ra khỏi phòng, không ăn uống.

Chị Hai Bailey dọn dẹp trong bếp, cho các ông bà già ăn bữa tối. Chị thu dọn vài thứ đồ lặt vặt của chị vào giỏ xách. Chị đi tìm Francis nhưng không thấy nó đâu.

Khi đã ngồi lên xe lửa bên cạnh chồng, chị mới nhìn thấy nó trên bục

cổng. Francis vẫn ngồi im nhìn chị nặng nhọc xuống xe đi về phía nó:

- Bờ tèo... chị đi đây. Chị không trở lại nữa đâu. Chị nhờ cô Seronia ở tiệm bách hoá gọi điện thoại cho má em. Nếu má em chưa tới mà em cần gì, cần ăn, em sang nhà chị nhé.

Chị đưa tay vuốt tóc nó nhưng nó nghiêng đầu không chịu.

Anh Bailey tắc lưỡi cho hai con lửa bước đi. Francis nhìn theo ánh đèn đi xa dần trong đêm. Tuy lâu rồi không còn lên xe đi một quãng với hai vợ chồng Bailey nữa, nhiều buổi tối nó vẫn ngồi đây nhìn theo ánh đèn xe với nỗi sầu buồn và cảm giác trống vắng từ khi nó biết chị Hai Bailey phản bội nó. Bây giờ thì nó không còn thấy sầu buồn nữa. Nó đã có cách tự làm cho nó hết sầu buồn.

Nó tưởng tượng đến những cảm giác nó sẽ có khi giết một con lửa.

Marian Dolarhyde không đến ngay khi chị Hai Bailey nhờ người gọi

điện thoại đến cho nàng.

Hai tuần lễ sau nàng mới đến sau khi được ủy viên cảnh sát St. Charles gọi điện thoại. Nàng đến vào lúc xế trưa, tự lái chiếc xe Packard tiền chiến. Nàng mang găng tay, đội mũ.

Một viên cảnh sát đón nàng ở đầu con đường dốc. Anh cúi xuống nói chuyện với nàng qua cửa xe:

- Bà Vogt... chúng tôi phải báo với bà trước để bà quyết định. Chúng tôi có thể làm được nhưng ông Ủy viên của chúng tôi cho rằng nên cho bà biết trước thì hơn.

Chắc bà hiểu, chúng tôi không muốn làm việc gì có thể không tốt cho ông Vogt.

Marian hiểu. Ông Vogt hiện là Ủy viên Công vụ của St. Louis, uy tín của ông trong đảng lúc này cũng không được khá lắm.

- Chúng tôi chỉ mới báo cho bà biết thôi. - viên cảnh sát nói tiếp - Chưa ai biết mà cũng chưa có người nào vào nhà.



Marian thấy bà mẹ nàng đang ngủ, vài ba ông bà già rũ rượi ngồi ở bàn ăn chờ bữa ăn không bao giờ tới, vài bà già khoả thân đi hái hoa, bắt bướm trong vườn.

Marian gọi điện thoại cho chồng:

- Sao lại có thể để đến nỗi như thế được? Bê bối quá! Nhân viên xã hội cũng phải thỉnh thoảng đến kiểm soát chứ! Có bao nhiêu người ở đây em chưa biết rõ. Chắc họ chẳng có ai là thân nhân đâu. Đừng báo cho họ biết vội. Để em đưa mẹ em đi trước đã. Anh đừng dính vào vụ này, để em lo. Em lo được. Giúp em thôi... Đưa ngay đến đây cho em chừng năm người lao công. Tìm mấy chị da đen tốt hơn. Nhờ bác sĩ Waters đến ngay. Em lo được mà...

Hơn nửa giờ sau, ông bác sĩ cùng với người điều dưỡng đến. Tiếp đó là cái xe tải chở chị hầu của Marian và năm chị lao công.

Marian, ông bác sĩ và anh điều dưỡng đang ở trong bà ngoại khi Francis đi học về. Nó nghe tiếng bà ngoại chửi rủa. Khi bà được đưa ra khỏi nhà trên chiếc xe đẩy, đôi mắt không hồn nhìn mà như không thấy thằng cháu ngoại đứng xớ rớ bên cửa. Bà vừa được chích thuốc. Khuôn mặt bà hốc hác. Miệng bà răn reo, môi bà chúm lại vì không có hàm răng giả. Marian đi bên xe đẩy. Cánh tay nàng được băng lại. Nàng vừa bị cắn vào tay.

Bà ngoại được đưa đi trên chiếc xe của ông bác sĩ. Francis đứng nhìn bà đi. Nó muốn giơ tay vẫy chào bà nhưng tay nó cứng ngắc.

Marian ở lại chỉ huy đội lao công dọn dẹp toà nhà. Họ không chỉ lau dọn, quét rửa khắp nhà mà còn nấu ăn, tắm rửa sạch sẽ, bận y phục đàng hoàng cho tất cả đám ông già, bà già. Khi mọi việc đã xong, Marian cho đám lao công về rồi mới gọi điện thoại đến phòng Xã hội Thành phố. Nàng nói bà Dolarhyde bị cơn đau tim phải đi bệnh viện.

Vài lúc sẩm tối, viên chức phòng Xã hội đến đón đám ông bà già lão liệt đi trên chiếc xe buýt chở học sinh. Francis đứng chờ cùng lên xe. Nhưng

không ai lý gì đến nó cả.

Chỉ còn Marian và Francis ở lại trong toà nhà. Thiếu phụ ngồi trong phòng ăn, hai tay ôm đầu. Thằng nhỏ lĩnh ra vườn trèo lên cây táo.

Sau cùng Marian ra vườn gọi nó. Nàng đã thu xếp quần áo của nó vào cái va-ly nhỏ xách theo.

- Đi về với má. - Nàng nói với con khi dắt nó ra xe - Vào xe. Đừng để chân lên ghế.

Nàng lái chiếc Packard đi, để lại cái xe đẩy nằm trong vườn.

Bà ngoại được đưa vào một dưỡng trí viện tư. Sau buổi chia tay im lặng đó, 14 năm sau Francis Dolarhyde mới trở lại gặp bà.

- Francis, đây là anh chị em của con đó.

Marian giới thiệu. Đám trẻ được gọi là "anh chị em" gồm ba đứa, một trai, hai gái. Ned Vogt 12, Victoria 13 và Margaret 9 tuổi. Ned và Victoria nhìn nhau. Margaret nhìn xuống bàn.

Phòng của Francis nằm ở một khu riêng dành cho người làm trong nhà. Kể từ vụ thất cử thảm hại năm 1944, số người làm trong nhà Vogt giảm hẳn đi. Phòng này lâu rồi không có người ở. Francis được cho đi học ở trường sơ cấp Potter Gerard. Trường này gần nhà, nó đi bộ đến trường. Bọn anh em Ned Vogt đi học ở trường Tân giáo xa nhà và đi bằng xe hơi.

Trong những ngày đầu, bọn trẻ nhà Vogt cố tình lờ Francis. Đến ngày cuối tuần lễ đầu tiên, Ned và Victoria đi lên khu phòng người làm hỏi thăm sức khoẻ Francis.

Francis nghe tiếng chúng xì xào với nhau trước khi chúng xoay nắm đấm mở cửa. Khi thấy cửa gài; không gõ, Ned ra lệnh:

- Mở cửa.

Francis mở cửa. Hai đứa vào phòng nhưng không nói gì suốt thời gian chúng lục soát quần áo và đồ vật riêng tư của Francis.

Ned thò hai ngón tay vào ngăn kéo, cầm một vật giơ lên:

- Cái này là cái gì?

- Cái giá. Francis trả lời.

- Để làm gì?

- Dây đàn ghi-ta.

- Mày có đàn ghi-ta không?

- Không.

- Không thì mày giữ cái này làm gì?

- Của ba tao.

- Ned, nó nói cái gì thế?

- Nó nói cái này của ba nó.

Ngồi xuống cái giường nhỏ, Victoria phụng phịu:

- Hôm nay người ta đến lấy ngựa đi. Mình hết được cưỡi ngựa rồi.

Ned đứng, đặt một chân giày lên giường:

- Mất ngựa, mất nhà nghỉ bên hồ...

- Ned trừng mắt nhìn Francis đứng bên cửa - Mày có biết tại sao không, thằng ăn mày kia?

- Ba không còn làm được nhiều tiền như trước nữa. - Victoria âm ỉc
- Nhiều ngày ba không đi làm. Bà nội nói vì ba buồn nên ba uống rượu. Người ta không bỏ phiếu bầu cho ba là vì thế...

- Thằng chó đẻ kia... Mày có biết vì sao ba tụi tao buồn không? Ba tao buồn chán là vì mày đó, thằng chó đẻ!

- Tụi mày đi ra!

Francis nói và mở cửa. Nhưng khi nó vừa quay lưng lại, Ned đá vào hông nó. Bịch! Francis quay lại giơ tay đấm. Ned đá vào bụng nó. Bịch! Francis đau quá gập người lại. Ned nắm hai vành tai Francis, đẩy nó đến cái gương đặt trên mặt bàn:

- Ba tao buồn là vì cái bản mặt chó đẻ của mày...

Bình! Mặt Francis bị đập mạnh vào gương. Bình! "Vì bản mặt chó đẻ của mày..." Bình! "Vì bản mặt chó đẻ của mày..." Bình!

- Ned ơi! - Victoria kêu lên - Thôi đi, Ned...

Ned buông tay. Francis ngã xuống sàn. Mặt gương nhoè nhoét máu và nước mũi, nước rãi. Chị em Vogt bỏ nó ngồi đó. Mặt nó cũng ướt những máu và nước mũi, nước rãi. Nước mắt nó chảy ra nhưng nó không khóc.

Chương 28

Mưa Chicago rơi suốt đêm trên tấm mái che trên ngôi huyệt mới đào

của Freddy Lounds.

Tiếng sấm đập vào đầu Will Graham khi chàng đi từ bàn đến giường, nơi những cơn ác mộng nằm cuộn tròn như những cuộn dây thép gai dưới gối.

Toà nhà cổ trong vườn táo ở St. Charles đưa vai chống lại gió, nhắc lại những tiếng rên dài trong tiếng mưa đập vào cửa sổ, trong tiếng sấm rền.

Những bậc thang cọt kẹt trong đêm. Francis đi xuống thang, vạt áo kimono kêu sột soạt, mắt mở lớn vì hấn vừa ngủ một giấc dài. Mái tóc ướt được chải gọn. Hấn cũng vừa chải sạch móng tay.

Nhiều cuộn phim đặt cạnh máy chiếu. Đêm nay Francis xem hai phim. Những cuộn phim khác đã bỏ vào thùng chờ đốt. Đây là hai cuộn phim được anh tuyển trong số những cuộn phim gia đình gửi đến trang ở Gateway.

Thoải mái ngồi trong ghế dựa, khay trái cây và pho-ma bên cạnh, Francis bắt đầu xem phim.

Cuộn phim thứ nhất được quay nhân chuyến đi picnic cuối tuần ngày 4 tháng 7. Một gia đình thật đẹp: ba đứa con, ông bố vạm vỡ, cần cổ bự, thò những ngón tay lớn tướng vào bình dưa. Và bà mẹ.

Hình ảnh hấp dẫn nhất của thiếu phụ được thâu khi nàng chơi ném banh với bọn trẻ. Hình ảnh này chỉ hiện ra trong khoảng 15 giây đồng hồ. Nàng đứng chờ trái banh ném đến, hai chân dang ra sẵn sàng dịch sang trái, sang phải. Đôi vú nàng đong đưa sau lớp áo thun khi nàng nghiêng người. Cảnh một đứa trẻ dùng chày đánh banh. Rồi thiếu phụ lại hiện ra. Bây giờ đến lượt nàng ném banh. Nàng đứng chân trước chân sau, những bắp thịt ở đùi, ở bắp chân nàng căng lên.

Francis xem đi xem lại những đoạn phim có hình thiếu phụ. Hấn cho khung ảnh sau cùng đứng lại. Đây là cảnh người đàn bà đứng với ba con nàng. Bốn mẹ con đều thơ mệ và ướt mồ hôi. Họ cười và ôm nhau. Một con chó vẫy đuôi dưới chân họ.

Tiếng sấm nổ lớn làm rung rinh leng keng những vật bằng thủy tinh trong tủ bát đĩa của bà ngoại. Francis cầm một trái lê.

Cuộn phim thứ hai gồm nhiều đoạn cách biệt nhau. Tên phim là *nhà mới*. Hai chữ này được xếp bằng những đồng tiền 10 xu trên một tấm bìa cứng đặt cạnh một con heo đất vừa bị đập vỡ mông. Tiếp đó là hình ông bố đứng gỡ tấm bảng *Nhà bán* ở trước cửa. Ông giơ tấm bảng lên, miệng cười ngượng nghịu. Những túi áo của ông đều được lộn ra ngoài.

Đến cảnh người mẹ và ba đứa con đứng trên thềm cửa. Căn nhà khá đẹp. Phim chuyển sang cảnh hồ bơi. Mấy đứa trẻ đùa giỡn trong làn nước trong. Người mẹ đứng nửa mình dưới nước, hai tay nắm vào thành thang sắt. Nàng ngước mặt nhìn lên ống kính, mái tóc nhung đen ánh lên, ngực loáng ướt, hai chân đánh qua đánh lại trong nước như hai lưỡi kéo.

Đêm. Mặt hồ bơi phản chiếu ánh đèn trong nhà. Gia đình vừa dọn đến nhà mới. Nhiều thùng đồ chưa được mở. Thiếu phụ đứng trước gương. Nàng đội mũ. Bọn trẻ quây quần quanh nàng.

Cận ảnh. Nàng quay lại đối diện với máy quay phim, một tay để sau đầu theo dáng đứng của những cô người mẫu, miệng mỉm cười. Trông dễ thương quá. Có sợi dây chuyền mang viên ngọc trên ngực nàng.

Francis cho phim dừng lại ở cảnh này. Hấn cho phim quay trở lại. Nàng từ chiếc gương quay lại nhìn máy quay phim. Francis xem đi xem lại cảnh này.

Francis lấy cuộn phim ra khỏi máy, xem tờ phiếu ghi địa chỉ: Bob Sherman, đường Star 7, Hộp thư 603, Tulsa, Oklahoma.

Chỗ này lái xe đến cũng tiện.

Francis dùng cả hai tay áp cuộn phim như nó là một sinh vật có thể vùng vẫy để thoát ra. Hấn nhớ lại hành động hấp tấp, vụng về của hấn trước đây khi ánh đèn trong phòng ngủ vợ chồng Leeds sáng lên. Lần này hấn muốn trình tự diễn tiến phải đàng hoàng hơn, phong nhã hơn. Sẽ

là một điều tuyệt diệu nếu hấn có thể cho máy quay phim thâu hình rồi mới vào giường với hai nạn nhân, ra tay và để thấy máu toé vào da thịt.

Francis đã nghĩ ra cách quay phim mà không cần đèn sáng. Hấn sẽ dùng phim hồng ngoại. Hấn biết nơi cung cấp loại phim đặc biệt này. Hấn quyết định đến thăm gia đình Sherman.

Francis không bận tâm nhớ lại quá khứ. Hấn chỉ chú tâm đến những ngày sắp tới. Ngay từ những năm hai mươi tuổi, Francis đã quên những ngày sống nhờ gia đình Vogt. Hấn chỉ nhớ hấn sống ở đó khoảng một tháng mà không nhớ vì sao hấn bị đưa đi ở trọ nhà khác: con mèo của Victoria bị hấn treo cổ.

Từ năm 11 tuổi, óc tưởng tượng của Francis đã phát triển mạnh. Khi tình yêu trong lòng quá đầy, hấn giải thoát nó. Francis rình mò bọn mèo chó nhưng hấn cẩn thận để không ai biết hấn là thủ phạm. Việc cất cổ, mổ bụng bọn mèo chó là điều quá dễ. Được người nuôi, được vuốt ve, nuông chiều, bọn mèo chó mất thói quen đề phòng, xa lánh người lạ. Chẳng ai liên hệ vụ chú nhỏ Francis với những xác mèo chó nhầy nhụa máu nằm trong những ga-ra.

Năm 17 tuổi, Francis bị bắt lúc đang leo qua cửa sổ vào nhà một người đàn bà. Khi người ta hỏi hấn vào nhà để làm gì, hấn trả lời hấn không biết. Mà hấn không biết thật. Mục đích vào nhà của hấn chưa được định trước. Người ta cho hấn chọn hai đường: gia nhập quân đội hay ra toà. Hấn chọn quân đội.

Sau thời gian huấn luyện quân sự cơ bản, Francis được đi học ở trường đào tạo chuyên viên phòng tối phim ảnh, rồi được điều đi phục vụ trong phòng điện ảnh thuộc Quân y viện Brooks.

Những y sĩ Quân y viện Brooks thương hại Francis. Họ dùng phẫu thuật sửa lại mặt, môi, miệng cho hấn. Kết quả không mỹ mãn lắm song mặt mũi, mồm miệng, môi răng của Francis cũng bớt đi rất nhiều nét quái dị. Từ đó hấn cũng nói được dễ dàng, lưu loát, dễ nghe hơn.

Francis tái đăng lính năm 1958. Trong lần tại ngũ này, hắn phát hiện ra Hồng Kông. Được gửi đi phục vụ ở Hán Thành, Đại Hàn, Francis rửa phim ảnh cho quân đội trên một chiến hạm do thám đậu ngoài biển gần vĩ tuyến 38. Hắn có dịp đến Hồng Kông nghỉ phép hai lần. Hồng Kông và Cao Loan trong năm 1959 là nơi có điều kiện làm hài lòng tất cả mọi loại du khách.

Bà ngoại được ra khỏi dưỡng trí viện năm 1961. Mãi đến năm ấy người ta mới chế ra được thuốc Thorazine để trị bệnh thần kinh khá hữu hiệu. Francis xin và được phép giải ngũ hai tháng trước khi mãn hạn. Hắn trở về nhà lo chăm sóc bà ngoại.

Đây là khoảng thời gian bình yên kỳ diệu trong đời Francis. Hắn có việc làm ở xưởng phim Gateway. Hắn mướn một người đàn bà đến nhà ban ngày để săn sóc bà ngoại. Tối đến, hai bà cháu ngồi trong phòng khách, chẳng ai nói tiếng nào. Trong nhà chỉ có tiếng tích tắc phát ra từ cái đồng hồ cũ.

Francis gặp lại mẹ một lần, trong đám ma bà ngoại năm 1970. Hắn nhìn mẹ hắn, nhìn xuyên suốt mẹ hắn bằng đôi mắt có ánh vàng giống hệt đôi mắt bà. Với Francis, bà mẹ hắn hoàn toàn là một người lạ.

Ngoại hình của Francis làm Marian ngạc nhiên. Hắn cao lớn, vai to, ngực nở, da dẻ hồng hào với bộ ria mép khá đẹp mà bà nghĩ rằng hắn đã nhờ phẫu thuật lấy tóc cấy lên để che vết sẹo trên môi.

Tuần lễ sau ngày đưa đám, Marian gọi điện thoại đến nhà Francis. Hắn trả lời: "Hello!" nhưng khi bà nói: "Francis, má đây!" thì hắn lặng lẽ đặt máy xuống.

Trong chín năm trời sau ngày bà ngoại từ trần, Francis sống bình yên. Không ai quấy rầy hắn mà hắn cũng chẳng quấy quả ai. Hắn biết hắn đang chờ. Nhưng chờ cái gì? Hắn chưa biết.

Một sự kiện nhỏ xảy đến, như nó vẫn xảy đến với mọi người khác, cho

Francis biết cái mà hắn chờ đợi là thời gian. Và thời gian đã đến. Một hôm đứng bên cửa sổ, Francis nhìn bàn tay mình và thấy làn da mu bàn tay đã nhão, gân tay đã chùng, những nếp nhăn đã hiện lên. Hắn đã có tuổi. Hắn bỗng rùng mình dù trời không lạnh.

Một tấm gương cao soi được cả người được dựng lên trong phòng tập thể dục của Francis trên lầu, giữa những cây tạ đôi, tạ chuông và cái ghế nằm đẩy tạ. Đây là cái gương duy nhất được dựng đứng trong nhà. Francis không ưa nhìn thấy mặt mình trong gương. Nhưng ở đây hắn nhìn ngắm thân thể hắn thoải mái. Hắn mang mặt nạ che mặt.

Francis nhìn mình trong gương với những bắp thịt nổi cuộn cuộn. Bốn mươi tuổi, hắn vẫn có thể dự tranh những cuộc thi lực sĩ đẹp trong miền. Nhưng Francis chưa hài lòng.

Một tuần sau, Francis phát hiện ra họa phẩm của William Blake. Hắn bị họa phẩm hấp hồn ngay tức khắc.

Họa phẩm được in thành một phụ trang nhiều màu đi cùng một bài tường thuật về phòng triển lãm tưởng niệm William Blake tổ chức ở Bảo tàng viện Tate tại Luân đôn. Bảo tàng viện Brooklyn đã gửi họa phẩm *Rồng đỏ và người đàn bà được mặt trời trang phục* đến tham gia triển lãm. Bài tường thuật được đăng trên báo *Time*.

Bài bình luận của tờ báo viết: "...Ít có hình ảnh quỉ dị nào trong nghệ thuật tạo hình Tây phương lại phát tiết một sức mạnh ác mộng về khả năng sinh lý đến như thế..." Francis không cần đọc hết bài báo mới thấy được chuyện đó.

Trong nhiều đêm, Francis chiêm ngưỡng họa phẩm. Hắn chụp lại thành phim, phóng đại nó, in ra và trang trọng treo nó cạnh cái gương trong phòng thể dục. Hắn nhìn ngáy bức tranh trong lúc nhắc tạ. Francis chỉ ngủ được sau khi nhắc tạ, đẩy tạ đến mệt như người.

Francis bắt đầu mang hàm răng giả bà ngoại để lại. Lúc đầu hàm răng làm hắn đau, nhưng hắn cứ mang trong những giờ hắn tập thể dục. Hắn

tập cắn vào những miếng cao su, cắn cho đến khi xương hàm hắn cứng và vết răng in rõ trên những vật hắn cắn. Rồi hắn quen mang hàm răng giả này. Chỉ có điều là khi mang nó, hắn không nói được.

Mùa thu 1979, Francis Dolarhyde rút ở ngân hàng ra một khoản tiền trong tổng số tiền để dành, xin phép nghỉ việc ba tháng để bay sang Hồng Kông, mang theo hàm răng giả của bà ngoại.

Khi Francis trở lại, chị Eileen tóc đỏ và nhiều bạn đồng nghiệp ở Gateway khác đồng ý rằng chuyến đi chơi có ích cho hắn. Francis có vẻ bình thản hơn, chín chắn hơn, tự tin hơn. Chẳng ai để ý đến việc từ đó Francis không còn thay y phục hay tắm trong phòng tắm chung của xưởng trước khi về nhà như nhiều người khác. Người ta không để ý cũng là phải. Trước đó Francis ít khi thay y phục hay tắm ở xưởng.

Hàm răng giả của bà ngoại trở về nằm trong ly nước bên giường bà. Bây giờ Francis đã có một hàm răng giả y hệt hàm răng của bà. Hắn cất hàm răng này chờ khi dùng nó.

Nếu Eileen được nhìn thấy Francis trần truồng đứng trước gương, hàm răng giả của bà ngoại gắn trong miệng, hình rồng xâm trên người hắn, chắc chắn chị phải rú lên. Nhưng chị chỉ có thể nhìn thấy con rồng ấy một lần thôi.

Thời gian đã đến. Nhưng Francis không cần phải vội vàng. Năm tháng sau ngày từ Hồng Kông trở về, Francis tuyển chọn gia đình Jacobi.

Ba mươi ngày sau, cũng vào tuần trăng tròn, hắn tuyển chọn gia đình Leeds.

Và bây giờ là gia đình Sherman.

Chắc chắn gia đình Sherman sẽ đem lại cho hắn sự hài lòng lớn hơn, mạnh hơn. Vì hắn đã có kinh nghiệm. Vì lần này hắn dùng phim hồng ngoại.

Chỉ còn ít ngày nữa là lại đến tuần trăng tròn. Francis sẽ đem máy quay phim lắp phim hồng ngoại ghi hình được trong đêm đến Tulsa vui vẻ với bà Sherman. (còn tiếp)

cuộc đời vô định

TRUYỆN DÀI PHÓNG-TÁC CỦA
Tống Minh Long Quân



(tiếp theo)

Chương 26

Biarritz, thành phố ở phía tây nam nước Pháp ngày xưa nổi tiếng với sông bài Bellevue nay đã đóng cửa để tu bổ, tuy nhiên sông bài của thị xã ở đường Mazagran vẫn hoạt động.

Vào dịp hè, khoảng từ tháng Bảy đến tháng Chín, dân giàu có quý tộc Âu châu vẫn đổ về đây đánh bài và hưởng nắng ấm. Ai không có lâu đài riêng thì đến ngụ tại Hotel du Palais sang trọng nằm trên đại lộ Imperatrice. Toà nhà này xưa kia vốn là nhà nghỉ mát của vua Napoleon III, mặt tiền nhìn ra biển Atlantic.

Một buổi chiều tháng Tám, bà hầu tước Pháp, Marguerite de Chantigny, đi vào hành lang của Hotel du Palais. Mọi người trầm trồ nhìn theo - đàn bà thì ganh tị, đàn ông thì há hốc mồm chiêm ngưỡng - vẻ quý phái và thanh lịch của thiếu phụ tóc vàng, đầu đội nón rộng vành, trong chiếc áo lụa hiệu Givenchy màu trắng và xanh lá cây.

Bà Hầu tước bước đến quầy và nói với nhân viên, giọng thật dễ thương:

- Ma clé, s'il vous plait!

- Thưa bà vâng. Ông ta đưa chìa khóa cho bà Hầu tước.

Trong lúc Tracy tiến về phía thang máy thì một người đàn ông đi từ góc tiệm tới, vừa đi vừa ngắm đồ trưng bày trong tủ kính, đụng phải khiến sắc tay của nàng rơi xuống. Ông ta vội vã cúi nhặt sắc tay vừa nói:

- Ô, tôi thành thật xin lỗi!

Ông ta có giọng nói dịu dàng của người Đông Âu.

Bà Hầu tước chỉ gật đầu nhẹ như chấp nhận lời xin lỗi rồi đi thẳng.

Tracy đi về căn phòng ở lầu ba, nhìn ra biển và cả thành phố. Từ cửa sổ, nàng có thể thấy những ngọn sóng vỗ không ngớt vào ghềnh đá. Phía dưới sân là một hồ bơi rộng hình hạt đậu với màu nước xanh biếc, rải rác quanh đó là những chiếc dù ngũ sắc che nắng. Vách phòng dán lớp giấy lụa màu xanh dương và trắng hoà hợp với màu hồng nhạt của thảm và màn cửa trông thật sang trọng.

Trach khóa cửa phòng. Nàng tháo mái tóc giả ôm cứng da đầu và lau chùi lớp phấn son. Hoá trang làm hầu tước hay quận chúa là điều Tracy thích nhất. Trong cuốn *Debrett's Peerage and Baronetage* và *Almanach de Gotha* có hàng trăm tước hiệu và hàng tá quốc gia với lai lịch các dòng vua chúa lâu đời để nàng chọn lựa. Chỉ cần chọn một tước

hiệu là Tracy liền trở nên một người bà con xa của vị vua nào đó, một người bà con giàu có. Ở đời ai cũng trọng chức tước và tiền bạc.

Tracy nghĩ đến người đàn ông vừa đụng phải nàng hồi nãy và mỉm cười. Đây mới chỉ là bắt đầu thôi.

Tám giờ tối, trong lúc bà Hầu tước Marguerite de Chantilly đang ngồi nhấm nháp ở bar rượu thì người đàn ông đã đụng nàng hồi chiều tiến lại. Ông ta nói, giọng ngưỡng ngùng:

- Xin lỗi, tôi phải xin lỗi bà một lần nữa về chuyện xảy ra hồi chiều...

Tracy mỉm cười duyên dáng:

- Không có chi. Chỉ là rủi ro thôi mà.

Ông ta đề nghị, hơi ngần ngại:

- Bà tử tế quá! Bà cho phép tôi mời một ly rượu để chuộc lỗi chứ?

- Vâng, nếu ông muốn.

Ông ta kéo ghế ngồi đối diện:

- Cho phép tôi được tự giới thiệu.

Tôi là Giáo sư Adolf Zuckerman.

- Marguerite de Chantilly.

Ông ta vẫy tay gọi bồi và hỏi nàng uống gì.

- Champagne. Nhưng có thể...

Ông ta xua tay:

- Được mà! Tôi trả được. Hơn thế, tôi đang trong thời kỳ hy vọng có thể trả được bất kỳ món gì trên thế giới này.

Tracy mỉm cười nhẹ nhàng:

- Thật sao? Vậy tốt cho ông quá.

Zuckerman kêu một chai sâm-banh hiệu Bollinger rồi xoay qua Tracy:

- Tôi vừa gặp một chuyện phi thường. Đáng lý tôi không nên nói chuyện này với một người lạ nhưng tôi vui quá, xin bà chia sẻ với tôi. - Ông ta chồm người ra trước, hạ thấp giọng - Để tôi nói thật cho bà nghe, tôi chỉ là một giáo sư dạy Sử tầm thường cho mãi đến mấy tháng trước, tôi mới khám phá ra một chuyện thật là hấp dẫn...

Tracy kiên nhẫn nghe với tất cả lịch sự:

- Thưa Giáo sư, chuyện gì vậy?

- Trong khi nghiên cứu lịch sử Tây Ban Nha để giảng dạy cho các sinh

viên, tôi tình cờ đọc được một tài liệu cổ nói về những chi tiết bí mật liên quan đến vụ đắm tàu của Hoàng tử Philip hồi năm 1588 trong một cơn bão. Chiếc tàu ấy mang theo hàng khối vàng ròng mà cho đến nay chưa ai tìm ra một dấu tích nào.

Tracy nhìn ông ta, vẻ suy nghĩ:

- Người ta cho rằng chiếc tàu ấy bị đắm mà không có tài liệu nào chứng minh điều đó?

- Đúng vậy. Theo sử thì chiếc tàu ấy bị đắm thật, nhưng thuyền trưởng và thủy thủ đoàn thoát chết, tấp vào một hoang đảo gần đó. Họ đã ghi vị trí chỗ tàu đắm, định sẽ trở lại tìm kiếm nhưng không may, họ bị tụi cướp trên đảo giết hết. Hồ sơ còn sót lại đến bây giờ vì bọn cướp không biết đọc biết viết nên không ngờ chúng đang có trong tay một kho tàng vô giá. - Giọng Zuckerman run run vì xúc động, vừa nói vừa đảo mắt nhìn quanh xem có ai để ý không - Bây giờ... tôi đã nắm được mọi chi tiết hướng dẫn đến chỗ tàu đắm...

Tracy tỏ vẻ thán phục:

- Giáo sư thật là hên!

- Vàng khối trị giá cỡ năm chục triệu đang chờ mang từ đáy biển lên.

- Vậy sao Giáo sư không bắt tay vào việc ngay đi?

Ông ta nhún vai:

- Tiền. Tôi phải mượn tàu và thợ lặn.

- Thì ra vậy! Phải tốn bao nhiêu mới đủ?

- Khoảng một trăm ngàn đồng. Thú thật với bà, tôi đã ngu xuẩn dùng cả hai chục ngàn đồng để dành dưỡng già đem thử thời vận, hy vọng kiếm đủ tiền...

- Và ông đã cháy túi?

Zuckerman gật đầu. Tracy thấy hai hàng nước mắt ông long lanh qua đôi mắt kính.

Sâm-banh mang ra. Người bồi mở nút và rót chất lỏng vàng óng vào hai cái ly. Tracy và Zuckerman cùng ly nhau. Cả hai ngồi nhăm nháp trong im lặng. Ông giáo sư cất tiếng, phá tan bầu không khí:

- Xin lỗi đã làm phiền bà về câu chuyện như vậy. Đáng lý ra tôi không

nên để một mệnh phụ quý phái như bà phải bận tâm.

- Không đâu! Câu chuyện hấp dẫn lắm. Ông có chắc là có vàng trong chiếc tàu đắm đó không?

- Theo bản kiểm kê hàng hoá trên tàu và bản đồ do chính tay ông thuyền trưởng vẽ thì kho tàng còn nguyên ở đó.

Tracy nhìn thẳng vào mặt ông ta, vẻ suy nghĩ:

- Giáo sư cần một trăm ngàn đồng?

Zuckerman vừa gật đầu vừa ho sặc sụa:

- Phải. Chỉ một trăm ngàn đồng cho một kho tàng trị giá năm chục triệu.

- Ông có nghĩ đến việc kiếm người hùn vốn không?

Ông ta nhìn nàng, vẻ ngạc nhiên:

- Hùn vốn? Không. Tôi định làm một mình. Nhưng bây giờ thì khác... Giọng ông ta nhỏ xuống.

- Giáo sư, nếu tôi đưa ông một trăm ngàn thì ông nghĩ sao?

Zuckerman lắc đầu:

- Không thể được, thưa bà. Tôi không được phép làm vậy vì bà có thể mất tiền.



- Nhưng ông chắc chắn là có kho tàng dưới đáy biển mà?

- Ô, chuyện đó thì tôi chắc, nhưng còn hàng trăm vấn đề khác nhiều khi xảy ra không theo ý mình. Không có gì là bảo đảm hết.

- Trong cuộc sống, không có gì là bảo đảm cả! Kế hoạch của ông rất hấp dẫn. Biết đâu tôi chẳng giúp ông giải quyết được và cả hai chúng ta đều có lợi?

- Nếu thất bại thì tôi sẽ hối hận suốt đời vì đã làm bà thiệt hại.

- Số tiền đó với tôi không thành vấn đề.

Giáo sư Zuckerman có vẻ suy nghĩ, cân nhắc một lúc lâu. Cuối cùng ông ta tuyên bố:

- Nếu bà muốn thì mình chia đôi, cả tiền lời lẫn chi phí.

- Đồng ý. Chừng nào thì mình khởi sự?

Zuckerman có vẻ sôi nổi ngay tức khắc:

- Ngay bây giờ. Tôi đã tìm được một chiếc tàu với đầy đủ dụng cụ tối tân và một thủy thủ đoàn bốn người. Tuy nhiên mình phải chia cho họ một phần nhỏ huê hồng kho tàng kiếm được.

- Dĩ nhiên.

- Vậy mình nên bắt tay vào việc càng sớm càng tốt.

- Tôi sẽ đưa ông tiền trong vòng năm ngày tới.

- Tốt quá. Như vậy tôi sẽ có đủ thì giờ sửa soạn mọi việc. Không ngờ cuộc gặp gỡ hôm nay lại có lợi cho cả hai chúng ta nhỉ!

Hai người cùng ly, chúc mừng nhau. Tracy nhìn khắp phòng và bất chợt lạnh người. Ở đằng góc xa, Jeff Stevens đang nhìn nàng, mỉm cười trêu chọc. Ngồi với hắn là một thiếu phụ trang sức chiếu lấp lánh khắp người.

Jeff gật đầu chào và Tracy đáp lễ. Nàng nhớ lại buổi tối thấy hắn ở khu nhà Bá tước Montigny với con chó cái Doberman bên cạnh.

Giáo sư Zuckerman xin phép cáo từ và hẹn sẽ liên lạc với nàng sau.

- Tôi thấy ông bạn của cô, có vẻ

mèo mù vớ cá rán lắm khi được quen với cô mà tôi không cất nghĩa được tại sao. Cuộc mạo hiểm ở nhà Bá tước Montigny thật là xuất chúng. Hay lắm!

- Được ông khen, tôi rất lấy làm hân hạnh!

- Cô làm tôi tốn bốn tiền đấy cô Tracy ạ.

- Tập quen đi là vừa.

Jeff lắc lắc ly rượu trên tay, hỏi:

- Giáo sư Zuckerman muốn cái gì?

- Ủa, ông quen ông ta sao?

- Có thể nói vậy.

- Ông ta... ơ... chỉ muốn mời tôi ly rượu.

- Và kể cho cô nghe chuyện kho tàng dưới đáy biển?

Tracy bỗng thấy cần đề cao cảnh giác. Nàng gần giọng:

- Tại sao ông biết?

Phen này đến phen Jeff ngạc nhiên:

- Cô định bảo là cô đã thám lố nhĩ chuyện của ông ta? Kiểu lường gạt đó xưa như trái đất.

- Nhưng không phải là lần này.

- Té ra là cô tin?

- Tôi không muốn nói nhiều về chuyện này nhưng ông ta có tin tức tay trong.

Jeff lắc đầu như không tin vào tai mình:

- Tracy, ông ta định lừa cô. Ông ta đòi cô bao nhiêu tiền đầu tư trong việc tìm kiếm kho tàng?

- Không quan hệ đến ông. Tiền và công việc làm ăn là của tôi.

- Được rồi. Nhưng có bị lừa thì đừng trách là ông bạn già Jeff này không báo trước đấy nhé!

- Chớ không phải ông định đầu tư trước tôi mà không được?

Jeff giơ tay lên trời, vẻ thất vọng:

- Trời ơi! Sao lúc nào cô cũng nghi ngờ thiện chí của tôi hết vậy?

- Giản dị thôi. Tại tôi không tin ông. Người đàn bà đi với ông là ai vậy?

Tracy buột miệng hỏi, không kịp suy nghĩ.

- Suzanne, một người bạn.

- Giàu, phải không?

Jeff nhếch mép cười ngạo nghễ:

- Thì cô ta cũng có chút ít tiền. Nếu cô thích đi ăn trưa với chúng tôi ngày mai trên du thuyền...

- Thôi, cảm ơn. Tôi không muốn phá đám. Ông định dụ bán cho cô bạn cái gì đó?

- Đó là việc riêng.

- Thì tôi cũng nghĩ vậy.

Tracy thấy giọng mình có vẻ cay đắng. Nàng ngấm hần qua ly rượu. Phải nói trông hắn thật quyến rũ với gương mặt sáng sủa, đường nét hài hoà, đôi mắt xanh biếc với hai hàng lông mi dài rậm cùng trái tim của một con rắn. Nàng gọt chuyện:

- Có bao giờ ông nghĩ đến chuyện làm ăn hợp pháp hay không? Tôi nghĩ ông sẽ rất thành công trong lãnh vực này.

Jeff hơi sững sốt khi nghe hỏi:

- Cái gì? Bỏ hết à? Cô có đùa không?

- Ông lúc nào cũng thích là tay đại bịp sao?

- Đại bịp? Tôi chỉ là người điều khiển mà thôi.

- Tại sao ông lại trở thành người... ơ... điều khiển?

- Tôi bỏ nhà đi bụi đời năm 14 tuổi và gia nhập một đoàn xiếc.

- 14 tuổi?

Lần đầu tiên Tracy được nghe những lời thật của Jeff.

- Ở đó tôi học được cách sống còn. Khi chiến tranh Việt Nam xảy ra, tôi gia nhập đạo binh mũ xanh và quân đội đã dạy tôi nhiều điều. Phần lớn kiến thức tôi thu thập là ở cuộc chiến tranh này. Đó là trò lừa bịp lớn hơn hết thảy... - Jeff bỗng đổi đề tài - Cô có thích pelota không?

- Nếu ông bán thì không, cảm ơn ông.

- Đó là một trò chơi. Tôi có hai vé nhưng ngày mai Suzanne không đi được. Cô có muốn đi không?

Tracy thấy mình gật đầu ưng thuận.

Họ đi ăn tối ở một tiệm ăn nhỏ. Món vịt quay dùng với rượu địa phương thật là tuyệt. Cả hai thảo luận về chính trị, du lịch, sách vở và Tracy

ngạc nhiên thấy Jeff có kiến thức rất rộng. Hắn thành thật nói:

- Khi cô ra ngoài xã hội với 14 tuổi đời, cô phải học thật nhanh. Trước nhất phải hiểu động lực nào thúc đẩy cô, sau đó tìm hiểu động lực nào thúc đẩy người khác. Chuyện lường gạt giống như trò Ju Jitsu. Trong Ju Jitsu mình dùng sức mạnh của đối thủ để thắng. Trong việc lường gạt, mình dùng sự tham lam của người khác. Mình chỉ khơi mào thôi, phần còn lại tự họ điều khiển.

Tracy mỉm cười. Nàng không hiểu sao hắn và nàng có những ý nghĩ giống hệt nhau. Nàng thích gần gũi hắn nhưng cũng biết chắc chắn rằng nếu có dịp thì hắn chẳng ngần ngại gì mà không bán đứng nàng nên luôn luôn đề cao cảnh giác.

Trận đấu pelota diễn ra ở một bãi cỏ ngoài trời rộng cỡ sân chơi football. Khi Tracy và Jeff đến thì chung quanh sân đã đông nghịt những người.

Đội viên của mỗi đội thay phiên nhau ném những trái banh vào tường và bắt những trái banh dội ra bằng những giỏ dài kết dính vào cánh tay họ. Trò chơi này đòi hỏi sự nhanh nhẹn và rất nguy hiểm. Khi một đội viên bắt hụt một trái banh thì khán giả la ó lên.

Trong lúc trọng tài tính điểm thì trên hàng ghế khán giả mỗi lúc một đông hơn. Cuộc đua càng lúc càng gay cấn khiến thần kinh ai nấy đều căng thẳng, tiếng la hét vang rền. Tracy không biết mình đứng sát Jeff từ lúc nào mà coi bộ hắn không để ý.

- Coi nguy hiểm quá! Tracy chắc lười.

- Thừa bà Hầu tước, mấy trái banh được ném đi với vận tốc 150 cây số giờ. Nếu trúng đầu ai là người đó chết liền!

Jeff vừa nói vừa vỗ nhẹ lên cánh tay nàng trong khi mắt vẫn hướng về mấy trái banh.

Những đội viên nhà nghề biểu diễn bắt banh thật thiện nghệ và đẹp mắt. Nhưng giữa trò chơi, thỉnh thoảng một đội viên trượt chân, bắt hụt trái

banh trong khi nó lao thẳng về phía băng ghế có Jeff và Tracy đang ngồi. Khán giả hốt hoảng la ó và nằm hụp xuống sàn nhà. Jeff chụp vội vai Tracy, đẩy nàng nằm xuống, hắn nằm che lên trên. Họ nghe tiếng gió của trái banh lướt qua và đụng vào vách tường. Tracy nằm dưới đất, cảm thấy thân thể rắn chắc của Jeff đang phủ lên người nàng. Mặt hắn kề sát mặt nàng.

Jeff ôm Tracy một phút mới đứng dậy và kéo nàng đứng lên. Cả hai bỗng thấy thẹn thùng. Tracy áp ứng:

- Tôi... tôi nghĩ buổi tối hôm nay như vậy là đủ. Xin ông đưa tôi trở về khách sạn.

Họ chia tay nhau ở hành lang khách sạn. Tracy nói thật lòng:

- Buổi tối nay thật là vui.

- Tracy, cô không thật sự muốn nhúng tay vào trò tìm kiếm kho tàng đấy chứ?

- Tôi vẫn không bỏ ý định.

Jeff nhìn sâu vào mắt nàng:

- Cô cứ nghĩ là tôi muốn tranh kho tàng này với cô sao?

- Chớ bộ không đúng à?

- Chúc cô may mắn.

- Chúc anh ngủ ngon.

Tracy nhìn hắn đi khuất khỏi khách sạn. Có lẽ hắn đi kiếm Suzanne. Tội nghiệp người đàn bà! Nhân viên khách sạn đưa nàng mẫu giấy nhắn của giáo sư Zukerman.

Adolf Zukerman gặp khó khăn rồi. Ông ta đang ngồi trong văn phòng lão Armand Grangier và sợ hãi đến nổi sồn dái lúc nào không biết.

Grangier làm chủ một sòng bài bất hợp pháp trong một biệt thự sang trọng ở số 123 rue de Frias. Đối với Grangier thì dù sòng bài của thị xã đóng hay mở, sòng bài của lão lúc nào cũng tấp nập khách giàu xụ từ bốn phương đổ về. Không giống như những sòng bài bị chính phủ kiểm soát, số tiền ăn thua có giới hạn; nơi sòng bài của Grangier, số tiền đặt bao nhiêu cũng được. Khách hàng của lão là những ông vua đầu hỏa Á Rập, những nhà quý tộc Anh-lê, những thương gia Á đông hoặc các lãnh tụ

Phi châu. Tiếp viên gồm những cô gái trẻ đẹp mặc váy ngắn cũn cỡn, bưng các khay rượu mời khách. Ở đây rượu được uống không. Grangier rất biết tâm lý nhà giàu, là càng có tiền thì càng thích nhận những gì không phải trả tiền, vì vậy lão cho uống thả cửa. Thả con săn sắt bắt con cá rô, lão sẽ thu tiền lại bằng những bánh xe roulette và những lá bài thủ đoạn.

Hội quán lúc nào cũng đầy những thiếu nữ trẻ đẹp sánh vai các anh già nhiều tiền, nhưng chẳng chóng thì chầy, các cô thế nào cũng sẽ tìm đến gã. Grangier dánh dấp nhỏ thó nhưng khuôn mặt tương đối dễ coi, đôi lông mày nâu đậm, cặp môi ướt dâm dục và ánh mắt như lột trần người đối diện.

Grangier rất có thể lực với xã hội đen và cả cảnh sát để giữ vững sòng bài. Lão tiến thân từ một thằng bán vé cho đến cần sa, cuối cùng leo lên nắm được một vương quốc nhỏ ở sòng bài. Những địch thủ coi thường dánh dấp nhỏ bé của lão đều phải bạt ngựa khi thấy mình lâm.

Bây giờ Adolf Zuckerman đang bị lão Armand Grangier sát xà bông.

- Ông kể cho tôi nghe chuyện bà Hầu tước và kho tàng dưới đáy biển.

Nghe giọng nói cực kỳ giận dữ, Zuckerman biết là có việc lôi thôi đây. Ông ta nuốt nước miếng một cách khó khăn:

- Dạ, bà ta là một goá phụ giàu có, bằng lòng bỏ ra một trăm ngàn đồng để đầu tư việc tìm kho tàng. - Giọng Zuckerman bắt đầu tự tin - Tôi định khi nào mình cầm được tiền rồi thì sẽ cho bà ta biết là chiếc tàu mướn gặp tai nạn và chúng ta cần thêm năm chục ngàn đồng nữa. Sau đó lại thêm một trăm ngàn và cứ thế, mình cứ theo kế hoạch cũ mà thi hành...

Thấy vẻ bất bình trên gương mặt Grangier, Zuckerman áp ứng hỏi:

- Có... có chuyện gì trục trặc hả xếp?

Grangier mặt lạnh như tiền:

- Hừm! Trục trặc hả? Một thằng đàn em ở Paris vừa điện thoại cho biết chính nó làm passport giả cho bà Hầu tước của ông. Tên thật của cô ả là

Tracy Whitney, người Mỹ.

Zuckerman thấy mồm miệng mình khô đắng. Ông ta liếm môi một cách khó khăn.

- Bà ta... bà ta... có vẻ muốn... đâu tư đó xếp.

- Đầu tư cái cục cứt! Cô ả là tay đại bịp. Ông định lường gạt một kẻ đã nổi tiếng là vua lường gạt.

- Thế cô ta ưng thuận làm chi? Cô ta có thể từ chối kia mà?

Giọng lão Grangier lạnh lẽo một cách đáng sợ:

- Tôi cũng không biết lý do, nhưng tôi sẽ điều tra cho ra. Sau đó tôi sẽ cho cô ả tha hồ lợi dưới biển. Không ai được quyền giỡn mặt Armand Grangier! Bây giờ ông bốc điện thoại gọi cô ả, nói là một người bạn muốn bỏ ra nửa số tiền. Chính tôi sẽ đi gặp cô ả. Ông liệu có làm được không?

- Được chứ xếp, xếp khỏi lo!

Grangier nhấn mạnh từng chữ:

hoang mang

*Có phải tôi là con ốc nhỏ
Đắm chìm trong bãi cát mộng mênh
Nghe biển mặn lườn trong gió
Và lắng triều dâng, sóng vỗ ghềnh.*

*Có phải tôi là một cánh chim?
Gặp cơn bão tố tách xa miền
Ngơ ngơ mắt dõi khung trời lạ
Tổ ấm phương nao? Dáo dác tìm!*

*Có phải tôi là chiếc lá thu?
Tiêu sơ rừng vắng cõi sa mù
Tuyết sương thấm đọng thêm tàn úa
Rơi rụng âm thầm mỗi độ thu.*

*Có phải tôi là một dải mây?
Từ phương Đông lạc tới phương Đoài
Lang thang tám hướng trời vô định
Mây trắng muôn đời mây trắng bay.*

*Có phải tôi là... không phải tôi?
Chỉ là hạt bụi, nhỏ nhoi thôi
Trục xoay xoay tít vòng hư ảo
Cát bụi làm sao khỏi nổi trôi?*

vân nương

- Lo chứ! Tôi lo rất nhiều về số phận của ông đó, giáo sư!

Armand Grangier không thích chuyện mờ ám. Trò lường gạt về kho tàng dưới đáy biển đã có hàng trăm năm nay mà những người ngu xuẩn vẫn cứ tin vào. Nhưng khó thể một tay đại bịp cỡ Tracy lại tin như vậy. Đây là điều mà lão phải khám phá cho rõ trắng đen. Khi có câu trả lời rồi thì cô ả sẽ được chuyển cho Bruno Vincente. Tay này thích đùa giỡn nạn nhân theo kiểu mèo vờn chuột trước khi thủ tiêu họ.

Armand Grangier bước xuống chiếc limousine đậu trước hành lang dẫn vào Hotel du Palais. Ông ta tiến lại quầy, nói với bà Jules Bergarac tóc bạc trắng làm việc ở đây từ lúc còn là cô bé 13 tuổi:

- Phòng của bà Hầu tước Marguerite de Chantilly số mấy?

Điều luật nghiêm nhặt của khách sạn là không được cho biết số phòng của khách nhưng với Grangier thì khác.

- Thưa ông Grangier, số 32.



- Cảm ơn.

- và số 31.

Grangier dừng lại:

- Hả?

- Bà Hầu tước muốn hai phòng dính liền nhau.

- Ừa vậy hả? Để ai ở?

- Dạ không ai ở cả.

- Không ai ở? Bà có chắc không?

- Dạ chắc. Bả khoá kỹ cửa phòng và ra lệnh cho bồi không được vô quét dọn.

Lão Grangier ra về bối rối:

- Bà có chìa khoá phòng đó không?

Không do dự, bà lão đưa ngay chìa khoá và nhìn theo Grangier đi khuất vào thang máy. Ở đây không ai dám cãi lệnh lão già này.

Khi Grangier tiến đến phòng của bà Hầu tước thì thấy cửa chỉ khép hờ. Lão vừa đẩy cửa bước vào vừa lên tiếng:

- Có ai ở nhà không?

Một phụ nữ ở phòng bên cạnh lên tiếng, giọng lạnh lùng:

- Tôi đang trong nhà tắm, sẽ ra ngay. Xin mời khách cứ tự nhiên.

Grangier đi vòng vòng trong phòng. Khung cảnh nơi đây quá quen thuộc vì lão vẫn thường lấy phòng trong khách sạn này cho bạn lão. Ló đầu vào phòng ngủ, lão thấy nữ trang đắt tiền bỏ bừa bãi trên bàn ngủ. Giọng nói lại vẳng lên từ nhà tắm:

- Chờ thêm một chút nữa nhé!

- Xin bà Hầu tước cứ thông thả.

"Hầu tước cái con ẹ! Để coi mày giở trò gì rồi tao sẽ cho mày ném mùi!" Grangier tiến lại cánh cửa nối liền phòng bên cạnh. Cửa khoá. Lão lấy chìa mở và bước vào. Căn phòng có mùi bụi. Bà thư ký nói không có ai ở đây, thế cô ả muốn để làm gì? Mất lão dừng lại những vật nằm ở góc phòng. Một sợi dây điện đen thui gắn vào ổ điện kéo dài đến tủ quần áo. Cửa tủ chỉ mở hé đủ cho sợi dây. Tò mò, lão bước lại và mở toang cửa tủ ra. Có mấy dây phơi đồ đang treo vài tờ trăm đô-la còn ướt. Một cái máy để trong góc được phủ vải cẩn thận. Lão giở mảnh vải ra: một cái máy in tiền với những tờ giấy trăm đô-la còn ướt

mực nằm yên trên đó. Kế bên máy là một chồng giấy trắng có kích thước những tờ giấy bạc. Một xấp giấy trăm đô-la chưa được cắt rời ra, nằm vương vãi trên sàn.

Một giọng nói giận dữ vang lên sau lưng lão:

- Ông định làm gì vậy?

Grangier quay phắt lại. Tracy Whitney tóc ướt đầm, thân mình quấn một tấm khăn lông lớn vừa bước vào.

Armand Grangier nhẹ nhàng:

- Tiền giả! Cô định trả chúng tôi bằng tiền giả!

Lão quan sát kỹ gương mặt cô gái xem cô ta phản ứng thế nào. Chối tội, giận dữ hay thách thức.

Tracy thú nhận:

- Được rồi! Chuyện không có gì quan trọng vì không ai có thể phân biệt đây là tiền thật hay giả.

"Đồ bịp!", Grangier thích thú khi thấy mình sắp hủy diệt con mồi.

mùa xuân gọi

Một mùa xuân năm nào hai đứa
Bên hiên ngắm hoa đào rơi
Cành táo ngọt rung rinh bật khóc
Mưa bụi bay, mây tím một khoảng trời.

Rồi lặng lẽ bước xuống thuyền, xa xứ
Để sau lưng xác hoa rụng, và em
Tôi vô định như mây trời lữ thứ
Chẳng dám nhìn cành táo chín bên hiên.

Buổi chiều nay chợt nghe xuân gọi
Trên biển xanh và đỉnh núi bạc đầu
Chua xót lắm, cũng mùa xuân nhiệt đới
Mà hai màu xanh - trắng khác xa nhau.

Xuân giục già mấy lần rồi, ai biết
Cõi sầu riêng chìm giữa nỗi đau chung.
Súng vẫn nổ, khói cay còn mù mịt
Tiếng xuân kêu vắng vắng giữa khốn cùng.

Hoa đào nở có còn em đứng ngắm?
Theo gió xuân từng cánh rụng tả tơi
Cành táo ngọt rung rinh bên thềm vắng
Có còn đâu? Xa là hết, xuân ơi!

lê văn thịnh

- Tiền này có giá trị như vàng.

- Thật sao? - Grangier giọng nghi ngờ, rút một tờ giấy bạc còn ướt treo trên dây và ngắm nghía. Lão lật qua lật lại xem xét cẩn thận - Giống lắm, y như thật. Ai đổ khuôn đúc này vậy?

- Chuyện đó đâu cần thiết. Xem này, tôi có thể có một trăm ngàn đồng vào thứ sáu tới.

Grangier nhìn nàng trân trối, vẻ bối rối rồi phá lên cười:

- Chúa ơi, cô thật là ngu xuẩn! Không có kho tàng gì ráo!

Tracy mở to mắt ngạc nhiên:

- Ông nói gì? Không có kho tàng? Giáo sư Zuckerman nói với tôi...

- Và cô tin ở ông ta? Thật là xấu hổ cho bà Hầu tước! - Lão ngắm nghía những tờ giấy bạc rồi nói - Để tôi lấy một ít.

Tracy nhún vai:

- Ông muốn lấy bao nhiêu tùy ý.

Lão già quơ một nắm mấy tờ một trăm rồi hỏi:

- Làm sao cô chắc chắn là đám bồi phòng không vào đây?

- Tôi chỉ đẹp để họ khỏi tò mò. Khi nào ra ngoài thì tôi khoá cửa tủ

lại.

"Con nhỏ này gan thiệt! Nhưng không thể để nó sống lâu được!" Lão thầm nghĩ rồi ra lệnh:

- Đứng đi đâu cả! Tôi có người bạn muốn gặp cô.

Armand Grangier có ý định nạp cô gái cho Bruno Vincente ngay tức khắc nhưng có một cái gì đó ngăn lại. Lão lật qua lật lại tờ giấy bạc, xem xét kỹ một lần nữa. Lão đã từng xài bạc giả nhưng chưa lần nào thấy bạc giả giống bạc thật đến như lần này. Ai đó đúc khuôn in thật là tài. Đường nét rõ, sắc và mặc dù còn ướt nhưng màu sắc và hình Tổng thống Benjamin Franklin trông y chang. Con chó đẻ này nói đúng, khó mà phân biệt được tờ giấy bạc nào là thật, tờ nào là giả. Lão nghĩ thầm, khoan nói với Bruno Vincente biết vội.

Buổi sáng hôm sau, Armand Grangier đưa cho Zuckerman một nắm giấy trăm đô-la và bảo:

- Đi tới ngân hàng đổi lấy tiền franc cho tôi.

- Dạ, xep.

Grangier nhìn Zuckerman vội vã đi ra. Đây cũng là cách trừng phạt sự ngu ngốc của ông ta. Nếu bị bắt, chẳng đời nào ông ta dám khai lấy số tiền giả đó ở đâu ra nếu muốn còn cái đầu để đội nón. Còn nếu ông ta tiêu thụ được số bạc giả này thì... lão già có vẻ nghĩ ngợi.

Mười lăm phút sau Zuckerman trở lại, đưa số phạt lăng tương đương ra:

- Xếp còn cần tôi làm gì không?

Grangier nhìn xấp tiền quan pháp, hỏi:

- Ông có bị rắc rối gì không?

- Rắc rối? Không. Tại sao?

- Tôi muốn ông đi trở lại nhà băng và nói với họ rằng....

Adolf Zuckerman bước vào hành lang của Banque de France, tiến đến bàn ông giám đốc. Bây giờ Zuckerman mới ý thức được sự nguy hiểm đang chờ đón ông nhưng không có chọn lựa nào khác.

Ông giám đốc ngẩng đầu lên, hỏi:

- Thưa, ông cần gì?



Zuckerman cố giữ bình tĩnh:

- Thưa ông, tối hôm qua tôi chơi đánh bài với mấy người Mỹ ở quán rượu...

Ông ta ngừng nói. Ông giám đốc gật gù thông cảm:

- Và ông thua sạch túi nên bây giờ muốn đi vay ngân hàng một ít tiền?

- Dạ không. Chuyện như thế này. Tôi ăn bạc nhưng mấy người đàn ông đó coi bộ không được lương thiện lắm. - Zuckerman rút trong túi ra hai tờ giấy bạc một trăm đô-la - Họ trả tôi bằng thứ tiền này, nhưng tôi sợ đó là... bạc giả.

Zuckerman như muốn nín thở khi ông giám đốc nhà băng chồm người tới trước cầm hai tờ giấy bạc ngắm nghía. Ông ta xem xét thật cẩn thận, giơ lên ánh sáng nhìn kỹ, rồi nhìn Zuckerman mỉm cười:

- Ông thật may mắn. Mấy tờ này là bạc thật.

Zuckerman thở mạnh như trút được gánh nặng. Cảm ơn Chúa. Mọi việc rồi cũng đâu vào đó.

- Không có vấn đề gì cả xếp ạ. Ông giám đốc nói đó là bạc thật.

Thật không thể tưởng tượng! Armand Grangier ngồi im trên ghế suy nghĩ:

- Ông đi kiểm bà Hầu tước cho tôi.

Tracy ngồi đối diện Armand Grangier trong văn phòng của lão. Grangier mở đầu câu chuyện:

- Tôi với cô hợp tác làm ăn.

Tracy đứng dậy định bỏ đi:

- Tôi không cần người hợp tác.

- Ngồi xuống!

Tracy nhìn vào mặt ông ta và từ từ ngồi xuống.

- Biarritz là thành phố của tôi. Cô thử xài một tờ trong số tiền giả mà cô in ra thì cô sẽ bị tóm cổ ngay tức khắc để chờ đợi hình phạt xảy đến. Một cô gái đẹp như cô mà ngồi tù thì uổng quá! Cô không thể cự cựa gì được nếu không có tôi trợ giúp.

- Thì ra tôi phải mua sự bảo vệ của ông?

- Sai. Cái cô mua ở tôi là mạng sống của cô đó.

Tracy tin lão nói thật.

- Bây giờ cô hãy nói cho tôi biết cô mua máy in bạc ở đâu?

Tracy lưỡng lự và Grangier thích thú khi vờn mồi. Lão quan sát từng cử chỉ nhỏ nhất của nàng. Tracy trả lời, giọng miễn cưỡng:

- Tôi mua qua một người Mỹ ở Thụy Điển. Ông ta là thợ đúc khuôn in bạc cho ngân khố Hoa kỳ trong 25 năm. Khi về hưu, ông ta bị trục trặc về vấn đề hưu bổng sao đó với chính phủ nên không nhận được tiền già. Ông tức giận thấy mình như bị lường gạt nên quyết định làm cho lợi gan bằng cách lên mua một số khuôn in giấy bạc một trăm đô từ mấy người bạn. Mấy khuôn này đã cũ, đáng lẽ bị hủy bỏ nhưng họ bán rẻ cho ông với lý do để làm kỷ niệm. Ông xin bạn bè một ít giấy trắng mà nha Ngân khố dùng để in bạc...

"Thì ra vậy!", Grangier thở ra khoan khoái. Hèn chi mà tờ giấy bạc giống y như thật! Lão cảm thấy hứng khởi:

- Máy in một ngày được bao nhiêu?

- Một tiếng đồng hồ được một tờ. Phải in cả hai mặt nên...

Grangier ngắt lời:

- Có máy in nào lớn hơn và nhanh hơn không?

- Dạ có. Có máy in năm chục tờ trong vòng 8 tiếng đồng hồ, năm ngàn đô-la một ngày, nhưng giá cỡ nửa triệu bạc.

- Vậy thì mua đi. Lão Grangier ra lệnh.

- Nhưng tôi không đủ tiền.

- Tôi có. Chẳng nào đặt mua được?

Tracy miễn cưỡng:

- Bây giờ cũng được nhưng tôi không...

Grangier bốc điện thoại lên:

- Louis, tôi cần năm trăm ngàn đô-la. Lấy hết trong tủ sắt ra, nếu thiếu thì lại ngân hàng. Dem tới văn phòng tôi lập tức.

Tracy có vẻ bồn chồn:

- Tốt hơn tôi nên đi và...

- Cô không được đi đâu cả.

- Tôi thật sự phải...

- Cứ ngồi yên đó. Để tôi suy nghĩ.

Lão có nhiều người hùn hạp làm ăn. Lão sẽ mua máy in lớn hơn để in riêng cho lão và dùng tiền in ra trả lại trong tương mục của sông bài. Sau đó lão sẽ báo cho Bruno Vincent bắt con mẹ này. Cô ả không thích hợp tác. Lão cũng vậy.

Hai tiếng đồng hồ sau, tiền được chở đến trong những bao bố. Grangier nói với Tracy:

- Cô nên trả phòng ở khách sạn Palais đi. Tôi có căn nhà trên đồi rất kín đáo. Cô sẽ ở đó cho đến khi công việc hoàn tất. - Lão đẩy điện thoại về phía nàng - Cô gọi điện thoại cho người bạn ở Thụy Điển và đặt mua máy ngay đi.

- Dạ, tôi để số phôn của ông ấy đăng khách sạn. Để tôi về đó gọi. Cho tôi địa chỉ căn nhà của ông và bảo ông ta gửi thẳng máy về đó rồi...

- Không. - Lão già gầm lên - Tôi không muốn để lại dấu vết. Dích thân tôi sẽ nhận hàng tại phi trường. Chuyện này mình sẽ bàn kỹ vào bữa ăn tối nay. Hẹn gặp lại cô lúc 8 giờ tối.

Đó là dấu hiệu chấm dứt cuộc đối thoại. Tracy đứng lên. Grangier hát hăm về mấy bao bố dưới đất:

- Nhớ cẩn thận tiền bạc. Tôi không muốn bất cứ chuyện gì lôi thôi xảy ra cho nó hay cô.

- Không có gì đâu. Tracy trấn an.

Lão ta miễn cưỡng mỉm cười:

- Tôi biết. Tôi sẽ nhờ Giáo sư Zuckerman đưa cô về khách sạn.

Hai người ngồi im trong chiếc limousine giữa những bao bố tiền, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ. Zuckerman không hiểu chuyện gì xảy ra nhưng có vẻ tốt đẹp. Người đàn bà này là chìa khoá vàng, lão Grangier đã dặn dò ông phải coi chừng cô ta và ông nhất định sẽ lập công.

Tối hôm đó Armand Grangier yêu đời ra mặt. Chắc giờ này vụ mua máy in đã xong. Cô ả nói máy có thể in được năm ngàn đô-la một ngày nhưng lão có kế hoạch khác. Lão sẽ cho máy

làm việc 24 tiếng đồng hồ một ngày. Như vậy lão sẽ có mười lăm ngàn đô-la một ngày, một trăm ngàn đồng một tuần, mười tuần là một triệu. Đó mới là con số khởi đầu. Tối nay lão sẽ điều tra cho ra người thợ làm khuôn đúc để lão mua thêm máy. Kho tàng sẽ không có giới hạn.

Đúng 8 giờ tối, chiếc limousine của Grangier chạy thẳng đến khách sạn Palais. Lão bước xuống, đi vào hành lang, hài lòng khi thấy Zuckerman vẫn ngồi gần cửa ra vào để quan sát. Lão tiến đến quầy khách sạn:

- Jules, báo cho bà Hầu tước Marguerite de Chantigny là tôi đã đến. Mời bà ấy xuống ngay.

Bà thư ký nhìn ông ta:

- Nhưng bà Hầu tước đã trả phòng và đi rồi, thưa ông Grangier.

- Bà lầm rồi. Gọi điện thoại đi.

Bà Jules Bergerac có vẻ ngạc nhiên. Đâu ai dám giỡn mặt với lão này:

- Dạ chính tôi đã ký giấy trả phòng với bà ấy.

- Hồi nào?

- Mới vài giờ đồng hồ. Bà ấy về khách sạn được một chút thì kêu tôi mang hết phiếu tính tiền lên phòng để bà thanh toán bằng tiền mặt.

Trí óc Armand Grangier hoạt động dữ dội:

- Tiền mặt? Bằng tiền quan pháp?

- Dạ đúng vậy.

Giọng lão già bắt đầu lạc hẳn đi:

- Bà ta có lấy hết hành lý trong phòng đi không? Hành lý hay thùng giấy gì đó?

- Dạ không. Bà nói sẽ cho người đến lấy hành lý sau.

"Có lẽ cô ả cầm tiền đi Thụy Điển mua máy để kiếm chác thêm chút đỉnh". Grangier ra lệnh bà thư ký dẫn lão lên phòng Tracy xem xét. Bà thư ký chụp vội xâu chìa khoá, lúp xúp chạy theo lão vào thang máy.

Đi ngang chỗ Zuckerman đang ngồi nhìn chăm bẵm khách ra vào, Grangier đưa cặp mắt sắc như dao, nói:

- Ông còn ngồi đây làm gì, thằng khùng? Cô ả đi mất rồi!

Zuckerman nhìn lão, mặt mày ngơ ngác như không hiểu gì cả!

- Làm sao cô ta đi được? Cổ chưa bước chân xuống tới đây mà. Tôi canh cổ từng bước.

- Canh từng bước! - Grangier mai mỉa - Bây giờ ông có canh một y tá, một bà lão tóc bạc hay một cô bồi phòng đi ngang đây không?

Zuckerman càng không hiểu:

- Tại sao tôi lại phải canh tất cả những người đó?

- Trở về sòng bài đi. Tôi sẽ tính với ông sau.

Căn phòng trông vẫn y nguyên như lúc Grangier bước vô lần trước. Cánh cửa nối liền hai phòng ngủ đã mở. Grangier vội vã đi lại tủ áo, mở tung ra. Máy in bạc vẫn còn đây. Cám ơn Chúa. Cô ả vội vã đi nên quên đem theo máy để ra vàng này. Cô ả đã gạt lão lấy năm trăm ngàn thì lão sẽ tìm cách lấy lại và bắt cô ả đền tội. Lão sẽ giúp cảnh sát truy lùng tông tích cô ta để tống cô ta vào tù. Sau đó đàn em lão sẽ bắt cô ả phải cung khai tên tuổi người thợ đúc khuôn bạc và cuối cùng là cho cô ả vĩnh viễn cầm mõm.

Armand Grangier quay số bộ Tư lệnh Cảnh sát, xin gặp Thám tử Dumont và hẹn gặp ở khách sạn.

Mười lăm phút sau, Thám tử Dumont đến cùng với một người đàn ông nhỏ con, xấu trai và đôi kính cận dày cộm. Thám tử Dumont giới thiệu:

- Đây là ông Daniel Cooper. Ông Grangier, ông Cooper có vẻ quan tâm đến người đàn bà mà ông nói với tôi qua điện thoại.

Cooper mở miệng:

- Ông cho biết cô ta dính líu đến việc in bạc giả?

- Đúng vậy. Hiện thời cô ả đang trên đường đi Thụy Điển. Các ông có thể chặn bắt cô ả ở biên giới. Tôi có đủ bằng chứng trình bày cho các ông thấy...

Lão vừa nói vừa dẫn hai người đàn ông đến trước tủ áo, mở cửa:

- Đây là máy cô ta dùng để in tiền.

Daniel Cooper tiến lại gần máy, quan sát. Anh chàng ngẩng lên, hỏi bằng giọng sừng sốt:

- Cô ta in tiền bằng máy này?

- Thì tôi nói với ông rồi - Grangier có vẻ nóng nảy. Lão lấy trong túi ra tờ giấy bạc một trăm đưa cho hai người xem - Coi đây! Đó là tờ bạc giả cô ta in và đưa cho tôi.

Cooper cầm tờ tiền bước đến cửa sổ, đưa ra ngoài sáng xem xét:

- Đây là tiền thật.

- Nó chỉ giống như thật thôi. Bởi vì cô ta dùng khuôn cũ mua được từ một người thợ làm khuôn ở Tổng nha Ngân khố Hoa kỳ. Cô ta đã in tiền bằng máy này.

Cooper nói, giọng thô lỗ:

- Ông ngu quá! Đây là một máy in thường, chỉ in được những ấn chỉ văn phòng như giấy viết thư mà thôi.

"Giấy viết thư"! Mọi vật trong phòng đều đảo lộn.

- Làm sao mà ông lại tin là một cái máy như vậy có thể in được tờ giấy trăm đô-la hả?

- Tôi thấy tận mắt ...

Grangier nói tới đó thì ngưng bật. Lão đã trông thấy gì? Máy tờ giấy bạc ướt treo trong tủ, một mớ giấy trắng và một máy xén. Thế thôi! Không có tiền giả gì hết, không có ông thợ đúc khuôn. Và Tracy cũng chẳng hề tin câu chuyện kho tàng dưới đáy biển. Con chó để đã tương kế tựu kế gạt lại lão, và gạt tới nửa triệu bạc mới đau! Nếu tiếng đồn lan ra thì...

Hai viên thám tử nhìn lão chờ đợi. Thám tử Dumont hỏi:

- Armand, ông có muốn thưa gửi gì về vụ máy in không?

Lão biết nói sao bây giờ? Làm sao nói đây? Chẳng lẽ khai là lão bị người ta gạt lấy tiền mua máy in bạc giả? Rồi mấy người hùn hạp với lão sẽ có thái độ nào khi biết lão đã lấy ra nửa triệu tiền của công ty đem cúng cho bọn lưu manh. Tự dưng lão thấy mình muốn xỉu. Lão nói, giọng run run sợ hãi:

- Không. Tôi... không muốn thưa kiện gì cả.

"Phi châu", Grangier nghĩ thầm, "Bọn họ sẽ không thể tìm được ta ở Phi châu. Phải chuồn ngay lập tức".

Daniel Cooper thì nghĩ: "Lần sau. Ta sẽ tóm cô ả lần sau".

(còn tiếp)

hoa trôi trên sóng nước

Nguyên tác:
Journey in Search of the Way
(Satomi Myodo)

NGUYỄN PHONG
dịch



(tiếp theo)

Không bút nào có thể diễn tả được cảm giác sung sướng mà tôi đã kinh nghiệm được lúc đó. Cái thế giới đầy phiền muộn vẫn quấy phá tôi từ trước đến nay bỗng dừng thay đổi một cách bất ngờ. Tôi thấy trong người nhẹ nhõm thoải mái như vừa trút được một gánh nặng. Phải chăng tôi đã chứng ngộ? Phải chăng ngộ là như thế? Dĩ nhiên tôi muốn được ấn chứng về kinh nghiệm tâm linh này. Lúc đó vào đầu mùa đông, phải đợi đến cuối xuân mới có khoá nhiếp tâm tại Zuiryujì nhưng tôi không thể chờ đợi lâu như thế được. Tôi vội vã lấy xe lửa đi Maruyama để gặp thiền sư Joten ngay. Ngồi trên xe tôi đã thảo sẵn một bài thơ ngắn trình bày kiến giải của mình với hy vọng sẽ được thiền sư Joten ấn chứng cho. Khi xe lửa đến gần Maruyama, tôi lo lắng tự hỏi không biết thiền sư Joten có chịu tiếp tôi không? Trong khoá nhiếp tâm, người ta có thể xin đặc tham được nhưng hiện nay không phải tuần lễ nhiếp tâm. Phần lớn các thiền sư đều tĩnh tu, không dễ gì có thể gặp các ngài nếu không có hẹn trước. May mắn thay, khi vừa đến trước cửa chùa Zuiryujì, tôi gặp thiền sư Joten đi đâu về, đang chuẩn bị mở cổng

bước vào. Tôi vội vã bước đến:

- Bạch thầy, cách đây hai năm con đã từng tham dự khoá nhiếp tâm với thầy.

Thiền sư Joten nhìn tôi tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Thế ư?

- Đúng thế. Con đã được thầy trao cho công án "Vô" nhưng lúc đó con đã không giải được.

- Thì ra thế, có lẽ bà đã thay đổi nhiều nên tôi không nhận ra...

Tôi vội vã rút bài thơ trong túi ra trao cho thiền sư Joten:

- Bạch thầy, từ đó đến nay con vẫn tiếp tục tham cứu công án và có viết bài thơ này, xin thầy coi qua để thẩm xét trình độ cho con.

Thiền sư Joten nhận bài thơ từ tay tôi, chăm chú đọc rồi gật đầu:

- Khá lắm! Khá lắm! Bà đã đạt được một trình độ khá cao rồi đó nhưng...

- Nhưng làm sao? Con chưa ngộ hay sao?

Thiền sư Joten ngạc nhiên nhìn tôi như không hiểu tôi vừa nói gì. Tôi hỏi dồn:

- Như vậy là thế nào? Phải làm sao mới ngộ được?

Thiền sư Joten im lặng không trả lời. Tôi vội hỏi:

- Con vẫn nghe nói phải cắt bỏ

mọi tư niệm để đạt đến trình độ vô ngã, phải chăng tất cả mọi tư niệm đều là vọng hết?

- Không hẳn thế.

- Thế là sao? Nếu chỉ dẹp bỏ một số tư niệm thì làm sao người ta biết được cái nào cần giữ, cái nào cần bỏ? Làm sao người ta có thể biết được cái nào là chân cái nào là vọng? Làm sao có thể phân biệt được những tư niệm nào là đúng hay sai, thiện hay ác, xấu hay tốt?

Tôi liên tiếp hỏi hết câu này đến câu khác, dường như bao thắc mắc vẫn tích lũy trong tâm tôi từ trước đến nay bỗng được dịp tuôn ra như suối:

- Tại sao người ta cứ phải niệm chữ "Vô" mãi trong tâm, như thế thì được ích gì?

- Điều đó cũng giản dị thôi. Khi muối dưa người ta thường phải nén lên hũ dưa một cái cối đá nặng để đè dưa xuống...

- À con hiểu rồi, khi người ta nhắc cái cối đá nặng đó lên thì bao nhiêu sức mạnh bị đè nén bỗng bật lên một cách bất ngờ chứ gì?

- Phải rồi, như thế đó.

Nói xong thiền sư Joten quay lưng bước vào chùa rồi tiện tay đóng luôn cánh cửa lại như không muốn cho tôi làm phiền ông nữa. Tôi đứng sững trước cánh cửa đã đóng chặt, tự hỏi: Như vậy là sao? Ông có xác nhận trình độ của tôi không? Tại sao ông lại có thái độ kỳ lạ như thế? Tại sao đang nói chuyện với tôi ông lại quay lưng bỏ đi rồi đóng cửa lại như vậy? Rõ ràng ông đã không xác nhận trình độ của tôi nhưng hình như ông cũng không phủ nhận nó, như vậy là thế nào? Không tìm được câu trả lời, tôi đành lủi thủi quay về với một tâm trạng vô cùng hoang mang, chán nản.

Vài hôm sau tôi trở lại Zuiryujì một lần nữa xin đặc tham với thiền sư Joten nhưng người ta đã từ chối lời yêu cầu của tôi một cách lễ phép. Cái cảm giác hân hoan sung sướng vừa đạt được của tôi bỗng dừng tắt ngúm như ngọn đèn trước gió. Niềm an lạc dễ chịu chợt tan rã như mây khói, tôi lại rơi vào trạng thái dằn vặt khó chịu như cũ. Phải chăng tôi lại đi làm

đường một lần nữa? Phải chăng nghiệp của tôi quá nặng, không thể thoát ra được? Tôi thấy mệt mỏi, chán nản về việc theo đuổi sự Chứng Ngộ (Satori) của mình. Tại sao có người chỉ tham dự một khoá nhiếp tâm mà đã chứng ngộ trong khi tôi khổ công suốt mấy năm trường mà kết quả chẳng đến đâu? Tôi đã tìm đủ mọi cách để đạt ngộ mà sao kết quả cứ mịt mù như vậy?

Ít lâu sau tôi được tin thiền sư Joten mở khoá nhiếp tâm tại chùa Zuiganji thuộc tỉnh Matsushima, tôi tìm đến đó xin được đặc tham. Lần này ông chấp thuận lời yêu cầu của tôi nhưng một lần nữa, dù tôi cố gắng thu xếp tư tưởng để trình bày sự hiểu biết của mình thế nào, tôi vẫn không làm sao ăn nói trôi chảy được, dường như vẫn có một cái gì vướng mắc, không thông suốt trong tâm tư tôi.

Chương 7

Thất vọng về việc tham cứu công án không mang lại kết quả như ý muốn, tôi đành tìm đến nhà Hayakawa, một người bạn mà tôi đã quen khi tham dự các khoá lễ tại chùa Honganji. Hayakawa là một phụ nữ bình dân, trình độ học vấn chưa hết bậc tiểu học nhưng khả năng về Phật học lại rất thâm sâu. Trong các buổi đàm luận, bà thường đưa ra nhiều lý luận sâu sắc khiến mọi người phải thán phục. Sở dĩ Hayakawa có một kiến thức rộng rãi như vậy là nhờ sự học hỏi suốt mấy chục năm với giáo sư Shibata Fuguan, một học giả rất nổi tiếng về Phật học lúc đó. Nghe tôi than thở về việc tu hành không kết quả của mình, bà đã an ủi và rủ tôi đến thăm nhà học giả này.

- Tôi nghĩ giáo sư Shibata có thể giúp chị được. Có lẽ chị cần một vị thầy không quá nghiêm khắc như những người mà chị đã gặp.

Giáo sư Shibata sống trong một căn nhà nhỏ tại Toyochira-cho, thuộc ngoại ô thành phố Sapporo. Tuy chỉ là một cư sĩ nhưng ông sống không khác gì một nhà tu. Ông không lập gia đình, ăn chay trường và dành trọn

đời nghiên cứu kinh điển Phật giáo. Mặc dù tuổi đã ngoài bảy mươi lại thêm bệnh suyễn, nói năng khó khăn nhưng ông vẫn vui vẻ tiếp đón chúng tôi. Sau khi nghe tôi kể về trường hợp đi tìm đạo của mình, ông khoan thai nói:

- Bà muốn tìm kiếm con đường giải thoát nhưng tôi thấy hình như bà chưa biết rõ mình phải đi theo con đường nào một cách rõ rệt. Bà sống bằng trực giác nhiều quá, bà cảm thấy cần phải tu, phải đi theo con đường tâm linh, phải làm thế này hay thế khác, mà không thực sự nắm vững mục đích con đường của mình nên cứ trôi giạt từ nơi này đến nơi khác, từ lý thuyết này đến lý thuyết khác, từ thầy này đến thầy nọ...

- Giáo sư nói rất đúng. Tôi biết mình không thể sống một cách phiêu bạc hồ đồ mãi như thế được, đời người thì ngắn mà phiền não lại quá nhiều, tôi muốn tìm kiếm con đường thoát khổ. Xin giáo sư thương tình giúp cho.

Giáo sư Shibata từ tốn lắc đầu:

- Tôi không thể giúp cho bà được, chính bà phải tự giúp bà bằng cách tu học để giải thoát. Tôi chỉ có thể trình bày cho bà thấy con đường mà đức Phật đã chỉ dẫn nhưng bà phải tự cất bước mà đi. Bà nên biết, đạo Phật là một tôn giáo hết sức thực tiễn, đề cao sự giải thoát bằng nỗ lực cá nhân chứ không trông cậy vào một năng lực nào đến từ bên ngoài. Do đó người ta không thể đến với đạo Phật bằng cách trông chờ một đấng nào đó cứu giúp cho hay một tu sĩ nào tu giúp cho mình được mà phải tự cất bước. Muốn thế người ta cần phải học và hiểu những điều đức Phật đã dạy trong kinh chứ không thể tụng kinh mà không hiểu ý được.

Đây là lần đầu tiên tôi nghe có người chủ trương phải học hỏi kinh điển. Các vị thầy tôi gặp trước kia chỉ khuyên tín đồ đọc thật nhiều kinh nhưng không mấy ai giải thích ý nghĩa kinh điển ra sao hoặc nếu có giảng thì họ chỉ cố tình giảng giải theo ý kiến riêng của họ.

Giáo sư Shibata nói tiếp:

- Đọc tụng kinh điển là điều rất hay nếu người ta hiểu được ý nghĩa những câu kinh, còn nếu không thì được lợi ích gì nếu chỉ đọc suông như một con vẹt? Do đó bà phải chú trọng vào vấn đề học nhưng phải học trong tinh thần tự do tuyệt đối, không nên lệ thuộc vào sự giải thích của bất cứ ai. Phải có óc hoài nghi, vừa học vừa phân tích cẩn thận, xem đúng sai như thế nào. Chỉ khi nào thấy đúng hãy tuân theo. Sự tu hành mà thiếu yếu tố học hỏi này để đưa người ta đến lòng cuồng tín, mù quáng, hẹp hòi cố chấp, và như thế là không đúng với giáo lý đề cao việc phát triển trí tuệ của đức Phật.

Tôi rụt rè đặt câu hỏi:

- Thưa giáo sư, phải chăng khi theo Phật giáo, tôi đã không đi lầm đường?

Giáo sư Shibata nhìn tôi một cách ưu ái rồi nói:

- Đạo Phật không phải là một lý thuyết hay một mớ tín điều nhưng là một lối sống vì đức Phật, người khám phá ra những chân lý này, đã minh chứng nó một cách linh động và hùng hồn bằng chính đời sống của ngài. Ngài đã can đảm dứt bỏ địa vị cao sang, quyền quý để quyết tâm tìm đạo giải thoát. Ngài chủ trương không ý lại bất cứ một năng lực bên ngoài, như một đấng nào hay một vị thầy nào, mà chỉ hoàn toàn trông cậy vào khả năng sẵn có của mình. Sau khi chứng ngộ, ngài không nhập Niết Bàn ngay mà còn mang những điều mình biết ra chỉ dẫn để giúp nhân loại giải thoát khỏi những khổ đau hệ lụy của họ. Theo sự hiểu biết của tôi thì đạo Phật chính là con đường giải thoát mà bà vẫn tìm kiếm từ bao lâu nay. Tuy nhiên bà không thể nhắm mắt đi càn mà cần phải nghiên cứu, học hỏi để hiểu cho thật rõ điều đức Phật đã chỉ dẫn vì giáo pháp của ngài bao trùm tất cả mọi ngành, từ khoa học đến triết học, từ văn chương đến nghệ thuật, càng học hỏi người ta càng thấy nó bao la, cao siêu và mầu nhiệm vô cùng.

- Thưa giáo sư, như vậy tôi phải bắt đầu thế nào?

- Bà có thường tụng kinh không?
- Tôi vẫn thường tụng kinh và niệm hồng danh chư Phật.
- Bà có hiểu ý nghĩa của việc tụng niệm không?

Thấy tôi lúng túng ngập ngừng không trả lời, giáo sư Shibata gật đầu cười:

- Phần lớn mọi người đều lúng túng như vậy cả vì tụng niệm là một truyền thống, đến chùa thì tụng kinh. Cha mẹ trước làm thế thì con cháu sau cũng làm theo, nhưng không mấy ai chịu tìm hiểu ý nghĩa của việc tụng niệm. Tụng là đọc, niệm là suy tưởng đến lời dạy của đức Phật để làm phương châm cho đời sống hàng ngày và gieo hạt giống giải thoát vào tâm

thức. Do đó người ta cần phải hiểu thật rõ lời dạy của đức Phật thì mới có ích. Nếu chỉ đọc mà không hiểu gì hết thì chỉ như ca hát vu vơ chứ có ích lợi gì. Khi học cần phải tìm hiểu thật sâu cho đến khi nào sự hiểu biết thật thấu đáo, không còn chút nghi ngờ nào thì mới được. Đối với đạo Phật, đức tin chỉ đến sau khi người ta đã tự mình chứng nghiệm nó bằng chính năng lực bản thân thì đức tin đó mới vững vàng, không thể lay chuyển. Lòng tin đúng với tinh thần Phật giáo không có sự mù quáng, vì càng hiểu thấu đáo nó bao nhiêu, người ta càng thấy lời dạy của đức Phật giản dị và rõ ràng bấy nhiêu. Một khi đã hiểu thật rõ thì đâu thể si mê lầm lạc được

nữa. Một khi đã hiểu thật rõ thì đâu thể hành động khác với lời dạy của chư Phật được. Tóm lại, tụng niệm chính là việc ôn lại những lời dạy bảo này, gieo nó vào tâm thức mình để chuyển hoá tâm và thân. Tụng niệm là phương pháp huân tập tâm thức rất tốt, giúp cho người tụng kiểm chế được thân, khẩu, ý, không để cho nói năng bừa bãi, buông lung theo thói quen nữa và nhờ thế giảm bớt được các nghiệp chướng, tai họa. Theo ý tôi, việc đầu tiên bà nên làm là học hỏi Phật pháp và tôi sẵn sàng giúp bà trong bước đầu này.

Tôi hết sức cảm động trước lời chỉ dẫn đầy ưu ái, chân thành của giáo sư. Từ đó mỗi tuần tôi đều theo Hayakawa đến đây học hỏi. Giáo sư Shibata là người làm việc theo phương pháp khoa học. Ông thu xếp các bài giảng ra từng phần rõ rệt, bắt đầu từ những bộ kinh ngắn dễ hiểu và sau đến các bộ kinh lớn, hàm súc hơn. Sau buổi học, ông đúc kết các bài giảng ra những bài viết ngắn để học sinh có thể mang về nhà tham cứu thêm. Trong mỗi bài viết, ông đều có mục lục tham khảo để học sinh có thể tìm kiếm thêm tài liệu. Cho đến nay tôi chưa thấy ai có phương pháp làm việc quy củ, cẩn thận như ông. Giáo sư thường nói: "Khi xưa tôi đã đi khắp nơi tìm thầy học đạo. Tôi đã trải qua nhiều khó khăn trở ngại, có lúc muốn bỏ cuộc nên rất thông cảm tâm trạng của những người tìm đạo. Tôi chỉ muốn làm sao để người đi sau gặp hoàn cảnh tốt, có thể phấn khởi tu học nên không quản công lao, đúc kết những điều đã thu tập được thành từng bài viết ngắn để những người đến đây học hỏi, nếu không hiểu gì nhiều thì cũng có cái cầm về nhà, sau này có dịp đọc lại biết đâu chẳng hiểu thêm ra".

Giáo sư Shibata không mở những khoá tu mà chỉ dạy riêng từng người hay từng nhóm nhỏ, giới hạn khoảng hai ba người mà thôi. Ông chủ trương "tùy bệnh cho thuốc", tùy tâm trạng mỗi người mà giảng dạy một cách khác nhau. Lúc đầu tôi đến học với ông mỗi tuần một lần, nhưng về sau



tôi đến thường xuyên hơn, hai lần rồi ba lần một tuần, và sau cùng tôi dọn xuống Sapporo để có thể thăm viếng giáo sư hàng ngày. Hayakawa xin cho tôi vào làm công cho một gia đình khá giả gần đó. Công việc quét dọn, lau chùi nhà cửa này không đến nỗi bận rộn nên tôi có thể tham dự các khoá học một cách thường xuyên.

Trong suốt bảy năm liền, tôi đã theo học với giáo sư một cách chuyên cần, nhờ đó mà tôi vỡ lẽ ra được nhiều điều từ trước đến nay tôi không hề để ý đến. Tôi đã đọc nhiều sách vở của Thần Đạo cũng như của các tôn giáo khác nhưng giáo sư Shibata đã dạy cho tôi cách phân biệt lý thuyết nào là của Phật giáo, lý thuyết nào là của Thần Đạo hay của các tôn giáo khác. Ông cho biết: “Truyền thống nước ta (Nhật Bản) kính ngưỡng mọi sự thiêng liêng, từ các đấng thần linh (Kami) đến Bồ tát và Phật. Trên nguyên tắc, chư thần (Kami) thuộc về Thần Đạo (Shinto) trong khi Bồ tát và Phật thuộc về Phật giáo nhưng trải qua hàng ngàn năm, hai truyền thống này đã hợp lại nên rất khó phân biệt. Gần như ngôi chùa nào tại Nhật cũng có đền thờ chư thần (Kami). Đối với người dân thường thì không hề có sự khác biệt giữa các đấng thiêng liêng nhưng trong việc học hỏi, người ta phải biết phân biệt thật rõ giáo lý nào là của đức Phật và điều nào không phải. Thần Đạo tin rằng có một đấng hoá công sáng tạo mọi vật và đấng này cai quản vô số thần linh xuất hiện khắp nơi. Truyền thống Nhật Bản có rất nhiều giai thoại về các đấng thần linh này. Theo thời gian, con số thần linh tiếp tục gia tăng. Lúc đầu chỉ là hòn đá, gốc cổ thụ; về sau vua chúa, tướng sĩ đều được tôn làm thần hết. Điều này thực ra không có gì xấu vì các vị thần chỉ tượng trưng cho những lý tưởng cao thượng tốt lành, nhưng về sau người ta đã hạ thấp nó xuống thành một thứ thần quyền có thể ban phúc, giáng họa rồi lồng vào đó những nghi thức mê tín dị đoan khiến cho con người trở nên nhu nhược, ỷ lại, chỉ biết xin xỏ chứ không biết làm gì khác hơn. Phật giáo không chấp

nhận có một đấng hoá công hay một vị thần linh nào có thể ban phúc, giáng họa mà giải thích mọi vật qua lý duyên khởi. Đây là một đặc điểm để phân biệt Phật giáo với các tôn giáo khác. Phật giáo chủ trương “chư hành vô thường” nghĩa là mọi hiện tượng trong trời đất luôn luôn thay đổi, không bao giờ thường trụ bất biến, có sinh ắt có tử, có thành ắt có hoại. Mọi hiện tượng đều trải qua bốn thời kỳ: phát sinh, tồn tại, thay đổi và tiêu diệt (sinh, trụ, dị, diệt). Con người sinh ra, trưởng thành, già yếu và chết đi. Cây cối cũng có bốn mùa: xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàn. Tuy nhiên có chết đi thì mới lại sinh ra. Cây cối héo úa rụng lá trong mùa đông thì đến mùa xuân lại đâm chồi nảy lộc. Con người có chết đi thì mới lại sinh ra vì chết không phải là hết mà là điều kiện cần thiết để tái sinh. Vì không hiểu lý vô thường, cho rằng mọi vật không thay đổi mà vững bền nên con người mới bám chặt vào những danh lợi phù du, đến khi sự việc thay đổi, không như ý thì họ đau khổ, tạo nghiệp và đọa lạc trong luân hồi sinh tử. Phật giáo chủ trương “chư Pháp vô ngã”, nghĩa là mọi cái mà ta tưởng là có thật đều chỉ là huyễn hoá, do duyên hợp lại mà thôi. Có duyên thì thành, hết duyên thì hoại, cứ thế thành trụ, hoại diệt mãi mãi không ngưng. Ngay thân xác chúng ta cũng do Tứ Đại (đất, nước, gió, lửa) gặp duyên mà hợp thành; khi hết duyên, chúng tan rã thì đâu còn gì nữa, đó là sự chết. Thế nhưng đa số con người cứ chấp vào một cái ngã trường tồn nên mới bị mê vọng chi phối. Vì nghĩ rằng có một cái Ngã nên người ta mới lo tô điểm cho nó bằng các danh xưng, địa vị, đồ ăn thức uống, rồi làm nô lệ cho nó và bị chính sự tương tượng của mình chi phối. Vì có Ngã nên mới nảy sinh ra tham, sân, si rồi tạo nghiệp hay điều kiện trói buộc vào trong sinh tử luân hồi. Đạo Phật chủ trương “Niết Bàn tịch tịnh” nghĩa là chuyển mê khai ngộ, phá cái Ngã chấp kia, diệt cái nhận thức mê lầm thì sẽ thoát khổ. Khi đã thoát khổ thì giải thoát, không bị chi phối bởi luân

hồi, vượt khỏi phiền não, đạt đến giải thoát tuyệt đối hay Niết Bàn”.

Từ khi học hỏi với giáo sư Shibata, tôi bắt đầu sống thoải mái hơn. Phải nói thật, lúc đầu tôi cũng do dự lắm vì thâm tâm tôi vẫn không thích những gì thuộc về lý thuyết trừu tượng. Tánh tôi vẫn không ưa những người ăn nói thật hay nhưng lại hành động khác hẳn; nhưng về sau tôi thấy giáo sư không phải một học giả chỉ chuyên về chữ nghĩa mà còn có một nội tâm hết sức phong phú nữa. Mỗi lời nói của ông đều có một sức mạnh truyền cảm phát xuất từ kinh nghiệm sâu xa do công phu tu tập chứ không hời hợt như những người khác. Giáo sư khuyến chúng tôi tiếp tục đi chùa, tụng kinh, và thực tập thiền quán nhưng phải ý thức thật rõ những điều mình làm, đừng để thói quen chi phối. Nhờ sự hướng dẫn của ông mà tánh tôi bắt đầu thuần ra. Nhờ việc dạy dỗ công phu của ông mà tôi đã hiểu được nhiều điều lợi ích trong kinh điển. Phải nói, nếu không nhờ công ơn dạy dỗ của giáo sư, có lẽ ngày nay tôi vẫn trôi giạt trong những quay cuồng điên đảo không biết ra sao!

Giáo sư cho biết khi còn trẻ ông say mê triết học Tây phương, chịu ảnh hưởng các triết gia Hy Lạp và tận tình nghiên cứu các lý thuyết này nhưng sau nhiều năm học hỏi, ông đi đến chỗ bế tắc. Không như những người khác chấp nhận các lý thuyết một cách dễ dãi và mù quáng, giáo sư thường đặt câu hỏi để đào sâu sự việc và ông không chấp nhận những gì có tính cách bắt người khác phải tin tưởng hay các điều siêu hình viển vông, không thực tế. Thất vọng với triết học Tây phương, ông quay về Á đông, nghiên cứu Ấn Độ giáo, Khổng giáo trước khi chuyển qua Phật giáo. Ông đã tìm được điều ông muốn trong kinh điển của đức Phật và nhờ siêng năng học hỏi mà ông đã mở được con mắt Tâm khi nghiên cứu bộ kinh Duy Ma Cát. Ông cho biết, một khi con mắt Tâm đã mở thì tất cả đều trở nên sáng sủa, không còn chút nghi ngờ nào nữa. Từ đó ông có thể giảng dạy kinh điển một cách dễ dàng,

thông suốt nhưng không bao giờ ông bắt buộc học trò phải tin những điều ông nói. Trái lại, ông thường đặt câu hỏi và bắt học trò phải suy gẫm, tìm câu trả lời. Ông luôn luôn nhấn mạnh rằng: "Những gì người khác nói chỉ là kinh nghiệm của họ, không có lợi gì cho mình nếu mình không thực sự kinh nghiệm được nó. Phật giáo không phải là một lý thuyết. Người ta không có lợi gì nếu chỉ nghiên cứu suông mà phải biết áp dụng nó vào đời sống".

Phương pháp giảng dạy của giáo sư thường bắt đầu bằng ý nghĩa tên cuốn kinh. Lý do nào đức Phật đã giảng kinh này, kinh đó thuộc về thời nào trong Ngũ Thời Pháp (Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã và Pháp Hoa) rồi từng đoạn ngắn trong kinh, từng hàng, từng chữ, bắt học trò phải nghiền ngẫm ý nghĩa của nó. Tôi thường nói đùa với Hayakawa rằng giáo sư thích chữ nghĩa quá, cứ nhai đi nhai lại từng chữ một như người "đếm từng hạt đậu" nhưng khi nghiêm chỉnh theo dõi, tôi phải công nhận mỗi câu, mỗi chữ qua sự giải thích của giáo sư đều có những ý nghĩa huyền diệu, sống động vô cùng.

Càng học hỏi với giáo sư, tôi càng say mê và tự nhiên nảy ra ý nghĩ phải tổ chức những khoá học cho quần chúng như tôi đã từng làm khi còn là một vị thầy của Thần Đạo. Tôi dự định sẽ thuê một thánh đường lớn, tổ chức thuyết pháp để mang lại lợi ích cho mọi người. Tôi ngỏ ý với giáo sư, mặc dù chưa bao giờ ăn nói trước đám đông quần chúng nhưng ông cũng vui vẻ trả lời:

- Nếu bà tổ chức một buổi thuyết giảng, tôi sẽ đến tham dự.

Tôi mừng rỡ đem việc này ra bàn với Hayakawa và nghĩ rằng bà sẽ đồng ý nhưng bất ngờ thay, bà này lại nổi giận:

- Chị chưa biết gì nhiều mà đã định làm thầy thiên hạ hay sao? Nếu chị làm thế, tôi sẽ tuyệt giao với chị ngay.

Tôi ngạc nhiên vô cùng vì việc tổ chức giảng kinh thuyết pháp đâu xa

xuân buồn

"Đình thụ bất tri nhân khứ tận
Xuân lai hoàn phát cựu thời ba" *
Cây sân đâu biết người đi hết
Mỗi độ xuân về lại nở hoa.

Cội mai ngoài cửa bên nhà
Xuân này chắc lại vàng hoa trước thềm
Người đi, se thắt con tim
Phương trời xa, một cánh chim lìa đàn.
Hoàng hôn khuất bóng hương quan
Bỗng thương nhớ cánh hạc vàng lâu xưa
Nửa vòng trái đất - xa chưa!
Biết chim én có nhớ mùa xuân sang?
Trước thềm, con bướm bay ngang
Tình xuân, Thung Lũng Hoa Vàng buồn tênh!

hoàng kim dũng

* thơ Sâm Tham.



lạ gì với tôi. Tôi là người có óc tổ chức, đã từng làm việc này nhiều lần rồi. Hơn nữa, đem các lời vàng ngọc học hỏi từ giáo sư ra trình bày cho mọi người là điều nên làm kia mà. Giáo sư đã chẳng chấp nhận lời đề nghị của tôi hay sao? Tuy có phần bất mãn nhưng vì rất phục Hayakawa nên tôi không muốn làm phật lòng người bạn tốt này và tạm dẹp ý nghĩ đăng đàn thuyết pháp đó đi. Ngày nay nghĩ lại việc đó, tôi rất xấu hổ vì nếu làm vậy có lẽ tôi đã phải hối hận rồi. Khi đó tôi chưa biết gì, chưa tự cứu được mình, mới chập chững bước chân vào cửa Phật mà đã có những ý tưởng ngông cuồng, hão huyền, thật đáng xấu hổ.

Chúng tôi tiếp tục học hỏi với giáo sư và đã có những tiến bộ rõ rệt. Giáo sư thường khen Hayakawa rằng chẳng bao lâu nữa bà này sẽ mở được con mắt Tâm. Một hôm sau buổi học, ông nói:

- Ta không thể chết trước khi mở được con mắt Tâm cho các con.

Một lời nói làm chúng tôi vô cùng hứng khởi, nhưng cuối năm đó, ông đã qua đời một cách bất ngờ. Trong những năm cuối của cuộc đời, giáo sư đã chuyên tâm dạy dỗ tôi, một kẻ già nua bơ vơ, không nơi nương tựa. Bất

chấp tuổi tác và bệnh tật, ông đã giúp tôi có thể hiểu được ý nghĩa những lời dạy cao quý của đức Phật, có khi ông đã giảng cho tôi suốt mấy giờ liền không ngừng nghỉ. Sự qua đời của ông là một mất mát quá lớn đối với tôi. Sau những xúc động, tôi quyết định sẽ đền ơn giáo sư bằng cách dành trọn phần đời còn lại của mình để săn sóc mộ phần cho ông, soạn thảo lại những bài giảng dạy của ông, đúc kết thành những tập sách cho những người muốn tìm hiểu về Phật giáo.

Mùa đông năm đó, tôi quyết định xin xuất gia thọ giới thành một ni sư lãnh việc quét dọn nghĩa trang chùa Hongaji vì giáo sư được chôn cất tại đó. Tuy nhiên Hayakawa không đồng ý:

- Nay chị bạn, cuộc hành trình tìm đạo của chúng ta chưa chấm dứt. Chúng ta chưa đạt đến mục đích tối hậu, chúng ta phải tiếp tục thì mới không phụ lòng dạy bảo của giáo sư. Phải chăng giáo sư đã chẳng mong chúng ta sẽ mở được con mắt Tâm? Bằng mọi giá, trong kiếp này chúng ta phải chứng ngộ thì vong linh của giáo sư mới có thể ngậm cười nơi chín suối được. Chúng ta phải tiếp tục...

(còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Tòa-soạn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-dáp nghi-vấn của bạn đọc về mọi lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, v.v.

Trong mục-dịch học-hỏi, Bút Chì hoan-ngheh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khố hạn-hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

Viết thêm về "Hàn Mặc Tử"

Tiếp theo phần trả lời của BC trên số 138, về bút hiệu Hàn Mặc Tử, thi-sĩ Nguyễn Văn Cường ở Na-uy góp thêm một số chi-tiết rất thú-vị như sau:

Thời còn trong nước, tôi có đến thăm và hầu chuyện cụ Quách Tấn ở Nha-trang, lúc cụ còn sinh tiền. Trong những lần hỏi chuyện văn-chương, tôi hỏi về ý-nghĩa bút-hiệu "Hàn Mặc Tử", cụ vui vẻ giải-thích. Và mới đây, tôi đọc bài viết của học-giả Thái Văn Kiểm trên báo *Đuốc thiêng* (Pháp) cũng giải-thích về "Hàn Mặc Tử" giống như lời cụ Quách Tấn. Tôi xin ghi ra đây để góp thêm tài liệu:

"Có người chê bút-hiệu Lê Thanh quá yếu-diệu thực-nữ, Trí bèn đổi bút hiệu ra Hàn Mặc Tử, nghĩa là 'Người trong rèm lạnh' (hàn mạc).

Trong một lần viếng thăm Quách Tấn (tác-giả tập thơ *Mùa Cổ-diễn*), Trí bị trêu, và chính Quách Tấn khuyên Trí nên thêm dấu lã, mái trắng non, trên chữ "a" trong chữ "Mạc", thành ra "Mặc." Và như thế, đổi được nghĩa ra "Hàn Mặc", là "bút mực" (đúng như lời giải-thích của bác Bút Chì - NVC chú-thích). Hàn Mặc Tử là 'Người bút mực', nghĩa là nhà nho, nhà văn, nhà thơ. Họ Nguyễn hoan-hỉ chấp-nhận và cảm ơn cao ý của Quách Tấn..."

Cũng theo cụ Quách Tấn và Thái Văn Kiểm thì lúc đầu, bút-hiệu của họ Nguyễn là "P.T. Qui-Nhơn", ký dưới mấy bài thơ đăng trong *Phụ-nữ tân-văn*, Sài-gòn; sau mới biết "P.T." là "phong-trần", thư-sinh bạch diện của trường trung-học Qui-nhơn.

Sau thi-sĩ họ Nguyễn vào Nam làm báo, đổi bút-hiệu sang "Lê Thanh" (do chữ đầu sinh-quán làng Lê-mỹ, ghép với chánh-quán Thanh-tân (Thừa-thiên). Nhờ một bài thơ ký bút hiệu "Lê Thanh" trúng giải thưởng của một thi-xã ở Gia-định, Trí nổi tiếng từ đó.

Nguyễn Văn Cường
Na-uy

Văn Bút

Hỏi: Nhân chuyện Văn Bút đang quá sức ồn-ào vì một ông chủ-tịch "làm thì không làm gì, nhưng xuống thì nhất-định không chịu xuống", chúng tôi hơi thắc-mắc về hai chữ "Văn Bút."

Hội của quốc-tế là International PEN. Chữ P.E.N. này, ông NHN giải-thích là gồm các *poets, playwrights, editors, essayists* và *novelists*. Như vậy cả 5 loại người cầm bút trên đây đáng lẽ dịch là "văn-nhân thi-sĩ", và International PEN dịch là "Hội Văn-nhân Thi-sĩ quốc-tế" thì đúng hơn là "Văn Bút quốc-tế."

Chữ "Bút" mà hội Văn Bút VN dùng, phải chăng để dịch chữ *pen* (viết thường) là cây bút?

Lê Thịnh
Massachusetts

Đáp: Hai chữ "Văn Bút" dùng trong hội Văn Bút Việt-nam (bây giờ là Việt-nam hải-ngoại) có gốc... Tàu. Văn là thơ. Bút là văn.

Học-giả Việt Chi (Trung-tâm Văn Bút Ontario) cho biết, theo người Tàu xưa, văn là vận văn tức văn vận, ta quen gọi là "thơ" còn bút là tản-văn, ta quen gọi là văn xuôi, hay văn-tất là "văn".

Văn Bút là tổng-hợp hai văn-thể có văn và không văn; hiểu rộng ra là tất cả những người cầm bút để làm thơ, soạn kịch, viết tiểu-thuyết, tiểu-luận hay nhuận-sắc bài vở cho người khác.

Giám chùa

Hỏi: - Tại sao đàn bà ghen lại bị gọi là "giám chùa"?

Hoàng Lê Nga
Montréal

Đáp: - Sách *Các tri tân lục* có chỗ ví người đàn bà như con sư-tử. Sách *Tục văn hiến thông khảo* lại chép: sư-tử mỗi ngày uống ba vò rượu giám. Vì thế các bà ghen thường bị gọi là "ăn phải giám chùa".

Hỏi thêm về Tự Lực văn-đoàn

Hỏi: Mới đây báo *Làng Văn* số Tết Bính Tý (137, tháng 1.96) trả lời bạn đọc rằng Tự-lực văn-đoàn gồm có 11 người (Nhất Linh, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Tú Mỡ, Thế Lữ, Xuân Diệu; sau thêm Đỗ Đức Thu, Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam và Tường Hùng). Con số "11" này khác với những tài-liệu tôi có:

- Báo *Sài-gon Times* (Los Angeles) ngày 24.9.1995 đăng bài của GS Lưu Trung Khảo viết rằng Tự-lực văn-đoàn có 12 người, trong đó có Nguyễn Gia Trí, Trần Tiêu, Nhật Tiến.

- Trong cuốn *Việt-nam niên biểu III: nhân-vật chí* của Chính Đạo (Văn-Hóa, Houston, 1993 - trang

339), thì cụ Lý Đông A cũng là đoàn viên Tự-lực văn-đoàn.

Vậy thực-sự Tự-lực văn-đoàn có bao nhiêu người mà bí-hiếm thế?

Theo tôi biết, trước hết, không có ông Nguyễn Gia Trí trong Tự-lực văn-đoàn. Nguyễn Gia Trí và Tô Ngọc Vân là hai họa-sĩ cộng-tác với các tuần-báo của Tự-lực văn-đoàn, là *Phong-hóa* và *Ngày nay*.

Trần Tiêu cũng không phải là nhà văn Tự-lực văn-đoàn. Tất cả tác-phẩm của ông như *Con trâu*, *Chồng con* (do nhà xuất-bản Đời Nay của Tự-lực văn-đoàn in), hay các tập *Truyện quê*, *Sau lũy tre* xuất-bản sau này đều không có dòng chữ "Tự-lực văn-đoàn" in ở dưới tên tác-giả.

Theo GS Lưu Trung Khảo, năm 1957 khi chủ-trương tập-san *Văn-hóa ngày nay* ở Sài-gòn, Nhất Linh ghi thêm tên ba nhà văn Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam và Nhật Tiến vào Tự-lực văn-đoàn. Điều đó cũng sai. Cho đến bây giờ, Nhật Tiến chẳng bao giờ thuộc Tự-lực văn-đoàn cả.

Cũng trên *Saigon Times*, ngày 7.7.1995, thi-sĩ Cao My Nhân kể lai-lịch từng người trong dòng họ Nguyễn-tường. Theo bà, ngày mồng một Tết Quý Ty (14.2.1953), Nhất Linh khai bút dặn dò Đỗ Đức Thu và nhắn gửi các nhà văn trong Tự-lực văn-đoàn, nếu trở về, xin duyệt-xét cho ba nhà văn trẻ vào Tự-lực văn-đoàn là Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam

và Tường Hùng. Đó chỉ là lời nhắn gửi, có thể trong lúc say sưa đầu năm và có tính-cách gia-đình.

Chuyện đặt cụ Lý Đông A là đoàn viên Tự-lực văn-đoàn là một điều hoàn-toàn mới lạ. Không hiểu tác-giả *Việt-nam niên-biểu* dựa vào đâu?..

Tự-lực văn-đoàn là một văn-đoàn có công với văn-học Việt-nam, chúng ta cần phải viết cho đúng, đừng phạm sai lầm, để con em sau này khi tìm hiểu về văn-học Việt-nam tránh được sự sai-lầm do người trước để lại.

Theo sự hiểu biết của tôi, Tự-lực văn-đoàn chỉ có 6 đoàn viên là Nhất Linh, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Thạch Lam và Tú Mỡ, và số đoàn-viên này không thêm bớt.

Tự-lực văn-đoàn thành-lập chưa được 70 năm chứ có lâu-la gì đâu? văn-đoàn Tao Đàn từ mấy trăm năm trước ta còn nghiên-cứu và có tài-liệu, chẳng lẽ ngay Tự-lực văn-đoàn mà chúng ta còn viết sai ư? Mong những vị có thẩm-quyền về văn-học Việt-nam lên tiếng bổ-túc để tránh sự lầm-lẫn triền-miên này.

Lý Thục Ngàn
Santa Ana

Đáp: BC không bao giờ dám xược, tự cho mình "có thẩm quyền về văn-học Việt-nam" để trả lời bạn Lý Thục Ngàn; chỉ xin đăng lại một trang báo *Văn-hóa ngày nay* số Xuân 1957, liên-quan trực-tiếp vấn đề này.

Xin nói rõ, đây là một trang báo, không phải chỉ là "một lời nhắn gửi trong lúc say-sưa đầu năm." Ba người được Nhất Linh chọn vào Tự-lực văn-đoàn (và đề-bạt với anh Đỗ Đức Thu và mấy anh mất-tích sau này trở về) là Nguyễn Thị Vinh, Tường Hùng và Duy Lam.

Đoạn này Nhất Linh viết lúc 2 giờ sáng mồng 1 Tết Quý Ty, 14.2.1953.

Tóc đuôi gà

Hỏi: - Em vẫn hay hát *một thương tóc bỏ đuôi gà* nhưng vẫn không hiểu tóc "đuôi gà" nó ra làm sao, và tại sao tóc đuôi gà lại quý, lại dễ thương?

TÀI-LIỆU

Báo Văn-hóa ngày nay số Xuân 1957:

giao thừa quý ty 1953

của NHẤT LINH

TRONG hương trầm của đêm 30 tết và mái mơ đi vì thương cảm những người cũ đã khuất hoặc mất tích, lại nghĩ tới những nhân tài mới khả dĩ đem lại một nguồn sinh lực rồi rào tự lực thay đổi luôn và mới trở mới, tôi có mấy lời cảm xúc này — và cũng là chúc thư luôn thể — với một bài thơ để gửi các anh em cũ và mấy nhân viên tương lai của Tự Lực Văn Đoàn. Trong bảy tám nhà văn mới chọn lọc được hai năm nay, tôi thấy có ba nhà văn chắc chắn xứng đáng là nhân viên Tự Lực Văn Đoàn và tôi tin anh Đỗ Đức Thu cũng như mấy anh mất tích sau này trở về, cũng như tôi sẽ hồ phỉếu lâu khi ba nhà văn đó có đủ một số sáng tác để sự quyết định có căn cứ. Ba người đó là Nguyễn Thị Vinh, Tường-Hùng và Duy-Lam.

Những lúc ngoảnh về quá khứ, kiểm điểm công việc mình đã làm tôi thấy rõ ràng công việc tốt đẹp, lâu bền và có ích nhất của đời tôi là sự thành lập được Tự Lực Văn Đoàn và công việc sáng tác. Nhưng Tự Lực Văn Đoàn không thể để ngừng lại ở số người cũ và đứng yên; người qua, nhưng đoàn phải mới và luôn mãi. Người sự cố gắng

của anh em cũ còn lại, tôi mong những nhà văn tương lai, trước và sau khi gia nhập đem hết tâm hồn và tài năng để làm rạng rỡ lên tuổi của đoàn mình, coi mình với đoàn là một, giữ được tinh thần cố hữu trước kia đã sống to giữa mấy anh em quí, cố: giúp đỡ nhau, giúp đỡ nhau, cùng nhau sát cánh để phục vụ văn nghiệp của đoàn mình, nghiệp văn đã chung một kiếp người, đoàn văn cũng chung tiếng để đời với kiếp sau.

Hà hể năm tôi mới lại có dịp làm thơ và thơ tôi vốn không hay nhưng lòng và ý thành thực là đủ rồi:

TỰ LỰC, vườn văn mới trổ tên
Bông dung thời thế đào huyền thiên
Thương dóm lá cũ vào rơi xuống
Mừng mồi mầm tươi vọt nhú lên.
Mạch cũ, nhựa non rộn rập chảy
Vườn hoa xuân mới diễm tú thắm
NGƯỜI QUA, SÁCH HỌC, ĐỜI
THAY ĐỔI
TỰ LỰC, DANH CHUNG TIẾNG
VĂN TRUYỀN

Nhất-Linh

2 giờ sáng, mồng 1 tết năm Quý Ty
14-2-53

Trần Cao-Luân
Houston

Đáp: - Ngày xưa, phụ-nữ miền Bắc vấn khăn, muốn khăn tròn đẹp, tóc phải dài và nhiều, để thừa ra đầu

khăn, gọi là đuôi gà. Tóc sáng, mịn và dài, ngoài tiêu chuẩn thẩm mỹ ra, còn chứng tỏ chủ nhân mớ tóc ấy thuộc hàng khá giả, có của ăn của để. Người bàn-cùng, làm việc vất-vả tóc

bị nắng cháy khét và không để dài được. Cho nên vấn khăn thừa tóc là người phong-lưu. Khi đội khăn, đuôi gà thông xuống ngang vai, trông rất duyên dáng.

hai mươi năm, khi dừng lại bên đời

Đời hai mươi năm mệt nhoài, gian nan
Tình hai mươi năm quên lối mùa xuân
Em hai mươi năm bóng dài bụi đỏ
Chàng hai mươi năm bước mỗi, vai chùng...

Nên làm sao thấy lại thời đã qua
Mắt liếc trông theo tóc rũ mượt mà
Nghiêng dáng qua trời trưa xanh lá ngọc
Giấu kín trong hồn giây phút ngắn ngủi...

Đời hai mươi năm còm cõi, mưa phơi
Tình hai mươi năm phảng phất môi cười
Em hai mươi năm hao mòn trí nhớ
Chàng hai mươi năm buồn trĩu đôi vai.

Nên làm sao nhớ một thời có nhau
Phố hẻm hò lung linh nắng nhiệm màu
Cùng giả vờ quên tháng ngày sẽ tới
Khi nhánh sông đời chia bước chân đau...

Hai mươi năm sớm nắng, chiều mưa
Tình hai mươi năm se sắt đường tơ
Em hai mươi năm miệt mài chốn lạ
Chàng hai mươi năm lạc giữa sa mù

Mà làm sao nín kéo thời yêu xưa
Mà làm sao giữ lại đời hôm qua
Ngơ ngác đôi bờ gọi tên mùa cũ
Hồn phách tan theo nắng ứa dạt dờ...

Đời hai mươi năm nhạt nhoà khói sương
Tình hai mươi năm êm dòng tóc buông
Em hai mươi năm ngậm ngùi tưởng tiếc
Chàng hai mươi năm chôn giấu tình hồng.

Chiều đứng bên đời trông lại ngày qua
Loáng thoáng bụi ngùi nhớ duyên tình xưa
Góc nhỏ nơi nào trong tim vấn ấm
Còn nghe chân vang vọng giữa mơ hồ...

phan các chiêu hằng



Khố xanh khố đỏ

Hỏi: 1) Thưa bác Bút Chì, cháu đọc nhiều sách, thấy nhắc tới "lính khố xanh khố đỏ" thời Pháp-thuộc, nhưng không hiểu rõ lắm về các sắc lính này, xin bác giải thích cho.

2) Trong bài thơ *Đôi mắt người Sơn-tây* có nhắc tới "đồng Bương Cấn", nhưng mẹ cháu bảo, ở Sơn-tây có làng Bương và làng Cấn, không thấy nói tới làng "Bương Cấn". Không hiểu ra sao.

Nguyễn Hoàng Nam
Đức

Đáp: 1) Gọi là lính "khố", vì trên đồng-phục của họ có một mảnh vải hình chữ-nhật đeo ở thắt lưng trước bụng, trông giống như cái khố, cùng màu với xà-cạp, và giải khăn buộc nón. Về sau, họ đổi mũ cát vải vàng, bỏ khố.

Lính khố đỏ có nhiệm-vụ trị-an toàn cõi Đông-dương.

Khố xanh giữ một kỳ (trong Nam, Trung và Bắc-kỳ).

Khố hoa lý giữ tỉnh. Khố vàng giữ cung-diện nhà vua. Như vậy, màu khố được coi như dấu-hiệu của binh-chúng.

Sau này, khi họ bỏ khố, màu binh-chúng đeo ở vai.

Lính khố hoa lý còn gọi là lính cơ. Lính lệ chạy công-văn, giấy-tờ. Lính hầu quan gọi là lính nhà trề.

2) Bương và Cấn quả là hai làng, được gọi chung lại theo thói quen.

Làng Việt-nam thường có hai tên: tên nôm và tên chữ. Tên nôm có trước, đôi khi chỉ nghề của làng, nhưng thường không có nghĩa gì.

Người ta cũng thường gọi tên nôm của hai làng giáp nhau: Trên Vẽ, Noi Cáo, Giày Kẽ, Trôi Gối, Đăm Trôi, Canh Thìa, Dót Dết, Bương Cấn, vân vân.

Phép Lạ

Nguyễn Nhạn Sơn

Mỗi khi một sự việc xảy ra không thể giải thích theo qui luật tự nhiên hoặc khoa học, người ta hay đẩy nó qua lãnh vực siêu nhiên. Những “phép lạ” thường được tin hơn cả là những trường hợp bệnh nan y mà tự nhiên bình phục, hoặc tàn tật mà trở lại bình thường. Hồ sơ về “phép lạ” thì có rất nhiều. Những ai sẵn lòng hoài nghi thì thường cho những người kể lại những câu chuyện kia, là nạn nhân của ảo giác, của huyền tưởng. Những ai dễ tin, thì sẵn sàng cho rằng chuyện nào cũng đã xảy ra. Hoài nghi và dễ tin đều không đúng. Chúng ta cần tìm hiểu riêng từng trường hợp.

Cái chết của Thánh Polycarp

Lúc còn sống, Thánh Polycarp là giám mục địa phận Smyrna (ngày nay là vùng Izmir thuộc Thổ-Nhĩ-Kỳ). Năm 155, ông bị bạo quyền sở tại kết tội không thừa nhận hoàng đế La-Mã là thần thánh, và bị đem thiêu sống tại vận động trường Smyrna, trước mặt các quan chức và nhân dân địa phương. Lúc bấy giờ, ông đã 86 tuổi. Ông bị đem buộc vào một cọc gỗ dựng trên một đồng cùi thật to. Cái chết của ông là một hiện tượng rất lạ, được ghi thành tài liệu lưu trữ tại nhà thờ Smyrna cho đến ngày nay. Tài liệu ghi:

“Khi ông đọc kinh xong, những người hành hình liền châm lửa. Ngọn lửa bùng lên mạnh mẽ, bao trùm cả thân mình của người tử đạo, nhưng không đốt cháy quần áo và thân thể

ông. Thân thể ông đỏ lên như vàng nấu chảy trong lò. Rồi một mùi hương trầm bốc ra.

Thấy không thể đốt chết ông, bọn vô đạo kia liền cho người trèo lên dùng dao đâm ông. Máu trong người ông trào ra, làm tắt ngọn lửa đang cháy dưới chân. Sau khi ông chết, họ chất củi đốt lại, thân thể ông mới cháy”.

Peter Igneus chịu thử lửa

Năm 1068, dân Florence, nước Ý, xuống đường để phản đối việc bổ nhiệm một giám mục, do hối lộ. Tình trạng có thể dẫn tới bạo động lớn, nếu không kịp thu xếp. Tu viện trưởng Vallombrosa lúc bấy giờ phải đứng ra can thiệp. Ông nghĩ chỉ có Chúa mới giàn xếp được, nên chỉ định Peter Aldobrandini, một tu sĩ trong tu viện đứng ra chịu thử lửa, để hỏi ý Chúa.

Người ta chất hai đồng cùi song song với nhau, giữa có một lối đi nhỏ, chỉ vừa cho một người len qua. Khi hai đồng cùi được đốt cháy, ngọn lửa bốc lên hùng hực, than hồng văng ra, phủ kín cả lối đi, thì tu sĩ Peter vừa đọc kinh vừa bước chầm chậm vào giữa hai đồng lửa. Người xem nín thở thấy bóng ông biến vào ngọn lửa. Nhưng kìa, ông xuất hiện ở đầu bên kia với nét mặt bình thản, râu tóc nguyên vẹn, chiếc áo lễ cũng vậy. Đám đông hoan hỉ reo hò, chạy tới ôm lấy ông. Ông định đi qua đồng lửa một lần nữa. Nhưng đám đông giữ ông lại. Họ nghĩ như thế đã đủ.



Ông giám mục mua liền bị cách chức. Sau đó, Peter Aldobrandini được phong hồng y. Khi qua đời ít lâu, ông được phong thánh. Người ta thường gọi ông là “Thánh Peter Thử Lửa”.

Vũ điệu trong lửa

Năm 1250, giáo đường Thánh Constantine ở làng Thracian thuộc Kosti bị cháy. Dân làng xúm đến chữa, nhưng không dập tắt được ngọn lửa. Trong khi đó, có mấy người nghe tiếng những tượng thánh bên trong rên rỉ. Họ xông vào đám cháy, lấy những tượng thánh đem ra. Điều kỳ dị là những người “cứu tượng thánh” trở ra an toàn. Về sau, những tượng thánh đó được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhiều trăm năm sau, cứ đến ngày lễ Các Thánh (21 tháng 5), người ta tổ chức những cuộc “khiêu vũ trong lửa” để kỷ niệm ngày “cứu tượng thánh”. Cho đến khoảng đầu thế kỷ, vì những người giữ những tượng thánh kia di chuyển đến ở vùng Lankadas, Hi-Lạp, nên nghi thức “múa lửa” thường được tổ chức ở đây.

Người ta đốt một đồng cùi, rộng bằng một cái sân nhỏ. Lửa cháy càng lúc càng mạnh. Những người tham dự cuộc múa đang chuẩn bị cho phần họ. Trong nhiều tiếng đồng hồ, họ ngồi im, cầm một pho tượng thánh trong tay, nhìn ngắm pho tượng, cho đến xuất thần. Trong khi đó, cổ nhạc trỗi trầm trầm. Tiếng trống và tiếng đàn

“lia” có khi vút lên. Một vũ công bỗng đứng dậy, bước vào đám lửa, và bắt đầu múa. Một người nữa đứng dậy, làm theo. Rồi một người nữa... Trong chừng nửa giờ, họ bước đi trên những khúc củi đang cháy và những cục than hồng. Cuối cùng, cả đám lửa bị đốt tắt hết.

Nhiều nhà khoa học đã đến tận nơi để được chính mắt nhìn thấy cảnh tượng. Bác sĩ Christo Xenakis làm việc tại bệnh viện Athens, đã kể lại rằng chính ông có thử đo nhiệt độ trong đám lửa, và thấy nó nóng từ 500 đến 850 độ F. Ông cứ tưởng những người múa sẽ bị phỏng thật nặng, nhưng cuối cùng chỉ có vài người bị phỏng nhẹ ở hai bàn chân. Riêng một thanh niên người Mỹ, tình nguyện “thí nghiệm”, đã bị phỏng rất nặng, phải nằm bệnh viện một thời gian lâu.

Khi được báo chí phỏng vấn, Constantine Kitsinos, một người “múa lửa” mà không hề bị phỏng,

nói: “Đây là vấn đề lòng tin. Chúng tôi quyết tâm làm được việc vẫn được coi là không thể làm. Trong khi bước trong đám lửa, chúng tôi có cảm giác như đi trên một cái gò nhiều gai. Ý chí có thể khiến cho chúng tôi cảm thấy hai bàn chân lúc bấy giờ vẫn mát”.

Thánh Francis cầm lửa

Đây là một tu sĩ có thể cầm trong tay một cục than đỏ như cầm một cái bánh mì.

Francis là người Ý gốc nông dân. Chuyện ông không bị lửa nóng làm thương tổn, thì ở quê ông ai cũng biết. Lâu dần, ai cũng coi chuyện ấy là thường. Một lần, ông đến một lò rèn trong làng, hỏi xin một miếng sắt để làm một việc gì đó. Người thợ rèn chỉ cho ông một mảnh sắt nhỏ đang nung trong lò. Mảnh sắt đỏ rực, nhưng Francis không dùng kẹp gấp ra, mà cứ thò tay vào lấy. Người xung quanh

sợ hãi la ré lên, nhưng ông cười nói:

- Tôi chỉ muốn cầm cho ấm tay thôi mà.

Trong một trường hợp khác, dường như Francis muốn truyền cái “vô nhiễm” đối với lửa, cho một người khác.

Khi tu viện Paterno Calabro khởi công xây cất, người ta dựng ra một lò nung vôi gần đó. Một hôm, lò nung vôi này bỗng bốc cháy và sắp sụp xuống. Francis muốn vào bên trong để cứu chữa, nhưng cửa lò hẹp quá, mà ông to con không len vào được. Ông liền bảo một tu sĩ nhỏ thó chui vào, rồi đưa cho một cái gậy để chống trần lò. Khi chui trở ra, tu sĩ không hề hấn gì, và trần lò cũng không sụp. Ban đầu ai cũng nghĩ người tu sĩ kia sẽ chết thui trong lò. Nhưng sau, họ biết là Francis đã truyền sự “miễn nhiễm” cho người tu sĩ, và cả cho cây gậy chống nữa.

Trong một trường hợp khác, Francis ứng dụng khả năng siêu nhiên của ông vào việc bình thường. Một hôm, nhìn thấy những người trong làng làm nghề đốt củi lấy than, phải dùng đất ướt để bịt kín những chỗ nứt trên thành lò. Họ làm việc này khó khăn, vì lúc đó thành lò rất nóng. Francis liền giúp họ, bằng cách dùng tay không và gót chân trần, đắp đất vào.

Trước khi Francis được các chức sắc trong Giáo Hội Thiên Chúa để ý, ông đã được mọi người coi như dị nhân. Nhưng cuộc sống của ông rất kham khổ, thiếu thốn đủ mọi thứ. Lúc bấy giờ, có một vị chức sắc muốn thử ông. Họ nói:

- Anh làm những chuyện khó khăn kia được, là bởi vì anh là một nông dân đã quen làm việc cực nhọc. Nếu như anh thuộc dòng quý tộc, chắc hẳn anh không có khả năng đó.

Francis trả lời:

- Đúng, tôi là nông dân. Nếu không phải là nông dân, thì tôi không thể làm như thế này.

Lúc ấy, bên cạnh đang có đống củi đang cháy để sưởi. Francis liền thò hai tay vào giữa đám lửa, hốt ra nhiều cục than đỏ rực, cầm mãi trên

thơ trần văn lệ

khai bút

Nước chảy qua cầu... đã hết năm!
Lòng nào chan chứa ý Tân Xuân?
Sáng ra vượt mặt ngò gương xéo
Tối đốt đèn chong, ngõ nguyệt rằm.
Hai chữ quê hương thành cổ quận
Một trời thương nhớ khiến băng khuâng
Tội cảnh mai vẽ trên tờ giấy
Gió lạnh... hình như không nở bông?

tìm xuân trên lịch mới

Gỡ lịch một chồng, chưa thấy Tết
Tháng Giêng dương lịch, đâu mùa xuân?
Nghe lòng nôn nả như con nít
Nghe ý vơi đầy tựa biển sông!
Sao mỗi ngày qua nhanh phát sợ
Sao từng phút tới chậm rưng rưng?
Tuổi già hiển hiện trên gương sáng
Như cọng chân mày đau thấu lưng!

nhớ làm gì... người dưng!

từ dòng sông hồi tưởng
tôi tìm lại chính tôi
thuở hãy còn hoang tưởng
trong tình yêu đầu đời.

anh với nụ cười hiền
với mắt nhìn thôi miên
anh với tình yêu biển
cuốn đời tôi lên dềnh.

tôi rụt rè bước nhỏ
trên những lối hẹn hò
cô sinh viên mười bảy
nhìn đời không dẫn đo.

dòng sông đời hờ hững
cuốn xa anh nghìn trùng
tôi một mình tự đổ
nhớ làm gì... người dưng!

thủy trang

tay, và nói với viên giáo sĩ:

- Ngài thấy đó, nếu không phải là nông dân, tôi đâu có thể làm việc này.

Viên giáo sĩ lập tức quì xuống, xin hôn tay chân Francis, nhưng ông không cho. Francis qua đời năm 1507, và được phong thánh năm 1519.

Tài hùng biện bất diệt

Thánh Anthony ở Padua (1195-1231), lúc sinh thời là một nhà thần học và nhà truyền giáo thuộc dòng Phan-xi-cô, được phong thánh một năm sau khi qua đời. Ông rất nổi tiếng, không phải chỉ về đạo đức, mà còn vì tài hùng biện. Giáo hội đã coi ông là nhà truyền giáo vĩ đại nhất từ cổ chí kim.

Khoảng 400 năm sau ngày chết, ông được cải táng. Khi mở quan tài ra, người ta thấy thân xác của ông tan thành bụi cả, chỉ còn lại cái lưỡi. Cái lưỡi vẫn tươi, mềm, và đỏ hồng, như thể còn sống.

Như là ảo thuật

Trong cuốn nhật ký của một người Anh tên là John Evelyn, có ghi chuyện sau đây về một người chuyên biểu diễn "ăn lửa". Nhật ký viết:

"Đó là ngày 8.10.1672. Chủ nhà là Phu nhân Sunderland đãi tiệc, và cho mời Richardson đến biểu diễn giúp vui quan khách.

Trước hết, Richardson nấu chảy lưu hoàng trong lửa, rồi bưng trút vào miệng, nhai nuốt. Ông ta uống kèm một ly bia. Tiếp theo, ông ta lượm một cục than đỏ thật to đặt lên lưỡi, lấy một con sò sống đặt lên cục than, rồi dùng quạt quạt vào miệng mãi cho đến khi cục than bốc lửa ngọn và bắn tàn tứ tung. Con sò trên cục than há ra, sôi xèo xèo, và chín. Tiếp theo nữa, ông ta nấu chảy đầu hắc, sáp, chung với lưu hoàng, rồi uống. Tôi thấy rõ chất lỏng cháy đỏ rực trong miệng ông ta. Rồi ông ta trèo đứng lên miệng hai cái bình thủy tinh, uốn mình ra phía sau, thò đầu qua hai chân, dùng miệng ngoạm một thỏi sắt

đang được nung đỏ rực".

Vận rủi vận may

Trong cuộc nội chiến của Tây-Ban-Nha, nhà báo người Anh George Orwell bị một viên đạn bắn trúng cổ. Ai cũng tưởng ông ta chết, nhưng sau khi được giải phẫu lấy viên đạn ra, ông bình phục. Bác sĩ cho biết viên đạn chỉ cần nhích qua một vài li, chạm vào động mạch cổ của ông, thì không cách gì cứu kịp. Nhưng về sau, Orwell cứ lấy làm khó chịu mỗi lần nghe người quen khen mình "may mắn" trong khi bị thương. Bị thương mà là may mắn sao?

Nhưng Orwell đã không biết trước ông may thế kỷ, linh mục Johannes Osiander (1657-1724) ở Tübingen, nước Đức, đã rất nhiều lần được người ta "khen" như thế.

Trong một lần đi qua rừng, Osiander bị một con heo rừng khổng lồ tấn công. Nó chồm lên người, xô ông ngã xuống đất, rồi bỏ chạy. Nhưng ông chỉ bị một mẻ hoảng sợ, chớ toàn thân không bị vết thương nào. Một lần khác, ông cỡi ngựa đi qua một vùng ngập lụt, con ngựa trượt chân hất ông chìm xuống nước, rồi lại dậm lên người ông. Nhưng rốt cuộc, ông chẳng sao cả. Một lần khác nữa, ông bị một toán cướp đuổi bắn nhiều phát súng; ông chạy tới một chỗ ven núi, gặp lúc núi lở, bị vùi trong đồng đất đá. Nhưng sau cùng, ông vẫn chui ra được bình yên. Rồi một hôm, đi trên bờ sông Rhin, ông bị bão tuyết xô ngã xuống dòng nước băng giá. Khi ông được vớt lên, ai cũng nghĩ rằng ông thoát được chết đuối, nhưng sẽ chết bệnh. Nhưng kỳ lạ, ông chẳng đau ốm gì cả. Trong những năm cuối đời, ông còn bị 2 lần tai nạn nữa: Một lần bị cây gậy đè; một lần chìm tàu ngoài biển. Hai lần, ông đều thoát chết, không thương tích.

Osiander chết vì bệnh năm 67 tuổi. Có lẽ xưa nay, ông là người bị nhiều rủi ro, mà cũng được nhiều may mắn nhất.

Diễn thuyết trong lửa

Năm 1685, vua Louis XIV trút quyền công dân và tự do tín ngưỡng của những người theo đạo Tin Lành trên đất Pháp. Hành động độc tài này dẫn đến cuộc nổi dậy năm 1702, được gọi là nổi dậy của những người "áo trắng". Trong đêm tối, để phục kích quân đội của nhà vua, những người Tin Lành khoác một chiếc áo trắng để làm dấu hiệu nhận nhau. Do đó, thành tên.

Trong số những lãnh tụ "áo trắng" lúc bấy giờ, có một người tên là Claris. Người này muốn chứng minh mình và đồng bọn có chính nghĩa, đã tự ý chịu "thử lửa".

Người ta dựng một giàn hỏa, và khi lửa đã được châm, Claris bước lên, đứng giữa giàn. Ông bắt đầu diễn thuyết cho những người tập hợp quanh đó nghe. Đề tài là "vì sao phải chống lại quân đội nhà vua". Ngọn lửa càng lúc càng cất lên cao, tiếng lửa cháy nghe rần rật, rào rào. Claris cao giọng lên để át tiếng lửa. Khi lửa bao kín cả ông, người ta không trông thấy ông, nhưng vẫn nghe rõ tiếng ông nói. Ngọn lửa hạ dần, vì củi đã cháy hết. Khi lửa tắt hẳn, Claris mới ngừng nói. Từ giữa đồng lửa ông bước ra, sắc mặt thản nhiên, quần áo nguyên vẹn.

Nhưng đáng buồn, trong khi Claris không nao núng trước sức đốt của lửa, thì Louis XIV cũng chẳng nhân nhượng trước tài hùng biện của nhà lãnh tụ Tin Lành này. Cuộc nổi dậy của những người "áo trắng" cuối cùng bị quân đội nhà vua đàn áp.

Bất hoại

Andrew Bobola là một tu sĩ Dòng Tên người Ba-Lan. Lúc còn sống, ông rất nổi tiếng do những công tác mục vụ thành công ở Nga. Nhưng bất đồ, năm 1657, trong khi đang đi hoạt động, ông bị bọn thổ phỉ Cô-dắc sát hại một cách thật hung bạo. Năm ấy, ông 67 tuổi.

Sau khi bọn cướp rút lui, người ta tìm thấy thi hài của cha Bobola trong

một đồng phân súc vật, mình mấy bị nhiều thương tích, tay chân có chỗ bị chặt gần đứt lìa. Giáo dân sở tại liền đem xác cha tắm rửa, khâu liệm vào quan tài, rồi đem chôn trong nghĩa địa của tu viện Dòng Tên ở Pinsk, Nga.

Bốn mươi bốn năm sau, tu viện trưởng nằm mộng thấy thế nào đó, liền cho cải táng di hài cha Bobola. Khi quan tài được mở ra, người ta thấy di thể chẳng những không bị một chút hủ nát, mà còn mềm mại như thân thể người sống.

Năm 1730, một hội đồng gồm 6 tu sĩ và 5 bác sĩ, chính thức khám nghiệm thi hài của cha Bobola. Tất cả 11 thành viên đều đồng thanh xác nhận rằng cái xác không hề có dấu hiệu hư hoại hay teo tóp lại. Hội đồng cũng nhận xét thêm rằng trong số thi hài cùng được chôn một chỗ, chỉ riêng xác của cha Bobola “bất hoại”.

Hương thánh

Nữ tu Maria Anna của tu viện Ladroni, được chôn 107 năm rồi mới

xuân ời có phải?

*Có phải, xuân ời, đến lạnh lùng
Bên thềm hoa nắng rắc sâu đông
Sáu năm có lẽ ghim chân ngựa
Để mặc nhân gian cuốn bụi hồng.*

*Có phải xuân ời, áo bạc màu
Thời gian nhuộm tóc với niềm đau
Con én chạy đông chưa trở lại
Để chút ước mơ phai nát nhàu.*

*Có phải xuân ời, tuổi đã già
Khắc khoải đếm từng giây phút qua
Ba thước rào ngăn mà vạn lý
Chia cắt nặng hồng với xót xa.*

*Có phải xuân ời, đến tận giờ
Vẫn sống cuộc đời lần thực, mơ
Mùa đông đã hết, còn gió bắc
Quần quanh kiếp nhện mãi giăng tơ!*

nguyễn tào phương

được cải táng, vào năm 1731. Khi cải táng, thấy có hiện tượng lạ ở di hài của bà, Giáo Hội liền cho mở cuộc điều tra. Người ta thành lập một hội đồng gồm 11 bác sĩ để tiến hành công việc khám nghiệm và làm phúc trình. Sau đây là những điểm chính của phúc trình:

1. Xác không có một bộ phận nào bị hư hủy.

2. Thân mình và tay chân vẫn mềm mại.

3. Không có dấu vết chứng tỏ xác được ướp.

4. Từ xác bốc ra một mùi thơm rất dễ chịu.

Hội đồng nghĩ là xác được ướp, nên đã cắt xẻ ở nhiều chỗ để khám xét, nhưng chẳng tìm được một tí chất ướp nào. Chỉ thấy một chất dầu lạ thấm dấm từ da vào đến tận nội tạng. Càng cắt xẻ, mùi thơm càng bốc mạnh.

Oan thì không chết

Năm 1803, một cảnh sát viên ở Sydney, Úc-Đại-Lợi, chết vì những vết thương do kẻ cướp gây ra, trong khi anh ta bắt gặp đám gian phi này đang cướp một quầy thu tiền. Sau đó ít lâu, Joseph Samuels, một người có nhiều “tiền tích” bị bắt, và cảnh sát khám xét thấy trong túi của y có một

ít tiền, vốn là của cái quầy thu tiền kia. Thế là Samuels bị cáo buộc 2 tội: Cướp và giết người.

Ban đầu, Samuels khai đã có số tiền kia nhờ đánh bạc ăn, và viện dẫn nhân chứng để chứng minh rằng khi vụ cướp xảy ra, y đang say rượu bí tỉ ở một nơi rất xa. Sau, dưới áp lực của cảnh sát, y chịu là có cướp tiền, nhưng một mực phủ nhận việc đâm chết người cảnh sát. Dù vậy, tòa án vẫn khép y vào tội giết người, và y bị xử treo cổ.

Cùng bị bắt một lượt với Samuels trong vụ cướp tiền, có Isaac Simmonds. Nhưng tên này không thú nhận bất cứ điều gì. Nghĩ rằng có thể làm xúc động y bằng cách đó, hiến binh cho giải y tới chỗ hành hình Samuels.

Từ tội Samuels được đặt đứng trên một chiếc 2 ngựa kéo, một nút thông lòng được trồng sẵn vào cổ, đầu kia cột trên giá cao. Xung quanh chỗ hành quyết, người địa phương tụ tập rất đông. Trước khi cho lệnh đánh cho 2 con ngựa chạy tới, người đội trưởng hiến binh cho phép tử tội nói những lời cuối cùng. Samuels nói: “Tôi có tham dự vụ cướp tiền. Nhưng tôi không dính dáng gì đến vụ giết ông cảnh sát. Hung thủ giết ông ấy đang đứng kia”. Samuels chỉ thẳng vào mặt Simmonds đang đứng phía dưới.

Lập tức, Simmonds gào thét giãy giụa, cốt là để người ta đừng chú ý đến lời tố cáo của Samuels. Nhưng người ta đã nghe rõ, và lên tiếng đòi thả Samuels và xử Simmonds. Có người còn xông tới, như để giải cứu tử tội.

Một người hiến binh liền đánh cho 2 con ngựa chạy tới. Samuels bị kéo tuột ra khỏi chiếc xe, bị treo tòn ten ở đầu sợi dây, chân hồng đất. Nhưng bỗng sợi dây đứt, thả y rớt xuống đất.

Đám đông bắt đầu xôn xao như muốn bạo động. Nhưng những người hiến binh không nao núng. Họ cương quyết thi hành bản án. Samuels lại được đưa lên chiếc xe ngựa. Một nút thông lòng khác được gài vào cổ y,



rồi 2 con ngựa lại được quất cho chạy đi. Và một lần nữa, sợi dây lại đứt.

Và lần thứ ba, sự việc cũng diễn ra y như trước. Trước sự kiện kỳ quái, và trước áp lực của đám đông, viên đội trưởng hiến binh phải phi ngựa đến xin lệnh của thống đốc. Ông này cho lệnh hoãn cuộc hành hình, để tòa xét lại nội vụ. Đám đông hoan hỉ giải tán, nhưng có người đa nghi còn muốn tìm hiểu. Họ xem xét lại thật kỹ những sợi dây mà lúc này đã được dùng treo cổ tử tội. Dùng từng sợi để treo thử những đồ vật nặng, thì sợi nào cũng chịu được đến trọng lượng 200 ký. Trong khi đó, thân thể của tử tội cũng chỉ đến 80 ký là cùng.

Ít lâu sau, Simmonds bị xử treo cổ về tội giết người. Phần Samuels, sau khi mãn tù, ngựa quen đường cũ, y lại trở về cái nghề không vốn. Y bị bắt trở lại, nhưng lần này ở Newcastle. Trong khi đang thụ hình ở đây, y cùng một nhóm đồng tù cướp một chiếc thuyền, vượt ngục. Cả đám không ai bị bắt trở lại, nhưng không thấy ai đến bờ. Hình như tất cả đều bị chết ngoài biển.

Người thợ rèn không biết nóng

Nathan Coker sinh năm 1814, tại thị trấn Hillsborough, tiểu bang Maryland. Coker là nô lệ từ khi sinh ra, và ngay từ hồi còn nhỏ đã bị mua qua bán lại nhiều lần. Khi mới ngoài mười tuổi, người chủ của Coker là một luật sư, đối xử với anh ta rất tệ. Không bao giờ được ăn no, nên anh ta phải tìm cách ăn vụng, rồi do đó, anh ta khám phá ra mình có tài chịu được sức nóng.

Lần đầu, thừa lúc người nấu bếp ra khỏi nhà, Coker chạy vào bếp ăn vụng. Món nào cũng đang sôi sùng sục, nhưng đói và thèm quá, anh ta bốc đại ra ăn. Anh ngạc nhiên vì tay và miệng đều không thấy nóng. Từ đó về sau, anh ta lợi dụng khả năng này để ăn vụng, và cả trong lúc ăn thường nữa: Múc mỡ đang sôi uống, bốc bánh đang chiên nhai, uống cà-phê đang sôi...

Khi được tự do, Coker làm nghề

thợ rèn, tại thị trấn Denton, cũng thuộc tiểu bang Maryland. Trong những năm tháng Coker làm nghề rèn, khả năng chịu nóng của anh ta lại càng có dịp làm cho thiên hạ kinh dị.

Tờ *New York Herald* số ra ngày 7.9.1871 có đăng một bài tường thuật về Coker:

“Cuộc thí nghiệm hôm ấy được thực hiện tại phòng mạch của bác sĩ Stack, trước mặt nhiều người tai mắt của thành phố Easton, Maryland, trong đó có đại diện của 2 tờ báo địa phương, và 4 vị bác sĩ.

Chúng tôi nhóm một lò lửa bằng than đá, quạt cho thật hừng, rồi cho một cái xẻng sắt vào nung. Khi lưỡi xẻng đỏ rực, chúng tôi bảo Coker cứ tự ý “biểu diễn”. Anh ta cởi giày, lấy cái xẻng ra để xuống nền rồi đặt đôi chân trần lên, cho đến khi cái xẻng nguội đi. Các bác sĩ coi lại, thì thấy chân anh ta không có vết phỏng.

Cái xẻng được bỏ vào lò nung lại cho đến khi đỏ rực như lúc nãy. Anh ta cầm xẻng đưa miệng, dùng lưỡi liếm lưỡi xẻng cho đến khi nó đen hẳn lại. Các bác sĩ khám, thấy lưỡi anh ta vẫn bình thường.

Chúng tôi dùng nồi sắt nấu chảy một ít chì. Coker cầm nồi rót chì lỏng vào lòng bàn tay, rồi đưa tay lên trút chì vào miệng. Anh ta ngậm miệng lại rồi làm như đang súc miệng bằng chì lỏng. Khi anh ta nhổ ra, thì chì đã đóng cục. Trò này, anh ta làm đi làm lại nhiều lần. Sau mỗi lần, các bác sĩ đều có khám miệng anh ta. Nhưng họ không tìm thấy vết phỏng.

Cuối cùng, Coker vui hẳn hai bàn tay vào lò lửa giống như vui sắt để rèn. Rồi anh lại vui đùa bốc ra những nắm than đỏ, đi quanh phòng, đưa đến trước mặt chúng tôi, bảo thử đựng vào xem có nóng không. Sự thật, đứng cách nắm than anh cầm trên tay cả thước, chúng tôi cũng đã thấy nóng.

Có người hỏi Coker:

- Làm nghề rèn, mà anh không sợ nóng như thế này, chắc là tiện lắm?

Anh ta cười, đáp:

- Tất nhiên. Tôi thường chỉ dùng tay không lấy sắt nóng trong lò ra,

chớ không cần kèm kẹp gì cả.

Lòng tin được ban thưởng

Một người Bỉ tên là Pierre de Rudder, bị gãy chân trái vào năm 1867. Chỗ gãy về sau bị nhiễm trùng, nên các bác sĩ bảo phải cưa chân đi. Nhưng ông ta không chịu, cứ chữa qua quýt và cầu nguyện, với hi vọng một ngày nào đó, cái chân gãy sẽ lành lại. Ông ta chịu đau đớn, và đi lại bằng nạng trong 8 năm trời, cho đến ngày người chủ cũ của ông ta thương tình, thu xếp cho ông ta được có phương tiện thực hiện một chuyến hành hương đến điện thờ Đức Mẹ Lourdes, ở Oostakker (Bỉ). Ngày ấn định cho tin đồ phương xa tỵ đến là 7.4.1875.

Rudder sửa soạn ra đi từ đầu tháng giêng. Trước khi ông ta lên đường, bác sĩ Van Hoestengerghe có khám lại cái chân gãy. Bác sĩ ghi: “Chân trái có một vết thương hở, gần đầu gối. Ở chỗ này, hai cái xương bị gãy rời, hở ra đến 2 phân. Phần dưới của chân có thể xoay, gót ra phía trước, ngón chân ra phía sau chẳng hạn”. Rồi trước ngày Rudder lên đường, một bác sĩ khác khám lại, và thay băng.

Với tình trạng như vậy, khi đến nơi Rudder gần như kiệt sức. Nhưng vừa đến, thay vì ngồi nghỉ một lúc cho lại sức, ông ta chống nạng đi quanh điện thờ hai lần, rồi mới ngồi xuống cầu nguyện. Đột nhiên, ông ta buông nạng đứng thẳng dậy, đi đến chỗ tượng Đức Mẹ Lourdes, quì xuống, cúi đầu tạ ơn. Xong, ông ta lại bước ra, đi quanh điện thờ nhiều vòng, không cần nạng, cũng chẳng tỏ ra đau đớn gì cả. Nhưng bà vợ nhìn thấy chồng đột nhiên đi đứng bình thường một cách “lạ lùng” như thế, thì lại xúc động quá, ngất đi.

Khi nghe biết đầu đuôi câu chuyện, một bác sĩ địa phương xin khám cái chân của Rudder. Chỗ xương gãy đã liền lại, và vết thương đã hoàn toàn kín miệng.

Khi Rudder trở về nhà, đứa con trai nhỏ thấy ông không chống nạng,

không dám lại gần, vì cho là không phải cha của nó.

Bác sĩ Hoestengerghé khám lại, tuyên bố cái chân gãy đã tự nhiên lành lại.

Rudder tiếp tục đi lại tự nhiên, sống khoẻ mạnh và làm việc cho đến năm 1898. Về sau, để trả lời nhiều nghi vấn do các nhà khoa học, thần học, và báo chí nêu lên, chính bác sĩ Hoestengerghé đã xin gia đình và chính quyền quật mồ Rudder lên để khám nghiệm. Công việc khám nghiệm thực hiện vào ngày 24-5-1899, trước mặt nhiều nhà khoa học, thần học. Ai cũng thấy rõ chân trái của Rudder có một chỗ gãy được liền lại. Bản tường thuật cuộc khám nghiệm được đăng trên tờ *Revue des Questions Scientifiques* (Tập chí những vấn đề khoa học) số tháng 10.1899.

Nước ngọt giữa đại dương

Trong năm 1881, thuyền trưởng Neil Curry cùng vợ, 2 con, và một thủy thủ đoàn gồm 32 người, đưa chiếc tàu buồm *Lara* rời cảng Liverpool (Anh) để đến cảng San Francisco (Mỹ). Chuyến hải hành của họ suôn sẻ cho đến khi tàu còn cách bờ biển phía tây của Mỹ-Tây-Cơ khoảng trên 2.000 cây số, xảy ra vụ cháy trên tàu. Tất cả đều phải cấp tốc rời tàu, xuống 3 chiếc xuồng cấp cứu.

Trong khi họ lênh đênh giữa biển, thì vấn đề sinh tử là nước uống. Những cơn khát đã bắt đầu hành hạ mọi người. Những ai còn có sức, đều cố gắng nhắm hướng Mỹ-Tây-Cơ mà chèo, hi vọng sớm trông thấy đất, hoặc một chiếc tàu nào đó. Nhưng, xung quanh họ chỉ có nước biển và sự vắng lặng.

Trên 3 chiếc xuồng bơi cặp kè nhau, có tất cả 36 sinh mạng. Lúc bấy giờ, đã có 7 người hôn mê vì thiếu nước. Thuyền trưởng Curry cũng chập chờn nửa mê nửa tỉnh. Bỗng ông mơ thấy 3 chiếc thuyền của ông đi vào một vùng nước khác màu. Màu nước không giống màu nước biển.

Thuyền trưởng Curry sức tỉnh, lấy

một cái ca, vói tay ra mạn xuồng, múc nước ném thử. Nước ngọt! Đúng là nước ngọt. Ông múc nước đưa chuyền cho mọi người trong xuồng uống, đồng thời gọi báo cho 2 chiếc xuồng kia biết. Trong khoảnh khắc, tất cả mọi người biết họ vừa sống lại.

Về sau, 3 chiếc xuồng đều tới được đất liền an toàn, cả 36 người đều sống sót.

Chiếc bẫy không sập

John Lee làm công cho một người chủ giàu có là bà Emma Ann Keyse. Một sáng sớm, người ta phát hiện bà này bị giết chết, cổ họng bị cắt đứt, đầu bị bằm nát bằng lưỡi rìu. Hành động sát nhân thật dã man, và Lee bị buộc vào tội này. Anh ta có tiền án, và có bằng chứng là anh ta thù ghét bà Keyse. Sau cuộc điều tra, Lee bị xử tử.

Lee bị giam tại nhà lao Exeter, Anh quốc. Sáng ngày 23.2.1885, ngục tốt giải Lee từ phòng giam đến giá treo cổ, cũng ở trong sân của nhà ngục.

Tên ngục tốt đẩy Lee lên sàn giá treo cổ. Hai tay của Lee bị trói ra sau lưng. Người treo cổ bước lại, trùm vào đầu tử tội một cái túi màu trắng, diu anh ta lại đứng đúng vào vị trí, rồi quàng nút dây thòng lọng vào cổ. Khi được hỏi có muốn nói gì không, Lee nói “không”.

Viên cảnh sát trưởng vùng Exeter giám sát cuộc hành quyết, liền ra lệnh “rút chốt”. Người treo cổ lập tức kéo then gài, để chỗ đứng của tử tội sập xuống. Như vậy, tử tội sẽ bị treo tòn ten, và sẽ ngộp thở mà chết trong vòng vài phút.

Nhưng lần này, bẫy không sập. Chốt hãm rút rồi, nhưng chỗ Lee đứng vẫn không hạ xuống. Anh ta vẫn đứng nguyên đó, cái túi trắng bao quanh đầu, cái nút thòng lọng không thắt lại. Người ta đẩy tử tội sang bên, thử lại bộ máy, thì khi chốt được rút, nắp bẫy lập tức sập xuống, không trở ngại gì cả. Lee được đưa trở lại đứng trên nắp bẫy. Viên cảnh sát trưởng lại ra lệnh. Người treo cổ lại rút chốt.

Nhưng bẫy lại không sập. Người ta đành phải đưa Lee trở lại phòng giam.

Ngày hôm sau, người ta chữa lại cái giá treo cổ thật kỹ, đặc biệt chú ý chỗ nắp sập, cố bảo các mép sao cho thật trơn. Thử đi thử lại thật chắc ăn rồi, họ mới đưa Lee ra “tái hành quyết”. Nhưng hễ cho anh ta đứng vào chỗ, thì nắp bẫy lại không chịu sập. Lần nào cũng vậy. Viên cảnh sát trưởng dòm phía dưới giàn, không nhìn thấy gì lạ, tức giận chửi thề: “Mẹ cha nó. Làm như có một hòn núi đỡ chân thằng này vậy”.

Tử tội lại được trả về phòng giam, và cảnh sát trưởng làm tờ trình cho bộ trưởng nội vụ. Vị này truyền lệnh hoãn thi hành bản án, chờ xét lại nội vụ. Sau đó, báo chí khắp nước Anh, tờ nào cũng loan truyền cái tin lạ lùng đó, với những đầu đề thật giật gân như “Một con người có thần trợ”, “Một con người không thể bị xử”... Cuối cùng, Hạ Nghị Viện Anh phải nhúng tay vào. Kết quả, John Lee được cải án từ tử hình sang chung thân. Sau 22 năm thụ hình, anh ta được phóng thích. Ít lâu sau, anh ta lấy vợ, làm nghề ve chai. Anh ta chết bệnh năm 1943.

Câu chuyện John Lee bị đem treo cổ mấy lần mà không chết, được ghi rất kỹ trong tạp chí tư pháp *Annual Register* năm 1885. Trong đó, các giới chức có thẩm quyền lúc bấy giờ đã đưa ra nhiều nhận xét để giải thích sự kiện lạ lùng kia. Tựu trung, có 2 nhận xét có giá trị hơn cả:

1. Những cơn mưa trong đêm trước làm nở những mép gỗ, khiến nắp bẫy bị cản, không sập xuống được. (Nhưng sao sau khi được bảo sửa, nắp vẫn không sập?).

2. Mỗi khi hành quyết một tử tội, bên cạnh y luôn luôn có một vị linh mục đứng. Có thể sức nặng của người này làm vênh mép gỗ, khiến nắp bẫy bị kẹt. (Nhưng chẳng lẽ lần nào, ông linh mục cũng đứng ở vị trí đó).

Nghĩ cho cùng, chỉ có một nhận định khả chấp nhưng khó lý giải, là có một sức đỡ vô hình dưới chân người tử tù lúc bấy giờ.

Đi trên đá cháy

Tiến sĩ William T. Brigham là Giám đốc Viện Bảo Tàng Nhân chủng học tại Honolulu từ năm 1888 đến năm 1918. Hồi còn trẻ, ông đã một lần thử đi trên lửa. Về sau, ông thuật lại câu chuyện cho nhà văn Max Freedom Long viết thành tài liệu như sau:

“Tôi làm chuyện ấy năm 1880, với sự hướng dẫn của những tu sĩ bạn của tôi, người Hạ-Uy-Di.

Tôi theo các tu sĩ bạn trèo lên một ngọn hỏa sơn. Đến trưa, thì chúng tôi đến một vùng khói mù bao bọc, và mùi lưu hoàng càng lúc càng nồng. Đến khoảng 3 giờ chiều, thì chúng tôi đến gần nguồn dung nham. Quang cảnh chỗ này thật là hùng vĩ. Một phía sườn núi nứt ra, ngay trên rừng cây một đoạn, và từ những kẽ nứt, dung nham gầm thét phun lên trời cao chừng 5, 6 chục thước, rồi rơi xuống một chỗ trũng tạo thành một cái ao sôi sục. Từ góc thấp, dung nham chảy ra thành dòng, như con suối nhỏ.

Trước khi mặt trời lặn chừng một tiếng, chúng tôi tìm lối đi xuống theo dòng dung nham này, mong gặp một chỗ thuận tiện làm thí nghiệm. Những tưởng là sẽ gặp được chỗ ấy trong đêm, nhưng mãi đến sáng hôm sau, chúng tôi mới gặp. Đây cũng là một chỗ trũng, nhưng rộng, và cách xa nguồn phun, nên dung nham gần trở lại dạng đặc. Ném xuống một cục đá, thấy cục đá không chìm, chúng tôi biết là có thể đi trên mặt cái ao “đá cháy” ấy được rồi. Vấn đề còn lại là chúng tôi có bị chết thui hay không thôi.

Chúng tôi ngồi xuống cởi giày và tất, rồi lấy lá “tì” đem theo bó kín bàn chân. Lá “tì” là thứ lá “kị lửa”. Các bạn tôi bắt đầu đọc những câu thần chú, và bảo tôi đọc theo. Tôi vừa đọc vừa nhìn đôi giày, và nghĩ dù gì thì chân có mang giày cũng đỡ nóng hơn. Tôi lại cố mang thêm giày ra ngoài lớp lá “tì”.

Cả bọn đã sẵn sàng vượt “ao lửa”. Đứng trên bờ, cách mép dung nham đến vài chục thước, chúng tôi cũng

cảm thấy sức nóng tỏa ra rất mật. Cây cối xung quanh đã rụi cả. Mấy tu sĩ bạn ra hiệu cho tôi bước xuống trước, nhưng tôi lùi lại. Người tu sĩ trưởng đoàn liền bước xuống, rồi nhanh nhẹn đi ra giữa, băng qua bờ bên kia. Tôi chăm chú nhìn theo. Ông ta có vẻ “không việc gì”, nhưng có lửa bốc cháy dưới chân.

Tôi bỗng bị một người trong bọn xô mạnh tới. Để khỏi té sấp, tôi chạy vọt tới trước, ra ao lửa. Rồi cầm đầu chạy hết tốc độ sang bên kia. Hai bàn chân tôi bỗng bị kẹp lại, đau đớn như có ai dùng “ê-tô” siết lại. Tôi chợt hiểu: Hai chiếc giày bị nóng đang co lại. Tôi qua đến bờ bên kia an toàn, nhưng phải vội vàng rảy chân cho hai chiếc giày đang cháy thành than văng đi. Dùng tay phải than lá “tì” bắm trên đôi chân, tôi cảm thấy hai bàn tay rất nóng, nhưng hai bàn chân lại không nóng. Cả bọn chúng tôi đều sang đến nơi bình yên. Chân mọi người đều không bị phỏng.

Một lời nguyện ứng nghiệm

Chàng thanh niên Will Purvis bị bắt giam, rồi bị xử treo cổ, về tội giết một trại chủ ở Columbia, tiểu bang Mississippi. Nhưng thật ra, Purvis không phạm tội. Trước bồi thẩm đoàn, anh ta đã thề không hề giết người, nhưng họ không tin, vẫn buộc tội anh. Anh tức giận hét to giữa phiên tòa: “Tôi sẽ không chết trước các người đâu. Chờ mà coi”.

Sáng ngày 7.2.1894, Purvis bị dẫn lên giàn treo cổ. Sau tiếng hô của viên chức giám sát, người treo cổ rút chốt hãm, tấm ván sập xuống, Purvis rớt theo, nhưng không bị treo. Cái nút thông lọng không hiểu vì có gì, đã không thắt lại, mà tuột qua đầu tội nhân. Purvis ngã xuống đất, mặt mày xây xát.

Đám đông hiện diện, vốn đã có ý nghi ngờ vụ án, không tin là Purvis phạm tội, liền đồng thanh lên tiếng đòi nhà chức trách phải tha nghi can lập tức. Họ lập luận rằng, Thượng đế đã tha, thì con người không thể xử được. Họ làm dữ, nên cảnh sát trưởng

Irvin Magee đành phải nhượng bộ, cho dẫn Purvis trở lại nhà giam.

Bản án được hoãn thi hành, nên luật sư của Purvis có thì giờ tìm thêm bằng chứng giải tội cho thân chủ. Nhưng bao nhiêu đơn xin tái thẩm cũng đều bị tòa kháng cáo của tiểu bang bác bỏ. Và lần hành hình mới được ấn định vào ngày 12.12.1895. Nhưng trước đó mấy ngày, thừa dịp một đêm mưa gió, một nhóm bạn giúp Purvis vượt ngục thành công. Rồi anh ta sống lẩn trốn trong vùng, nhờ sự che chở của những người thương tình. Ít lâu sau, nhân dịp vị thống đốc mới của tiểu bang Mississippi là một người nhân từ, Purvis ra trình diện để xin xét lại. Vị thống đốc tìm mọi cách cải án cho anh ta ra tù chung thân. Còn sống là còn hi vọng. Cả chục ngàn lá thư từ khắp nơi gửi đến các cơ quan tiểu bang và liên bang, thỉnh cầu phóng thích Purvis. Cuối cùng, anh ta được tha vào cuối năm 1898.

Mười chín năm sau, một người dân vùng Columbia, tên là Joseph Beard, nằm trên giường bệnh, tự ý thú nhận với hai vị linh mục và bác sĩ hiện diện rằng chính y đã giết người trại chủ kia, và đã hèn nhát để cho Purvis phải chịu tội thay một thời gian. Sau đó, Purvis được tòa án chính thức tuyên bố vô tội.

Một điều ngẫu nhiên kỳ lạ đáng nêu ra nữa, là Purvis qua đời ngày 13.10.1938, ba ngày sau ngày chết của người sống thọ nhất trong bồi thẩm đoàn trước kia đã kết tội anh ta.

Cũng là bất hoại

Tu sĩ Charbel Makhoul qua đời năm 1898, tại tu viện Thánh Maroun ở Annaya, nước Li-Băng, và cũng được chôn cất tại đây. Sau đó ít lâu, người ta thường trông thấy những ánh sáng lạ quanh mộ của ông. Ai cũng ngạc nhiên, vì theo truyền thống của dòng tu Maronite, ông cũng được chôn giống như các tu sĩ khác, nghĩa là không có quan tài. Đâu có cái gì khác để có thể phát quang?

Người ta đào lấy xác lên. Vì là

đang mùa mưa, đất trong huyết sưng nước. Xác đã được chôn cả tháng, nhưng không thối rửa chút nào. Cũng không có mùi hôi. Người ta liền đem tấm rửa xác cho thật sạch, mặc quần áo mới, đặt vào một quan tài bằng gỗ, rồi đem quan ở nhà nguyện của tu viện. Quan tài không đóng nắp, để có thể thỉnh thoảng mở ra coi chừng.

Ít lâu sau, người ta nhận thấy xác tiết ra một chất nhờn như dầu. Coi kỹ thì giống như máu lẫn với mồ hôi. Chất này tiết ra đẫm và liên tục, nên cứ phải thay quần áo hoài. Sự kiện dị thường này được truyền ra ngoài tu viện. Có người đến xin những quần áo thay ra, đem về giữ như thánh vật. Họ bảo để dành chữa bệnh.

Hai mươi chín năm sau ngày tu sĩ Makhlouf chết, xác của ông được một hội đồng gồm nhiều bác sĩ khám nghiệm. Hội đồng tuyên bố xác vẫn nguyên vẹn như mới chết. Bản phúc trình của hội đồng, cùng với những tờ khai nhận xét tại chỗ của một số nhân chứng, được bỏ vào một cái ống bằng kẽm, đặt bên cạnh xác, trong một chiếc quan tài mới bằng kẽm lót gỗ. Chiếc quan tài được đem đặt sát tấm vách hậu của tu viện, rồi xây gạch phủ kín xung quanh. Đó là vào năm 1927.

Năm 1950, có nhiều khách hành hương nhận thấy có chất nước lạ rỉ ra bên ngoài vách mộ, nên người ta lại một lần nữa lấy quan tài ra. Lần này, ngoài các y sĩ, hội đồng khám nghiệm còn gồm nhiều vị chức sắc trong giáo hội. Mọi người đều có chung một cảm tưởng: Trông tu sĩ Makhlouf như đang nằm ngủ. Xác vẫn tuyệt nhiên không có dấu hiệu rửa nát. Quần áo thì đã bị mục một phần. Trong quan tài, cũng như lần trước, có một chất dầu. Có chỗ, chất dầu đông lại. Riêng chiếc ống kẽm đựng biên bản khám nghiệm lần trước thì đã có dấu rỉ sét.

Đến năm 1977, Charbel Makhlouf được phong thánh.

Chuyện Đại tá Gudgeon

Đại Tá Gudgeon, người đã đi trên đá nóng, viết trong nhật ký: "Trong

khí bước đi trên những tảng đá đã được đốt nóng, tôi vẫn tỉnh táo, vẫn ý thức được là mình đang làm thí nghiệm, và vẫn cảm thấy nóng ở chân. Nhưng cuối cùng, tôi đã đi qua được, và chân hoàn toàn không bị phỏng. Trong khi bước đi, thỉnh thoảng tôi cảm thấy như bị điện giật. Tôi bước đi chậm chớ không phải chạy. Trong khi bước đi, tôi có ý nghĩ là da chân của tôi sẽ lột hết. Nhưng rồi không sao. Qua được rồi, trong chân chỉ có cảm giác như bị gai châm. Tuy nhiên, tôi không hề dám bảo ai làm thử như tôi. Người nào có "thần năng" mới làm được".

Nói thế, chớ "thần năng" của Đại Tá Gudgeon cũng chỉ là "mượn". Năm 1899, ông ta cùng ba người Anh nữa tới đảo Rarotonga (trong quần đảo Cook, nam Thái-Bình-Dương) chơi, tình cờ tham dự cuộc biểu diễn "đi trên đá nung" của thổ dân ở đây. Sau khi các thổ dân biểu diễn xong, người thủ lĩnh hướng vào một người Anh tên là Goodwin, trao cho ông này một cành lá "ti", nói:

- Đây, tôi truyền cho ông "mana" (thần năng). Ông hãy dẫn các bạn ông đi qua bãi lửa đi.

Tất cả người Anh hiện diện đều cởi giày cởi tất, đi theo Goodwin qua "bãi lửa". Goodwin, Gudgeon, và bác sĩ Craig đều sang đến nơi an toàn, chân không bị phỏng. Riêng người em trai của bác sĩ, vì không nghe lời dặn của người thủ lĩnh, chưa qua hết bãi, đã quay lại nhìn, nên chân bị phỏng thật nặng. Cả tháng sau, anh ta mới đi lại được.

Nhưng sau khi đi qua được "bãi lửa", Đại tá Gudgeon và các bạn của ông, vẫn còn bàng hoàng, không tin mình làm được một chuyện khác thường. Họ tỏ ý nghi ngờ độ nóng của những viên đá kia. Có lẽ chỉ nóng vừa thôi? Nghe hiểu, người thủ lĩnh thổ dân cười lên khanh khách, lấy một cành lá "ti" còn xanh, ném xuống bãi. Cành lá lập tức bốc cháy.

Câu chuyện về Rasputin

Rasputin (1872-1916) là một

người Nga, nổi tiếng nhờ có "tài lạ". Xuất thân là nông dân thất học, sau trở thành "giáo sĩ tự phong", và "ngự y" cho gia đình vị Nga Hoàng cuối cùng Nicolas II. Thật ra, Rasputin có tài thôi miên và ám thị. Với khả năng này, cộng thêm cung cách "dị thường", Rasputin đã khiến cho Hoàng Hậu Alexandra tin. Bà này có đứa con trai duy nhất là Alaexis mắc chứng bệnh nan y "huyết không đông". Lúc bấy giờ, chỉ một mình Rasputin có thể làm cho Thái tử dịu cơn đau.

Trong cuộc sống, nhìn thấy Rasputin thì ai cũng muốn tránh: Dơ dáy, cử chỉ thô kệch, uống rượu như hũ chìm. Nhưng Hoàng thân Yusupov (người mà ai cũng nghĩ là đã giết chết Rasputin) tả y: "Đôi mắt của Rasputin nhìn tôi, sáng như ánh lân tinh. Từ đôi mắt ấy phóng ra hai luồng ánh sáng giao nhau, tạo nên một vòng tròn chói lọi. Từ từ tôi mê đi, và chịu sự sai khiến của y".

Năm 1905, Rasputin được đưa vào cung giới thiệu với nhà vua và hoàng hậu, như một vị "thần y" có thể chữa lành mọi bệnh mà không cần thuốc. Rồi từ đó, với sự tin cậy của hoàng gia, nhất là của hoàng hậu, y đóng một vai trò khá quan trọng trong nền chính trị đang rối ren của Nga thời tiền Cách mạng. Do đó, y bị nhiều người thù ghét, trong triều cũng như bên ngoài.

Lúc còn sống, và còn được hoàng gia che chở, Rasputin thường khoe khoang rằng y biết trước tất cả những gì sẽ xảy ra cho y. Ai mưu hại y, thì hãy coi chừng, vì y biết trước tất cả. Thật ra, y chỉ có một khả năng lạ lùng là "sống dai" mà thôi.

Năm 1914, Rasputin bị một người phụ nữ nông dân dùng dao găm đâm một nhát lút cán vào bao tử. Nhìn thấy vết thương, ai cũng tưởng là y sẽ không qua khỏi. Nhưng cuối cùng y vẫn sống.

Ngày 29.12.1916, Rasputin được hoàng thân Yusupov mời tới tư dinh ăn cơm. Y là người khách đầu tiên đến nơi. Trong khi chờ đợi người khác (thật ra hoàng thân chỉ mời một

mình y), y tự tiện lấy bánh ăn, và lấy rượu uống (chủ tiệc biết trước y sẽ làm như vậy), không hề biết trong đó có thuốc độc. Khi hoàng thân bước vào, thấy y vẫn “như không” sau khi ăn bánh uống rượu, lấy làm kinh hãi. Ông liền rút súng bắn y một phát, đạn xuyên từ lưng trở ra trước ngực. Y ngã sấp xuống sàn, nằm bất động. Máu trào ra lênh láng.

Hoàng thân đợi một lúc, rồi gọi thuộc hạ bảo khiêng xác Rasputin đem ném xuống sông Neva. Nhưng hoàng thân vừa quay lưng bỏ đi lên lầu, thì Rasputin ngóc dậy, bằng hai tay và hai đầu gối, bò đuổi theo rất nhanh đến đầu cầu thang, chúi xúi nữa thì túm được chân của hoàng thân. Hoàng thân phải bắn trúng y 2 phát nữa, thì y mới chết.

Nhưng Rasputin vẫn chưa “chết hẳn”. Khi bọn lính của hoàng thân Yusupov đem y ra sông Neva, thì thấy toàn mặt sông đều đóng băng. Họ biết không thể để cho thiên hạ nhìn thấy xác của y. Vua và hoàng hậu biết chuyện, thì họ chết. Họ bàn nhau moi một lỗ trong băng để vùi xác xuống. Trong khi làm việc này, mấy người lính bỗng hoảng hốt la lên, vì trông thấy xác chết thở. Mấy ngày sau, theo lệnh của hoàng thân, cũng mấy người lính đó phải trở lại chỗ cũ, moi xác lên để đem chôn chỗ khác cho kín đáo. Họ lại một phen kinh hoảng nữa, khi trông thấy đôi mắt của Rasputin mở nhìn họ trừng trừng, tay mặt giờ lên trán, tay trái úp vào ngực, như đang làm dấu ban phúc lành.

Padre Pio

Giovannino là một đứa bé trai chín tuổi tật nguyền. Nó sinh ra đã chịu tật. Xương sống của nó cong và yếu quá. Nó không thể đứng và đi được. Bằng hai tay và hai đầu gối, hằng ngày nó bò khắp tiểu thị trấn Foggia (miền nam nước Ý), để xin ăn. Nó là nỗi đau khổ không cùng của cha mẹ nó. Họ nghèo quá, không đủ sức giữ nó ở nhà để nuôi. Nó là mối thương tâm cho cả thị trấn. Họ cho nó vài xu, mỗi khi gặp nó bò trên đường. Nhưng bọn trẻ chưa tới tuổi biết nghĩ, thì lại hay chọc ghẹo nó.

Một hôm, đang bò trên đường, bé Giovannino bỗng cảm thấy có ai đụng trên lưng. Nó giựt mình. Rồi bỗng nó đứng thẳng lên, nhìn thấy một ông thầy tu đứng bên cạnh, một bàn tay đang chảy máu. Nó chợt nhớ ra, kêu lên:

- Padre Pio! Padre Pio!

Nhưng ông thầy tu đã bỏ đi.

Giovannino vừa chạy vừa nhảy như con cừu con về nhà. Chưa về đến cửa, nó đã kêu cha mẹ: “Cha mẹ ơi, Padre Pio đã rời con”. Cha mẹ nó chạy ra, nhìn thấy đứa con phải bò từ lâu nay, đã đi đứng được, liền quì xuống tạ ơn.

Padre Pio sinh năm 1887, tại làng Pietrelcina, cũng thuộc miền nam nước Ý. Khi được 17 tuổi, ông vào dòng tu Phan-xi-cô. Suốt 11 năm, ông sống lặng lẽ trong tu viện. Rồi, đột nhiên ngày 20.9.1915, ông cảm thấy đau đớn ghê gớm ở hai bàn tay, hai bàn chân, và ở cạnh sườn. Các bác sĩ khám, không tìm thấy nguyên nhân; và họ cũng không biết cái đó báo trước một chuyện khác thường.

Ba năm sau, ngày 20.9.1918, trong khi đang cầu nguyện trong giáo đường Foggia, Padre Pio bỗng nhiên ngã xuống, bất tỉnh. Hai bàn tay, hai bàn chân, và hông đang chảy máu. Những vết thương của Jesus khi chịu đóng đinh đã hiện lên người của Padre Pio. Ông mang những dấu vết này mãi đời.

Nhưng không phải ai cũng tin Padre Pio là thánh thiện. Có người

cho là ông bày trò lừa bịp, và muốn lật tẩy. Trong số đó, gần hơn cả là Bác sĩ Ricciardi, sống tại thị trấn San Giovanni Rotondo, cũng gần tu viện của Padre Pio. Chẳng ngờ, một hôm Bác sĩ Ricciardi bỗng nhiên lâm trọng bệnh. Hai bác sĩ bạn thân của ông đến khám, đều xác nhận ông bị một cục bướu trong não, không chữa được. Gia đình người bệnh có nghĩ tới Padre Pio, nhưng không dám nhờ. Bác sĩ Ricciardi là một nhà khoa học duy lý và cực đoan. Ông đã nói cứ để cho ông chết trong yên tĩnh, đừng mời linh mục. Ông sẽ đuổi họ, nếu họ đến.

Một hôm, đang quần quai trên giường bệnh, cảm thấy cái chết đã gần kề, bác sĩ Ricciardi chợt mở mắt và nhìn thấy Padre Pio đứng ở cửa phòng. “Ai mời ông ta đến vậy?”, người hấp hối gắng gượng rên lên.

Nhưng vị tu sĩ điềm nhiên bước lại gần giường bệnh, bắt đầu cầu nguyện bằng tiếng La-Tinh: “Cầu xin bình yên cho ngôi nhà này, cho những người sống trong ngôi nhà này. Xin mời Chúa vào đây với chúng con. Xin đón hạnh phúc, sung túc, vui mừng, và bác ái, cùng bước vào ngôi nhà đơn sơ này. Xin Chúa đuổi quỷ dữ đi, và gọi thiên thần vào”. Rồi Padre Pio hỏi người bệnh có bằng lòng để ông làm phép xúc đầu không. Ricciardi đưa tay ra cầm lấy bàn tay của vị tu sĩ, và gật đầu.

Padre Pio nói:

- Tâm hồn ông bình yên từ bây giờ. Còn thân thể của ông sẽ trở lại bình thường trong vài ngày nữa.

Mấy ngày sau, Bác sĩ Ricciardi đã có thể rời giường bệnh. Và Giáng-sinh năm ấy (1929), ông đến dự lễ tại nhà thờ.

Tiếng tăm Padre Pio lan khắp thế giới, nhưng ông ít khi rời khỏi tu viện. Trong khi đó, chỗ này chỗ kia, nhiều khi rất xa nơi ông đang ở, lại có người nói rằng đã được chính ông tới nhà chữa cho lành bệnh.

Padre Pio qua đời ngày 28.9.1968. Những người sùng bái ông đang mong đợi ngày ông được phong thánh.



Tâm Thư của các Trung-Tâm Văn Bút VNHN Gửi Giới Cầm Bút VN tại Hải-Ngoại

Thưa quý vị,

Qua thư của ông Viên Linh (cựu chủ tịch BCH VBVNHN) đề ngày 15.1.1996 “gửi các nhà văn Việt Nam” và một bản tin với tựa đề “Trả lại Văn Bút cho các nhà văn” được đăng trên một số báo, chúng tôi - các Trung tâm Văn bút Việt nam Hải ngoại ký tên dưới đây - thấy cần phải lên tiếng để sự thật được sáng tỏ và để đóng góp tốt nhất cho Văn bút VNHN.

Trước hết, chúng tôi xin minh xác rằng Văn bút VNHN hiện có tám Trung tâm chính thức hoạt động. Sáu trong tám Trung tâm đã tham dự Đại hội VBVNHN kỳ 5 trong hai ngày 25 và 26 tháng 11.1995 tại Orange County, California, Hoa kỳ.

Đại hội này do ông Viên Linh nhân danh Ban Chấp Hành đứng ra tổ chức. Thay vì tổ chức một cách nghiêm túc, ông Viên Linh đã làm nhiều điều khiến mọi người thấy rõ dụng ý của ông ta là chỉ muốn được tái đắc cử và khi biết không được đa số đại biểu trong Đại Hội Đồng tín nhiệm, ông Viên Linh đã có những hành động phá hoại Đại Hội Đồng như sau:

- Đem người ngoài Văn Bút vào gây xáo trộn trong phiên họp Đại Hội Đồng chiều ngày 25.11.95 để lèo lái Đại Hội Đồng theo ý riêng, bất chấp Điều Lệ, xúc phạm các đại biểu. Dù

vậy, đa số đại biểu đã phải nhẫn nhịn, nường theo để cứu văn nhưng vô hiệu. Phiên họp chấm dứt mà không kết quả.

- Dời địa điểm họp Đại Hội Đồng và hủy bỏ phiên họp Đại Hội Đồng trưa ngày 26.11.95 một cách đơn phương và bất thần vào giờ chót khiến Đại Hội Đồng nếu không phản ứng mau lẹ thì không quyết định gì được. Mục đích là phá hoại Đại Hội, làm Đại Hội tan vỡ để rồi dựa vào bản Điều Lệ, tự động lưu nhiệm ba tháng và tổ chức phiên họp thứ hai với tấc số bao nhiêu đại biểu cũng hợp lệ, mặc sức tung hoành.

Trước tình huống cấp bách đó, đại biểu các Trung tâm đã hội ý với nhau và quyết định phải hành động mau lẹ, sử dụng những quyền hạn được quy định trong bản Điều Lệ. Đại Hội Đồng đã mượn được một địa điểm tại Fountain Valley để tiếp tục họp vào hồi 1 giờ 30 ngày 26.11.95 và đã quyết định:

- Chấm dứt nhiệm vụ Ban Chấp Hành VBVNHN nhiệm kỳ 93-95 vào ngày 26.11.95, đúng ngày giờ đã mãn nhiệm kỳ.

- Thành lập một Ban Chấp Hành lâm thời mà nhiệm vụ là tổ chức Đại Hội Đồng kỳ 5 khoá 2 trong vòng 3 tháng theo Điều Lệ qui định và giải quyết các việc thường vụ của Hội. Với tinh thần liên trung tâm, theo

truyền thống của Văn Bút VNHN, mỗi Trung tâm đã cử một đại biểu vào Ban Chấp Hành lâm thời để làm việc với tinh thần trách nhiệm tập thể.

Đại Hội Đồng đã phải đưa ra những quyết định trên đây vì các đại biểu từ nhiều nơi bỏ thì giờ và tiền túi đem thiện chí tới họp không thể chia tay ra về và phó mặc tương lai Văn Bút trong tay một cá nhân đã phơi bày rõ rệt sự vô trách nhiệm và tham vọng thấp kém.

Cũng tham vọng đó là lý do và động cơ đã đưa đến “Thư của Viên Linh gửi các nhà văn Việt Nam” ngày 15.1.96 và bản tin “Trả lại Văn Bút cho những người cầm bút” với mục tiêu không che giấu là sửa đổi bản Điều Lệ VBVNHN theo ý cá nhân ông Viên Linh không theo thủ tục tu chính hợp lệ.

Bằng hai bản văn trên đây, ông Viên Linh đã cố lôi kéo các nhà văn vào làm bình phong cho hành động bất chính của mình với chiêu bài “mang Văn Bút trả lại cho các nhà văn”. Chiêu bài này là một sự lãng mạ đối với tất cả các hội viên Văn Bút và chỉ nhằm mục đích lừa phỉnh dư luận, vì Văn Bút VNHN do các nhà văn thành lập và luôn luôn mở rộng cửa đón nhận các nhà văn. Không ai cướp đoạt của ai, và không có ai bị cướp đoạt. Chính ông Viên Linh khi còn là chủ tịch, trong văn thư đề ngày 15.9.95 do ông ký tên, đã cho biết Văn bút VNHN hiện có hơn 400 văn hữu hội viên, bây giờ cũng chính ông ta lại miệt thị những văn hữu là “ký lại” (?)

Cũng qua nội dung sách động của hai bản văn trên đây, ông Viên Linh đã gieo mầm mống chia rẽ giữa những người cầm bút Việt Nam ở hải ngoại: giữa người trong Văn Bút và người ngoài Văn Bút, giữa những người cầm bút lớp trước và những người cầm bút lớp sau... Văn Bút không phải chỉ là của những người cầm bút đã thành danh từ mấy mươi năm trước mà còn là của những người viết trẻ đầy sức sáng tạo, mở rộng tầm nhìn về tương lai.

Chúng tôi không tin rằng mấy

chục người được nêu tên trong bản tin dưới tựa đề “Trả lại Văn Bút cho các nhà văn” đều đồng ý để tên tuổi mình được dùng vào mưu đồ bất chính của một cá nhân. Chưa kể một số người cho biết đã bị nêu tên một cách tự động, và rất nhiều vị khác nhận được thư nhưng đã không trả lời.

Thưa quý vị,

Cái gọi là “Đại hội Văn Bút” được ông Viên Linh dựng ra tại quận Cam vào ngày 24.2.96, nếu thành hình, không phải là một đại hội của Văn Bút VNHN vì các lý do sau đây:

1. Ông Viên Linh không có tư cách để tổ chức Đại Hội VBVNHN vì Ban Chấp Hành do ông làm chủ tịch đã chấm dứt nhiệm vụ từ ngày 26.11.95. Từ ngày đó, các Trung tâm thuộc Văn Bút VNHN không còn nhìn nhận ông Viên Linh là chủ tịch, và Văn Bút Quốc tế cũng không còn coi ông là chủ tịch Ban Chấp Hành VBVNHN (theo tinh thần văn thư ngày 22.12.95 của Văn bút Quốc tế).

2. Việc tổ chức “đại hội” đã vi phạm bản Điều Lệ của Văn Bút VNHN ngay từ đầu, từ thủ tục triệu tập đến tư cách các đại biểu.

3. Trầm trọng hơn nữa, ông Viên Linh là người đã chủ động thuê mướn nhân viên an ninh tư xâm nhập cuộc họp của Trung tâm Văn bút Tây Nam Hoa kỳ ngày 20.1.96, dùng bạo lực áp giải nhà văn Ngọc Anh - một thành viên Ban Chấp Hành - ra khỏi phòng họp, không cho phát biểu. Hành động

đàn áp thô bạo quyền phát biểu nói trên đã bị đa số hội viên có mặt bỏ ra về để phản đối, trừ vài người đồng lõa ngồi lại.

Bà Ngọc Anh đã gửi kháng thư tới Ban Chấp Hành Lâm Thời VBVNHN, và Đại Hội Đồng trong phiên họp sắp tới tại Houston sẽ cứu xét và có quyết định về biến cố này.

Hành động trên đây của ông Viên Linh là một vết nhơ, một sỉ nhục đối với Văn Bút VNHN, và Văn bút Quốc tế cũng sẽ không bỏ qua việc đàn áp quyền phát biểu theo lối phát-xít lại diễn ra ngay trong nội bộ Văn Bút mà nạn nhân là một hội viên Văn Bút, hơn nữa - một nữ hội viên.

Hành động này đã chứng tỏ hùng hồn ông Viên Linh không những bất chấp Điều Lệ Văn Bút VNHN mà còn chà đạp lên điều căn bản nhất của Hiến Chương Văn bút Quốc tế, không xứng đáng là một hội viên Văn Bút. Một người như vậy làm sao có tư cách đứng ra triệu tập một đại hội nhân danh Văn Bút, nói gì đến việc làm “rạng danh” cho các nhà văn Việt Nam như ông ta hứa hẹn? Người cầm bút tự trọng sẽ có cảm nghĩ ra sao khi tới dự một hội nghị được triệu tập bởi một người chà đạp lên quyền phát biểu của một nhà văn?

Thưa quý vị,

Bản Điều Lệ hiện tại của Văn Bút VNHN đã được soạn thảo, được tham khảo ý kiến rộng rãi trong văn giới từ mười năm trước, và được thông qua

tại kỳ Đại Hội Đồng ở Montreal năm 1989. Nhờ có bản Điều Lệ này mà Văn Bút VNHN trước đây chỉ gồm một nhóm nhỏ ở Paris, ngày nay bành trướng trên khắp thế giới. Cũng nhờ sinh hoạt có quy củ và nền nếp, tôn trọng Điều Lệ, mà Văn Bút VNHN tạo được uy tín trên trường quốc tế.

Nay bỗng dưng, vì thất bại trong tham vọng bất minh, chính người đã ký tên vào bản văn Điều Lệ năm 1989 là Viên Linh, lại tung ra lời buộc tội bản Điều Lệ là “kỳ quái” trước công luận và đòi hỏi sửa đổi theo ý riêng, mà không thông qua các thủ tục đã được qui định. Việc này chưa xảy ra với bất cứ tổ chức nào, và cũng sẽ không thể xảy ra với Văn Bút VNHN. Xin quý vị tiếp tay với chúng tôi để ngăn chặn điều này, vì nếu để xảy ra sẽ gây hậu quả trầm trọng cho Văn Bút VNHN.

Đại Hội Đồng Văn Bút VNHN kỳ 5 khóa 2 tại Houston trong hai ngày 24 và 25 tháng 2.96 tới đây do Ban Chấp Hành Lâm Thời tổ chức theo quyết định của Đại Hội Đồng ngày 26.11.95, Đại Hội Đồng sẽ mở xê, thảo luận và biểu quyết mọi vấn đề quan thiết của Hội do các Trung tâm đề nghị: sửa đổi vài điều khoản chưa được chính xác trong bản Điều Lệ, thừa nhận các Trung tâm tân lập, thành lập “Hội đồng Văn bút” (do đề nghị của Trung tâm Bắc Cali và Trung tâm Âu châu) đang nằm trong hồ sơ từ hơn hai năm nay vì sự chống đối công khai của ông Viên Linh, vì ông cho rằng hội đồng này sẽ “ngồi trên” và giám sát Ban Chấp Hành. Sự thực, “Hội đồng Văn bút” sẽ gồm những vị cầm bút có uy tín được mời tham dự với mục đích ngăn ngừa một vài cá nhân trong Ban Chấp Hành có thể lạm quyền, đi sai đường lối, như đã xảy ra mấy tháng nay.

Đại Hội Đồng cũng có nhiệm vụ bầu Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 95-98, mà sự việc đã bị bóp méo trên nhiều tờ báo trong mấy tháng qua. Con khủng hoảng nội bộ Văn Bút VNHN hiện nay không phải là việc tranh chấp giữa hai liên danh tranh cử, mà chỉ là hành động vô kỷ luật của một

Cái gọi là “Đại hội Văn Bút” được ông Viên Linh dựng ra tại quận Cam vào ngày 24.2.96, nếu thành hình, không phải là một đại hội của Văn Bút VNHN.

Ông Viên Linh không có tư cách để tổ chức Đại Hội Văn Bút VNHN vì Ban Chấp Hành do ông làm chủ tịch đã chấm dứt nhiệm vụ từ ngày 26.11.1995. Từ ngày đó, các Trung tâm thuộc Văn Bút VNHN không còn nhìn nhận ông Viên Linh là chủ tịch, và Văn Bút Quốc tế cũng không còn coi ông là chủ tịch Ban Chấp Hành Văn Bút VNHN (theo tinh thần văn thư ngày 22.12.95 của Văn bút Quốc tế).

Việc tổ chức “đại hội” đã vi phạm bản Điều-lệ của Văn Bút VNHN ngay từ đầu, từ thủ tục triệu tập đến tư cách các đại biểu.

vài cá nhân mà Đại Hội Động phải tìm biện pháp giải quyết.

Trong cuộc bầu cử sắp tới, liên danh Viên Linh-Nguyễn Thạch Kiên vẫn được chấp nhận tranh cử với liên danh Sơn Tùng-Tuệ Nga, mặc dầu ông Viên Linh không còn là "đại biểu của một Trung tâm" như Điều Lệ đòi hỏi, mà ông cho là "kỳ quái".

Thưa quý vị,

Các đại biểu hy sinh thì giờ, tiền bạc, sự an vui với gia đình để tới họp Đại Hội Đồng tại Houston không nhằm mục đích tìm danh, tìm lợi; không phải vì đầu óc bè phái, không phải để ủng hộ cá nhân nào trong việc bầu cử Ban Chấp Hành, nhưng chỉ vì

vọng nguyệt tư cố hương

Cử đầu vọng minh nguyệt

Đề đầu tư cố hương

Lý Bạch

Ngước mặt nhìn trăng chợt nhớ quê
Nỗi buồn lay động cả sao khuya
Tình quê cứ mãi còn trong nhớ
Rượu uống mừng xuân cũng não nề.

Ngước mặt nhìn trăng chợt thần thờ
Quê ơi ta nhớ đến bao giờ!
Cây đa đồng lúa hàng tre thăm
Xa cách từ khi tuổi ấu thơ.

Ngước mặt nhìn trăng, dạ xốn xang
Bao nhiêu thu đến với thu tàn
Vẫn còn ghi khắc lời sông núi
Dù cũng như ta, đã bạc đầu!

Ngước mặt nhìn trăng, càng nhớ nhung
Mong ngày nâng chén rượu tao phùng
Cờ bay ngạo nghễ nơi thành cũ
Người bốn phương về gánh nỗi chung.

Ngước mặt nhìn trăng hồn tái tê
Bao nhiêu kẻ đã lỗi câu thơ
Bên chân trời ấy ai còn đợi?
Có trách ta đi mãi chưa về?

trần ngân tiêu

trách nhiệm đối với Văn Bút, và để bảo vệ Hiến chương Văn bút Quốc tế mà chúng tôi đã hứa tôn trọng khi gia nhập.

Hơn thế nữa, vì Văn Bút VNHN là thành viên của Văn bút Quốc tế nên củng cố Văn Bút VNHN là để duy trì cho người Quốc gia diễn đàn - diễn đàn cuối cùng - mà thế giới đã dành cho trên trường quốc tế đã được những vị tiên phong dày công tạo dựng. Đây là nơi để chúng ta lên tiếng cảnh tỉnh thế giới về sự đàn áp của CSVN đối với văn nghệ sĩ, trí thức và đồng bào trong nước. Đó còn là cửa ngõ để văn hoá Việt Nam mở ra với thế giới.

Chúng tôi gửi bức tâm thư này đến quý vị là để xin cùng quý vị suy nghĩ thêm về nhiệm vụ và sứ mạng của chúng ta, những người cầm bút lưu vong, với quốc gia dân tộc. Chúng tôi kêu gọi sự sáng suốt nơi quý vị, chúng

ơn em

Xin cảm ơn em một nụ hôn
Vực sâu thức dậy tiếng chiêu hồn
Trần gian ta thấy bằng hơi thở
Bằng mắt môi em ướt nụ hôn

Xin cảm ơn em khúc hát đời
Đất khô cảm kích hạt mưa rơi
Xuân vùn mạch sống âm thầm chảy
Mầm nhú lộc đơm xanh ngát trời.

Xin cảm ơn em một đóa tình
Gọi ta bằng tỉnh phút hồi sinh
Giữa cơn gió chuyển hương kỳ lạ
Trời đất nghiêng mình đón dáng xinh.

Xin cảm ơn em giấc mộng đầy
Ấp ôm vừa ấm đủ vòng tay
Đêm nồng ý trái màu nhung lụa
Tình rủ tình vào cơn ngất ngây.

Xin cảm ơn em những tháng ngày
Ái ân khoả lấp chuyện xưa nay
Dấu đường sinh tử không vô tận
Cũng đã một thời yêu đắm say.

b.h.t.

ta bỏ qua một bên tất cả những bất hoà và bất đồng nhỏ nhặt, lòng tự ái tự cao, để tránh cho tiếng nói cuối cùng của chúng ta trước lương tâm nhân loại có thể bị im bật vì sự phá hoại của một vài cá nhân.

Kính chào quý vị và rất mong đợi tôn ý quý vị.

Ngày 4.2.1996

Cùng soạn thảo và ký tên: các Trung tâm Văn Bút Nam Hoa kỳ, Miền Đông Hoa kỳ, Bắc California, Nam California, Âu châu và Ontario (Gia-nã-đại)

tặng người

Những chùm phượng tàn rồi
Bởi bao cơn nắng lửa
Tôi mất tuổi học trò
Hạ xưa không còn nữa.

Những mùa thu biệt xa
Mây xanh và cỏ biếc
Thất lạc đôi nhạn, hồng
Dòng sông càng luyến tiếc.

Những ngày đông mù sương
Khuất che nghìn núi nhớ
Lạnh rồi trời gió, mưa
Thương cuộc tình rạn vỡ.

Còn trơ lại hoa xuân
Tàn sau đêm trừ tịch
Nguyên tiêu nào riêng ta
Niềm vui vào cổ tích.

Tôi muốn níu thời gian
Bằng lời thơ, tiếng hát
Song buồn mãi âm vang
Đời hoàng hôn loáng nhạt.

Ai cho niềm ái ân
Gửi hương vườn kỷ niệm
Xé bức hình lệ hoen
Mang hồn đi khâm liệm.

Tặng người trong sáng Tết
Vài cánh nhỏ đào, mai
Góp tự thời niên thiếu
Tôi cười gọi tương lai...

hà trung yên

Vì Sự Lớn Mạnh của Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại

Sơn Tùng

Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại sắp qua cơn khủng-hoảng nội-bộ, vì sự thành-công tất-yếu của Đại-hội kỳ V khóa 2 (Texas) và nhờ sự đoàn-kết chặt-chẽ, làm việc hữu-hiệu của các Trung-tâm.

Trong thời-gian qua, do sự khuấy-động của một cá-nhân tham-quyền cố vị, lôi-kéo theo một vài kẻ thừa cơ-hội để mua danh, đã tạo chung-quanh sinh-hoạt Văn Bút sự ồn-ào quá-đáng. Người ngoại-cuộc bi-quan cho rằng Văn Bút VNHN đang suy-thoái và có thể tan-vỡ. Tuy-nhiên, người hiểu chuyện và các hội-viên tích-cực đều biết, tất cả những khó-khăn ấy chỉ có tính-cách giai-đoạn.

24 tháng 2 năm 1996, dưới bầu trời quang-đăng của thành-phố Houston vào buổi cuối đông, mấy mươi đại-biểu của các Trung-tâm Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại tụ-hội với nhau, cùng ngồi xuống kiểm-điểm công-tác, sửa-đổi và bổ-khuyết Điều-lệ, Nội-quy, hoạch-định chương-trình hoạt-động và bầu ra một Ban Chấp-hành để thực hiện những điều đã vạch.

Nhân dịp này chúng tôi xin đưa ra một vài nhận-định tình-hình sinh-hoạt của Văn Bút trong quá-khứ, và trình-bày một số đề-nghị cụ-thể.

Tuy được thành-lập đã 18 năm, bỏ

qua giai đoạn phôi thai, Văn Bút VNHN đã chính thức hoạt động được 8 năm với 8 trung tâm, nhưng phải khách quan nhìn nhận Văn Bút VNHN chưa phát triển đúng mức, tương xứng với mục tiêu của Văn Bút Quốc tế đề ra trong bản Hiến Chương.

Trong hai mục tiêu lớn của Văn Bút Quốc tế - nhân quyền và văn học - chúng ta chỉ mới làm được phần nào qua việc cộng tác với Ủy ban Văn nghệ sĩ bị Căm tù để theo dõi, can thiệp về các trường hợp đàn áp người cầm bút tại Việt Nam. Trong phạm vi văn học, chúng ta chưa làm được việc gì đáng kể.

Thành tích nghèo nàn của Văn Bút VNHN trong những năm vừa qua có thể do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là vì khó khăn địa dư.

Không như những trung-tâm quốc gia hội-viên khác, Văn Bút VNHN là một trung-tâm có thành viên cư-ngụ trên khắp mặt địa cầu nên không thể sinh hoạt chặt chẽ. Sự liên lạc đòi hỏi nhiều thì giờ và tiền bạc, trong lúc những người đứng ra nhận nhiệm vụ điều hành Văn Bút VNHN không có một phương tiện nào cả, ngoài tiền túi.

Những người muốn đứng ra làm việc thực sự trong Văn Bút VNHN không những cần thiện chí mà còn

phải chấp nhận hy sinh rất nhiều thứ, từ thì giờ, tiền bạc, cho đến sự bình yên của đời sống.

Có mấy ai biết rằng làm Văn Bút VNHN khó hơn làm Văn Bút Hoa-kỳ, Văn Bút Pháp, hay các nước khác và khó hơn cả làm Văn Bút Việt-nam thời VNCH? Thật vậy Văn Bút Việt-Nam thời VNCH, với phạm-vi hoạt-động chỉ bao gồm lãnh-thổ miền Nam, hay nói đúng hơn, chỉ qui-tụ trong thành-phố Sài-gòn, đã làm được những gì dưới sự lãnh-đạo của các nhà văn tên tuổi, và được sự giúp-đỡ của chính-quyền, từ trụ-sở đến tiền bạc?

Văn Bút Hoa-kỳ với gần 3.000 hội-viên và ngân-sách hơn 1 triệu mỹ-kim mỗi năm, cũng đang lâm tình-trạng khủng-hoảng nội-bộ vì đứng trước sự phân-hóa, do hệ-quả thiếu-hụt ngân-sách hoạt-động.

Văn Bút VNHN với 8 trung-tâm nằm trải rộng trên 3 châu, với gần 300* hội-viên, ngân-sách hàng năm không quá 1.000 mỹ-kim, cứ vài năm đổi Ban Chấp-hành lại di-chuyển trụ-sở, làm cách nào có thể hoạt-động hữu-hiệu và giữ được sự liên-tục? Chưa nói đến các trở-ngại pháp-lý khi Văn Bút VNHN không thể đăng bộ nhất-định tại một nơi nào trên mặt địa-cầu! Trong số 127 hội-viên của Văn Bút quốc-tế, có lẽ Văn Bút VNHN là hội-viên duy nhất ở trong tình-trạng khó-khăn như vậy, nhưng dường như không ai đặt thành vấn-đề những khó-khăn sinh-tử trên đây của Văn Bút VNHN!

Do đó, trước khi đề-nghị một chương-trình hoạt-động cho những năm tới sau “cơn sốt võ da” vừa qua, cần có những biện-pháp tài-chánh để Văn Bút VNHN có phương-tiện hoạt-động, và giữ được sự liên-tục của các hoạt-động.

Vì trụ-sở Ban Chấp-hành trung-ương của Văn Bút VNHN không thể đặt cố-định một nơi, nên cần có một tổ-chức ngoại-vi nhất-định và vững bền để yểm-trợ cho Văn Bút VNHN. Tổ-chức này có thể là “Hội Thân-hữu Văn Bút VNHN” (gọi tắt là Hội Bạn), giống như hội bạn của Văn Bút Hoa-

kỳ (*Friends of PEN*), đặt tại một nơi nhất-định, có nhiệm-vụ vận-động gây quỹ yểm-trợ cho các chương-trình hoạt-động của Văn Bút. Tổ-chức này rất cần-thiết để qui-tụ những người không ở trong giới cầm bút, nhưng quan-tâm tới sinh-hoạt văn-học, văn-hóa và ủng-hộ mục-tiêu của Văn Bút VNHN và Văn Bút quốc-tế. Hội Thân-hữu Văn Bút VNHN sẽ tìm tài chánh qua các cuộc quyên góp hay các hình-thức gây quỹ khác. Tổ-chức này biệt-lập với Văn Bút, nhưng có mục-tiêu rõ-rệt là yểm-trợ Văn Bút VNHN và không bị ảnh-hưởng bởi việc thay-đổi Ban Chấp-hành hay di-chuyển trụ-sở Văn Bút VNHN.

Về phần các Trung-tâm, nhờ ở cố-định một nơi, có điều-kiện phát-triển và được sự ủng-hộ rộng-rãi trong cộng-đồng, nên hoạt-động tích-cực hơn để giúp-đỡ Ban Chấp-hành trung-ương, ngoài việc đóng niên-liễm. Các Trung-tâm cần phát-huy khái-niệm "liên trung-tâm" như đã đề ra từ đầu và nhận rõ vai-trò quan-trọng của từng trung-tâm. Có thể quan-niệm, mỗi Trung-tâm như một cầu-thủ trong cùng một hội bóng, hay từng nhạc-công trong một ban đại-hợp-tấu, làm việc nhịp-nhàng, ăn ý và có tinh-thần đồng-đội.

Hai điều-kiện cần-thiết trên đây có thể thực-hiện được, vì trong cơn khủng-hoảng gần đây, các Trung-tâm đã thực-sự kết-hợp chặt-chẽ trong hành-động, một hiện-tượng chưa bao giờ xảy ra trong Văn Bút VNHN. Đại-hội ngày 24 và 25.2 tại Texas sẽ mở ra một vận-hội mới cho Văn Bút VNHN. Tổ-chức sẽ nương đà lớn mạnh sau vụ xáo-trộn nội-bộ đã qua.

Dưới đây là một vài nét phác-họa cụ-thể cho những công-tác chúng tôi đề-nghị trước Đại-hội-đồng kỳ V/2:

1) Về nhân-quyền:

- Cùng cố Ủy ban Văn-nghệ-sĩ bị Cầm tù ở trung-ương.
- Đề-nghị các Trung-tâm cất một ủy-viên VNSCT làm việc ngay tại địa-phương, chọn người có kinh-

nghiệm lao-tù, hoặc có thân-nhân trong lao-tù CS, hoặc có khả-năng hay đầu mối liên-lạc về tình-báo chống CS.

- Văn-hữu này thu-thập tin-tức, lập phúc-trình hàng tháng và các phúc-trình khẩn, giúp Ủy ban trung-ương đúc-kết và báo-cáo cho Văn Bút Quốc tế.

- Ủy-ban Văn-nghệ-sĩ bị Cầm-tù liên-kết, làm việc và trao-đổi tin-tức với các tổ-chức nhân-quyền quốc-tế, như Amnesty, Asia Watch, Hội Nhân-quyền Quốc-tế, v.v.

- Đúc-kết hồ-sơ hàng năm về lao-tù CSVN, công-bố trên diễn-đàn Quốc-tế nhân-quyền (tháng 12) và phổ-biến rộng-rãi tới Quốc-hội các quốc-gia quan-tâm vấn-đề nhân-quyền.

- Chuẩn bị kỹ lưỡng, đầy đủ và đúng thời hạn các dự thảo nghị quyết lên án CSVN vi phạm nhân quyền tại các Đại hội Văn Bút Quốc tế.

2) Về sinh-hoạt nội-bộ:

- Xúc-tiến thành-lập Hội-đồng Văn Bút, mời các nhà văn lão-thành vào sinh-hoạt với tính-cách cố-vấn chỉ-đạo, hội-viên danh-dự. Cất một hay hai hội-viên lão-thành sinh-hoạt trong Hội-đồng Văn Bút để tạo mối liên-hệ mật-thiết.

Dự-án này đã được hai Trung-tâm Bắc California và Âu-châu đưa ra từ Đại-hội IV năm 1993, nhưng bị VH Trang Châu và VH Viên Linh cực-lực bác bỏ nên không được bàn đến.

- Cùng-cố Ủy ban Định-chế với một người ở trung-ương, mỗi trung-tâm cử ra một hay hai ủy-viên, làm việc thường-xuyên với nhau, tiếp-tục san-định Điều-lệ, Nội-qui, thu-thập ý-kiến các nơi, đúc-kết thành dự-thảo nghị-quyết để đưa ra bàn trước các phiên họp Đại-Hội-đồng.

- Tôn-trọng quyền tự-trị của các Trung-tâm, nhưng khuyến-khích và tạo cơ-hội trao-đổi tài-liệu, học-hỏi kinh-nghiem của nhau để cải-thiện tập-tục sinh-hoạt, tiến tới một dạng-thức nào đó tương-đối không quá khác-biệt nhau.

- Khuyến-khích các hình-thức

sinh-hoạt liên-trung-tâm. Lợi-dụng các dịp nghỉ hè, hội-viên của một Trung-tâm này có thể đến thăm viếng, sinh-hoạt, và nếu tiện, ra mắt sách tại một Trung-tâm khác. Ngay cả việc xuất-bản sách cá-nhân hay giai-phẩm chung của một Trung-tâm này, có thể nhờ-cậy một Trung-tâm khác về ấn-loát, phát-hành, hoặc trao-đổi nhau để phát-hành.

- Thành-lập Ủy-ban liên-lạc văn-nghệ-sĩ tị-nạn và quốc-nội, nối-kết Văn Bút với với những người cầm bút trong hoàn-cảnh khó-khăn để sẵn-sàng hỗ-trợ khi cần.

3) Về hoạt-động ngoại-vi:

Cụ-thể và chi-tiết-hóa khái-niệm "Hội Thân-hữu Văn Bút VNHN" đã nêu ở trên, cất cử "Ủy ban Thành-lập Hội Bạn". Ủy-ban này sẽ tìm nhân-sự, đề-nghị chương-trình hoạt-động trong giai-đoạn đầu. Sau khi Hội Bạn chính-thức hoạt-động, Ủy-ban Thành-lập Hội Bạn sẽ cải danh thành "Ủy-ban Liên-lạc Hội Bạn", tiếp-tục giữ mối dây liên-lạc.

4) Về văn-học:

- Phát-động phong-trào sáng-tác viết-văn trong giới trẻ, khuyến-khích giúp-đỡ các cây bút mới.

- Tổ-chức các giải thưởng văn-chương cho sách xuất-bản tại hải-ngoại.

- Đặt nền móng để tiến dần tới thống-nhất ngữ-vựng và văn-phạm Việt-nam.

- Thực-hiện cuốn *Văn-nhân-lục* (hình thức *Who's Who* của văn giới), ghi nhận hình-ảnh, tiểu-sử văn-nghiep của các văn-nghệ-sĩ VN tại hải-ngoại (gồm các bộ-môn sáng-tác thơ, văn, họa,...)

Cuốn *Văn-nhân-lục* này cùng với số lượng tác-phẩm liệt-kê trong đó, sẽ chứng-minh trước quốc-tế về con số văn-nghệ-sĩ Việt-nam quốc-gia tại hải-ngoại.

Trong 8 năm qua, Văn Bút VNHN chỉ đóng niên liễm từ 15 đến 30 hội viên cho Văn Bút Quốc tế, tạo ấn tượng cho người ngoài rằng Văn Bút VNHN chỉ 30 người (so với Hà-nội

có 400 hội viên trong Hội Nhà Văn!). Phải xóa bỏ ấn tượng sai-lầm này bằng cuốn *Văn nhân lục* và bằng tác phẩm của chúng ta.

5) Về ngoại-văn:

Khuyến khích sáng tác bằng ngoại văn và dịch các tác phẩm giá trị ra ngoại ngữ. Đây là mặt yếu kém của hoạt động văn học Việt Nam tại hải ngoại. Khoảng 700 người cầm bút

VN ở hải-ngoại đã 20 năm, chưa có tác-phẩm ngoại-văn nào (kể cả các dịch phẩm) được quốc-tế chú-ý đặc-biệt. Thảng có một vài cuốn thì do mạnh ai nấy làm một cách rời-rạc và không có kế hoạch phổ-biến.

- Thực-hiện tập-san ngoại-văn. Thời-gian đầu có thể chỉ dưới hình thức một bản tin mỏng xuất-bản bất định-kỳ, sau tiến dần từ sáu tháng,

đến 3 tháng, rồi hàng tháng. Khai thác và sử dụng kỹ-thuật truyền thông điện tử, đưa vào hệ thống *Internet* để phổ biến nhanh chóng và rộng rãi khắp thế giới.

- Lập Ủy ban Ngoại-văn, một vài người ở Trung-ương, mỗi Trung-tâm cử ra một hay hai ủy-viên, làm việc thường-xuyên với nhau.

Trong Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại có rất nhiều nhân-tài, từ thời Tự-lực văn-đoàn (Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam), Thi-đàn Quỳnh Giao (Vân Nương, Tuệ Nga, Cao My Nhân),... đến các cây bút mới thuộc thế-hệ sau, đã có những đóng góp liên-tục cho văn-học VN.

Vấn-đề là Văn Bút VNHN trước nay chưa có một chương-trình làm việc cụ-thể và tích cực. Trong giai-đoạn hiện-tại, do các khó-khăn nội-tại đang trải qua, kích-thích hội viên Văn Bút làm việc cật lực để bảo-vệ và củng-cố tổ-chức.

Đây là cơ-hội tốt nhất để nung đãn tiến tới, thực-hiện các công-tác nêu trên. Công việc đòi hỏi cố-gắng liên-tục trong một thời-gian khá dài và nhất-định phải thành-công, với sự chung sức của nhiều người, nhiều giai-đoạn nhân-sự, nhưng có tính cách đoàn-kết, tiếp-nối, đồng tâm, tương kính, tương-trợ.

Vì sự lớn mạnh của Văn Bút VNHN, các văn hữu sẽ phải làm việc nhiều hơn, kiên trì hơn, tuy vất-vả và tốn-kém, nhưng đó là những yếu tố cần thiết để thành-công, đem lại danh dự, uy tín và cơ hội làm tròn trách nhiệm của người cầm bút với lương tâm của chính mình và với quốc gia dân tộc. ●

Chú-thích:

Theo báo-cáo của BCH 1993-1995, Văn Bút VNHN có hơn 400 hội-viên nhưng không nói rõ là bao nhiêu người đóng niên-liễm.

Theo con số mới nhất do các Trung-tâm tường-trình, hiện Văn Bút VNHN có 276 hội-viên hoạt-động có đóng niên-liễm (không kể khoảng 150 người gồm hội-viên kết nghĩa, hội viên danh dự và hội-viên ân-nhân).

lời tỏ bày cùng quê nhà

Có một cái gì xôn xao rất lạ
Để hồn ta bay theo lá vu vơ
Chút hận trong lòng, chút hờn trong mắt
Chút thương, chút nhớ. Chợt đến không ngờ.

Là muộn phiền theo tháng ngày trôi nổi
Như một giòng sông. Con nước cạn nguồn
Bao khát khao đã mỗi mòn trông đợi
Thành rêu phong trên chứng tích thật buồn.

Làm sao quên những ngày vừa mới lớn
Mộng mị đan thành chiếc võng hương hoa
Ta cũng biết ru những lời đường mật
Cớ sao người cứ hay phụ lòng ta?

Những đêm về ta ngồi đây nhớ tiếc
Con đường xưa của phố cũ thân quen
Bước chân ai đang đi vào ngõ vắng
Xao xuyến lòng ta. Thao thức bao đêm.

Bến sông Hàn của những chiều gió lộng
Tà áo tung bay vương mắt ta nhìn
Để lại trong lòng nhúm nhẩn thương nhớ
Mà với ta. Người rất đối vô tâm.

Những tháng năm của một trời bình lửa
Phố cũng đắm chìm trong cảnh oan khiên
Làm sao quên hai mươi năm ngày cũ
Giòng sông xưa chịu bao nỗi ưu phiền.

Giờ ta ở đây. Lòng se sắt lạnh
Nhớ phố, nhớ người. Mắt thấy long lanh
Vàng vơ chờ mong bên đời hiu quạnh
Ta vẫn là ta, tên bạc nghĩa vong tình.

phan xuân sinh



khờ dại

Cô ấy vui như sáo,
Tuổi đầu còn đôi mươi
Chỉ vì người ấy bảo
Thương cô một chút thôi.

Cô má hồng môi thắm
Như rượu bùng men say
Mắt long lanh say đắm
Hồn dịu dàng thơ ngây.

Cô ấy như trăm tuổi
Khi người bỏ theo người
Trái tim đầy bóng tối
Môi nhạt và hương phai.

Cô già như thế kỷ
Vật vờ như hồn ma
Tuổi như cơn hồng thủy
Xóa sạch đời đêm qua.

Cô ấy khờ dại lắm
Sống thác gởi tay người
Đổi một đời lặn lội
Cho một giờ an vui.

lãm thúy

Thư Gửi Bạn Viên Linh

Hà Huyền Chi

Bạn hiền,

Được thư bạn gửi, đề ngày 15.1.1996 dưới tiêu đề: "*Thư của Viên Linh gửi các nhà văn Việt Nam*", dĩ nhiên là tôi có bổn phận phúc đáp. Việc bạn mời tôi làm cố vấn cho Văn Bút Việt Nam Hải ngoại, với tôi chỉ là chuyện chẳng đáng dừng, bởi điều ấy vốn ngược với cách sống độc lập, ẩn cư của tôi. Bạn dư biết mà, suốt 20 năm tan hàng, tôi chưa từng có chân trong bất cứ đoàn thể nào (ngoại trừ Gia đình Mũ Đỏ, Gia đình Võ bị Đà Lạt và Hội Ái Hữu người Việt tại địa phương). Tôi cũng chưa từng đảm nhận bất cứ chức vụ "hành chánh" nào trong các đoàn thể ấy. Nguyên tắc của riêng tôi là dồn mọi khả năng để sáng tác, sáng tác và tiếp tục sáng tác.

Do đó, những điều tôi sắp nói với bạn ở đây, chỉ đơn thuần vì tình bạn và cũng vì ích lợi chung mà thôi. Cố vấn "tối om" và biếng nhác này vốn không có tham vọng gì để tranh chấp với bạn, cũng không vì mưu đồ cá nhân hoặc phe nhóm nào khác. Vậy xin bạn hiền hãy bình tâm nghe tôi "cố vấn" một lần trước khi mọi sự kể như xong.

Qua bức thư ngỏ của bạn, tôi nhìn ra được khá nhiều sơ sót và... khó hiểu.

Bạn muốn tham vấn về một chuyện khá giản dị và bình thường: "Văn Bút của các nhà văn. Quyền bầu cử, ứng cử. Hốp, bầu kín hay không khai?"... Thiết nghĩ những vấn đề đó và tương tự đều nằm trong các

nguyên tắc căn bản của riêng từng hội, mà hội nào thì cũng phải đặt ra một số nguyên tắc để hoạt động. Như thế, bạn hỏi ý kiến của những nhà văn không ở trong hội nào để làm gì?

Theo tôi, chỉ những người làm ra bản nội qui đó, và những người đang sinh hoạt bằng những nguyên tắc đó mới có thẩm quyền sửa hay không sửa. Người chơi bóng rổ không thể sửa luật chơi bóng tròn, bạn hiểu chứ? Bạn viết rằng bản điều lệ của Văn Bút Việt nam Hải ngoại là "kỳ quái", ấy thế mà bạn đã sống với bản điều lệ đó năm bảy năm, và bằng bản điều lệ đó mà bạn có chức vụ ngày nay. Bây giờ bạn mới nhận thấy nó kỳ quái sao? Nếu đại hội V diễn ra êm ả, bạn tái thắng cử, thử hỏi nó có kỳ quái không?

Từ năm 1993, bạn là Chủ tịch Văn Bút Việt nam Hải ngoại cho tới năm 1995. Vậy trong hai năm đó, sao bạn không làm gì để "trả Văn Bút cho các nhà văn"? Sao bạn không viết ra bản dự thảo nội qui mới thay thế bản nội qui kỳ quái?

Theo chỗ tôi biết thì hai năm qua, ông Chủ tịch Viên Linh chẳng làm gì, nên những đề nghị trong thư ngày 15.1.1996 của bạn, có nên coi là quá muộn chưa? Và khi bạn đặt ra nguyên tắc hội Văn Bút là của các nhà văn thì ai cũng thấy đúng, nhưng riêng bạn, bạn có làm đúng điều đó không nhỉ? Thế bà Vũ Bội Tú là nhà văn bao giờ, với tác phẩm nào mà được bạn mời làm thủ quỹ trong ban chấp hành của bạn? Còn nữa, bạn nhìn vào ban chấp

hành của bạn, có ai là nhà văn, và ai là... lộn sòng?

Với tôi, những việc trong tầm tay bạn, bạn không làm, mà còn làm sai, thì nay bạn kêu gọi trả Văn Bút cho nhà văn quả là khôi hài. Đã thế, tôi thấy trong thư bạn còn miệt thị những hội viên của Văn Bút, tức văn hữu của bạn, là những "ký lại", cả Đại hội kỳ V của Văn Bút chỉ có dăm ba nhà văn, thế thì đau thương quá: hai năm qua, bạn làm chủ tịch của hội gì chứ đâu phải hội Văn Bút. Giá như ngay khi lên làm chủ tịch, bạn mở chiến dịch thanh lọc bọn "ký lại" đó, thì nay tiếng nói của bạn có chính nghĩa biết mấy. Tiếc cho bạn là bạn đã không có thì giờ để làm, phải tới khi "bọn đó" hạ bệ bạn thì bạn mới kêu gào thì người ta thấy bạn hiền của tôi thiếu vẻ đứng đắn, thiếu mã thượng.

Còn nữa, nước Mỹ có 260 triệu dân, thế mà chỉ có 2 trung tâm Văn Bút. Mình chỉ có hơn một triệu già trẻ lớn bé đi tản buồn, mình đã có ở nước Mỹ tới 4 trung tâm Văn Bút. Mình thắng Mỹ với tỉ số 2/4, vinh dự quá rồi, vậy mà bạn vẫn chưa hài lòng, còn lập thêm vài trung tâm Văn Bút nữa?

Ở thời điểm 1985, Thái Tú Hạp đã cố công sưu tầm được 60 nhà văn nhà thơ cho tuyển tập. Cho là nửa số các vị ấy có chân trong Văn Bút. Cho là ở 1995 chúng ta có thêm được 30 nhà văn cũ vừa sang và nhà văn mới, rồi cộng thêm 30 vị chủ bút "tài ba" theo bạn phân loại nữa, và cũng phân nửa số ấy gia nhập Văn Bút, thì tổng cộng cũng chỉ mới có sáu chục. Lấy 60 chia đều cho 12 Trung tâm, đại khái có 5 nhà văn cho mỗi Trung tâm. Chính con số này mới nói lên tính cách quái đản của Văn Bút, thế thì bạn hãnh diện gì mà khoe thành tích là dưới triều đại của bạn có nhiều Trung tâm?

Bạn hiền,

Nếu tôi nhớ không lầm thì đây là lần đầu tiên bạn lên tiếng kể từ sau khi bạn đi dự Văn Bút ở Tiếp Khắc năm 1994. Vì thế tôi chưa nghe bạn chính thức trả lời những người chỉ trích bạn về vụ dự hội nghị đó. Chẳng hạn, sao bạn không trả lời tại sao phải

đoàn của bạn lại có Đỗ Kh., một người bị coi là thân cộng và, nhất là chưa là hội viên Văn Bút, đi dự hội nghị Văn Bút? Chẳng hạn, người ta chỉ trích bạn nói trên chương trình Việt ngữ đài RFI của Pháp rằng Văn Bút Hải ngoại sẽ sẵn sàng cho phe nhà văn Việt Cộng ngồi chung ở diễn đàn Văn Bút Quốc tế. Rồi gần nhất là vụ Cao My Nhân, bài của bà này đăng công khai trên các báo về bạn và về Văn Bút, bạn cũng không trả lời. Bạn thấy không đáng trả lời hay không trả lời được?

Theo tôi thì những chỉ trích ấy không những làm hại uy tín cá nhân của bạn mà còn làm hại danh dự của Văn Bút Hải ngoại. Như thế, bạn làm chủ tịch một hội để đề cao nhà văn Việt Nam mà chính bạn lại làm cho chúng tôi có bộ mặt chẳng đẹp để gì ngay với cộng đồng của chúng ta đây chứ chưa nói tới quốc tế.

Nói đến quốc tế, tôi nhớ tới lá thư của ông Tổng Thư ký Văn Bút Quốc tế Alexandre Blokh, gửi cho "Dear Vien Linh", đả kích về những tranh chấp chức vụ trong nội bộ Văn Bút Việt nam Hải ngoại. Bạn có tủi thẹn chẳng khi đọc lá thư phúc đáp này, mang những lời nghiêm huấn của ông ta dành cho bạn? Mặc dầu thư ấy chỉ gửi cho cá nhân bạn, mà cũng chẳng thềm nhắc đến chức vụ tiền nhiệm của bạn để đả kích nhà văn Việt tị nạn hải ngoại đồ đau lòng. Một đoạn ông ta viết cho bạn: "Và ông (Vien Linh) cũng nên nhớ những gì ông đại diện và những gì ông bênh vực, những thứ đó quan trọng gấp trăm ngàn lần cuộc xung đột như thế, dẫu nó mang về trăm trọng và đúng lý thế nào chẳng nữa".

Bạn hiền,

Chúng ta là những kẻ bại vong. Chúng ta đã mất tất cả. Cái còn lại cuối cùng chỉ còn là di sản văn hoá, và vị thế duy nhất của người Việt quốc gia trên diễn đàn quốc tế là Văn Bút. Nhiều người đã khổ công vận động, xây dựng cho Văn Bút VNHN được xứng đáng hơn. Tôi biết bạn là người có văn tài và nhiệt tâm muốn làm chủ tịch Văn Bút VNHN. Nhưng

tôi thành thực nghĩ rằng đã đến lúc bạn nên bình tĩnh nhìn lại chính bạn và tôn trọng luật chơi.

Hình như bạn hơi sảng khi viết trong thư rằng: "Tôi sẽ rời bỏ chức chủ tịch Văn Bút Việt nam Hải ngoại khi nào Văn Bút Việt nam Hải ngoại trở về với các nhà văn, có một vị chủ tịch mới mà tên tuổi sẽ làm rạng rỡ cho tổ chức. Văn Bút chắc chắn có một vị chủ tịch như vậy ngay trong nhiệm kỳ tôi, với ý kiến của các anh chị". Đừng buồn nhé, bạn hiền, tôi xin "cố vấn" bạn mấy câu hỏi để bạn suy nghĩ trước để có câu trả lời, vì sẽ có người hỏi bạn.

1. Trước hết, chức chủ tịch của một hội được ấn định trong nội qui của hội đó. Chủ tịch chỉ có quyền từ nhiệm chứ không có quyền ngồi lì khi nhiệm kỳ đã hết.

2. Bạn lại đặt điều kiện chỉ từ chức chủ tịch khi Văn Bút trở về với các nhà văn. Bao giờ đây? Hy vọng chúng ta trở về đất mẹ hết, bạn cũng chưa có điều kiện để giúp bạn từ chức chủ tịch. Cả mấy Trung tâm địa phương và cả Ban Chấp-hành của bạn hiện chỉ mới có dăm nhà văn như bạn nói mà.

3. Bạn khẳng định sau bạn, Văn Bút sẽ có một chủ tịch mà tên tuổi làm rạng rỡ cho tổ chức. Ai bầu vị đó? Mà vị đó là ai mà bạn biết trước thế nhỉ? Bạn nói thế không sợ thiên hạ cho rằng vị chủ tịch tên tuổi đó thực ra chỉ là gà của bạn, do bạn dựng lên, thế thì uy tín của vị tên tuổi đó còn gì để làm chủ tịch Văn Bút, trừ khi cố đấm ăn xôi? Mà bạn đã kiếm ra vị tên tuổi, chắc chắn làm rạng rỡ cho tổ chức, thế sao bạn không khiêm nhượng thỉnh vị đó làm chủ tịch ngay nhiệm kỳ này để bạn khỏi vác ngà voi thêm một nhiệm kỳ nữa làm chi cho nó nát bét? Hai ông chủ tịch tiền nhiệm của bạn là Nguyễn Ngọc Ngạn và Trang Châu đã lập một thông lệ vác ngà voi một nhiệm kỳ thôi, sao bạn không giữ truyền thống đó cho rạng rỡ cho tổ chức?

Với lại, xin bạn nghĩ lại coi, tên tuổi lớn đã chắc gì có khả năng và đức độ để làm rạng rỡ cho tổ chức. Lãnh

nghèo

Mình ước chân vào đôi giày mượn
Nghe đau năm ngón thuở chân trần
Áo thí nửa manh vừa vắn ấm
May còn nương tựa chút lòng nhân.

Vỡ đất gieo bừa lưng chén cải
Loay hoay thương vội liếp rào thưa
Ngắm nổi nửa đời quang gánh đứt
Ngửa mặt kêu trời chỉ thấy mưa.

ông thế hùng

đạo bởi một tên tuổi lớn mà tài sơ trí thiếu, tâm địa nhỏ nhen, đạo đức đòi truy thì chỉ có làm cho tổ chức ấy mặt luôn. Xét về sổ sách phát hành thì bạn cũng là "tên tuổi lớn" đó chứ.

4. Nếu bạn đã biết chắc vị chủ tịch nhiệm kỳ tới rồi thì còn hỏi anh chị em cầm bút làm gì. Bạn cứ móc trong túi bạn ra cho tiện việc sổ sách.

5. Không thấy bạn đưa ra giải pháp nào để hàn gắn nội bộ Văn Bút sau khi bạn phải nhận là đã đóng góp vào sự đổ vỡ đó. Phe mà bạn gọi là "đảo chánh" hay "ly khai" thì thực sự là họ đông hơn bạn, và có lẽ phải trong tay. Nếu tháng này họ họp Đại hội xong, được Văn Bút Quốc tế thừa nhận, thì bạn chấp nhận cứ là chủ tịch của một Trung tâm Văn Bút riêng của bạn?

Bạn hiền,

Bạn hãy bình tĩnh mà nghe lời của thằng bạn "cố vấn tối om" này, dù sự thật có phũ phàng. Làm chức Tổng thống Hoa kỳ cũng chỉ có 8 năm rồi thôi thì thà chi cái chức chủ tịch cái hội Văn Bút. Bạn là nhà văn, nhà thơ, tên tuổi bạn sẽ tồn tại mãi mãi với những *Thị trấn miền Đông*, với *Thủy mộ quan*. Nhiều thế hệ bạn đọc đã yêu mến Viên Linh thì chính Viên Linh không có quyền làm hoen ố hai chữ Viên Linh. Tôi sẽ chỉ quý người bạn cũ, từ thuở hàn vi, có tài viết văn là Viên Linh chứ tôi không có gì để nói tới ông Chủ tịch Văn Bút "làm văn học là phải lì" kiểu Nguyễn Văn Thiệu!

Thư Nhà Văn Phạm Quang Trình*

gửi ông Viên Linh

San Jose ngày 4 tháng 2.1996

Thưa anh,

Tôi vừa nhận được thư của cựu Nghị sĩ Trần Ngọc Nhuận, chủ nhiệm nguyệt san *Chiến sĩ Quốc gia*, đề ngày 29.1.1996, nhắc đến vấn đề “*đã cho Văn Bút mượn để đóng niên liễm 1994 do Viên Linh lãnh ra mà cho đến nay Viên Linh cứ lờ đi mà không nói năng gì đến*” (bản sao thư đính kèm).

Vì danh dự của Văn Bút Việt nam Hải ngoại, tôi thấy có bốn phận phải báo cho anh biết ngay để sự việc được giải quyết thỏa đáng.

Theo tôi được biết, mỗi năm Văn Bút VNHN phải đóng niên liễm cho Văn Bút Quốc tế ngân khoản là 360 mỹ kim.

Các Trung tâm thành viên chính thức thuộc Văn bút VNHN đều đóng niên liễm hằng năm cho Văn Bút VNHN là 120 mỹ kim. Nếu cộng tất cả là $120 \text{ mỹ kim} \times 8 = 960 \text{ mỹ kim}$. Như vậy cuối năm 1995, Ban Chấp Hành Văn Bút VNHN do anh làm chủ tịch (1993-1995) sau khi đóng đủ 360 mỹ-kim, còn dư ra 600 mỹ-kim. Đó là chưa kể số tiền 300 mỹ kim do doanh gia Trần Dũ đã gửi tặng Đại hội Văn Bút VNHN kỳ IV (26,

27.11.1993), anh Viên Linh đã cầm hộ, rồi không trao lại Trung-tâm Bắc California là ban tổ-chức Đại hội! Tại sao lại phải vay mượn?

Tôi đề nghị anh ba điều:

- Một là, anh thanh toán món nợ cho ông Trần Ngọc Nhuận. Anh nợ ông Nhuận chứ không phải Văn Bút VNHN nợ, vì các Trung tâm đã đóng dư số tiền đó.

- Hai là, anh hoàn trả các Trung tâm số tiền anh đã nhân danh Văn Bút VNHN thu niên liễm, để sau đó các Trung tâm thanh toán cho ông Trần Ngọc Nhuận.

- Ba là, anh nên báo cáo rõ ràng vấn đề tài chánh của Văn Bút VNHN cho các Trung tâm biết, đặc biệt về các khoản chi thu, niên liễm cũng như các cuộc tổ chức gây quỹ mà anh nhân danh Văn Bút VNHN để làm. Tôi thấy cách làm việc của cụ Quán Phong Lâm Công Quận nguyên thủ quỹ Văn bút VNHN nhiệm kỳ 1991-1993 trong vấn đề tài chánh rất là đàng hoàng, anh nên theo.

Ngoài ra, theo “*Thư Viên Linh gửi cho các nhà văn*”, tôi góp ý với anh như sau:

1. Tôi không đồng ý với anh về luận điệu “*trả lại Văn Bút cho các nhà văn*”, vì Văn Bút VNHN là tổ chức thuộc những nhà văn hay những người cầm bút từ ngày thành lập đến nay như Điều lệ Văn Bút VNHN đã

ghi rõ nơi điều 5 khoản 1 dựa trên Hiến chương Văn Bút Quốc tế. Chính ban chấp hành do anh làm Chủ tịch và anh Nguyễn Hiền Tổng Thư ký đã minh định rõ qua “*Thông báo về việc tu chính Điều lệ và hoàn tất Nội qui*” ngày 15 tháng 9 năm 1995 gửi cho các Trung tâm trước ngày Đại hội kỳ V là “*Văn Bút Việt nam Hải ngoại*” hiện có hơn 400 hội viên trên khắp thế giới”.

Các Trung tâm và những người cầm bút xây dựng các Trung tâm không hề “*cướp danh*” Văn Bút. Chính họ, những người cầm bút là nhà văn, nhà thơ, nhà báo, ký giả, bình luận gia, kịch tác gia... đã xây dựng nên Văn Bút, để cùng ngồi lại trong một trận tuyến văn hoá, đấu tranh đòi nhân quyền cho Việt Nam, đòi tự do cho những người cầm bút. Họ là những người cầm bút đích thực chứ không “*cầm những cái khác*” như anh! Vả lại, Văn Bút VNHN luôn luôn mở rộng vòng tay đón chào các nhà văn, nhà thơ, những vị cầm bút... và rất mong các vị ấy tham dự để tổ chức được vững mạnh trong cuộc đấu tranh. Cũng chẳng có ai tranh giành hay ngồi lì chức vụ chủ tịch; nhiều khi “*bị buộc*” phải ngồi vì không ai chịu ra lãnh nhận.

Anh đòi “*trả Văn Bút lại cho các nhà văn*”, quả tình là chuyện làm thừa thãi, nếu không phải là có ý đối gạt dư luận, đối gạt cả chính anh, miệt thị các Trung tâm, cũng là miệt thị cả hơn 400 người cầm bút thuộc Văn Bút VNHN vì anh còn gọi họ là những tên “*tiểu lại*”. Hành động đó, thiết nghĩ, người có tâm trí bình thường, có văn hoá và có giáo dục không làm!

2. Điều lệ Văn Bút VNHN cũng như điều lệ của bất cứ tổ chức nào khác đều có thể chưa hoàn hảo và cần được tu chính. Đó là chuyện bình thường. Ai muốn đề nghị sửa đổi hay tu chính, cứ việc đề nghị. Không có gì là “*kỳ quái*” như anh nói.

Hơn nữa, anh từng là chủ tịch Trung tâm Nam California 6 năm, Phó Chủ tịch Văn Bút VNHN 2 năm (nhiệm kỳ 1989-1991 thời Nguyễn Ngọc Ngạn), là Chủ-tịch Ủy-ban

* Nhà văn Phạm Quang Trình, Chủ-tịch Trung-tâm Bắc California

Định chế (coi về Điều lệ, Nội qui) 2 năm thời anh Trang Châu (1991-1993). Anh là người biết hơn ai hết, trực-tiếp chịu trách-nhiệm về Điều-lệ, sao anh không soạn-thảo và đệ nạp các tu chính, mà phải đợi cho tới khi thất bại tổ chức Đại hội kỳ V, không còn được các Trung tâm tín nhiệm trong chức vụ chủ tịch nữa, anh mới lên tiếng, kêu là “kỳ-quái”?

Tệ hại hơn nữa, chính anh là người đã cạo sửa điều 8 khoản B Điều lệ, nhằm tước quyền của Đại Hội Đồng Văn Bút, vậy mà khi bị chất vấn anh lại đổ lỗi cho nhà thơ Lưu Nguyễn vắng mặt!

3. Văn Bút VNHN được xây dựng trên qui chế Liên Trung Tâm vì lãnh thổ Văn Bút VNHN quá rộng, bao trùm cả thế giới. Bởi vậy, các Trung tâm phải cử đại biểu đến tham dự, họp thành Hội-đồng đại-biểu, gọi tắt là Đại-Hội-đồng. Chắc anh hiểu rõ hơn ai hết về chuyện tổ chức, làm sao có đủ tiền mua vé máy bay cho hơn 400 người cầm bút về tham dự Đại hội!

Kinh nghiệm trước mắt, địa phương miền Nam California nơi anh cư ngụ và làm việc, có rất đông người Việt cũng như các vị cầm bút, vậy mà Văn Bút VNHN kỳ V khoá 1 ngày 26.11.1995 do anh làm Trưởng ban Tổ chức, anh chưa mời tới được 70 người đến tham dự kể cả đại biểu và quan khách! (So sánh với số quan khách và đại biểu hai kỳ Đại hội III và IV, mọi người đều thấy Đại hội Văn Bút kỳ V sao mà thê thảm quá! Hai Đại hội III và IV đều ở mức trên 300 người tham dự).

Nhiệm kỳ Ban Chấp Hành 1993-1995, theo Điều lệ đã chấm dứt. Anh không còn là Chủ tịch VBCH Văn Bút VNHN, cũng không còn được một Trung tâm thành viên chính thức nào thừa nhận, kể cả Trung tâm Nam California là địa phương anh cư ngụ. Đại hội Văn Bút VNHN kỳ V khoá 2 sẽ được tổ chức tại Houston, Texas do các Trung tâm thành viên phối hợp tổ chức để hoàn tất mọi công việc còn dở dang từ Đại hội Văn Bút kỳ V khoá 1, qua đó Đại Hội Đồng sẽ thảo-luận về việc sửa đổi Điều lệ, xét một số dự thảo tu chính kể cả dự thảo thành lập Hội đồng Văn Bút Việt nam Hải ngoại (một cơ quan giám sát và cố vấn cho Ban Chấp-hành).

Một vị cố vấn Văn Bút nói với tôi rằng: “Viên Linh có gọi điện thoại lên. Tôi bảo nó: anh nên rút lui và im đi là hay hơn cả. Nó lại bảo: em muốn rút lui trong danh dự”.

Thưa anh Viên Linh, tôi nghĩ anh nên xét lại việc làm của anh và anh nên đến tham dự Đại hội Văn Bút VNHN kỳ V khoá 2 tại Houston để làm những gì cần thiết có lợi cho công cuộc đấu tranh của dân tộc. Tôi nghĩ, đó là con đường danh dự mà anh nên đi!

Chào anh,
Phạm Quanh Trình

xuân chưa sang

*Người ta đã quên và quên hết
Khi bữa tiệc được dọn ra
Những nỗi căm hờn thống khổ hôm qua
Sẽ chẳng còn được ai nhắc đến.*

*Ôi! Sao người ta có thể quên
Những năm mộ ngậm ngùi năm kia
Những ngục tù đầy dọa còn kia
Và từng ấy máu xương đã đổ ra vô nghĩa.*

*Chẳng khác nào trò hề trong gánh xiếc
Người ta đóng vai chém giết
Đám khán giả vỗ tay reo hò
Văn tưởng là bữa tiệc liên hoan thắm thiết.*

*Không còn ai xót thương
Những oan hồn vất vưởng
Trên những bãi chiến trường còn dẫm máu tanh
Trong lòng người những vết thương chẳng bao giờ lành.*

*Không còn ai nhìn lại
Những chứng tích dọa dầy
Của thời đại hung tàn, cuồng điên, man dại
Xây dựng bạo quyền bằng dối trá, hận thù.*

*Ai đã cướp đi của ta?
Những tháng ngày thanh bình êm ả
Dưới mái trường có tiếng trẻ ẽ a
Bài học vỡ lòng là lễ nghi, liêm sỉ.*

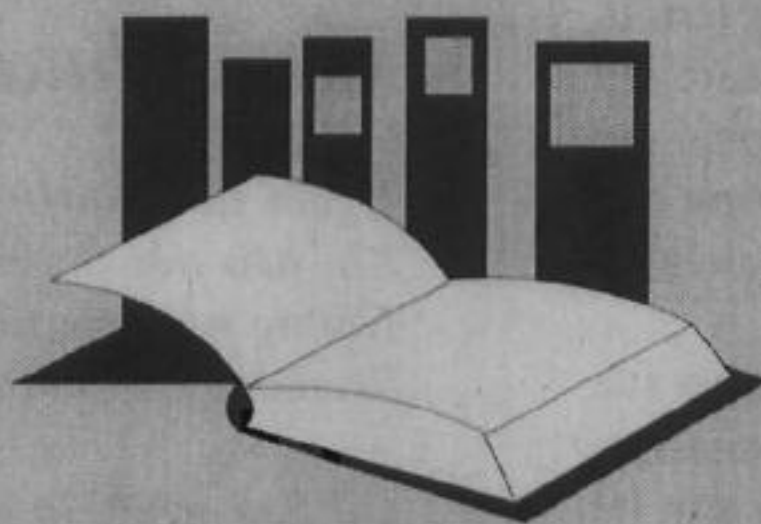
*Ai đã phá nát của ta?
Những mái gia đình êm ấm
Đàn con thơ còn mẹ mất cha
Thiếu tình thương yêu, ấm no, hạnh phúc.*

*Ai đã hủy diệt của ta?
Một dải non sông gấm vóc
Bốn mươi năm dài tang thương chết chóc
Người nhìn nhau như thú dữ tranh mồi
Vì sao người người kéo nhau ra khơi
Trên những con thuyền mỏng manh sóng dập
Bao mảnh đời tan nát bị thương
Bao kẻ lạc loài vĩnh viễn mất quê hương.*

*Ta muốn viết ngàn bài thơ bi phẫn
Bên kia trời lịch sử đã sang trang
Xuân chưa sang, sao người đã vội vàng
Ngồi vào tiệc liên hoan cùng ác quỷ?*

nguyên khanh.

nhận được, giới-thiệu



Huỳnh Giáo-chủ trở về

Sách tôn-giáo của Kỳ Hương cư sĩ, tác-giả xuất-bản tại Úc-đại-lợi năm 1995.

Sách biếu. Liên-lạc: Mr. Kỳ Sơn, 20 Melbourne Rd., St. John's Park, NSW 2176, Australia.

Quê nhà, 40 năm trở lại

Bút-ký của Phan Lạc Tiếp, Tủ sách Kể Nửa xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Mở đầu, tác-giả viết rằng việc về thăm Việt-nam là "một giấc mộng đầy xúc-động và xót-thương."

Đoạn kết, tác-giả kể chuyện uống rượu ở Hồ Gươm, lòng chùng xuống, nhớ tới một câu thơ của Tô Thùy Yên viết trong trại cải-tạo:

*Nước mắt tuôn ra khi nghĩ đến
Những người đã chết, chết như
rom."*

Sách dày 284 trang giá 15 mỹ-kim. Liên-lạc: Kể Nửa.

Kỷ-yếu Hội-thảo Giáo-dục thiếu-nhi

Cơ-sở Khuyến học và Phát-huy Văn-hóa VN nhận Hội-thảo Giáo-dục thiếu-nhi trong gia-đình VN ngày 30.10.1994.

Sách dày 100 trang không đề giá. Liên-lạc: Hội Khuyến học, 6420 Victoria, Suite 4, Montréal, PQ H3W 2S7, Canada.

Nắng hương cau

Tập thơ Nguyễn Thạch Kiên, Phương Thúy xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1994.

Tác giả, Nguyễn Thạch Kiên, 70 tuổi, có tác-phẩm xuất-bản từ 1947, hiện sinh sống tại miền Nam California.

Tập thơ dày 224 trang, giá 15 mỹ-kim, không ghi địa-chỉ liên-lạc.

Một bông hồng cho em

Tuyển tập truyện ngắn của Nguyễn An, Ngày Mới xuất-bản tại Melbourne, Úc năm 1995.

Sách in khổ nhỏ, gồm 10 truyện ngắn, 228 trang không đề giá. Liên-lạc: Kim K. Nguyễn, 35 Bakers Road., Coburg, Vic. 3058, Australia.

Phương trời cao rộng

Truyện dài của Vĩnh Hảo, Chiêu Hà xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Sách dày 378 trang giá 15 mỹ-kim. Liên-lạc: Chiêu Hà, P.O. Box 2303 North Hills, CA 91393-0303, USA.

Tự truyện

Tự truyện của Nguyễn Văn Ba, Đại Nam xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Sách dày 200 trang giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Làng Văn.

Chí-tôn ca

Tập thơ của Nguyễn Hữu Nhật, Anh Em xuất-bản tại Na-uy năm 1995.

Sách dày 134 trang giá 15 mỹ-kim. Liên-lạc: Anh Em, Kalbakkvn 17, 0953 Oslo 9, Norway.

Tình yêu và nỗi ám-ảnh

Tập thơ của Trần Tiến (Trần Văn Tiến, tị-nạn tại Hương-cảng), tác-giả thực-hiện.

Sách dày 116 trang không đề giá. Liên-lạc: Trần Văn Tiến, No 43711 Hut 2A Section 3, Whitehead Detention Centre, Shatin, Hongkong.

Ba năm hoàn-thành cuộc khởi-nghĩa Tây-sơn

Tiểu-thuyết dã-sấu của Hồ Uyển, tác-giả xuất-bản tại Úc năm 1993.

Sách dày 322 trang giá 15 mỹ-kim. Liên-lạc: Hồ Uyển, 80 Lime St., Cabramatta, NSW 2166 Australia.

Vang bóng hạc vàng

Nguyễn Đức Hiền phóng dịch thơ *Hoàng hạc lâu* của Thôi Hiệu thành 17 bài khác nhau; cùng các bài viết về thơ và truyền thuyết lâu Hoàng hạc, Dư Chi Hiền xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Sách dày 132 trang khổ lớn, không đề giá và địa-chỉ nhà xuất-bản.

Chốn bụi hồng

Tuyển-tập 40 truyện ngắn của Cao My Nhân, Sông Thu xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1994.

Tác-giả ra đời tại cao-nguyên Chapa, Hoàng-liên-sơn, di-cư vào Nam năm 1954, có tác-phẩm xuất-bản từ năm 1958. Bà là sĩ-quan cấp tá của quân-lực VNCH, đi tù cải-tạo, hiện định-cư tại miền Nam California.

Sách dày 300 trang giá 12 mỹ-kim. Liên-lạc: Dương Thái Hòa, 4157 W. 149th St., Lawndale, CA 90260, USA.

lệ làng:

MUA BÁO DÀI HẠN nhANH . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-đại (Canada).

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check) cá-nhân, gửi về tòa-soạn Gia-nã-đại.

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu cá-nhân theo giá tiền địa-phương, gửi về văn-phòng Làng Văn địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong Gia-nã-đại:	75\$ (máy bay); 55\$ (đường bộ)
Gửi đi Hoa-kỳ:	đường hàng không: 75 mỹ-kim (96 GK)
	đường bộ: 55 mỹ-kim (68 GK)
Các nước khác:	đường hàng-không: 85 mỹ-kim (110GK)
	đường thủy: 55 mỹ-kim (68 GK)

Ghi-chú:

- GK: gia-kim: CA\$ (tiền Gia-nã-đại); mỹ-kim: US\$ (tiền Mỹ)

- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:

Anh:	đường thủy 38 bảng / hàng-không 65 bảng.
Bỉ:	đường thủy 1.800 quan / hàng-không 3.000 quan
Đan-mạch:	đường thủy 450 đan-kim/hàng không 600 đ-kim
Đức:	đường thủy 100 đức mã / hàng không 150 đ. mã.
Hòa-lan:	đường thủy 110 gulden / hàng-không 200 gulden.
Na-uy:	đường thủy 450 krone / hàng-không 600 krone.
Nhật-bản:	đường thủy 6.500 yen/hàng-không 11.000 yen
Pháp:	đường thủy 350 quan / hàng-không 550 quan.
Úc:	đường thủy 90 úc-kim / hàng-không 140 úc kim.

Dù đang cư-ngụ tại bất cứ quốc-gia nào, quý độc-giả đều có thể gửi thẳng chi-phiếu bằng tiền địa-phương về tòa-soạn Làng Văn tại Gia-nã-đại. Xin đề trả cho: "Mr. NGUYEN"

Quý vị cũng có thể gửi về các văn-phòng đại-diện tại quốc-gia bạn cư-trú, theo các địa-chỉ kể sau:

Đức:	Na-uy:	Hoa-kỳ:
Dr. Ngô Việt Dũng	Dương Kim	Trương Sĩ Lương
Postfach 104122	Björn Bondesvei 153	1700 Chip-N-Dale Dr.
44041 Dortmund	1253 Oslo	Arlington, TX 76012
(ĐT: 231-656-949)	(ĐT: 047-22-618645)	(ĐT: 817-265-6356)
Hòa-lan:	Úc-đại-lợi:	Nhật-bản:
Hồ Thị Chiến	Phạm Quang Ngọc	Phạm Ngọc Thanh
Lyster 77	P.O. Box 225	262-69-103, Shemowada
1628 Am-Hoorn-NH	Bonnyrigg, NSW 2177	Yamato-She
(ĐT: 0229-231666)	(ĐT: 02-823-6129)	Kanagawa-Ken, T 242

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

"Mr. NGUYEN"

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quý độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỎ

1. Bài gửi đăng có thể viết trên hai mặt giấy, nếu trong hoàn-cảnh khó-khăn. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài về tòa-soạn, và cho biết loại Việt-chương (VNI hoặc VNLab). Tòa-soạn dùng chữ Việt của hãng VNLab (và WinWord).

2. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quý tác-giả vui lòng sao giữ lại.

3. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, Làng Văn tránh không đăng bài trùng.

Bài gửi riêng cho Làng Văn, xin ghi chữ "riêng" ở góc trái, phía trên đầu bài.

4. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ "không sửa".

5. Bài đã ghi vào cột "sẽ đăng", muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

6. Bài đã đăng trên Làng Văn, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

7. Các bài đã đăng trên Làng Văn, tòa-soạn sẽ chọn và phân loại để in sách. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút và tặng sách.

8. Quý đồng-nghiep muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: (Làng Văn số...) ngay bên dưới tên tác-giả hoặc ở cuối bài.

thư đi tin lại

NGUYỄN HƯƠNG phụ-trách

THIỆP TẾT NHẬN ĐƯỢC:

Tòa-soạn tiếp-tục nhận được thiệp Xuân của quý thân-hữu và độc-giả kể sau. Xin đa tạ và kính chúc quý vị năm mới an-khang, thịnh-vượng:

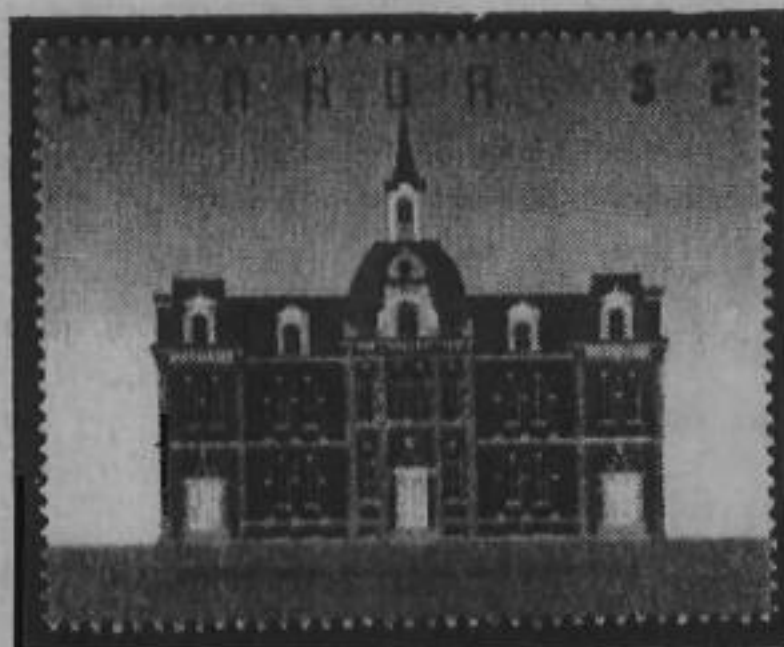
Thi-sĩ K. Phương và "2 anh cu", Thụy-sĩ; Ông bà Đỗ Văn Minh, Hoa-kỳ; Ngọc Hân, Hoa-kỳ; Thi-sĩ Tuệ Nga, Oregon; Cô Lê Thị Dung, Hoa-kỳ; Tăng Sở Dương, Hương-cảng; Ông bà Lê Hạnh, Gia-nã-đại; Thi sĩ Đặng Thị Quế Phượng, Bỉ; Tỳ-kheo Thích Tâm Hòa, Mississauga; Ông bà Lê Ngọc Thuần, Gia-nã-đại; Thích-nữ Diệu Thảo, Phi-luật-tân; Cô Trần Thị Hà, Bỉ; Anh Võ Văn Sáu, Hoa-kỳ; Anh Phạm Quang, trại Whitehead, Hương Cảng; Ông bà Nguyễn Đại Dương, Phạm Thị Nhung, Pháp; Nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân, Hoa-kỳ; Cô Hồng Anh, Pháp; Ông bà Lê Văn Dương, Úc-đại-lợi; Thi-sĩ Trần Văn Lệ, Hoa-kỳ; Dư Văn Linh, Hung-gia-lợi; Ông bà Đặng Ngọc Trân, Gia-nã-đại; Thi-sĩ Xuân Tước, Hoa-kỳ; Cô Trương Thị Hồng Loan, Bảo-gia-lợi; Ông bà Trần Hồng, Anh quốc. Tổng Hội Cựu Tù-Nhân Chính Trị, Hoa-kỳ; Ông Lê Phước Sang và Hội-đồng Việt-nam tự-do.

BÁO BỊ TRẢ VỀ

(yêu-cầu liên-lạc tòa-soạn để xác-nhận địa-chỉ và trả 2\$ tem phạt - tòa-soạn không gửi bù)

Lê Thanh Xuân, Mississauga.
Huỳnh Hiền # 2959, CA 95841.

E.P., Thụy Sĩ: Kể cũng đáng buồn thật, P. nhỉ! Đúng như bạn nói,



"thành phần nào cũng có người ham chức tước mà đánh mất nhân phẩm." Cảm ơn về nhận xét "Này... cụ em Bắc kỳ nho nhỏ!" Sẽ có dịp ghé thăm cả nhà, một ngày ...gần gần. Đã gửi sách rồi, từ lâu. Phương nghĩ đúng: "nên... kiên nhẫn chờ!" Thân.

Ngọc Hân, Hoa Kỳ: Cảm ơn về cái thiệp. Cảm ơn về lời chúc lành, trong thư và trong thiệp. Thân.

Anh Võ Bá Thiện, Montréal: Sẽ làm đúng theo lời anh dặn. Cảm ơn về các tài liệu. Bao giờ cũng cần. Thân.

Anh Trương Đình Nho, Cali: cảm ơn về bộ sách nặng chịch! Lần tái bản, anh bổ sung đầy đủ, chắc sẽ dày gấp ba! Dù chưa đủ, cũng đã là một công trình ít người dám làm! Thân.

Ông Nguyễn Khắc Kính, Edmonton: Cảm ơn ông về khoản bồi hoàn tem phạt cho báo bị trả về. Cũng may số báo bị trả lại rất ít. Phần lớn là do độc giả dọn nhà, lu bu quên báo địa chỉ mới. Kính.

Anh Vũ Tiến Dũng, Hương Cảng: Đã nhận được giấy tờ anh gửi. Đã chuyển hồ sơ của anh sang Luân Đôn. Nhiều hi vọng. Bên Nhật cần gì, anh cứ gửi. Chúc viết đều và hay. Thân.

Anh Nguyễn Như Sơn, Úc: Chúc ban nhạc của anh của anh chóng nổi đình nổi đám. Đang đọc "mối tình hai mươi năm." Thân.

Trương Vũ Khôi Nguyên, Kansas: Cảm ơn anh về các ý-kiến trong thư. Anh yên tâm, "những con quạ hôi hám" ấy không được phép bay qua lượn lại trên bầu trời trong sáng của làng đầu. Có điều thỉnh thoảng cũng nên có một chút... thực tế.

Đ. Kh. có hai bài dịch ngắn trên Làng Văn số 48 và 53. Những người viết ấy lúc đó mới thoát khỏi trại tị nạn và vì phong trào chống cộng quá mạnh nên họ phải che chiều, chưa khỏi vòng nên không dám cong đuôi!

Chị Linh Phương, Florida: Mụ... ông đỡ đẻ xong rồi, mẹ tròn con vuông, kịp ngày ra mắt quần anh hội. Thân.

Anh Lê Đô, Stockton: Đã nhận được đủ các cuốn băng hình và xấp ảnh. Chi phiếu đã gửi về chị Ngọc Bích trước khi nhận được thư anh. Không có chuyện ngộ nhận, ít nhất là với anh em bên này. Mong lại gặp anh ở Houston. Chúc anh năm mới vui hơn.

Chị Tuệ Nga, Oregon: Cảm ơn chị về lời chúc và cái thiệp trầm hương. Kính.

Nhà văn Duy Lam, Cali: Đã nhận được các bài báo ông cất, gửi. Quý lắm. Chuyện bên ngoài (VB) làm chậm việc bên trong (LV), xin tạ lỗi về sự chậm trễ. Kính.

Đặng Thị Quế Phượng, Bỉ: Cảm ơn về lời thơ an nhiên trên thư chúc. Ảnh chụp sinh động lắm, đúng là "lung linh soi nắng". Thân.

Bạn Tăng Sở Dương, Hương Cảng: Rất vui khi thấy bài "Mũ chống hơi cay" giúp ích được đồng bào tại các trại khác. Xin các bạn bên đó giữ vững. Tình hình các nơi khác còn tệ hơn thế nhiều.

Hoàng Du Thụy, AB: Thành thật chia buồn về chuyện bối rối. Sẽ chuyển sách hộ bạn. LV có phát hành

BTTN, lấy qua nhà Thế Giới. Thân.

Bà Lâm Sanh Thời, Montréal: Hạn báo của bà còn 6 số, từ 137 đến 142 mới hết. Đã gửi tiếp từ số 137. Riêng chi phiếu số 20 (Montreal Trust), tòa soạn đã gửi lại bà vì quá hạn, không lãnh được.

Anh Lê Văn Thịnh, Hương Cảng: Đã gửi hồ sơ sang anh. Sẽ cố gắng hết sức để can thiệp cho các anh chị. Phần các anh chị, cố gắng viết đều để chứng minh khả năng của mình.

Anh Thanh An, Hương Cảng: Anh đọc và hiểu chuyện là tốt rồi. Xã hội nào cũng có người tốt kẻ xấu. Với thành tích “bốn mươi năm làm báo... tổng tiền”, con người vô liêm ấy càng sống lâu càng thêm nặng tội với đất trời. Chúc các anh chị vững tiến.

Anh Đặng Văn Viên, Thái Lan: Đã đăng nhận tin. Chúc anh may mắn.

Anh Võ Văn Sáu, Seattle: Cảm ơn anh đã dành hết sức cho việc chung. Đã gửi tiếp tài liệu sang anh.

Hoàng Nga, Đức: Rán viết đều nghe, để NH được hãnh diện lây, là đã có công kê ghế cho một văn tài nữa bước lên văn đàn.

Đã nhận được tất cả. Lịch in bị chậm mấy tháng vì chuyện... Văn Âu. Chuyển đi Âu châu tháng 6.96 cũng phải hoãn. Đừng sốt ruột nhé! Thân.

Anh Đỗ Đăng Bắc, Hương Cảng: Mong rằng sau khi dẹp loạn xong giặc... chúc tước, anh em bên này sẽ tiếp tục đẩy mạnh chiến dịch cứu giúp anh chị em bên đó. Mấy tháng nay, vừa giữ thành, vừa vận động tiếp viện các bạn, hơi mệt, nhưng đáng công!

Anh Đỗ Mạnh Tuấn, Hương Cảng: Đã nhận được đơn từ, hồ-sơ, sáng tác. Sẽ gửi giấy tờ sang anh.

Anh Phạm Văn Thanh, Hương

Cảng: Đã nhận được danh sách anh gửi. Đang xúc tiến lập hồ sơ. Chúc may mắn. Sẽ xem lại hồ-sơ gửi báo cho anh, xem trực trặc chỗ nào.

Anh Quang Hòa, Hương Cảng: Đăng lập hồ-sơ cho anh. Chúc may mắn.

Ông Nguyễn Quang Hân, Orleans: Mùa đông quanh vắng giá 15 gia-kim cả cước phí (trừ 10% cho độc giả dài hạn). Kính.

Hàng, San Jose: Đã nhận được thơ, nhạc do bạn chuyển. Cảm ơn lắm. Thân.

Anh Võ Minh Hải, BC: Xin anh gửi đĩa bài “Cội nguồn đàn ghi-ta cổ điển” về tòa soạn. Cảm ơn.

Ông Nguyễn Khắc, Paris: NH thông cảm về chuyện sốt ruột, trách móc. Số 137 đã gửi đến người được chúc mừng. Kính.

Thi sĩ Sáo Bạc, Florida: Cảm ơn anh về mọi sự. Chính nghĩa sẽ thắng gian... phu, anh đã thấy trước tất cả! Thân.

Ông Nguyễn Hương, Dallas: NH đã nhận được bài của ông, xin cảm ơn. Có điều, đĩa chữ kỳ này không đọc được. Không hiểu tại sao. Xin ông gửi cho đĩa bài viết từ DOS, đừng viết trong windows. NH dốt về máy móc lắm, không chuyển dịch gì được đâu. Kính.

Thi sĩ Hà Huyền Chi, WA: Cảm ơn ông về các bài thơ. Bài nào riêng cho “*nàng*” Văn đây?

Đông cũng băng mà Tây cũng băng, năm tàn đất lạ tuyết giăng giăng! Tháng Một còn buồn trên thi sĩ? Trăm bài còn sót một màu tang!

Rất đồng ý với ông, “*Cơ Linh Tôn*” mà còn làm tổng thống Cờ Hoa được, thì trên trái đất này còn sót cái bản độc nào cấm “*người ta*” nhảy lên!

Thiên Di, Thái Lan: Đã lưu ý về

đề nghị của bạn. Chúc may mắn.

La Long Mỹ, Richmond: “*Trò đạo đức*” là tai nạn của NH. Xin xem lại LV 137, trang 134.

Nhà văn Hoàng Hải Thủy, Hoa Kỳ: Ra giêng sẽ in *Tiếng kêu của máu*. Xin công tử chuẩn bị “*tuồng*” mới. Thân kính.

Ông Việt Liễu, Pháp: Đã nhận được bài thơ họa. Cảm ơn ông.

Anh Phạm Anh Dũng, Hoa kỳ: Cảm ơn về các đĩa nhạc gửi tặng. Tặng anh cái quảng cáo kỳ này, lấy hên. Anh có “*thơm thảo*”, gửi cho bộ *Music Times* là huê. Ông Mập có bộ đĩa này, chưa dùng lần nào thì bỏ lạc mất! Thân.

Ông Việt Thao, San Jose: Cảm ơn ông “*tiền cử*” hiền tài. Đã nhận được đầy đủ, nhưng qua Tết mất rồi, bài “*Táo quân*” phải đợi sang năm vậy. Kính.

Anh Đỗ Ngọc, Đức: Mừng anh được nhận sang định cư tại Gia Nã Đại. Chúc may mắn trong đời sống mới.

Ngô Công Tử, Đức: Có tang mà không báo cho bạn bè biết, “*tội*” nặng đấy. Người ta dễ có cảm tưởng là bị công tử coi là ...người ngoài.

Thôi thì chia buồn (chắc là còn buồn lâu!) Thân.

Thảo Hiền, AB: Chuyện đã đăng báo hay in sách, đừng gửi. Đã chuyển thư và truyện cho NND.

Vạn Lý chinh quân, Pháp: Vụ ba rương sách cổ, thật đáng buồn! Tiếp thu xong, nó chạy hết ra chợ sách chứ chẳng đi đâu xa. Không biết có bao nhiêu cuốn được cất giữ và sử dụng tử tế! Hủy diệt văn hóa là tội lớn nhất của bọn phỉ đồ. Thiệt hại chung cho cả dân tộc không thể hồi phục. Kính.

Sắc Không, Na Uy: Nên chém!

Chúc tí phu chém đá ngọt như chém chuối. Thân kính.

Ông lang Trần, Đức: Bài "Mầu quan san" sẽ đăng. "Cụ" BC đọc, bảo: "vui, để cho người làng có dịp tranh luận văn chương, mấy năm nay, từ sau vụ sáu bài thơ hoa đào của Nguyễn Trãi, tẻ nhạt quá!"

Đọc thư ông lang viết cho "cụ", thấy có vẻ hơi "cay cú", không hiểu tại sao.

Bất chúc sáng kiến của ông. chúc ông bà lang năm tới phát tài, "hiếu theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng."

Anh Nguyễn Hoàn Nguyên, Hoà Lan: Cảm ơn anh về bài mới. Xin ghi nhận lời dặn "không sửa" (xin tạm hiểu là: chỉ được sửa chính tả mà thôi).

Hương cau, Đức: Đọc cái bút hiệu của em, sao mà... nhớ nhà quá! NH phải chun mũi lại, nhớ lại xem hương cau nó hăng hăng, thơm thơm như thế nào. Cái truyện em nói, đã có người dịch rồi, tựa là *Đất lành*. Thân.

Thảo Nguyên, Hương Cảng: Đã nhận được "*Ca quỳên*". Hay lắm, như vậy là được.

Anh Phạm Thành Tín, MA: Khi nào đến Dorchester, anh chịu khó đọc tại tiệm Đông Phương vậy. Kính.

Nhấn chung quí độc giả mua băng *Tử thư Tây Tạng* và *Trở về từ cõi sáng*: Vì lý do kỹ thuật, một trong hai cuốn băng vẫn chưa xong. Sẽ chính thức phát hành vào cuối tháng 3.96; tòa soạn xin tạ lỗi về sự chậm trễ. Kính!

Bà Phạm Thị Nhung, Paris: Đã nhận được cái ảnh rất tươi, chụp hôm chị nói chuyện trong *Ngày Văn-hóa VN* tại Paris. Đã dán vào sổ ảnh của tòa soạn, cảm ơn chị. Cho NH thăm anh và các cháu. Mong có dịp thăm anh chị và cả nhà. Thân.

Phan Đức Vinh, Pik Uk, Hương

Cảng: Chừng hai ba tháng viết thư cho cô một lần được rồi. Tem thư khó khăn, các cháu còn phải liên lạc với bề bạn, gia đình. Chúc các cháu khoẻ mạnh. Lợi dụng thời gian bị giam giữ để học Anh văn và một nghề, đừng lãng phí thời gian. Mai kia ra tù, cho dù bị trả về nước, sẵn tay nghề, sẽ dễ sống hơn.

Nguyễn Á Độc Lập, Thái lan: Đã nhận được thư ngày 14.1.1996 từ khu biệt giam. Đang tìm cách lập hồ sơ từng người trong số các bạn để can thiệp, nhưng khó khăn quá, vì vấn đề thông tin. Đã nhờ một vài người bên ngoài và đang chờ kết quả.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Nguyễn Như Sơn, Hương Cau, Phạm thị Thanh Bách, Hạ Khánh, Lê Nhật Thăng, Nguyễn Thế Phổ, Đào Đức Chương, Nguyễn Hoàn Nguyên, Hoàng Du Thụy, Trần Văn Tích, Nhược Trần (3), Thanh An, Vũ Nam, An Hạ, Dương Hoài Ninh.

Thơ: Nguyễn Văn Cường (7), Nguyễn Trọng Lượng (8), Lê Văn Thịnh (9), Nguyễn Tân Phương (11), Trần Văn Lệ (8), Thanh Khâm (3), Việt Phong, Ông Thế Hùng, Cao Hoàng Nhân, Ngọc Hân (3), Ngô Nguyên Dũng, EP, Nguyễn Đức Thanh (2), Nguyễn Tú Phương (2), Lê Phong Vũ (6), Ngô Thừa Thái, Nguyễn Tiến Thìn, Mai Đăng An (2), Việt Thao, Kha Huyền, Phan Long Yên, Dương Hoài Ninh, Bình Nam, Nguyễn Văn Ngọc, Thiên Di (5), Nguyễn Khánh Hoà (3).

Nhạc: Nguyễn Như Sơn.

Ảnh: Đặng thị Quế Phương.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Mầu quan san (TVT), Con ngựa già cuối mùa xuân (HDT), Hương xuân (NHN), Những viên toàn quyền (ĐĐC), Ngày tháng ngủ quên (HK), Lối thoát (HC).

Thơ: Em đâu muốn anh về (PLY), Tù nhân (KH), Yêu em (NĐT), Khai sinh (NND), Chiều trên biển vắng

(NH), Tháng tư (CHN), Cảm xúc cuối năm (VP), Cảm tạ thủy tiên, Dán thơ lên vách, Ban Mê Thuật (TVL), Nhớ mùa xuân cũ, Ở đó nơi tôi lớn, Xoá mờ nhân ảnh (NVC), Hư vô, Nói với những người bạn (TD), Vết trầy yêu dấu (NKH), Thơ viết cuối đông (NVN), Cây xoan đầu ngõ, Đám cưới, Khi mùa sang, Một nhành hoa (NTL), Nắng không vàng, Mùa xuân gọi, Vần qua mau, Mùa Giáng sinh (LVT), Âm thầm, Xuân ơi có phải, Chiều cuối năm, Chẳng phải đâu (NTP).

Ảnh: Lung linh soi nắng (ĐTQP).

nhắn tin tị-nạn

Thế-thức và giá biểu: tối-đa 50 chữ; 15 mỹ-kim (20 gia-kim) một kỳ; miễn-phí cho đồng-bào tại các trại tị-nạn.

Tìm em **Trần Xê**, trước ở trại Sikiew, sang Mỹ ở 1623 W. Denton, #102 PH, AZ 85015, USA (thiếu tên thành phố), bị trả về. Chị và cháu đã trở về VN, anh ở lại một mình. Liên lạc với anh theo địa chỉ cũ. **Trần Phan**.

Thư em gửi về kèm theo báo nên anh không được phép nhận, vì vật đứt liên lạc. Tìm anh **Nguyễn Thành Quan**, trước học khóa 2/68 HSQ Đồng Đế, giải-ngũ năm 1973, cấp-bậc thiếu-úy Nhảy Dù, hiện định-cư ở Úc, cho em là **Đặng Văn Viễn** (con cậu Tư Nhung). Thư về Đặng Văn Viễn, IDC room 4, Card 2108, C/o Father Olivier Xavier Hall, Victory Monument 43 Phaholyothin Rd. Bangkok, 10400 Thailand.

Tìm cháu **Minh Châu** (bí danh *Người đẹp Trung Chánh*), con của ông bà Nguyễn Cao Chấn. Mẹ và chú thím rất trông tin cháu, nay ở đâu, liên-lạc gấp chú thím **Nguyễn Cao Phối**, 8805 Sherbrooke Est, Montréal, Québec H1L 1C4, Canada.

Tìm bạn thân **Hoàng Bích Nguyệt**, trước ở trại Tuen-Mun, Hương Cảng, nay định cư tại Úc, xin liên-lạc với: **Uyên**, 252 Queen St. East, Unit #9, Brampton, Ontario L6V 1C1, điện-thoại: (905) 456-8408 hoặc (905) 457-0894.

Tình Ca PHẠM ANH DŨNG

CD Tình Khúc Hồi Hương phát hành 1996

Phạm Anh Dũng hát 12 bài ca trong Tập Nhạc Tình Khúc Hồi Hương.

Quốc Dũng hòa âm tài hoa, bay bướm. Bìa Mùi Quí Bông vẽ trang nhã.

Thu âm tại Sutton Sound Studio, Atascadero, California.

Nguyễn Sa phê bình khi nghe băng nhạc mẫu:

"...Tình Khúc Hồi Hương rất chuyên nghiệp về mặt hòa âm, âm thanh, phối âm... Bài mở đầu Hong Tóc, Phạm Anh Dũng phổ nhạc Phạm Thế Trường bắt ngay vì hội tụ được cả yếu tố âm thanh, phối âm, hòa âm, nhạc khúc, lời ca và cảm xúc, tình tự của giọng ca. Toàn bộ có những lúc không bốc, nhưng chín, vững được dặt vào từ Hong Tóc rất bắt, làm cho phải nghe hết. Và yêu mến."

Nguyễn Sa

Nguyệt San Dân Chúng (tháng 6, 1992)

Và 2 tác phẩm đã phát hành:

TẬP NHẠC Tình Khúc Hồi Hương xuất bản 1991 và tái bản lần thứ nhất 1993

Phạm Duy đề tựa cho 12 tình khúc trong số đó 7 bản nhạc Phạm Anh Dũng phổ vào thơ của cố thi sĩ Phạm Thế Trường và các thi sĩ Đinh Tuấn, Trang Châu, Bích Huyền...

Duy Cường soạn hòa âm Tây Ban Cầm; Mùi Quí Bông vẽ bìa và phụ bản tuyệt vời.

CD Đưa Người Về Phương Đông phát hành 1993

12 tình khúc do Duy Cường hoà âm tuyệt hảo; Khánh Trường vẽ bìa CD đẹp và đặc biệt.

Thu thanh tối tân 24 tracks tại Tomlinson Studio. Thơ Nguyễn Sa, Du Tử Lê, Cung Vũ...

Các ca sĩ Tuấn Ngọc, Duy Trác, Lệ Thu, Mai Hương, Thái Hiền... trình bày rất điêu luyện.

PHIẾU ĐẶT MUA HÀNG

Yêu cầu gửi cho Ông/Bà/Cô:.....

Địa Chỉ:.....

.....Điện Thoại: (.....)

GIÁ BÁN kể cả cước phí bưu điện: (Ngoài Hoa Kỳ trả bằng USD International Money Order)

- ☐ CD Tình Khúc Hồi Hương. Giá 1 CD US\$6.00
- ☐ TẬP NHẠC Tình Khúc Hồi Hương. Giá 1 tập nhạc US\$6.00
- ☐ CD và TẬP NHẠC Tình Khúc Hồi Hương. Giá cả hai là US\$10.00

***Vì CD Đưa Người Về Phương Đông sắp hết, một số giới hạn sau đây dành cho người đặt mua sớm:**

- ☐ CD Đưa Người Về Phương Đông. Giá 1 CD US\$12.00
- ☐ CD Đưa Người Về Phương Đông và CD Tình Khúc Hồi Hương. Giá cả 2 CD là US\$15.00
- ☐ CD Đưa Người Về Phương Đông, CD Tình Khúc Hồi Hương và TẬP NHẠC Tình Khúc Hồi Hương. Giá cả 3 món hàng là US\$18.00

Thư từ, tiền bạc, ngân phiếu, lệnh phiếu... xin đề tên và gửi đến:

Dan Pham / 4697 Stillwell Rd. / Santa Maria, CA 93455 / ĐT: (805)937-7655

Sách mới về...

25 năm khói lửa
Hồi ký, Lý Tòng Bá
US\$15.00 - CA\$22.50

Ba chị em nhà họ Tống
Truyện dài
Nguyễn Văn Lý
US\$14.00 - CA\$21.00

Bài quyền Karate
Võ thuật Hạ Quốc Huy
US\$7.00 - CA\$10.50

Bí quyết hạnh phúc của hôn nhân
Kiến thức phổ thông
Trần Mỹ Duyệt
US\$7.00 - CA\$10.50

Bồ tát Huỳnh Phú Sổ & Phật giáo thời đại
Sách tôn giáo
Lê Hiếu Liêm
US\$16.00 - CA\$24.00

Bức tượng thanh nữ
Truyện ngắn
Hoàng Du Thụy
US\$10.00 - CA\$15.00

Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở VN
Tài liệu
Nguyễn Xuân Thọ
US\$20.00 - CA\$30.00

Bước qua ngưỡng cửa hy vọng
Thần học Thiên Chúa giáo / Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II
US\$10.00 - CA\$15.00

Chị hồng
Truyện dài
Hà Bình Trung
US\$12.00 - CA\$18.00

Chuyện cảm đàn bà
Truyện cười
Đặng Trần Huân
US\$15.00 - CA\$22.50

Chuyện cười nửa đêm
Truyện cười
Phan Quế Phương
US\$7.00 - CA\$10.50

Con cá bảy màu
Truyện thiếu nhi Anh-Việt (bìa cứng, màu)
US\$20.00 - CA\$30.00

Cơ sở Mật giáo Tây Tạng
Phật học
Trần Ngọc Anh
US\$16.00 - CA\$24.00

Dấu khắc hoa mai
Truyện dài
Quỳnh Dao, Ái Cầm
US\$10.00 - CA\$15.00

Dấu vết văn hoá Việt
Du khảo
Phạm Quốc Bảo
Tập I:
US\$15.00 - CA\$22.50
Tập II:
US\$16.00 - CA\$24.00

Đạo Đức Kinh
Biên khảo
Nghiêm Toàn
US\$16.00 - CA\$24.00

Đi tìm sự thành công trong quản trị
Kiến thức phổ thông
Thomsa J. Peters
US\$18.00 - CA\$27.00

Địa lý biển Đông với Hoàng Sa & Trường Sa
Tài liệu, Vũ Hữu San
US\$15.00 - CA\$22.50

Hãy hiểu tình em
Truyện dài Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US\$12.00 - CA\$18.00

Hoa thơm cỏ lạ
Tuyển tập truyện dịch
Nguyễn T. Chân Quỳnh

US\$12.00 - CA\$18.00

Hồ Chí Minh chính truyện
Truyện thơ
Lê Quang Khôi
US\$10.00 - CA\$15.00

Hương vị quê hương
Song ngữ Anh-Việt
Trần Văn Điền
US\$5.00 - CA\$7.50

Ma đầu Hồ Chí Minh
Truyện dài
Hoàng Quốc Kỳ
US\$12.00 - CA\$18.00

Ngõ thoát
Truyện dài, Vĩnh Hảo
US\$15.00 - CA\$22.50

Ở một nơi nào
Truyện ngắn
Nhiều tác giả
US\$20.00 - CA\$30.00

Ra biển gọi thăm
Truyện ngắn
Trần Hoài Thư
US\$12.00 - CA\$18.00

Sông nước Hậu Giang
Truyện dài, Xuân Vũ
US\$16.00 - CA\$24.00

Táng xác trôi sông
Truyện dài, Hồ Linh
US\$10.00 - CA\$15.00

Thơ Nguyễn Chí Thiện
US\$8.00 - CA\$12.00

Thuật bói bài
Bói toán, Linh Việt
US\$8.00 - CA\$12.00

Thuật thôi miên
Biên khảo
Phạm Học Tân
US\$7.50 - CA\$11.00

Thư gửi bạn ta

Tạp văn, Bùi Bảo Trúc
US\$16.00 - CA\$24.00

Thức ăn chữa bệnh của Trung Quốc
Đông y
Trần Tôn Nhân
US\$7.00 - CA\$10.50

Trái tim hoá kiếp
Truyện dài
Hoàng Thị Đáo Tiếp
US\$16.00 - CA\$24.00

Trăng ảo chim huyền
Truyện dài
Quỳnh Dao, Hồng Vân
US\$12.00 - CA\$18.00

Trên sông Hồng cuộn cuộn
Truyện dài
Nguyễn Tường Bách
US\$25.00 - CA\$37.50

Truyện cổ dân gian Na Uy
Truyện thiếu nhi
Bạch Liên
US\$12.00 - CA\$18.00

Truyện mới chọn lọc
Truyện ngắn
Duy Lam
US\$12.00 - CA\$18.00

Trường sinh luận (Đông Phương)
Y thuật
Hoàng Ngọc Đỉnh
US\$10.00 - CA\$15.00

Trường sinh luận (Tây phương)
Y thuật
Hoàng Ngọc Đỉnh
US\$10.00 - CA\$15.00

Tuyển tập Văn học miền Đông
Tuyển tập thơ văn
Nhiều tác giả
US\$8.00 - CA\$12.00

Tuyển tập truyện ngắn Tô Hoài trước 45
Truyện ngắn, Tô Hoài
US\$13.00 - CA\$19.50

Tuyển truyện phiêu

lưu mạo hiểm
Anh Việt
Hải Sư & Nguyễn Thị Mỹ Anh
US\$7.00 - CA\$10.50

Tự truyện
Hồi ký
Nguyễn Văn Ba
US\$10.00 - CA\$15.00

Văn sử y dược trong truyện Kim Dung
Biên khảo
Trần Văn Tích
US\$12.00 - CA\$18.00

Vết xước đầu đời
Truyện ngắn
Trần Doãn Nho
US\$12.00 - CA\$18.00

Viết cho mẹ và quốc hội
Hồi ký
Nguyễn Văn Trấn
US\$20.00 - CA\$30.00

Việt Nam y học thực nghiệm
Sách thuốc
Đỗ Phong Thuận
US\$10.00 - CA\$15.00

Vòng tay kỷ niệm
Truyện dài
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US\$12.00 - CA\$18.00

Vùng đá ngầm
Truyện ngắn
Hà Kỳ Lam
US\$10.00 - CA\$15.00

Xem tướng coi tay
Bói toán
Minh Chánh
US\$8.00 - CA\$12.00

Ý Na
Truyện dài
Nguyễn Ngọc Nga
US\$12.00 - CA\$18.00

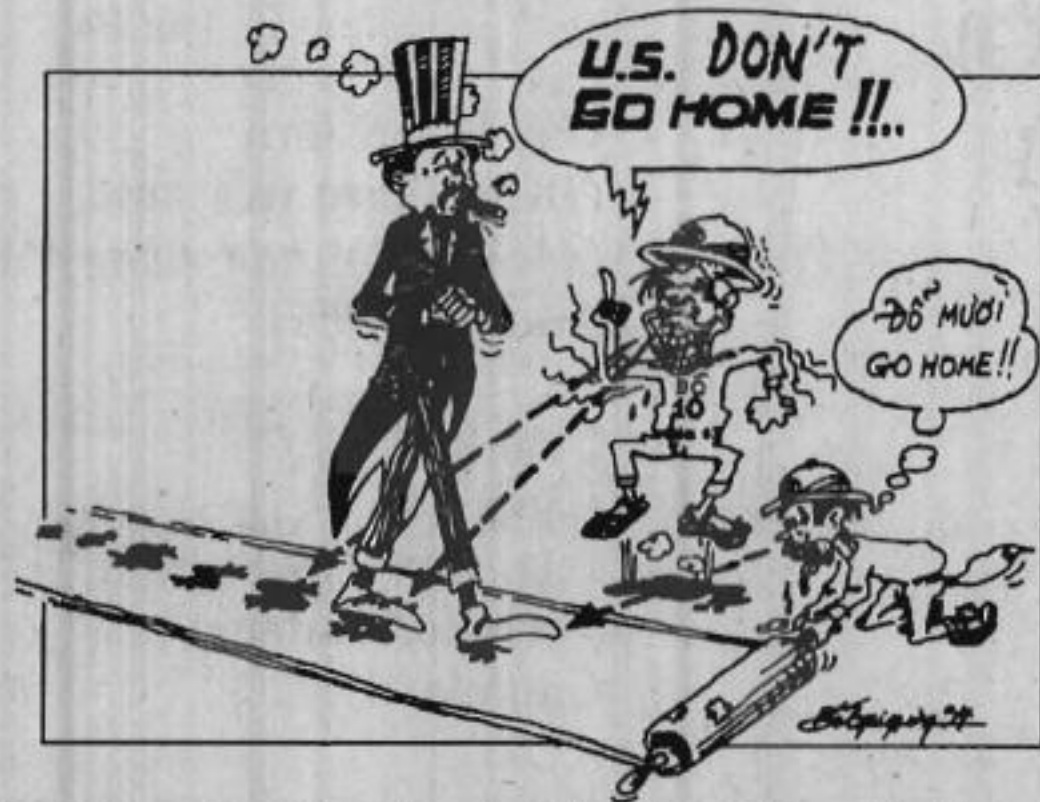
Thư-từ, chi-phiếu gửi về Làng Văn

Báo Trào Phúng Tin Tức

và Thông tin

Song ngữ Việt Pháp

Tin báo chí : Đỗ Mười tôn thờ đô la Mỹ



Le Canard enchaîné, tuần báo trào phúng nổi tiếng nhất thế giới, tờ báo lớn Le Monde và nhiều báo chí Việt và Pháp đã từng trích Scoop của Tin Tức : nguyệt san song ngữ Việt-Pháp nhiều độc giả nhất Âu châu. Mua dài hạn :
■ 30 US dollars/1 năm. ■ 200 Francs Pháp/2 năm 1/2

Tin Tức, 2 rue des Anglais 75005 Paris France
Phone : 33 1 69 81 75 81 Fax : 33 1 69 53 03 41



Home Life / Experience
Realty Inc.

Realtor-Member

Steven KIEN T. DAO

Sales Representative

(Đào Trọng Kiên)



**PHỤC-VỤ TẬN-TÂM,
UY-TÍN, ĐÚNG-ĐẮN**

**MUA BÁN, SANG NHƯỢNG NHÀ ĐẤT
CƠ-SỞ THƯƠNG-MẠI, CỬA HÀNG**

- ☐ Theo dõi thị-trường, định giá chính-xác
- ☐ Giúp-đỡ treo giá, trả giá, hoàn-tất thủ-tục
- ☐ Giới-thiệu, tìm vay mortgage dễ-dàng
- ☐ Giới-thiệu luật-sư tận-tâm, uy-tín



2579 Hurontario Street
Mississauga, Ont. L5A 2G4

ĐT: (905) 279-8300

Fax: (905) 279-5344

Pager: 24/24 qua văn-phòng

Nhà in của người Việt-Nam

SILVER PRINTING INC.

- Các loại sách, báo, bìa offset màu
- Đóng sách (perfect binding), đóng kim, đóng chỉ bìa cứng
- Thiệp cưới hỏi, cáo-phó, thiệp mời
- Ấn-chỉ văn-phòng, hóa-đơn, toa thuốc
- Thực-đơn, niên-giám
- Bích-chương, bướm-bướm quảng-cáo

**NHẬN ĐÁNH MÁY, TRÌNH-BÀY SÁCH-VỎ
BÁO-CHÍ BẰNG COMPUTER CHỮ VIỆT**

Xin gọi cô Trang: (416) 539-0442

(Chủ-nhật: (905) 625-9194)



**NHANH - ĐẸP - RẺ - ĐÚNG HẸN
TÍN-NHIỆM NHẤT**

Nhà sách Việt Nam

415 Spadina Ave.

(gần góc College St.) Toronto, Ont. M5T 2G6

Tel.: (416) 595-5199

- * Nơi thanh lịch, đầy đủ tất cả các văn hóa phẩm xứng đáng cho mọi giới lui tới, sưu tầm văn học, nghệ thuật và văn hóa Việt Nam.
- * Đầy đủ băng nhạc, compact disc, video, laser discs của các trung tâm nổi tiếng.
- * Đại lý tự diễn phát âm EV555, VEC888 (Giá rất đặc biệt cho đồng hương, có quà tặng)
- * Thiệp Tết, Lịch sách Tử vi, Lịch treo tường 1996.
- * Trò chơi giải trí trong dịp lễ và Tết VN cổ truyền (bầu cua cá, cờ tướng, cờ đua ngựa, bài tứ sắc, bài tổ tôm)

**Nhằm phục vụ yêu cầu của nhiều quý khách.
Chúng tôi nhận đảm trách dịch vụ chuyển tiền,
vàng và fax về Việt Nam (đầy đủ chi tiết tại tiệm)
Phục vụ nhanh chóng - Việc làm uy tín**

Mở cửa 7 ngày
10 giờ sáng - 9 giờ tối

Nhà sách Việt Nam
kính mời

TUYỂN TRUYỆN QUÊ-HƯƠNG
NHIỀU TÁC-GIẢ

**TRÔNG VỜI
QUÊ CŨ**
(Miền Nam)

làng văn

TUYỂN TRUYỆN QUÊ-HƯƠNG
NHIỀU TÁC-GIẢ

**TRÔNG VỜI
QUÊ CŨ**
(Miền Bắc)

làng văn

Phát-hành tháng 3.1996
Hai tập truyện quê-hương
cảm-động nhất
do nhiều tác-giả đóng góp

Giá 12 mỹ-kim
(18 gia-kim) mỗi tập
(độc-giả dài hạn Làng Văn
được bớt 10%)

Liên-lạc:
Làng Văn
P.O. Box 218 Station "U"
Toronto, Ontario
Canada

Bạn đã đọc chưa?



Giá 10 mỹ-kim (15 gia-kim)
Gửi chi-phiếu về: LÀNG VĂN

QUAN-TÂM ĐẾN CHUYỆN NƯỚC NON, NÊN ĐỌC:



(giá 12 mỹ-kim - 18 gia-kim)
Gửi chi-phiếu về: LÀNG VĂN

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

Trang bìa (ấn-bản quốc-tế):

bìa 2 (bìa trước mặt trong): 1 ô: trọn năm (12 kỳ): US\$120.00
bìa 3 (bìa sau mặt trong): 1 ô: trọn năm (12 kỳ): US\$120.00
bìa 4 (bìa sau mặt ngoài): 1 ô: US\$60.00/1 kỳ; dài hạn: US\$150/3 kỳ

Trang trong (121 đến 128):

1/8 trang:	1 kỳ: US\$40	3 kỳ: US\$35/kỳ	dài hạn: US\$30/kỳ
1/4 trang:	1 kỳ: US\$70	3 kỳ: US\$60/kỳ	dài hạn: US\$50/kỳ
1/2 trang:	1 kỳ: US\$120	3 kỳ: US\$110/kỳ	dài hạn: US\$90/kỳ
1 trang:	1 kỳ: US\$200	3 kỳ: US\$180/kỳ	dài hạn: US\$150/kỳ

Bớt 20% cho độc-giả dài hạn khi đăng cáo-phó, chúc mừng, chia buồn.

THẺ-LỆ ĐĂNG QUẢNG-CÁO:

- Xin gửi mẫu quảng-cáo về tòa-soạn bằng thư, kèm theo chi-phiếu trả trước cho kỳ đầu.
 - Tòa-soạn sẽ giúp nhuận-sắc và trình-bày quảng-cáo để đạt hiệu-năng tối-đa.
 - Không nhận quảng-cáo qua điện-thoại (có thể fax mẫu tới, số 905-607-8011)
- Thư từ, chi-phiếu xin đề và gửi cho:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, ON M8Z 5P1 Canada
(Điện-thoại: 905-607-8010)

Lang Van is Published Monthly, Second Class Postage Paid at Lewiston, NY 14092 - P.S.P.S. # 008728

Garage VINA Inc.

et
Les carrosseries garniers
6567-6575 Garnier, Montréal H2G 3A2
Tél: (514) 273-6589 & 495-3102
Mécanique générale - Électricité -
Remorquage
Débosselage - Peinture - Voitures de
courtoisie...
ĐÀO TRỌNG QUYỀN kính mời

Garage L.B.T. Inc.



6895 Marconi
Montréal, Qc. H2S 3K2
Tél: (514) 278-6822
Fax: (514) 278-3713

Sơn, sửa, làm đồng, làm máy và bảo-tri
các loại xe Mỹ, Nhật, Đại-Hàn, Âu-châu
Voiture de courtoisie sans frais
KÉO XE 24/24

TORONTO

BS NGUYỄN DUY SẴN

(chuyên-khoa tâm bệnh)
2238 Dundas St.W. #306, Toronto
ĐT: (416) 588-3700

BS QUẢN ĐỨC MINH

(toàn-khoa)
28 Dundas St.E., lầu 2, Mississauga
ĐT: (905) 270-0095

Nữ Bác-sĩ gia-đình (toàn-khoa)
TRẦN BÍCH CHÂU, M.D., C.C.F.P.
2100 Finch Ave., West, Suite 105
North York, ON M3N 2T9 - Tel: 650-6003

Nha-sĩ NGUYỄN QUỐC HƯNG

2784 Keele St., #2 North York / ĐT: (416) 638-6303
2100 Finch W. #109 North York / ĐT: (416) 665-7264
288 King St.W., Hamilton / ĐT: (905) 521-0540

Nha-sĩ TỪ CHẤN PHONG

3085 Hurontario St., #209
Mississauga
ĐT: (905) 897-8527

Nha-sĩ NGUYỄN THỊ KIM HOÀN

741 Broadview Ave., #201 Toronto, Ont. M4K 2P6
Subway Broadview **Phố Tàu Đông**
CHUYÊN RĂNG GIẢ THẨM-MỸ
ĐT: (416) 461-5437

Nhà hàng GIỒNG SÔNG SÀI GÒN

910 Boul. Décarie, Ville St-Laurent, H4L 2E1
ĐT: (514) 744-9400
Đặc-biệt: Bánh cuốn trắng tại chỗ; Mì vịt tiềm; Bún măng

Nhà hàng Hạ Long

Đặc-biệt có bán bún bò Huế mỗi ngày
929 St-Zotique East, Montréal
ĐT: (514) 274-7010 (gần Plaza St-Hubert)

Restaurant Thùy Dương

418 Bélanger (coin St-Denis), Mtl.
ĐT: (514) 495-4872
Đặc-biệt: cháo lòng, bánh bèo hàng ngày

Quán HƯƠNG QUÊ

7102 Boul St-Laurent, Montréal H2S 3E8
ĐT: (514) 272-2092



Đầy-đủ các món ăn
thuần-túy Việt-nam
Mở cửa 7 ngày
từ 11 giờ sáng
đến 10 giờ tối

Luật-sư TRỊNH QUỐC TOẢN

1577 Bloor St. W., Toronto
ĐT: (416) 533-8987 (Việt-ngữ)
(416) 536-1159 (Anh-ngữ)

Nha-sĩ NGUYỄN THÙY DUNG, D.D.S.

888 Dundas St. E., #B6-3 Mississauga
(phố Tàu Mississauga, cạnh Hongkong Bank)
Điện-thoại lấy hẹn: (905) 275-5510

Nha-sĩ NGUYỄN THANH NHÀN

1280 Finch Ave. W., Suite 707
Downsview, Ont. M3J 3K6
(trong Nor-Am Tower)
ĐT: (416) 663-3200

NHÀ THUỐC TÂY SAIGON PHARMACY

301 Spadina Ave., Unit 5, Toronto
ĐT: (416) 979-7510



STAR INSURANCE BROKER INC.

1280 Finch Ave. W., #305, Downsview
Bảo-hiểm cửa tiệm • Nhà • Xe • Nhân thọ
TONY VŨ: (416) 650-1702

GLOBAL

1 HOUR PHOTO LAB
2325 Hurontario St., Mississauga
Tel: (905) 272-9098
Đảm-nhận mọi công việc về phim, ảnh

Hiệu Hoa NGỌC NO

Fleuriste JARDIN ROYAL
Đầy đủ các loại HOA TƯƠI, VẢI

Spécialités:



- * Hoa Hồng, Lan, hoa Exotique
- * ĐÁM CƯỚI: Thiệp cưới, Hoa cưới, vật dụng cưới hỏi.
- * ĐÁM TANG: Hoa tang, Thiệp cảm tạ.
- * Giỏ trái cây cho Noël, Cúng giỗ...
- * Bong Bóng: cho Đám Cưới, Party...

Mở cửa 7 ngày trong tuần

(514) 735-3720
6255 Victoria ave.
Montréal, Qué. Can



WINDSOR

Bác-sĩ nhãn-khoa

NGUYỄN BÁ THU TRANG, O.D; B. Sc.

- C-1101 Erie E., Windsor - ĐT: (519) 973-1101
- 5805 Malden Rd., La Salle - ĐT: (519) 969-6677
- 54 Main E., Kingsville - ĐT: (519) 733-2282

OTTAWA

NHA-SĨ

NGUYỄN PHÚ HÒA

267 O'Connor Street, #421
Ottawa, Ontario K2P 1V3
(613) 232-6735

Nha-khoa thẩm-mỹ, tiểu giải-phẫu,
chỉnh răng, rút tủy, răng giả...

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

trên các trang bìa Làng Văn:

- . Bìa 2 (bìa trước mặt trong) hoặc bìa 3 (bìa sau mặt trong) - 1 màu:
 - 1 ô: \$120 một năm (12 kỳ).
 - 2 ô: \$200 một năm (12 kỳ)
- . Bìa 4 (bìa lưng) - nhiều màu:
 - 1 ô: \$60 một kỳ
 - 2 ô: \$110 một kỳ
 - 4 ô: \$200 một kỳ

. Liên-lạc:

- . Tòa-soạn: (905) 607-8010
- . Nguyễn Nghĩa: (905) 848-6049
- . Bá Đình: (514) 482-9153
- . Bá Thiện: (514) 256-5233

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO: 1 ô \$120 trọn năm (12 kỳ); 2 ô \$200 trọn năm

Muốn đăng xin gọi: Nguyễn Hương (905)-607-8010 hoặc Nguyễn Nghĩa (905) 848-6049

Quý vị đã đọc và cười thỏa-thích với

**CƯỜI CHO ĐỜI LÊN HƯƠNG
CƯỜI CHO ĐỜI ĐỖ KHỔ
CƯỜI TOE**

Không thể không tiếp-tục cười với

**CƯỜI TUM
CƯỜI ĐỎ**
của CẢ CƯỜI

vẫn giá mỗi cuốn: 7 mỹ-kim (10,50 gia-kim)

Liên-lạc:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218 Station "U"

Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada



**NHA-SĨ
MICHAEL LÊ ĐÌNH HÒA**

10 Gateway Blvd., # 111
Don Mills, Ont. M3C 3A1
Tel: 429-0150

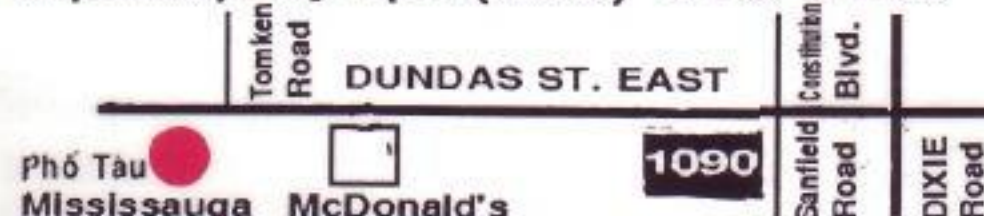
336 Dundas St. W. #201
Toronto, Ont. M5T 1G5
Tel: 971-6956

Có chỗ đậu xe phía sau
Làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Bảy

**Phòng Mạch Nha-Khoa
Nha-sĩ LÊ THỊ DIỆU HIỀN, L.D.S., D.D.S.**



1090 Dundas St. East, Suite 101
Mississauga, Ont. L4Y 2B8
Điện-thoại lấy hẹn: (905) 615-9439



**VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN &
KHAI THUẾ LỢI-TỨC**

TRẦN ÁNH TUYẾT

806 College Street (góc Ossington)
(416) 588-4256

*Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp
lên sổ thuế qua đường dây điện-tử*

**NHA-SĨ
LÊ THU GIANG**

302 Spadina Ave., #303
(ngay góc Dundas)
Toronto, Ont. M5T 2E7
Tel: (416) 598-5513

**GIẢI-PHẪU THẨM-MỸ
BÁC-SĨ
NGUYỄN THẾ LẠC**

FRCS (C), CSPQ

TỐT-NGHIỆP TẠI CANADA

Nguyên bác-sĩ giải-phẫu tạo-hình Tổng Y-viện Cộng-hòa và bệnh-viện Bình Dân

Bác-sĩ giải-phẫu thẩm-mỹ tại Sài-gòn

984 Colborne St. E., Brantford, Ontario, Canada N3S 3T4

Điện-thoại: (519) 753-6477

Làm việc theo hẹn

Thứ hai tới Thứ bảy: 9g sáng - 6g chiều

Chủ-nhật: theo hẹn